BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Hồ sơ đề nghị thẩm định và công nhận kết quả đánh giá chất lượng CTĐT)

Hà Nội, tháng 6 - 2023

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Hồ sơ đề nghị thẩm định và công nhận kết quả đánh giá chất lượng CTĐT)

Hà Nội, tháng 6 - 2023

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

(Kèm theo Quyết định số 921/ QĐ-HV ngày 15/7/2022 của Giám đốc Học viện)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	PGS.TS. Đặng Hoài Bắc	Giám đốc Học viện	Chủ tịch	
2	PGS.TS. Trần Quang Anh	Phó Giám đốc Học viện	Phó chủ tịch	
3	TS. Tân Hạnh	Phó Giám đốc, Chủ tịch Công đoàn Học viện	Phó chủ tịch	
4	TS. Vũ Trọng Phong	Trưởng khoa QTKD1	Phó chủ tịch thường trực	
5	CN. Nguyễn Xuân Trường	Phó Giám đốc TT ĐTBCVT I	Ủy viên Thường trực	
6	TS. Nguyễn Thị Thập	Phó trưởng khoa QTKD1	Ủy viên	
7	TS. Trương Đức Nga	Phụ trách Khoa QTKD2	Ủy viên	
8	TS. Hồ Thị Sáng	Giảng viên Khoa QTKD2	Ủy viên	
9	TS. Trần Thị Hòa	Giảng viên Khoa QTKD1	Ủy viên	
10	ThS. Trần Thị Khánh Ly	Giảng viên Khoa QTKD2	Ủy viên	
11	ThS. Trần Thị Mỹ Hạnh	Trưởng TT. KT&ĐBCLGD	Ủy viên	
12	ThS. Nguyễn Hoàng Thanh	Phó trưởng TT. KT&ĐBCLGD Cơ sở Học viện tại Tp.HCM	Ủy viên	
13	ThS. Nguyễn Chí Thành	Trưởng phòng Giáo vụ Thư ký Hội đồng Học viện	Ủy viên	
14	ThS. Đặng Văn Tùng	Quyền Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên	
15	ThS. Lê Quang Phú	Trưởng phòng ĐT&KHCN Cơ sở Học viện tại Tp.HCM	Ủy viên	
16	TS. Ngô Đức Thiện	Trưởng Phòng Quản lý KHCN&HTQT	Ủy viên	
17	ThS. Đặng Thu Hà	Trưởng phòng TCCB - LĐ	Ủy viên	
18	ThS. Đỗ Hải Yến	Trưởng phòng CT&CTSV	Ủy viên	
19	ThS. Trần Vũ Hải	Phụ trách Văn phòng HV	Ủy viên	
20	ThS. Chung Hải Bằng	Bí thư Đoàn thanh niên HV	Ủy viên	
21	ThS. Nguyễn Thị Bích Liên	Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán	Ủy viên	
22	SV. Bùi Việt Hà	Sinh viên Lớp D20CQQT03	Ủy viên	
23	KS. Nguyễn Hải Ngọc	CV TT. KT&ĐBCLGD	Thư ký	

MỤC LỤC

MỤC LỤC 1
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT 5
PHẦN I. KHÁI QUÁT 9
1. Đặt vấn đề 9
2. Tổng quan chung 13
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ 27
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo 27
Mở đầu **27**
Tiêu chí 1.1: **27**
Tiêu chí 1.2: **34**
Tiêu chí 1.3: **40**
Kết luận về Tiêu chuẩn 1 ..... **42**
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo 43
Mở đầu **43**
Tiêu chí 2.1: **43**
Tiêu chí 2.2: **45**
Tiêu chí 2.3: **47**
Kết luận về Tiêu chuẩn 2 ..... **48**
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học 49
Mở đầu **49**
Tiêu chí 3.1: **49**
Tiêu chí 3.2: **53**
Tiêu chí 3.3: **55**
Kết luận về Tiêu chuẩn 3 ..... **58**

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học **59**

Mở đầu **59**

Tiêu chí 4.1: **60**

Tiêu chí 4.2: **63**

Tiêu chí 4.3: **68**

Kết luận về tiêu chuẩn 4 ..... **71**

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học **72**

Mở đầu **72**

Tiêu chí 5.1: **73**

Tiêu chí 5.2: **80**

Tiêu chí 5.3 ..... **84**

Tiêu chí 5.4: **87**

Tiêu chí 5.5: **91**

Kết luận về tiêu chuẩn 5 ..... **93**

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên **94**

Mở đầu **95**

Tiêu chí 6.1: **95**

Tiêu chí 6.2: **100**

Tiêu chí 6.3: **104**

Tiêu chí 6.4: **106**

Tiêu chí 6.5: **110**

Tiêu chí 6.6: **114**

Tiêu chí 6.7: **119**

Kết luận về Tiêu chuẩn 6 ..... **124**

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên **125**

Mở đầu **125**

Tiêu chí 7.1: **126**

Tiêu chí 7.2: 129
Tiêu chí 7.3: 132
Tiêu chí 7.4: 136
Tiêu chí 7.5: 139
Kết luận về Tiêu chuẩn 7 142
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học 143
Mở đầu 143
Tiêu chí 8.1: 144
Tiêu chí 8.2: 149
Tiêu chí 8.3: 155
Tiêu chí 8.4: 160
Tiêu chí 8.5: 167
Kết luận về tiêu chuẩn 8 172
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị 173
Mở đầu 173
Tiêu chí 9.1: 174
Tiêu chí 9.2: 176
Tiêu chí 9.3: 181
Tiêu chí 9.4: 186
Tiêu chí 9.5: 193
Kết luận về Tiêu chuẩn 9 198
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng 199
Mở đầu 199
Tiêu chí 10.1: 199
Tiêu chí 10.2: 205
Tiêu chí 10.3: 208
Tiêu chí 10.4: 212

Tiêu chí 10.5: **215**

Tiêu chí 10.6: **221**

Kết luận về Tiêu chuẩn 10 ..... **224**

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra **225**

Mở đầu **225**

Tiêu chí 11.1: **226**

Tiêu chí 11.2: **229**

Tiêu chí 11.3: **233**

Tiêu chí 11.4: **236**

Tiêu chí 11.5: **240**

Kết luận về Tiêu chuẩn 11 ..... **243**

PHẦN III. KẾT LUẬN **244**

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của Chương trình đào tạo **244**

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của Chương trình đào tạo **251**

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo **251**

4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh **261**

PHẦN IV. PHỤ LỤC **264**

Phụ lục 1: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh **264**

Phụ lục 2: Các tư liệu, tài liệu liên quan **288**

Phụ lục 3: Danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình Tự đánh giá và viết Báo cáo Tự đánh giá (Kèm theo quyển Danh mục minh chứng) **320**

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	CỤM TỪ ĐẦY ĐỦ	VIẾT TẮT
1.	Ban chấp hành	BCH
2.	Ban Thường vụ	BTV
3.	Bảo hiểm xã hội	BHXH
4.	Bảo hiểm y tế	BHYT
5.	Bên liên quan	BLQ
6.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	BGD&ĐT
7.	Bộ Thông tin và Truyền thông	BTT&TT
8.	Cách mạng công nghiệp	CMCN
9.	Cán bộ	CB
10.	Cán bộ quản lý	CBQL
11.	Cán bộ viên chức	CBVC
12.	Cán bộ, viên chức, người lao động	CBVC-NLĐ
13.	Cature the Flag (Cuộc thi bảo mật thông tin)	CTF
14.	Câu lạc bộ	CLB
15.	Chỉ số hoạt động chính	KPI
16.	Chiến sỹ thi đua	CSTĐ
17.	Chính phủ	CP
18.	Chính trị & Công tác Sinh viên	CT&CTSV
19.	Chuẩn đầu ra	CĐR
20.	Chương trình đào tạo	CTĐT
21.	Chương trình dạy học	CTDH
22.	Chuyển giao công nghệ	CGCN
23.	Cơ sở dữ liệu	CSDL
24.	Cơ sở vật chất	CSVC

STT	CỤM TỪ ĐẦY ĐỦ	VIẾT TẮT
25.	Cố vấn học tập	CVHT
26.	Công nghệ thông tin	CNTT
27.	Công tác sinh viên	CTSV
28.	Đại học chính quy	ĐHCQ
29.	Đại học từ xa	ĐHTX
30.	Đảm bảo chất lượng	ĐBCL
31.	Đảm bảo chất lượng giáo dục	ĐBCLGD
32.	Đào tạo và Khoa học công nghệ	ĐT&KHCN
33.	Đề cương chi tiết	ĐCCT
34.	Đề cương học phần	ĐCHP
35.	Đồ án tốt nghiệp	ĐATN
36.	Đồ án, khóa luận tốt nghiệp	ĐAKLTN
37.	Đoàn Thanh niên	ĐTN
38.	Giảng viên	GV
39.	Giáo dục đại học	GDĐH
40.	Giáo dục và Đào tạo	GD&ĐT
41.	Giáo sư	GS
42.	Giáo viên chủ nhiệm	GVCN
43.	Hoàn thành nhiệm vụ	HTNV
44.	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	HTTNV
45.	Học phần	HP
46.	Học viện cơ sở	HVCS
47.	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Học viện
48.	Hội đồng Học viện	HĐHV
49.	Institute for Scientific Information	ISI

STT	CỤM TỪ ĐẦY ĐỦ	VIẾT TẮT
50.	Kết quả học tập	KQHT
51.	Khoa học công nghệ	KHCN
52.	Kiểm định chất lượng	KĐCL
53.	Kiểm tra đánh giá	KTĐG
54.	Ký túc xá	KTX
55.	Lao động tiên tiến	LĐTT
56.	Mã Học viện Bưu chính Viễn thông tại Hà Nội	BVH
57.	Mã Học viện Bưu chính Viễn thông tại TP HCM	BVS
58.	Mô tả công việc	MTCV
59.	Ngân hàng câu hỏi thi	NHCHT
60.	Nghiên cứu khoa học	NCKH
61.	Nghiên cứu sinh	NCS
62.	Nghiên cứu viên	NCV
63.	Nghiệp vụ sư phạm	NVSP
64.	Người học	NH
65.	Nhà tuyển dụng	NTD
66.	Nhân viên	NV
67.	Phó Giáo sư	PGS
68.	Phòng cháy chữa cháy	PCCC
69.	Phục vụ cộng đồng	PVCĐ
70.	Phương pháp dạy học	PPDH
71.	Posts and Telecommunications Institude Technology	PTIT
72.	Quản lý đào tạo	QLĐT
73.	Quản lý Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế	QLKHCN&HTQT
74.	Quản lý và Đào tạo phía Bắc	QL&ĐTPB

STT	CỤM TỪ ĐẦY ĐỦ	VIẾT TẮT
75.	Quản trị kinh doanh	QTKD
76.	Quyết định	QĐ
77.	Sinh viên	SV
78.	Sinh viên tốt nghiệp	SVTN
79.	Tài chính Kế toán	TCKT
80.	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	VNPT
81.	Thạc sỹ	ThS
82.	Thành phố Hồ Chí Minh	Tp. HCM
83.	Thể dục thể thao	TDTT
84.	Thi đua khen thưởng	TĐKT
85.	Thí nghiệm thực hành	TN-TH
86.	Thông tin và Truyền thông	TT&TT
87.	Thực tập tốt nghiệp	TTTN
88.	Thương mại điện tử	TMĐT
89.	Tiến sỹ	TS
90.	Tín chỉ	TC
91.	Tổ chức cán bộ - Lao động	TCCB-LĐ
92.	Trung học phổ thông	THPT
93.	Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	TTKT&ĐBCLGD
94.	Trung ương	TW
95.	Tự đánh giá	TĐG
96.	Uỷ ban kiểm tra	UBKT
97.	Vừa học vừa làm	VHVL

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

a) Tóm tắt Báo cáo Tự đánh giá Chương trình đào tạo

Khoa Quản trị kinh doanh (QTKD) thuộc Học viện là đơn vị có lịch sử hình thành và bề dày thành tích, đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) chung của Học viện, cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển của cuộc cách mạng lần thứ tư (CM 4.0) và công cuộc chuyển đổi số của ngành thông tin và truyền thông. Khoa QTKD thường xuyên quan tâm đến việc duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo của ngành và các chuyên ngành thuộc Khoa.

Với những kết quả đạt được trong quá trình xây dựng và phát triển, Học viện đã chỉ đạo Khoa QTKD triển khai công tác tự đánh giá (TĐG) chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành QTKD theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của BGD&ĐT quy định tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng BGD&ĐT và các văn bản hướng dẫn của Cục Quản lý Chất lượng, BGD&ĐT.

Nội dung tự đánh giá CTĐT ngành QTKD bao gồm 11 nội dung gồm: Mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT; Bản mô tả CTĐT; cấu trúc và nội dung CTĐT; phương pháp tiếp cận trong dạy và học; đánh giá KQHT của NH; chất lượng đội ngũ GV và NCV; chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ; chất lượng người học (NH) và hoạt động hỗ trợ NH; cơ sở vật chất (CSVC) và trang thiết bị; nâng cao chất lượng; kết quả đầu ra.

Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành QTKD được cấu trúc thành 4 phần, gồm: Phần I- Khái quát; Phần II- Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn; Phần III- Kết luận; Phần IV- Phụ lục. Cụ thể như sau:

Phần I: Khái quát

Giới thiệu tổng quan về cấu trúc và nội dung chính của báo cáo TĐG CTĐT ngành QTKD của Khoa QTKD theo các tiêu chí, tiêu chuẩn. Phần này mô tả mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, giải thích cách mã hoá các minh chứng trong báo cáo TĐG, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động TĐG, sự tham gia của các bên liên quan (BLQ); báo cáo cũng nêu lên mục đích, phạm vi, phương pháp và quy trình tự đánh giá, bản báo cáo mô tả hiện trạng, tóm tắt về sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách chất lượng và hoạt động ĐBCL của Học viện và Khoa QTKD .

Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Báo cáo TĐG CTĐT ngành QTKD với 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của BGD&ĐT, gồm: nội dung TĐG về (1) Mục tiêu và CĐR của CTĐT; (2) Bản mô tả hiện trạng CTĐT; (3) Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học; (4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; (5) Đánh giá KQHT của NH; (6) Đội ngũ GV; (7) Đội ngũ nhân viên; (8) Người học và hoạt động hỗ trợ NH; (9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị; (10) Nâng cao chất lượng; (11) Kết quả đầu ra.

Tại từng tiêu chuẩn, tiêu chí, bản báo cáo đều mô tả hiện trạng và nhận định thực trạng của CTĐT, phân tích và chỉ ra những điểm mạnh nổi bật, những điểm tồn tại của CTĐT trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí. Báo cáo cũng đề xuất kế hoạch phát huy mặt mạnh, khắc phục những tồn tại, tự đánh giá tiêu chí Đạt/Chưa đạt, kèm theo mức TĐG, theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH.

Sau khi mô tả hiện trạng và phân tích từng tiêu chí, bản báo cáo nêu tóm tắt điểm mạnh nổi bật, những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn; kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn.

Phần III: Kết luận

Mô tả tóm tắt các điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần cải tiến chất lượng của CTĐT; đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng. Sau phần kết luận là bản tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT ngành QTKD của Khoa QTKD thuộc Học viện.

Phần IV: Phụ lục

Bao gồm các phụ lục về cơ sở dữ liệu KĐCL CTĐT ngành QTKD, các quyết định và văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng.

Phương pháp mã hóa minh chứng

Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, 3 dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: [Hn.ab.cd.ef].

Trong đó:

- H: viết tắt "Hộp minh chứng" (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp).

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp n ≥10 thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...). Ví dụ:

[H1.01.01.01]: Minh chứng thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, đặt ở hộp 1.

[H10.03.02.15]: Minh chứng thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, đặt ở hộp 10.

b) Mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình TĐG CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động TĐG nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn nội dung của bản báo cáo TĐG; sự tham gia của các BLQ (khoa, phòng, ban, CBQL, GV, nhân viên, NH, ...), cách thức tổ chức các thành phần này tham gia hoạt động TĐG CTĐT.

Mục đích tự đánh giá

Hoạt động tự đánh giá CTĐT ngành QTKD sẽ giúp Học viện và Khoa QTKD đạt được các mục đích sau:

- Đo lường mức độ đáp ứng chất lượng đào tạo cử nhân ngành QTKD so với Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/03/2016 của BGD&ĐT. Đồng thời thực hiện việc giải trình với cơ quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của CTĐT, làm cơ sở cho NH lựa chọn chương trình và NTD lao động lựa chọn nhân lực được đào tạo từ Học viện;

- Là cơ sở để Học viện cải tiến chất lượng của CTĐT, đồng thời thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của Khoa QTKD trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội;

- Là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành QTKD.

Quy trình Tự đánh giá

Quy trình tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành QTKD được thực hiện theo các bước như sau:

Bước 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Bước 2. Lập kế hoạch tự đánh giá.

Bước 3. Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng.

Bước 4. Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 5. Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá.

Bước 6. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Phạm vi tự đánh giá

Khoa QTKD tiến hành đánh giá các hoạt động thực hiện CTĐT ngành QTKD theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do BGD&ĐT ban hành, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Học viện (HĐHV), Ban Giám đốc Học viện và sự cung cấp thông tin của các phòng, ban chức năng Học viện, qua các thông tin và hệ thống các minh chứng trong 5 năm, giai đoạn 2017-2022.

Công cụ và phương pháp tự đánh giá

Quá trình tự đánh giá CTĐT ngành QTKD của Khoa QTKD và Học viện được dựa theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của bộ tiêu chuẩn KĐCL CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016 của BGD&ĐT; Công văn số 2085/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc Hướng dẫn tự đánh giá CTĐT và Công văn số 774/QLCD-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục của Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD của Cục Quản lý chất lượng, BGD&ĐT.

Đối với mỗi tiêu chí đánh giá được tiến hành xem xét theo trình tự sau: Mô tả thực trạng; Phân tích, giải thích, so sánh để đưa ra những nhận định đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu hoặc thiếu sót; Xây dựng kế hoạch hành động nhằm phát huy những điểm mạnh, khắc phục những hạn chế, tồn tại để cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT.

Sự tham gia của các bên liên quan

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành QTKD được thành lập theo Quyết định 921/QĐ-HV ngày 15/7/2022 của Giám đốc Học viện, thành phần gồm: thành viên HĐHV; Ban Giám đốc Học viện; các cán bộ, GV của Khoa QTKD; cán bộ, viên chức các phòng, ban, trung tâm chức năng Học viện.

Hội đồng Tự đánh giá CTĐT ngành QTKD có 23 thành viên; Ban thư ký có 15 thành viên và 9 nhóm công tác chuyên trách để chỉ đạo và triển khai công tác TĐG CTĐT ngành QTKD.

Ban Giám đốc Học viện chỉ đạo trực tiếp công tác tự đánh giá; các phòng, ban chức năng, ban thư ký cung cấp thông tin, minh chứng; sự phản hồi của NH, cựu SV, chuyên gia và NTD lao động là những thông tin quan trọng phục vụ cho việc viết báo cáo tự đánh giá; các nhóm công tác chuyên trách tiếp nhận thông tin, minh chứng để biên soạn báo cáo tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công; căn cứ vào các thông

tin được cung cấp, Khoa QTKD là đơn vị chủ trì, phối hợp với các nhóm công tác chuyên trách tiến hành biên soạn báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành QTKD theo các quy định, văn bản hướng dẫn của BGD&ĐT.

2. Tổng quan chung

2.1 Tổng quan về Học viện

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (Học viện) là cơ sở giáo dục (CSGD) đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông (BTT&TT), được thành lập theo Quyết định 516/TTg ngày 11/7/1997 của Thủ tướng Chính phủ. Học viện là tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà nước được thí điểm đặt trực thuộc doanh nghiệp mạnh của Nhà nước là Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam, nay là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT). Năm 2014, Học viện được điều chuyển từ VNPT về BTT&TT. Học viện hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm cao; chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGD&ĐT) về GD&ĐT, của BTT&TT về cơ cấu tổ chức và chuyên môn theo quy định của Chính phủ. Các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, trung tâm bồi dưỡng đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn trực thuộc Học viện có quyền tự chủ, có tư cách pháp nhân được quy định trong Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học (GDĐH).

Học viện là một CSGD đào tạo đa ngành, đa phương thức theo định hướng trở thành một tổ chức giáo dục đào tạo, nghiên cứu theo quy mô của các trường đại học hiện đại trên thế giới, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển trong lĩnh vực thông tin và truyền thông và xã hội; thu hút được những người có năng lực, trình độ vào học tập, nghiên cứu, làm việc tại Học viện và bảo đảm các đối tượng chính sách có cơ hội học tập tại Học viện.

Học viện có hai Cơ sở đào tạo tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh (Tp. HCM); có các viện nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và trung tâm đào tạo bồi dưỡng; có chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo, nghiên cứu khoa học tiên tiến; có đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu trình độ cao; có đội ngũ cán bộ quản lý chuyên nghiệp và đồng bộ; kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo với nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng, giữa khoa học và công nghệ để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và bồi dưỡng nhân tài khoa học, công nghệ.

Triết lý giáo dục của Học viện "*Tri thức - Sáng tạo - Đạo đức - Trách nhiệm*", đây là phương châm xuyên suốt định hướng cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu của Học

viện, hướng tới mục tiêu đào tạo ra những con người "*vừa có tài vừa có đức*" để đóng góp cho sự phát triển chung của ngành, của đất nước, của nhân loại.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Học viện là trường đại học hàng đầu Việt Nam về quy mô, chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học; là hình mẫu tiên phong về chuyển đổi số trong giáo dục; trở thành trường đại học hàng đầu của khu vực, nằm trong nhóm 100 trường đại học hàng đầu Châu Á, nhóm 5 trường đại học hàng đầu Đông Nam Á về công nghệ số.

Sứ mạng: Sáng tạo và chuyển giao tri thức cho xã hội thông qua việc gắn kết các hoạt động đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực thông tin, truyền thông và công nghệ số , góp phần xây dựng đất nước Việt Nam hùng cường.

Giá trị cốt lõi: Tiên phong - Sáng tạo; Chất lượng - Hiệu quả; Uy tín - Trách nhiệm; Tận tụy - Nghĩa tình.

Phương châm hành động: Làm gương - Kỷ cương - Trọng tâm - Bứt phá.

2.1.1 Cơ cấu tổ chức Học viện (Hình 1.1)

2.1.2 Nguồn nhân lực của Học viện

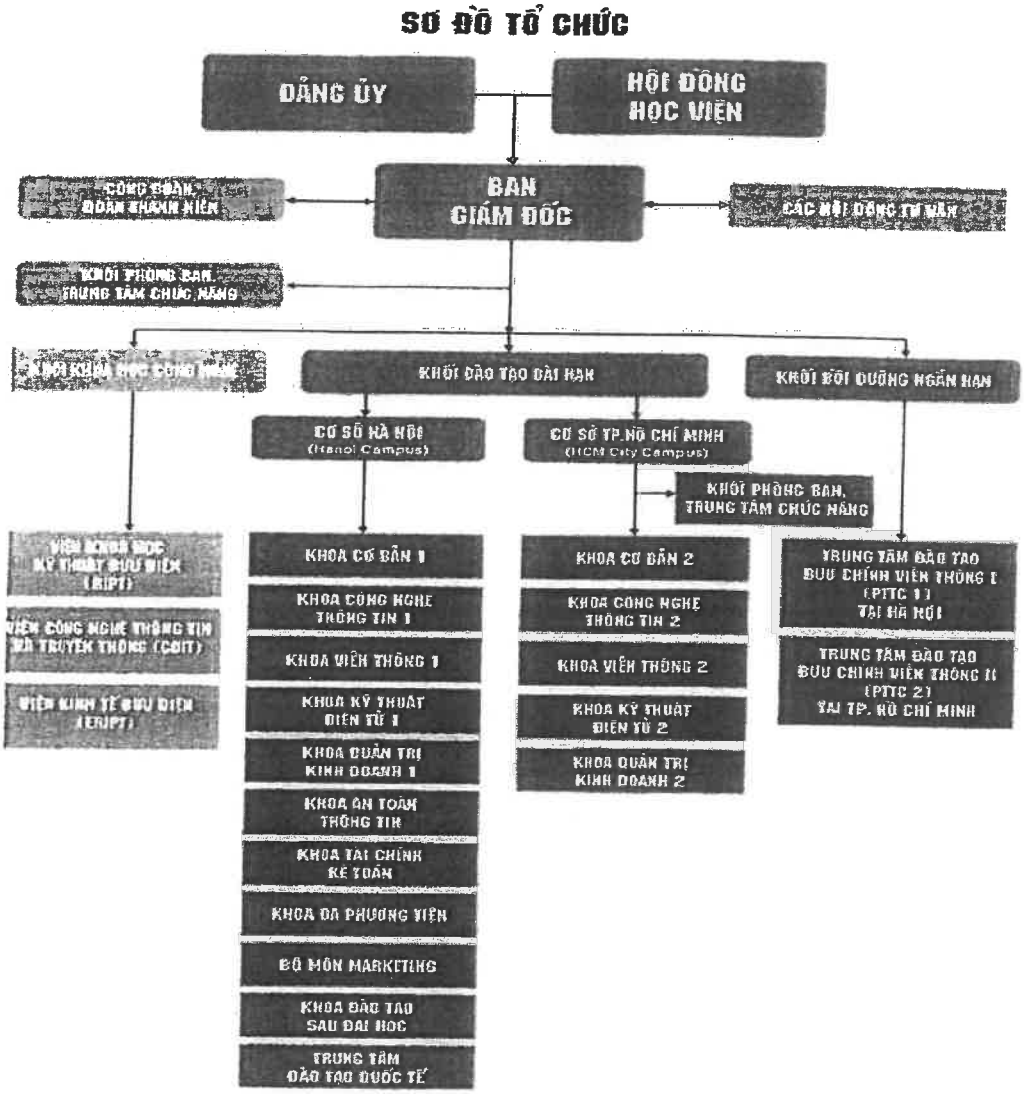
Chiến lược phát triển nguồn nguồn nhân lực của Học viện được xác định trong Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 với mục tiêu phấn đấu có 850 cán bộ, GV (trong đó có 670 giảng viên, cán bộ nghiên cứu); 100% giảng viên đạt chuẩn; thu hút 20 - 25 chuyên gia, giảng viên quốc tế đến làm việc tại Học viện; xây dựng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trẻ (40 - 50 người).

Tổng số cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên của Học viện tính đến 31/12/2022 là 767 người, Trong đó, tổng số giảng viên của Học viện có 465 GV, có 04 GS (chiếm 0,85%); 35 PGS (chiếm 7,5%); 151 TS (chiếm 32,47%); 252 Ths và 23 trợ giảng có bằng đại học. Riêng Khoa QTKD có 28 GV, trong đó: 01 PGS; 06 TS và 21 Ths.

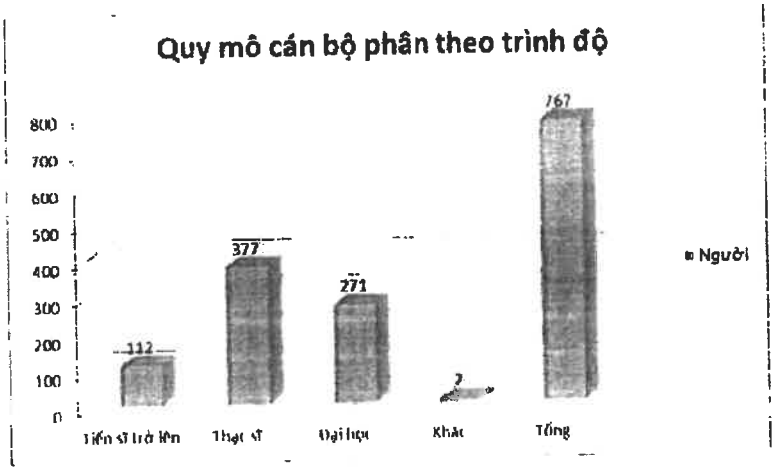
2.1.3 Chiến lược phát triển Học viện

Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 đã xây dựng 92 nhóm giải pháp và chỉ số thực hiện theo 07 lĩnh vực chiến lược: Chuyển đổi số toàn diện các lĩnh vực hoạt động; Đẩy mạnh phát triển hoạt động đào tạo và bồi dưỡng; Nâng cao tiềm lực nghiên cứu khoa học; Hoàn thiện nguồn nhân lực và hoàn thiện mô hình tổ chức;

Đổi mới công tác sinh viên, lấy NH làm trung tâm; Tăng trưởng nguồn thu, đẩy mạnh đầu tư, nâng cao thu nhập;



Hình 1.1: Cơ cấu tổ chức Học viện



Hình 1.2: Cơ cấu nguồn nhân lực của Học viện

Học viện đã xây dựng, ban hành kèm theo chiến lược Chương trình hành động thực hiện chiến lược như: Chương trình chuyển đổi số đến năm 2025; Chương trình đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục đến năm 2025; Chương trình Phát triển nhân lực chất lượng cao đến năm 2025.

Nội dung chiến lược xác định mục tiêu đến năm 2025 Học viện trở thành trung tâm về giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và tri thức hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực thông tin và truyền thông với các cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu trực thuộc và 02 sản phẩm chính là sản phẩm giáo dục, đào tạo đa dạng, đáp ứng nhu cầu xã hội với chất lượng đạt chuẩn quốc tế và khu vực và sản phẩm nghiên cứu khoa học được quốc tế công nhận và chuyển giao sử dụng trong doanh nghiệp và xã hội.

2.1.3 Công tác chuyển đổi số tại Học viện

Thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Chính phủ và chỉ đạo của BTT&TT và với định hướng theo mô hình "Quốc gia số thu nhỏ", Học viện xây dựng phương án chuyển đổi số theo 03 trụ cột lớn là (1) Phát triển hệ thống quản trị số, (2) Cung ứng dịch vụ số và (3) Phát triển xã hội số - thu hẹp khoảng cách số. Đồng thời Học viện cũng đặt 05 trọng tâm trong xây dựng "Học viện Số" gồm (1) Học liệu số; (2) Nền tảng số; (3) GV số; (4) SV số; (5) Môi trường số. Đồng thời, hoạt động triển khai chuyển đổi số trong Học viện ứng dụng triệt để chủ trương xây dựng và ứng dụng các nền tảng số "Make in Việt Nam".

Mục tiêu đến năm 2025, Học viện sẽ tập trung vào phát triển hệ thống quản trị số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động; cung ứng các dịch vụ GD&ĐT 100% trên nền tảng công nghệ giáo dục số, xem xét thành lập "Trường đào tạo công nghệ số" đầu tiên ở

Việt Nam trực thuộc Học viện; phát triển hệ sinh thái số tương tác giữa SV Học viện với doanh nghiệp và xã hội. Xây dựng nền tảng phát triển mạng xã hội SV Việt Nam.

Kể từ năm 2021, Học viện lựa chọn các giải pháp trọng tâm và đột phá với việc mở rộng quy mô và ngành nghề đào tạo theo hướng đáp ứng nhu cầu nền kinh tế số, song song với việc duy trì và cải thiện chất lượng đào tạo. Cách làm mới của Học viện là đặt mục tiêu chủ động tăng trưởng quy mô tuyển sinh và đa dạng hóa ngành nghề, đẩy mạnh KĐCL ngay từ khi xác định kế hoạch năm 2021 và để các công tác của Học viện đồng bộ và phấn đấu đáp ứng mục tiêu kể trên. Việc mở rộng quy mô và đa dạng ngành nghề đi đôi với chất lượng giúp tăng cường nguồn thu tương xứng với tiềm lực của Học viện, giúp Học viện chiếm lĩnh thị trường mới, qua đó khẳng định vị thế, nâng cao đời sống cán bộ Học viện. Việc phát triển toàn diện cả về quy mô, nguồn lực, chất lượng sẽ được Học viện tiếp tục thực hiện trong 5 năm tới theo tinh thần chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021 -2025 và tầm nhìn đến năm 2030

Quá trình triển khai chuyển đổi số, Học viện đã đạt được những kết quả bước đầu như: Ứng dụng công nghệ trong tổ chức, quản lý đào tạo (PTIT-Slink); ứng dụng thực hành ảo, phòng điều hành số và phòng học thông minh. Bên cạnh đó, hệ thống phần mềm quản lý đào tạo (Edusoft.NET); cổng thông tin quản lý đào tạo, hệ thống quản lý lớp học trực tuyến (LMS) đã đi vào hoạt động hiệu quả.

Ngày 09/12/2021, tại Lễ Vinh danh Giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam 2021, Học viện là một trong các cơ quan, tổ chức doanh nghiệp được bình xét ở hạng mục Cơ quan nhà nước chuyển đổi số xuất sắc, với hệ sinh thái PTIT S-Link phục vụ công tác chuyển đổi số GDĐH nhắm tới mục tiêu đặt NH làm trung tâm của mọi nghiệp vụ, quy trình. Ứng dụng đã được triển khai tại Học viện kể từ năm 2020, với số tài khoản người dùng đạt trên 13.000 tài khoản. Đây là giải thưởng danh giá, tôn vinh thành tựu của 53 tổ chức được vinh danh chuyển đổi số xuất sắc tại Việt Nam.

Kết quả của việc chuyển đổi số trong GDĐH của Học viện có ý nghĩa quan trọng trong giai đoạn cả nước đang phải đẩy mạnh công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp; trong tương lai sẽ góp phần hình thành và phát triển được hệ sinh thái số hỗ trợ toàn diện mọi hoạt động cho NH và cho Học viện.

2.1.4 Hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục

Học viện được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học và cao đẳng Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục chu

kỳ 1 giai đoạn 2018-2023 vào năm 2018 và chu kỳ 2 giai đoạn 2023-2028 vào năm 2023; Giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng CTĐT ngành Công nghệ thông tin và Kỹ thuật Điện tử viễn thông vào năm 2023.

Năm 2023, Học viện tiếp tục triển khai công tác tự đánh giá để đăng ký kiểm định CLGD với 07 CTĐT trình độ đại học theo quy định của BGD&ĐT.

Học viện có 04 cán bộ đã hoàn thành CTĐT kiểm định viên KĐCL GDĐH và trung cấp chuyên nghiệp và đã được cấp chứng chỉ; 45 cán bộ được cấp giấy chứng nhận tham gia tập huấn về nghiệp vụ ĐBCL CTĐT.

2.1.5 Hoạt động phục vụ cộng đồng (PVCĐ)

Cán bộ, nhân viên và giảng viên của Học viện cũng tích cực tham gia các hoạt động PVCĐ như quyên góp ủng hộ đồng bào lũ lụt miền Trung, kêu gọi nhắn tin ủng hộ người dân bị Covid19, hỗ trợ sinh viên Học viện gặp khó khăn trong thiên tai lũ lụt, dịch bệnh.

Trong giai đoạn 2017-2022, Học Viện đã có nhiều thành tích về hoạt động kết nối và PVCĐ, cụ thể: Năm 2019, Đoàn Thanh niên (ĐTN) Học viện đã vinh dự được tuyên dương tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác hiến máu tình nguyện năm 2019 của Đoàn Khối các cơ quan Trung ương (TW), và 02 cá nhân được tuyên dương có thành tích xuất sắc trong công tác hiến máu tình nguyện năm 2019. Năm 2022 Đoàn Thanh niên Học viện đã được Đoàn khối các cơ quan TW tặng bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong triển khai cuộc thi Olympic tiếng Anh học sinh, sinh viên toàn quốc lần thứ IV năm 2022, Năm học 2018-2019, Đoàn Thanh niên Học viện cơ sở đã được TW Đoàn tặng bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác đoàn và phong trào thanh niên trường học.

2.2 Tổng quan về Khoa Quản trị kinh doanh và Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh

2.2.1 Tổng quan về Khoa Quản trị kinh doanh

Học viện thành lập hai đơn vị thực hiện CTĐT ngành QTKD là Khoa QTKD1 (có văn phòng làm việc tại Cơ sở Hà Đông, Hà Nội) và Khoa QTKD 2 (có văn phòng làm việc tại Học viện cơ sở, Tp. HCM).

CTĐT ngành QTKD có 4 chuyên ngành: Quản trị doanh nghiệp, Thương mại điện tử, Quản trị Logistics và Quản trị marketing.

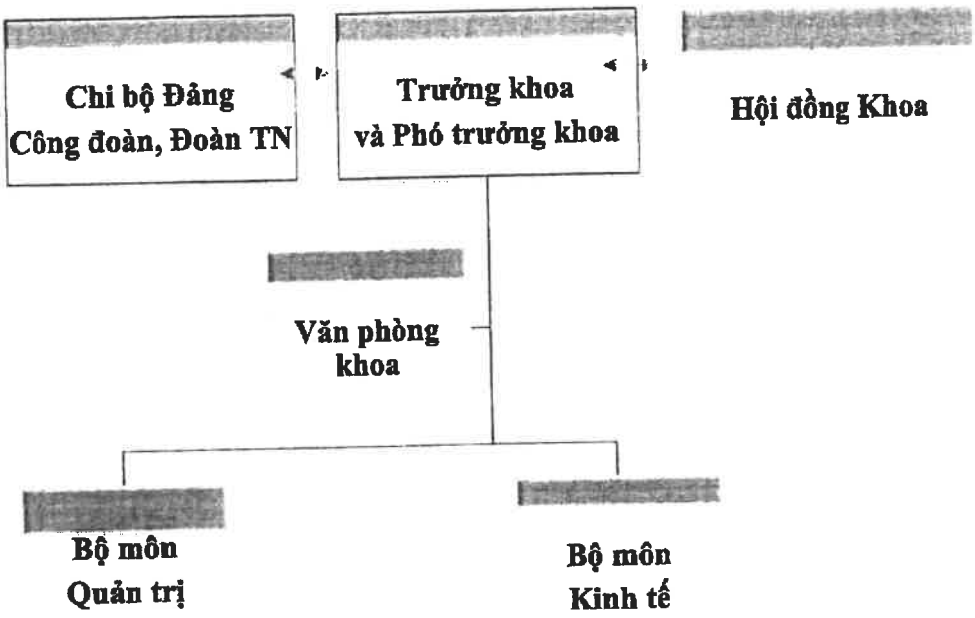
Khoa QTKD1 được thành lập năm 1997 trải qua 25 năm, Khoa QTKD2 được thành lập năm 1999 trải qua 23 năm xây dựng và phát triển, đội ngũ cán bộ, GV của Khoa

không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, Khoa có nhiều GV với trình độ tiến sỹ, được đào tạo cơ bản từ các cơ sở đào tạo có uy tín trong và ngoài nước, năng động, sáng tạo, có năng lực giảng dạy và NCKH.

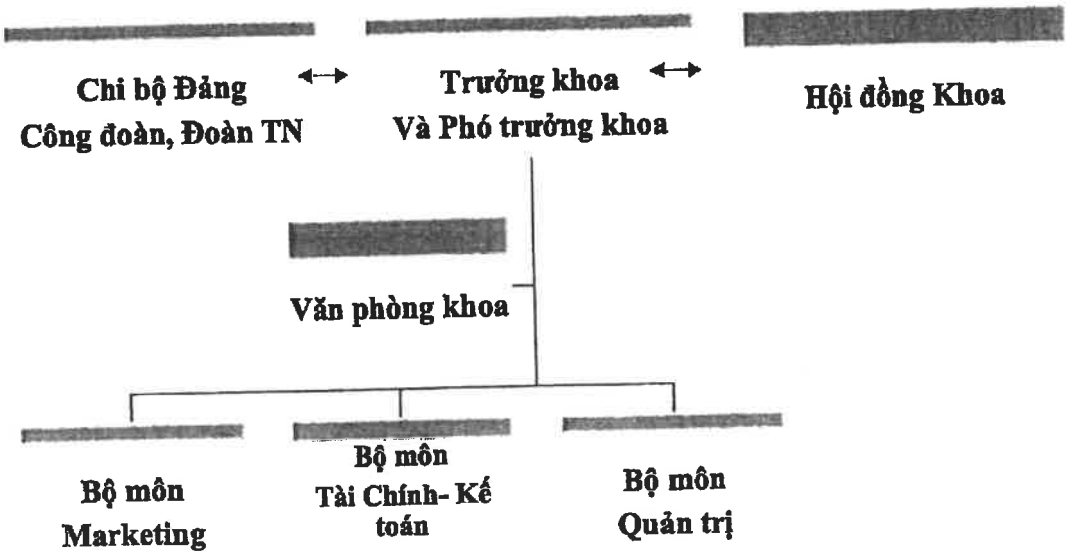
Khoa QTKD thực hiện sự chỉ đạo thống nhất của Học viện về mọi mặt hoạt động trong công tác tổ chức thực hiện CTĐT và có chức năng đào tạo và NCKH thuộc lĩnh vực do Khoa quản lý. Khoa QTKD có nhiệm vụ quản lý, tổ chức giảng dạy các HP do Khoa quản lý cho các hệ đào tạo (hình thức và trình độ) của Học viện; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh liên quan đến ngành nghề đào tạo và huy động sự tham gia của doanh nghiệp và quá trình đào tạo của Khoa; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, GV và NH thuộc khoa; xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV; ngành nghề đào tạo và CSVC phục vụ cho đào tạo và NCKH, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo; đề xuất thay đổi về tổ chức, nhân sự trong Khoa; quản lý cán bộ, GV và NH thuộc khoa, tổ chức đánh giá theo quy định của Học viện; tham gia đánh giá CBQL trong Học viện; tổ chức thực hiện các chủ trương chính sách, chỉ thị, nghị quyết, quy chế, quy định của cấp trên; phối hợp và tạo điều kiện cho tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các đoàn thể khác hoạt động thực hiện tốt điều lệ, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình; tổ chức các phong trào thi đua dạy tốt, học tốt và các nội dung thi đua khác trong Khoa.

a) Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Khoa QTKD gồm văn phòng khoa và các bộ môn: Văn phòng khoa thực hiện các công việc hành chính và hỗ trợ lãnh đạo khoa, các Bộ môn trong công tác đào tạo, NCKH; các bộ môn được giao phụ trách giảng dạy các HP thuộc chuyên ngành về QTKD. Sơ đồ tổ chức của Khoa như Hình 1.3 và Hình 1.4.



Hình 1. 3: Sơ đồ tổ chức Khoa QTKD 1



Hình 1. 4: Sơ đồ tổ chức Khoa QTKD 2

b) Đội ngũ cán bộ, GV

Tính đến 31/12/2022, tổng số cán bộ, GV của Khoa 30 người. Trong đó tổng số GV cơ hữu của CTĐT ngành QTKD là 28 người, có 01 Phó giáo sư (chiếm 3,57%); 06 tiến sĩ (chiếm 21,48%); 21 thạc sĩ (chiếm 75%); số GV thỉnh giảng và kiêm giảng là 02 người (GV kiêm giảng là các cán bộ từ các đơn vị khác trong Học viện tham gia giảng dạy tại Khoa); độ tuổi trung bình của GV cơ hữu là 46 tuổi.

Tỷ lệ SV/GV: Tổng số SV CTĐT ngành QTKD tính đến 31/12/2022 là 906 SV. Tỷ lệ SV/GV của CTĐT qua các năm, cụ thể: Năm 2018: 24.51; 2019: 23.12; 2020: 23.52; 2021: 22.36; 2022: 22.37. Tỷ lệ này đáp ứng yêu cầu về xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học theo quy định tại Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của BGD&ĐT và Thông tư 01/2019/TT-BGDĐT ngày 25/02/2019 sửa đổi Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018.

c) Danh sách lãnh đạo các bộ môn thuộc Khoa QTKD.

TT	Tên bộ môn	Trưởng bộ môn
Khoa QTKD 1		
1	Bộ môn Kinh tế	TS. Vũ Trọng Phong
2	Bộ môn Quản trị	TS. Trần Thị Thập
Khoa QTKD 2		
1	Bộ môn Quản trị	TS. Hồ Thị Sáng
2	Bộ môn Tài chính Kế toán	ThS. Dương Nguyễn Uyên Minh
3	Bộ môn Marketing	TS. Nguyễn Văn Phước

d) Nghiên cứu khoa học:

Trong giai đoạn 2017-2022, Khoa QTKD đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ :

- Nghiên cứu khoa học: Trong chu kỳ KĐCLGD, Khoa QTKD đã thực hiện 133 đề tài NCKH cấp Học viện; đã công bố 103 bài đăng trên tạp chí khoa học cấp ngành trong nước và 33 bài đăng trên tạp chí khoa học quốc tế, trong đó có bài thuộc nhóm ISI/Scopus; xuất bản 08 cuốn sách.

e) Các hoạt động hợp tác đào tạo và NCKH:

Các hoạt động hợp tác đào tạo và NCKH: Các CTĐT của Học viện nói chung và ngành QTKD nói riêng đều được xây dựng với phương châm gắn kết chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành, giữa đào tạo, NCKH và sản xuất kinh doanh, vì vậy, Khoa QTKD đã xây dựng mối quan hệ hợp tác đào tạo và NCKH với nhiều đối tác trong và ngoài nước như các doanh nghiệp (Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, Công ty Cổ phần Công nghệ An Vui và Sapo, Công ty Cổ phần Fado Việt Nam / iCheck / MISA/ Ecom Group, Công ty TNHH MTV TMDT Viettel, Công ty TNHH Bảo hiểm Chubb Việt Nam, Công ty TNHH Công nghệ sạch Nông nghiệp, Công ty Cổ phần Tin học Quang Minh, Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn Sông Đáy, Công ty Cổ phần Nhanh.vn ; Trung tâm kinh doanh VNPT TP. HCM, Bưu điện TP. HCM, Công ty Truyền thông

Click Media&SEO, Công ty cổ phần Truyền thông quảng cáo Song Hành, Công ty TNHH công nghệ DiGi, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Miền Đông - TP. HCM, Công ty TNHH MeadJohnson Nutrition (VN), Công ty DP EXPRESS, Bưu điện Tỉnh Vĩnh Long, Công ty Cổ phần dịch vụ Di Động Trực Tuyến (M-Service), ...Bên cạnh đó Khoa cũng hợp tác đào tạo và NCKH với một số trường đại học như Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội, Trường Đại học Giao thông vận tải Hà Nội, Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, Học viện Phụ nữ.

e) Tổ chức phong trào SV Khoa QTKD

**Tổ chức phong trào SV Khoa QTKD 1*

- Trong năm 2017 Khoa đã tổ chức thành công cuộc thi:

+ "Kiến thức và kỹ năng chuyên môn về Thương mại điện tử (E-Commecer Race)". Đây là cuộc thi đầu tiên về Thương mại Điện tử do Học viện chủ trì, Khoa triển khai tổ chức với sự tham dự của các đội thi đến từ các trường Đại học tại Hà Nội.

+ Phối hợp tổ chức cuộc thi "P-STARTUP" ý tưởng khởi nghiệp SV Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. Nhóm SV của Khoa đã được ban tổ chức trao giải Nhì (không có giải nhất) cho ý tưởng Farm Mall - phân phối nông sản sạch do SV Tống Hương Giang, lớp D15QT3 làm trưởng nhóm và 03 giải Ba thuộc về các ý tưởng: "AZHome - Ứng dụng tìm phòng trọ" do SV Đinh Văn Kinh, lớp D15CQQT2 làm trưởng nhóm.

+ Chương trình Giao lưu với Tân SV khóa 2017

- Trong năm 2018 Khoa đã tổ chức thành công cuộc thi "King & Queen" dành cho SV, Chương trình Giao lưu với Tân SV khóa 2018.

- Trong năm 2019 Khoa thành công trong việc đồng chủ trì tổ chức cuộc thi "Ý tưởng Sáng tạo khởi nghiệp SV - Startup 2019" kết quả SV của Khoa đạt được là một đội đạt giải nhất và một đội đạt giải nhì cấp Học viện. Đặc biệt, đội thi đạt giải nhất với chủ đề "Ứng dụng học tập và ôn luyện kiến thức Memo" do SV Tống Hương Giang làm trưởng nhóm đã vinh dự được chọn là đại diện của Học viện tham dự cuộc thi cấp Quốc gia và đã vào vòng chung kết 50 đội thi đến từ các trường đại học trên toàn quốc. Ngoài ra một đội SV của Khoa cũng đã đạt giải nhất cuộc thi Statup dành cho nữ sinh tại vòng chung kết toàn quốc do Học viện Phụ nữ tổ chức.

Khoa tổ chức thành công "Chương trình Giao lưu với Tân SV khóa 2019"

- Trong năm 2020 Khoa tổ chức thành công

+ "Chương trình Giao lưu với Tân SV khóa 2020".

+ Tham gia: cuộc thi "Tài năng trẻ Logictic Việt Nam năm 2020" kết quả đạt giải Khuyến khích, cuộc thi "Khởi nghiệp sáng tạo dành cho nữ SV 2020" kết quả đạt giải Tăng trưởng

+ Khoa đồng chủ trì tổ chức cuộc thi "Ý tưởng Sáng tạo khởi nghiệp SV – Startup 2020" kết quả một đội đạt giải nhì và một đội đạt giải ba cấp Học viện.

+ Khoa tổ chức thành công cuộc thi "PTIT-YES" chuyên môn QTKD và Thương mại điện tử.

- Trong năm 2021 Khoa đã thành công trong việc tổ chức và hướng dẫn các nhóm SV của Khoa tham gia các cuộc thi cấp Quốc gia như "Tài năng trẻ Logistics Việt Nam năm 2021". Cuộc thi Tài năng trẻ Logistics Việt Nam năm 2021, trở lại từ ngày 1/8/2021 đã thu hút được sự quan tâm của rất nhiều SV với 495 đội thi đến từ 48 trường đại học, cao đẳng trên toàn quốc. Điều đó chứng tỏ được quy mô cũng như những lợi ích thiết thực mà cuộc thi mang lại cho các ngành Logistics tại Việt Nam. Trải qua hai phần thi Thắp lửa và Khát vọng. Đội thi tới từ Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông đã vào vòng 2 của cuộc thi.

**Tổ chức phong trào SV Khoa QTKD 2*

Tổ chức ngày Phụ nữ Việt Nam cho các SV nữ của Liên chi đoàn (LCĐ) (20/10/2018); Gặp mặt đầu xuân (08/03/2019); Tổ chức Hội trại Disconnect to Connect cùng LCĐ khoa Viễn thông (06/04 - 07/04/2019); Giao lưu cùng SV khóa D19 (01/09/2019); Tổ chức chương trình "Chuyến xe trao trăng" cùng LCĐ Công nghệ Đa phương tiện xuống Long An (07/09/2019); Tổ chức chương trình gặp mặt LCĐ nhằm chúc mừng ngày Phụ nữ Việt Nam (20/10/2019); Tổ chức chương trình "Sinh hoạt hè" cùng LCĐ Công nghệ Đa phương tiện (07/2020); Tuyển cộng tác viên (CTV) cho LCĐ (26/08 - 06/09/2020); Cuộc thi thiết kế logo chào mừng D20 trên fanpage LCĐ (06/09 - 26/09/2020); Cùng LCĐ Công nghệ Đa phương tiện tổ chức chương trình "Chuyến xe trao trăng" về Trung tâm dạy nghề người khuyết tật và mồ côi TP.HCM ấp 6, xã Xuân Thời Thượng, huyện Hóc Môn, TP. HCM (04/10/2020); Tổ chức buổi gặp mặt tân SV D20; Tổ chức chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/2020); Tổ chức minigame "Phụ nữ là để yêu thương" (08/03/2021); Tổ chức chương trình "Thay đổi nhỏ tạo hành trình lớn" (05/06 -20/6/2021); Tổ chức chương trình "Minigame trung thu - Minigame liên hoàn" (21-22/09/2021); Tổ chức giao lưu Tân SV khóa D2; Tổ chức chương trình "Khoảnh khắc yêu thương" (17/10 - 19/10/2021); Tổ chức Minigame "Giải đố liền ngay -

Phúc Long liền tay" (09/12/2021); Tổ chức Minigame Năm cũ diệu kì - Lì xì năm mới (01/01/2022); Tổ chức Workshop "Học Quản trị ra làm Giám đốc?" (13/03/2022); Tổ chức chương trình 8/3 dành cho các bạn nữ trong LCĐ (08/03/2022); Tổ chức chương trình "Hoa nở muộn" (04/08 - 11/08/2022), ...

2.2.2 Tổng quan về Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh

a) Chương trình đào tạo cử nhân QTKD của Học viện được phép mở mã ngành số 7340101 theo Quyết định 3401/QĐ-BGD&ĐT/ĐH ngày 07/09/1999 của Bộ trưởng BGD&ĐT. Mục tiêu chung của CTĐT cử nhân ngành QTKD của Học viện được thiết kế nhằm đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực trình độ đại học ngành QTKD trong thời đại hội nhập quốc tế. Sinh viên tốt nghiệp (SVTN) chương trình có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; có bản lĩnh chính trị vững vàng; có kiến thức cơ bản, cơ sở và có tư duy kinh tế, kinh doanh tổng hợp; có hiểu biết cả lý luận và thực tế chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực QTKD; tạo lập và phát triển doanh nghiệp.

b) CTĐT cử nhân ngành QTKD năm 2021 được ban hành theo Quyết định 644/QĐ-HV ngày 30/7/2021 và hoàn thiện trên cơ sở kế thừa CTĐT đại học ngành QTKD năm 2016, 2019 theo hướng dẫn của BGD&ĐT. Ngoại trừ các HP ngoại ngữ đào tạo bằng tiếng Anh, tất cả các HP khác của CTĐT đại học ngành QTKD được giảng dạy bằng tiếng Việt. Chương trình được thiết kế theo phương pháp CDIO nhằm đào tạo SV toàn diện, bao gồm các kiến thức chuyên môn, kỹ năng và phẩm chất đạo đức, trong đó nhấn mạnh phát triển khả năng tự học, năng lực thực hành và trách nhiệm xã hội. SV tốt nghiệp đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng chuyên sâu và phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu lao động của xã hội.

Chương trình đào tạo được thiết kế trên cơ sở tuân thủ các quy định và hướng dẫn của BGD&ĐT, quy định của Học viện; phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực, thị trường lao động ngành QTKD trong khu vực và quốc tế. Chương trình được xây dựng trên cơ sở tham khảo các tiêu chuẩn về ĐBCL giáo dục quốc gia và quốc tế (AUN) và được tham khảo các CTĐT đại học ngành QTKD của các trường đại học trong và ngoài nước, như:

- Chương trình đào tạo trong nước: Trường đại học Kinh tế quốc dân; Trường đại học kinh tế TP. HCM; Trường đại học kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội; Trường đại học Giao thông Vận tải; Trường đại học Kinh tế Đà Nẵng; Trường đại học Dân lập Thăng Long.

- Chương trình đào tạo nước ngoài: Trường Đại học Hamton University; Trường Đại học RMIT.

c) Thông tin chung về Chương trình đào tạo:

- Tên ngành đào tạo:
  + Tiếng Việt: Quản trị kinh doanh
  + Tiếng Anh: Business administration
- Mã số ngành đào tạo: 7340101
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Số tín chỉ yêu cầu: 130 Tín chỉ
- Thời gian đào tạo: 4 năm - 8 học kỳ (tối đa 6 năm).
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
  + Tiếng Việt: Cử nhân Quản trị kinh doanh
  + Tiếng Anh: Bachelor of Business Administration

2.3 Thực hiện công tác đảm bảo chất lượng giáo dục:

Khoa QTKD đã triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng của khoa như rà soát các CTĐT, đảm bảo không bị trùng lặp mã học phần (HP), nội dung HP… giữa các hệ đào tạo; xác định phù hợp tỷ lệ điểm thành phần, có tính đến điểm chuyên cần; số tín chỉ của CTĐT phù hợp với văn bằng; rà soát đề cương chi tiết (ĐCCT) các HP, cập nhật tài liệu học tập; tham gia các buổi tập huấn về công tác CVHT; phối hợp với Phòng CT&CTSV, hàng quý tổ chức các buổi họp giao ban công tác SV với thành phần tham gia họp là các CVHT; … Các hoạt động kiểm tra, đánh giá được Khoa và Học viện tiến hành hàng năm nhằm phát huy những điểm mạnh và khắc phục những tồn tại để nâng cao chất lượng đào tạo.

Với phương châm đào tạo gắn liền với thực tế và hội nhập quốc tế, Khoa QTKD đã xây dựng CTĐT hiện đại, linh hoạt thường xuyên cập nhật kiến thức thực tiễn cho sinh viên ngành QTKD.

Giai đoạn 2017 - 2022 Khoa có nhiều hoạt động hướng tới phát triển cả về quy mô và chất lượng đào tạo, cụ thể:

Chuyên ngành TMĐT thuộc ngành QTKD được quan tâm chú trọng. Khoa tập trung đổi mới cách tiếp cận tổ chức đào tạo, cập nhật nội dung giảng dạy để sẵn sàng cho việc mở ngành đào tạo hệ ĐHCQ ngành TMĐT vào năm 2018. Đối với hoạt động đào tạo, một số nội dung đào tạo đã lồng ghép chính thức sự tham gia của các chuyên gia và doanh nghiệp vào ngay trong ĐCHP (HP chuyên đề Quản trị Doanh nghiệp và chuyên đề

Thương mại Điện tử thuộc ngành QTKD). Trong các chuyên đề này, ngoài việc hướng dẫn từ các chuyên gia và doanh nghiệp thì SV còn được tổ chức tham quan, kiến tập tại các doanh nghiệp về hoạt động quản trị, điều này tạo cơ sở rất tốt cho kỳ thực tập tốt nghiệp của SV. Nói cách khác, thay vì thông thường SV sẽ đi thực tập tại doanh nghiệp vào kỳ thứ bảy của CTĐT (năm thứ tư) thì đối với SV của Khoa sẽ đi thực tập bán thời gian, kiến tập tại doanh nghiệp từ kỳ học thứ sáu (năm thứ ba).

Khoa rất tích cực trong hoạt động kết nối cho SV với các doanh nghiệp trong tất cả các cơ hội đào tạo kiến thức và kỹ năng, kiến tập, thực tập và tuyển dụng ngay sau khi ra trường. Với danh sách đối tác đông đảo và phong phú, Khoa đảm bảo các vị trí thực tập phù hợp cho SV với các chủ đề thực tập khác nhau, vì thế SV của khoa được phân công đến các doanh nghiệp có đủ quy mô chuyên môn để thực tập thay vì SV phải tự liên hệ đơn vị thực tập như các khoa và các trường đại học khác. Trong quá trình thực tập, Khoa và các doanh nghiệp có kết nối, trao đổi chặt chẽ để ĐBCL chương trình thực tập của SV.

Giai đoạn 2017 - 2022 Khoa đã thu hút và tuyển dụng được 02 tiến sĩ từ các trường đại học khác về làm việc, và tuyển dụng 03 thạc sĩ được đào tạo từ nước ngoài. Bên cạnh đó cũng có 03 GV của Khoa hoàn thành CTĐT Tiến sĩ trong giai đoạn này.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Theo quy định chức năng, nhiệm vụ: Phòng Đào tạo là đơn vị tổ chức nghiên cứu xây dựng mục tiêu, chương trình, đề cương chi tiết (ĐCCT), nội dung đào tạo của các ngành; Các khoa/bộ môn đảm nhận xây dựng Chương trình đào tạo (CTĐT), tổ chức biên soạn ĐCCT, phát triển chương trình, biên soạn học liệu, nghiên cứu và triển phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá (KTĐG).

Từ năm 2021 trở về trước, Học viện xây dựng, đổi mới CTĐT theo các văn bản của BGD&ĐT (08/TT-BGDĐT ngày 17/2/2011; 07/TT-BGDĐT ngày 1/4/2015) và các văn bản quy phạm khác (1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016…). Tháng 3 năm 2022, Học viện đã ban hành quy định về xây dựng, cải tiến, phát triển CTĐT (QĐ 393/QĐ-HV ngày 22/3/2022). Khi rà soát CTĐT, Học viện đã ban hành kế hoạch rà soát.

Mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT ngành QTKD được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện, phù hợp với mục tiêu của GDĐH tại Việt Nam và có căn cứ và đảm bảo được yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp mà NH đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, thể hiện được sự cam kết với NH, xã hội.

Các mục tiêu và CĐR được xây dựng và định kỳ rà soát điều chỉnh trên cơ sở sự tham gia đóng góp ý kiến của các BLQ như: SV, cựu SV, chuyên gia, NTD lao động và GV. Các BLQ dễ dàng tiếp cận và hiểu được mục tiêu và CĐR của CTĐT

Sau mỗi lần điều chỉnh, rà soát, mục tiêu và CĐR của CTĐT được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông của Học viện cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện.

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình GDĐH ngành QTKD trình độ đại học của Học viện ban hành theo Quyết định 591/QĐ-HV ngày 24/06/2016 [H1.01.01.01] và Chương trình GDĐH ngành QTKD trình độ đại học của Học viện ban hành theo Quyết định 1278/QĐ-HV ngày 31/12/2019 [H1.01.01.02] đã ghi rõ mục tiêu của CTĐT như sau:

1) Về kiến thức:

Chương trình trang bị cho SV những kiến thức cụ thể sau:

Kiến thức giáo dục đại cương: trang bị cho SV các kiến thức giáo dục đại cương về Lý luận của Chủ nghĩa Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và nhân văn; Kinh tế xã hội.

Kiến thức cơ sở ngành và ngành: trang bị cho SV những kiến thức toàn diện và hiện đại về kinh tế và quản trị doanh nghiệp như kinh tế học, marketing, sản xuất, tài chính, nhân sự, chiến lược kinh doanh,...

Kiến thức chuyên ngành: Sau khi HP kiến thức ngành SV sẽ lựa chọn chuyên sâu hướng học tập và nghiên cứu về QTKD quốc tế; QTKD Bưu chính Viễn thông; Quản trị Marketing; Quản trị nguồn nhân lực hoặc thương mại điện tử.

2) Về kỹ năng:

Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp

Người tốt nghiệp chương trình đại học chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp có những kỹ năng:

- Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp;
- Tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Nghiên cứu, phát triển thị trường phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp;
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh và thành lập các doanh nghiệp hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

Chuyên ngành Quản trị Marketing

Người tốt nghiệp chương trình đại học chuyên ngành Quản trị Marketing có những kỹ năng:

- Có kỹ năng chuyên sâu về phát triển, tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động marketing;
- Nghiên cứu thị trường và môi trường kinh doanh để phát hiện, đánh giá và lựa chọn các cơ hội kinh doanh;
- Xây dựng và thực hiện các kế hoạch marketing nhằm khai thác các cơ hội kinh doanh mang lại lợi nhuận tối đa cho doanh nghiệp;

- Thực hiện những hoạt động kinh doanh cụ thể trên thị trường trong nước và quốc tế như quản lý bán hàng, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, quản lý thương hiệu;
- Tiếp cận với kiến thức quản trị marketing tiên tiến hiện đại trên thế giới.

Chuyên ngành Thương mại điện tử

Người tốt nghiệp chương trình đại học chuyên ngành Thương mại điện tử có những kỹ năng:

- Có khả năng nghiên cứu, xây dựng, triển khai các ứng dụng CNTT vào hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Xây dựng, vận hành website thương mại điện tử;
- Khai thác thông tin và thực hiện quá trình kinh doanh trên mạng internet;
- Có kỹ năng quản trị marketing, giao dịch và thanh toán điện tử với khách hàng và đối tác.

3) Kỹ năng mềm

SV có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống, khả năng trình bày, khả năng giao tiếp và làm việc hiệu quả trong nhóm (đa ngành), hội nhập được trong môi trường quốc tế.

4) Về năng lực

- Sau khi tốt nghiệp SV có thể đảm nhận tốt các vị trí là các BQL kinh doanh; phát triển trị trường; quản trị marketing; nghiên cứu phân tích thị trường; quản trị nguồn nhân lực; kinh doanh xuất nhập khẩu trong các doanh nghiệp;
- Có thể tự tạo lập doanh nghiệp và tìm kiến cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân;
- Có thể trở thành cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy về QTKD tại các viện, Trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo;
- Có thể tiếp tục học tiếp lên trình độ sau đại học ở các chuyên ngành kinh tế và QTKD trong nước và ngoài nước.

5) Về Hành vi đạo đức

- Có phẩm chất đạo đức tốt, tính kỷ luật cao, biết làm việc tập thể theo nhóm, theo dự án, say mê khoa học và luôn tự rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn.
- Hiểu biết về các giá trị đạo đức và nghề nghiệp, ý thức về những vấn đề đương đại, hiểu rõ vai trò của các giải pháp quản trị doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế, môi trường, xã hội toàn cầu và trong bối cảnh riêng của đất nước.

- Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, có năng lực chuyên môn và khả năng ngoại ngữ để tự học suốt đời.

6) Về ngoại ngữ

- Sau khi tốt nghiệp, SV có năng lực tiếng Anh tương đương với trình độ B1 khung tham chiếu chung Châu Âu (CEFR) hay bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Có khả năng sử dụng tiếng Anh tốt trong các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp được đào tạo.

Mục tiêu của CTĐT trong chương trình GDĐH ngành QTKD trình độ đại học hệ chính quy của Học viện được ban hành theo Quyết định 644/QĐ-HV, ngày 30/07/2021 [H01.01.01.03] đã được đổi mới toàn diện như sau:

Mục tiêu chung (Goals)

CTĐT ngành QTKD trình độ đại học của Học viện được thiết kế nhằm đào tạo và cung ứng nhân lực trình độ cử nhân bậc đại học trong bối cảnh hội nhập và phát triển của nền kinh tế số. SV tốt nghiệp đại học QTKD có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức và sức khỏe tốt; có tư duy kinh tế, kinh doanh tổng hợp; có hiểu biết cả lý luận và thực tế chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực QTKD; có khả năng vận dụng những kiến thức về quản trị doanh nghiệp, quản lý kinh tế để triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh; tạo lập và phát triển doanh nghiệp. CTĐT ngành QTKD nằm trong chiến lược phát triển của học viện với nội dung "*Tri Thức - Sáng tạo - Đạo đức - Trách nhiệm*" hướng tới mục tiêu đào tạo ra những con người "*vừa có tài vừa có đức*" để đóng góp chung vào sự phát triển của đất nước.

Mục tiêu cụ thể *(Program Objectives - POs)*

Mục tiêu của CTĐT đã được cụ thể: Về kiến thức, mục tiêu về kỹ năng, mục tiêu về thái độ, mục tiêu về trình độ ngoại ngữ và kỹ năng với 11 tiêu chuẩn (POs)

Về kiến thức

PO1: Cử nhân QTKD được trang bị hệ thống kiến thức giáo dục đại cương về lý luận chính trị, pháp luật, tâm lý học và toán học

PO2: Cử nhân QTKD được trang bị các kiến thức về kinh tế, xã hội và nhân văn; có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về khởi sự kinh doanh và quản trị điều hành các loại hình doanh nghiệp trong trong bối cảnh hội nhập và phát triển của nền kinh tế số.

PO3: Cử nhân QTKD có kiến thức về công cụ và phương pháp vận dụng các

nguyên lý khoa học QTKD trong hoạt động thực tiễn phù hợp với điều kiện môi trường cụ thể.

Về kỹ năng

PO4: Kỹ năng thực hành nghề nghiệp: Nắm vững và vận dụng được các kỹ năng quản trị như kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng xử lý tình huống kinh doanh, cũng như kỹ năng thích nghi với môi trường kinh doanh mới.

PO5: Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm và khả năng hình thành, phát triển và lãnh đạo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc.

PO6: Có đầy đủ kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn trong thực tiễn.

PO7: Có năng lực học tập, nghiên cứu, phát triển bản thân, có tư duy hệ thống và độc lập.

Về thái độ

PO8: Có phẩm chất chính trị, tuân thủ pháp luật và có sức khỏe tốt.

PO9: Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác.

Trình độ ngoại ngữ và tin học

PO10: Có khả năng sử dụng tiếng Anh trong học tập, nghiên cứu, làm việc và hòa nhập nhanh trong môi trường quốc tế

PO11: Thành thạo kỹ năng số, bao gồm kỹ năng về tin học văn phòng, sử dung khai thác Inernet và các phần mềm thông dụng khác trong công việc và học tập

Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp SV có đủ năng lực để có thể đảm nhận các vị trí công việc sau:

1) Giám đốc doanh nghiệp nhỏ và vừa; Giám đốc chức năng trong các doanh nghiệp (giám đốc Nhân sự, giám đốc Marketing, giám đốc Kinh doanh Thương mại / Thương mại điện tử, giám đốc Vận hành... tương ứng với chuyên ngành được đào tạo);

2) Nhân viên hoặc quản trị cấp trung, quản trị cấp cơ sở trong các phòng / ban Nhân sự, Marketing, Kinh doanh Thương mại / Thương mại điện tử, Sản xuất;

3) Công chức, viên chức tại các cơ quan quản lý nhà nước;

4) Nhà sáng lập doanh nghiệp;

5) Có thể tiếp tục học tiếp lên trình độ sau đại học ngành Kinh doanh và quản lý tại các CSGD đại học trong nước và nước ngoài.

Mục tiêu của CTĐT ngành QTKD đã được rà soát, cập nhật, thống nhất trong các biên bản hội thảo chương trình khung [H1.01.01.04], biên bản họp chuyên môn của Khoa QTKD về việc rà soát CTĐT [H1.01.01.05] và biên bản họp nghiệm thu CTĐT ngành QTKD cấp Học viện ngày 09/12/2019 [H1.01.01.06], ngày 15/7/2021 [H1.01.01.07].

Mục tiêu CTĐT đã được kết luận đầy đủ, rõ ràng, bao gồm các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm, thái độ đạo đức, ngoại ngữ, vị trí việc làm, khả năng tiếp tục học tập, … đáp ứng được xu hướng phát triển mới trong lĩnh vực QTKD.

Mục tiêu của CTĐT ngành QTKD được mô tả chi tiết, đầy đủ, rõ ràng, bao gồm các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm, thái độ đạo đức, ngoại ngữ, vị trí việc làm, khả năng tiếp tục học tập, ... tuy nhiên mức độ thành thạo kỹ năng số cần có thang đo đảm bảo phù hợp với xu hướng chuyển đổi số hiện nay của Học viện.

Mục tiêu CTĐT ban hành năm 2021 [H1.01.01.03] trang bị cho SV những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về QTKD, năng lực và tinh thần, thái độ đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Đặc biệt các mục tiêu của CTĐT năm 2021 đã được đổi mới, hướng đến sự phát triển và yêu cầu của kinh tế số là phù hợp với sứ mạng của Học viện trong Quyết định 516/QĐ-HV ngày 06/06/2017 về công bố Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của Học viện [H1.01.01.08], Quyết định 156/QĐ-HV ngày 05/3/2020 [H1.01.01.09] và Nghị quyết 42/NQ-HĐHV ngày 25/11/2021 về việc Ban hành Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 [H1.01.01.10], với sứ mạng của Học viện là: "*Sáng tạo và chuyển giao tri thức cho xã hội thông qua việc gắn kết các hoạt động đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, NCKH và CGCN trong lĩnh vực thông tin, truyền thông và công nghệ số góp phần xây dựng đất nước Việt Nam hùng cường*".

Đồng thời, thông qua báo cáo tổng hợp ý kiến khảo sát về dự thảo chương trình đào tạo và bản mô tả chương trình đào tạo năm 2019 và năm 2021 [H1.01.01.11], [H1.01.01.12] cho thấy mục tiêu CTĐT ngành QTKD cung cấp kiến thức, kỹ năng, năng lực cho NH, bám sát yêu cầu doanh nghiệp trong thời đại chuyển đổi số, phù hợp với tầm nhìn của Học viện là: "*Đến năm 2030, Học viện là Học viện hàng đầu Việt nam về quy mô, chất lượng đào tạo, NCKH; là hình mẫu tiên phong về chuyển đổi số trong GDĐH; trở thành Học viện hàng đầu của khu vực, nằm trong nhóm 100 Học viện hàng đầu châu Á, nhóm 5 Học viện hàng đầu Đông Nam Á về công nghệ số*".

Mục tiêu CTĐT ngành QTKD được cập nhật đổi mới năm 2021 với các mục tiêu về kiến thức, kĩ năng, năng lực, tinh thần thái độ, trình độ ngoại ngữ, vị trí việc làm, ... hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của GDĐH theo quy định tại Điều 5 Luật GDĐH năm 2012 [H1.01.01.13] và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật GDĐH năm 2018 [H1.01.01.14] với mục tiêu chung: "Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH, công nghệ tạo ra trí thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng và hội nhập quốc tế; đào tạo người có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân" và mục tiêu cụ thể "Đào tạo trình độ đại học để SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo".

Nhằm tiếp tục đổi mới toàn diện CTĐT, năm 2022 Học viện đã chỉnh sửa và ban hành CTĐT ngành QTKD ban hành theo Quyết định số 1061/QĐ-HV ngày 12/8/2022 [H1.01.01.15]. CTĐT năm 2022 có mục tiêu chung, 3 mục tiêu cụ thể về kiến thức cho các chuyên ngành, 4 mục tiêu cụ thể về kỹ năng, 2 mục tiêu về thái độ, 2 mục tiêu về tin học và ngoại ngữ và mô tả các các vị trí công tác sau khi ra trường. Chương trình đào tạo năm 2022 sẽ được áp dụng đào tạo từ khóa tuyển sinh năm 2023.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu CTĐT ngành QTKD được trình bày rõ ràng đầy đủ kiến thức, kỹ năng, thái độ, hành vi đạo đức, vị trí việc làm.

3. Điểm tồn tại

Mục tiêu CTĐT ban hành năm 2021 cần cụ thể thang đo mức độ thành thạo kỹ năng số cho phù hợp với xu hướng chuyển đổi số hiện nay của Học viện.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Phòng Đào tạo chủ trì, phối hợp với Khoa QTKD hiệu chỉnh mục tiêu CTĐT ngành QTKD nhằm cụ thể thang đo mức độ thành thạo kỹ năng số cho phù hợp với xu hướng chuyển đổi số hiện nay của Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Chuẩn đầu ra CTĐT trình độ đại học ngành QTKD được ban hành theo Quyết định số 591/QĐ-HV, ngày 24/06/2016 [H1.01.01.01], trong đó xác định rõ các CĐR về kiến thức (3 CĐR); về kỹ năng với chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp (4 CĐR), với chuyên ngành Quản trị Marketing (5 CĐR), với chuyên ngành Thương mại điện tử (4 CĐR); về kỹ năng mềm (1 CĐR); về năng lực (4 CĐR); về hành vi đạo đức (3CĐR); về ngoại ngữ (2 CĐR).

CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành QTKD được ban hành theo Quyết định 1280/QĐ-HV, ngày 31/12/2019 [H1.01.02.01], trong đó xác định cụ thể về kiến thức (6 CĐR), trong đó kiến thức chung (5 CĐR), kiến thức chuyên ngành (1CĐR) và được chi tiết: CĐR chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp (5 CĐR), với chuyên ngành Quản trị Marketing (5 CĐR), với chuyên ngành Thương mại điện tử (7 CĐR); CĐR về kỹ năng (8CĐR), trong đó về kỹ năng nghề nghiệp chung (2 CĐR); kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành (1CĐR) về kỹ năng mềm (5 CĐR); về năng lực tự chủ và trách nhiệm (4CĐR); Hành vi đạo đức (3 CĐR); Về ngoài ngữ 3 CĐR).

CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành QTKD được ban hành theo Quyết định 647/QĐ-HV ngày 30/07/2021 [H1.01.02.02] về cơ bản kế thừa CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành QTKD năm 2019. CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành QTKD năm 2021 đã được bổ sung thêm chuyên ngành Logistics và CĐR kiến thức chuyên ngành được chi tiết thành 6 CĐR.

CĐR của CTĐT đại học ngành QTKD được xác định cụ thể, rõ ràng, đóng góp vào từng mục tiêu của CTĐT thông qua ma trận mục tiêu - CĐR trong Bản mô tả CTĐT ngành QTKD với Đề cương các môn học ngành QTKD trình độ đại học hệ chính quy năm 2022 đã được gắn mã Chuẩn đầu ra [H1.01.02.03].

Trong các tài liệu và biên bản hội thảo Chương trình khung CTĐT ngành QTKD đã hoàn toàn đồng ý về CĐR của CTĐT ngành QTKD [H1.01.01.04]; trong biên bản họp chuyên môn của Khoa về rà soát về CĐR CTĐT kết luận như sau: "CĐR ngành QTKD chi tiết, đầy đủ, rõ ràng và bao hàm các kiến thức, kĩ năng, năng lực cần thiết đáp ứng mục tiêu CTĐT" [H1.01.01.05]; trong biên bản thẩm định CTĐT của Hội đồng thẩm

định CTĐT ngành QTKD năm 2021 có nhận xét về CĐR của CTĐT hoàn toàn phù hợp với CTĐT ngành QTKD [H1.01.01.06], [H1.01.01.07].

Kiến thức

Chương trình đào tạo đại học ngành QTKD trang bị cho SV những kiến thức sau:

Kiến thức chung ngành QTKD gồm:

PLO1: Hiểu và vận dụng được kiến thức đại cương về khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ vào học tập, nghiên cứu và thực hiện hoạt động nghề nghiệp;

PLO2: Hiểu và vận dụng được kiến thức đại cương về khoa học xã hội và khoa học nhân văn vào học tập, nghiên cứu và thực hiện hoạt động nghề nghiệp;

PLO3: Phân tích và đánh giá được các kiến thức thuộc lĩnh vực kinh tế và quản lý phù hợp với ngành vào thực tiễn;

PLO4: Phân tích và đánh giá được các kiến thức thuộc lĩnh vực nhóm ngành QTKD để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong thực tiễn;

PLO5: Phân tích và đánh giá được cơ chế vận hành của một doanh nghiệp trong thực tế.

Kiến thức theo chuyên ngành gồm:

PLO6a Chuyên ngành Quản trị Doanh nghiệp

PLO6.a.1: Phân tích và đánh giá được quy trình, phương pháp chung vận hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

PLO6.a.2: Hiểu và vận dụng được những kiến thức về đổi mới sáng tạo, phân tích được cơ chế tạo ra, ứng dụng thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả và hiệu suất hoạt động của doanh nghiệp;

PLO6.a.3: Hiểu và vận dụng được các nội dung về hoạch định, tổ chức và kiểm soát hoạt động marketing của doanh nghiệp, tổng hợp và đánh giá được các quyết định phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị thị trường và sử dụng các công cụ marketing nhằm tác động vào thị trường;

PLO6.a.4: Sáng tạo được kế hoạch khởi sự kinh doanh, kế hoạch tái cấu trúc doanh nghiệp;

PLO6.a.5: Hiểu và vận dụng được hoạt động kinh doanh quốc tế.

PLO6.b Chuyên ngành Thương mại điện tử (TMĐT)

PLO6.b.1: Phân tích và đánh giá được quy trình và phương pháp chung vận hành hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp;

PLO6.b.2: Hiểu và vận dụng được những khía cạnh Pháp luật về TMĐT và An toàn thông tin trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

PLO6.b.3: Phân tích và đánh giá được hệ thống TMĐT và phương án phát triển hệ thống TMĐT của doanh nghiệp một cách hiệu quả;

PLO6.b.4: Phân tích và đánh giá được hoạt động bán lẻ trực tuyến thông qua website của doanh nghiệp, qua các sàn TMĐT hoặc qua các nền tảng mạng xã hội khác nhau;

PLO6.b.5: Phân tích và đánh giá được hệ thống giao dịch và thanh toán điện tử với khách hàng và các nhà cung cấp;

PLO6.b.6: Hiểu và vận dụng được mạng máy tính, các phần mềm phổ biến về quản trị doanh nghiệp và các phần mềm tác nghiệp TMĐT thông dụng;

PLO6.b.7: Hiểu và vận dụng được các dịch vụ công trực tuyến dưới vai trò doanh nghiệp;

PLO6.c Chuyên ngành Logistics

PLO6.c.1: Phân tích và đánh giá được quy trình, phương pháp chung vận hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

PLO6.c.2: Hiểu rõ các lý thuyết về logistics và quản trị chuỗi cung ứng; nắm bắt được xu hướng phát triển logistics, Phân tích được các nhân tố tác động đến các quyết định liên quan đến tổ chức, triển khai các quyết định quản trị logistics và quản lý chuỗi cung ứng ở các doanh nghiệp/tổ chức;

PLO6.c.3: Hiểu và vận dụng được các kiến thức về giao nhận, vận chuyển hàng hóa, các trung tâm phân phối và vận tải đa phương thức và thanh toán quốc tế;

PLO6.c.4: Hiểu và vận dụng các kiến thức để xây dựng kế hoạch, xác định và quản lý dự trữ sản xuất và dự trữ bán hàng của doanh nghiệp;

PLO6.c.5: Hiểu và vận dụng các kiến thức về hoạt động mua hàng, quản lý khách hàng quản lý nguồn cung ứng hàng ở các doanh nghiệp/tổ chức;

PLO6.c.6: Hiểu và vận dụng các kiến thực để phát triển hệ thống Logistics và chuỗi cung ứng trong các loại hình doanh nghiệp.

PLO6.d Chuyên ngành Quản trị Marketing

PLO6.d.1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức để hoạch định, tổ chức và kiểm soát các hoạt động marketing của doanh nghiệp như phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị thị trường và triển khai các công cụ marketing nhằm tác động

vào thị trường;

PLO6.d.2: Hiểu và vận dụng được các hoạt động marketing trong thị trường công nghiệp/thị trường tổ chức (B2B marekting);

PLO6.d.3: Hiểu và vận dụng được chương trình nghiên cứu marketing nhằm mục đích hiểu về nhu cầu khách hàng, thị trường hoặc đo lường phản ứng thị trường trước các tác lực marketing của doanh nghiệp;

PLO6.d.4: Hiểu và vận dụng được các hoạt động truyền thông marketing của doanh nghiệp;

PLO6.d.5: Hiểu và vận dụng được các công cụ marketing điện tử, sáng tạo được kế hoạch marketing điện tử cho một sản phẩm và thị trường cụ thể.

Kỹ năng

Các kỹ năng chuyên môn ngành QTKD bao gồm:

PLO7: Có kỹ năng nhận thức và giải quyết vấn đề chuyên môn tổng hợp trong lĩnh vực QTKD (tư duy hệ thống, giải quyết vấn đề, xác lập mục tiêu khả thi và ra quyết định trong QTKD);

PLO8: Có năng lực thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực QTKD (Thực hiện các chức năng hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát hoạt động kinh doanh; Xử lý những tình huống phát sinh ở cấp độ quản trị viên cấp cơ sở; Thu thập, phân tích, xử lý thông tin một cách chính xác theo các phương pháp định tính, định lượng).

PLO9 Kỹ năng chuyên sâu theo chuyên ngành bao gồm:

PLO9.a *Chuyên ngành Quản trị Doanh nghiệp*: Có năng lực thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực QTKD, cụ thể như: vận hành hệ thống kinh doanh của doanh nghiệp, đề xuất cơ chế cho hoạt động đổi mới sáng tạo; lập kế hoạch marketing, triển khai một phần các hoạt động marketing tại doanh nghiệp; xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch khởi sự kinh doanh và kế hoạch tái cấu trúc doanh nghiệp;

PLO9.b *Chuyên ngành Thương mại Điện tử:* Có năng lực thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực TMĐT, cụ thể như: vận hành hệ thống kinh doanh điện tử; vận dụng pháp luật về TMĐT và an toàn thông tin trong kinh doanh; lập bản yêu cầu hệ thống TMĐT, lập kế hoạch phát triển hệ thống TMĐT; quản lý dự án ứng dụng TMĐT; vận hành hệ thống bán lẻ trực tuyến trên website của doanh nghiệp, trên sàn TMĐT và trên các nền tảng mạng xã hội phổ biến; xây dựng hệ thống giao dịch và thanh toán điện tử; sử dụng

mạng máy tính, sử dụng phần mềm quản trị doanh nghiệp và phần mềm tác nghiệp TMĐT thông dụng;

PLO9.c *Chuyên ngành Quản trị Logistics:* Có năng lực thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực logistics như: phân tích và đánh các kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; vận hành đại lý giao nhận và khai báo thủ tục hải quan; thực hiện nghiệp vụ xuất nhập khẩu và thanh toán quốc tế; quản trị chuỗi cung ứng; vận tải đa phương thức; quản trị kho hàng và tồn kho; quản trị hệ thống thông tin logistics; khởi nghiệp và thiết kế mô hình Logistics, chuỗi cung ứng; xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh; điều hành và quản trị doanh nghiệp trong lĩnh vực quản trị logistics và chuỗi cung ứng.

PLO9.d *Chuyên ngành Quản trị Marketing:* Có năng lực thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực marketing, cụ thể như: nghiên cứu thị trường, xây dựng chiến lược và chương trình marketing, triển khai các quyết định về sản phẩm, giá, phân phối và xúc tiến hỗn hợp.

Kỹ năng mềm

PLO10: Có kỹ năng giao tiếp và thuyết trình tốt thể hiện qua việc trình bày rõ ràng, tự tin và thuyết phục các vấn đề liên quan đến chuyên môn và các vấn đề kinh tế xã hội;

PLO11: Có kỹ năng làm việc nhóm, biết thành lập và tổ chức tốt công việc theo nhóm;

PLO12: Có các kỹ năng cá nhân và phẩm chất nghề nghiệp trong việc giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, lập kế hoạch và tổ chức công việc;

PLO13: Có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống và tư duy phân tích và làm việc hiệu quả trong nhóm (đa ngành), hội nhập được trong môi trường quốc tế.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO14: Có ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong công việc;

PLO15: Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

PLO16: Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề nghiệp vụ, chuyên môn;

PLO17: Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể và đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn.

Hành vi đạo đức

PLO18: Có phẩm chất đạo đức tốt, tính kỷ luật cao, biết làm việc tập thể theo nhóm, theo dự án, say mê khoa học và luôn tự rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn;

PLO19: Hiểu biết về các giá trị đạo đức và nghề nghiệp, ý thức về những vấn đề đương đại, hiểu rõ vai trò của các giải pháp kinh tế - kỹ thuật trong bối cảnh kinh tế, môi trường, xã hội toàn cầu và trong bối cảnh riêng của đất nước;

PLO20: Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, có năng lực chuyên môn và khả năng ngoại ngữ để tự học suốt đời.

Ngoại ngữ (Tiếng Anh)

PLO21: Đạt trình độ tiếng Anh 450 điểm TOEIC quốc tế hoặc tương đương;

PLO22: Có khả năng sử dụng tiếng Anh phục vụ học tập, nghiên cứu, hoà nhập nhanh với khu vực và quốc tế sau khi ra trường;

PLO23: Có khả năng sử dụng tiếng Anh tốt trong các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp được đào tạo.

CĐR của CTĐT ngành QTKD ban hành năm 2019 và 2021 của Học viện cho thấy SV sau khi hoàn thành CTĐT sẽ nắm được các kiến thức từ đại cương đến kiến thức cơ sở ngành và cơ sở chuyên ngành (CĐR 1 đến CĐR 6), đạt được các kĩ năng chuyên môn, nghề nghiệp cho chuyên ngành mà SV đã lựa chọn (CĐR 7 đến CĐR 9), cũng như kỹ năng mềm (CĐR 10 đến CĐR 13), năng lực tự chủ và trách nhiệm (CĐR 14 đến CĐR 17), năng lực hành vi đạo đức (CĐR 18 đến CĐR 20), kỹ năng ngoại ngữ (CĐR 21 đến CĐR 23). Các CĐR này bao hàm tất cả các yêu cầu về kiến thức, kĩ năng và năng lực cần thiết đáp ứng mục tiêu của CTĐT. Các CĐR được mô tả rõ ràng, cụ thể, được sắp xếp theo nhóm về kiến thức, kĩ năng, tự chủ và trách nhiệm, đảm bảo khả năng làm việc tại các vị trí việc làm phù hợp cho SV tốt nghiệp CTĐT ngành QTKD ban hành năm 2021 đã thiết kế có 4 chuyên ngành, tuy nhiên các CĐR về kĩ năng chuyên sâu chưa được xây dựng chi tiết cho các chuyên ngành.

SV tốt nghiệp ngành QTKD đạt được CĐR là những ứng viên tiềm năng cho các vị trí công việc sau: Giám đốc doanh nghiệp nhỏ và vừa; Giám đốc chức năng trong các doanh nghiệp (giám đốc Nhân sự, giám đốc Marketing, giám đốc Kinh doanh Thương

mại / Thương mại điện tử, giám đốc Vận hành... tương ứng với chuyên ngành được đào tạo); Nhân viên hoặc quản trị cấp trung, quản trị cấp cơ sở trong các phòng / ban Nhân sự, Marketing, Kinh doanh Thương mại / Thương mại điện tử, Sản xuất; Công chức, viên chức tại các cơ quan quản lý nhà nước; Nhà sáng lập doanh nghiệp;Có thể tiếp tục học tiếp lên trình độ sau đại học ngành Kinh doanh và quản lý tại các CSGD đại học trong nước và nước ngoài. Các vị trí việc làm cụ thể mà NH có thể đảm nhận khi tốt nghiệp CTĐT ngành QTKD cũng được nêu rõ trong nội dung về mục tiêu và CĐR [H1.01.02.04].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành QTKD có nội dung đầy đủ về kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm được trình bày rõ ràng, đáp ứng mục tiêu CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Nội dung CĐR của CTĐT ngành QTKD ban hành năm 2021, các CĐR về kĩ năng chuyên sâu chưa được xây dựng chi tiết cho 4 chuyên ngành " Quản trị doanh nghiệp", "Thương mại điện tử", "Quản trị Logistics" và "Quản trị Marketing".

4. Kế hoạch hành động

Học kỳ I, năm học 2023-2024, Phòng Đào tạo chủ trì và QTKD phối hợp hiệu chỉnh CĐR về kĩ năng chuyên sâu cho 4 chuyên ngành trong CTĐT ngành QTKD.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT ngành QTKD được xây dựng trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan (BLQ) như nhà sử dụng lao động, chuyên gia, nhà khoa học, GV và SV tốt nghiệp, SV đang học tại Học viện.

Các ý kiến đóng góp của các BLQ được thu thập thông qua phiếu khảo sát từ NTD, chuyên gia, cựu SV [H1.01.03.01] và thông qua các hội thảo, hội nghị, tổ chức lấy ý kiến về nội dung CTĐT và mục tiêu, CĐR CTĐT do Khoa QTKD tổ chức [H1.01.01.04], [H1.01.01.05].

Quá trình rà soát, đánh giá và cập nhật CĐR CTĐT ngành QTKD được định kỳ thực hiện theo kế hoạch với qui trình gồm các bước như sau:

Bước 1: Các Khoa rà soát, khảo sát, đánh giá nội dung CĐR CTĐT hiện tại.

Bước 2: Trên cơ sở kết quả khảo sát, rà soát đánh giá hiện trạng, Khoa đề xuất việc hiệu chỉnh (nội dung CĐR, cấu trúc CTĐT, nội dung CTĐT), dự kiến các nội dung cần điều chỉnh và báo cáo Ban giám đốc Học viện.

Bước 3: Khoa tổ chức triển khai hiệu chỉnh, sửa đổi CĐR, CTĐT, tổ chức hội thảo nội bộ Khoa, xin ý kiến của Hội đồng Khoa học đào tạo (KHĐT) của Khoa để thống nhất.

Bước 4: Tổ chức xin ý kiến NTD, chuyên gia, cựu SV; tổ chức hội thảo chung trong Học viện về nội dung CĐR và CTĐT mới.

Bước 5: Hoàn thiện CĐR, CTĐT để xin ý kiến Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện (nếu cần) và trình Giám đốc Học viện phê duyệt ban hành.

Như vậy, quá xây dựng CĐR của CTĐT có sự tham gia ý kiến của các BLQ (Bước 4) và CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các BLQ nhờ việc hoàn thiện CĐR, CTĐT trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các bên có liên quan.

Năm 2018, CĐR của CTĐT đại học ngành QTKD đã được rà soát theo Kế hoạch số 111/KH-HV ngày 05/3/2018 của Học viện [H1.01.03.02] về việc rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT trình độ đại học hệ chính quy ngành QTKD và được ban hành theo Quyết định số 1278/QĐ-HV ngày 31/12/2019 [H1.01.01.02]. Năm 2021, CĐR của CTĐT ngành QTKD đã được rà soát theo Kế hoạch số 10/KH-HV ngày 09/01/2021[H1.01.03.03], theo Tờ trình số 28/TTr-QT1 ngày 14/09/2020 về kế hoạch điều chỉnh CTĐT của Khoa QTKD [H1.01.03.04] và được sự đồng ý của Giám đốc Học viện về việc hiệu chỉnh CTĐT ngành QTKD Thông báo kết luận số 89/TB-HV ngày 19/05/2021của Giám đốc HV về hiệu chỉnh CTĐT đại học ngành QTKD [H1.01.03.05].

Theo Quyết định 647/QĐ-HV ngày 30/07/2021 ban hành CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành QTKD, CĐR của CTĐT được gửi cho các đơn vị liên quan trong Học viện, BGD&ĐT và BTT&TT [H1.01.02.03]. Đồng thời, CĐR của CTĐT đã ban hành được công bố công khai trên website của Học viện và các tài liệu, cổng thông tin điện tử của Khoa QTKD [H1.01.03.06]. Bên cạnh đó, CĐR của CTĐT còn được in trong sổ tay SV hàng năm [H1.01.03.07] và được tích hợp trong hệ thống hỗ trợ học tập PTIT-Slink của Học viện [H01.03.08]. Tuy nhiên, việc các BLQ tiếp cận CĐR còn mang tính thụ động và chưa có các có các phương pháp công bố trực tiếp CĐR cho các BLQ.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành QTKD được định kỳ rà soát, điều chỉnh dựa trên các ý kiến đóng góp của nhà sử dụng lao động, chuyên gia và SV tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Các BLQ còn chưa được tiếp cận CĐR dễ dàng và thuận lợi.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2022-2023, Phòng Đào tạo chủ trì, phối hợp với Văn phòng, Phòng CT&CTSV, Khoa QTKD tổ chức công bố CĐR bằng các hình thức đa dạng và trực tiếp cho các BLQ.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT ngành QTKD được xác định rõ ràng và được thể hiện trong bản mô tả CTĐT vào các năm 2019 và năm 2021 phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn và Mục tiêu chiến lược của Học viện cũng như phù hợp với mục tiêu của GDĐH.

Cấu trúc của CĐR CTĐT trình độ đại học QTKD phù hợp với Điều 5 của Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT.

CĐR của CTĐT ngành QTKD đã nêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với NH tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai.

CĐR của CTĐT trình độ ĐH ngành QTKD đã phản ánh được yêu cầu và có sự tham gia đóng góp của NTD, nhà khoa học, GV, CBQL, cựu SV và SV năm cuối. Trong quy trình rà soát điều chỉnh CĐR năm 2021, Khoa QTKD đã khảo sát ý kiến của các BLQ về Dự thảo CĐR đã được Khoa đề xuất; Đã công bố công khai trên trang Website của Học viện và Khoa, đồng thời phổ biến trong tuần sinh hoạt công dân và lưu giữ ở các đơn vị chức năng của Học viện để các bên đều có thể tiếp cận thuận lợi.

Học viện và Khoa QTKD đã khảo sát các BLQ về CĐR của CTĐT, tuy nhiên mẫu khảo sát của các NTD chưa đa dạng. Phương thức truyền thông về CĐR của ngành QTKD chưa đa chiều nên chưa thu hút được sự quan tâm của đông đảo các đối tượng bên ngoài Học viện.

Hàng năm các phòng chức năng phối hợp với Khoa huy động cựu SV, NTD tham gia vào việc cho ý kiến về mục tiêu giáo dục của Học viện và mục tiêu của riêng ngành QTKD, cũng như mức độ phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Học viện để có thể thu thập được nhiều ý kiến đa chiều mang tính đại diện cao đóng góp để xây dựng và điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành QTKD đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

Tiêu chuẩn 1 có 3 tiêu chí: 4,67/7.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT đại học ngành QTKD được xây dựng theo hướng dẫn của BGD&ĐT. Bản mô tả CTĐT cung cấp cho các BLQ các thông tin về CTĐT, Mục tiêu của CTĐT bao gồm mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, năng lực, phẩm chất đạo đức, trình độ ngoại ngữ, vị trí việc làm; CĐR của CTĐT; ma trận mục tiêu - CĐR (thể hiện sự đóng góp của các CĐR vào việc đạt được mục tiêu cụ thể); phương pháp KTĐG, mô tả CTĐH bao gồm cấu trúc CTĐH, nội dung đào tạo, kế hoạch giảng dạy; ma trận quan hệ giữa các HP và CĐR của CTĐT; tóm tắt nội dung các HP cốt lõi trong CTĐT; phương pháp dạy/học; kiểm tra/đánh giá. ĐCHP được chuẩn hoá, đầy đủ thông tin và cập nhật. Bản mô tả CTĐT được cập nhật định kỳ và công bố công khai trên các phương tiện truyền thông Học viện. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP được công bố công khai dưới nhiều hình thức để các BLQ dễ dàng tiếp cận, giúp NH và học viên có nguyện vọng học tại trường hiểu về CTĐT; giúp cho NTD lao động nắm bắt được các thông tin về kiến thức và các kỹ năng mềm mà NH đã được trang bị để có quyết định tuyển dụng hợp lý; giúp các chuyên gia thẩm định, rà soát chương trình và đánh giá viên hiểu được mục tiêu của CTĐT và các KQHT dự kiến. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT còn là cơ sở cho việc thu nhận thông tin phản hồi từ phía SV đang học, cựu SV và các NTD, giúp cho việc cải tiến CTĐT nhằm nâng cao khả năng đạt được các KQHT dự kiến.

Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Trước năm 2019, những thông tin về mô tả CTĐT đại học ngành QTKD được thể hiện trong bản đính kèm với Chương trình khung GDĐH ngành QTKD trình độ đại học ban hành theo Quyết định 591/QĐ-HV ngày 24/6/2016 [H1.01.01.01]; Năm 2019, bản mô tả CTĐT trình độ đại học ngành QTKD năm 2019 được ban hành theo Quyết định 1279/QĐ-HV ngày 31/12/2019 [H2.02.01.01]; Năm 2021, bản mô tả CTĐT trình độ đại học ngành QTKD được ban hành theo Quyết định 647/QĐ-HV ngày 30/07/2021 [H2.02.01.02].

Bản mô tả CTĐT được thiết kế bao gồm các nội dung sau: Tên CSGD; tên gọi của văn bằng; tên CTĐT; thời gian đào tạo; Mục tiêu của CTĐT bao gồm mục tiêu chung, mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ, vị trí việc làm, trình độ ngoại ngữ và tin học;

CĐR của CTĐT được chia làm CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm; ma trận mục tiêu - CĐR (thể hiện sự đóng góp của các CĐR vào việc đạt được mục tiêu cụ thể); phương pháp KTĐG, mô tả CTDH bao gồm cấu trúc CTDH, nội dung đào tạo, kế hoạch giảng dạy; ma trận quan hệ giữa các HP và CĐR của CTĐT và mô tả tóm tắt các HP CTĐT.

Giữa hai đợt rà soát điều chỉnh CTĐT năm 2019 và năm 2021, bản mô tả CTĐT năm 2021 của ngành QTKD đã có những thay đổi đáng kể về nội hàm, cụ thể: Đã được bổ sung các mục như: ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các HP vào việc đạt CĐR), ma trận thể hiện quan hệ giữa CĐR và mục tiêu, ma trận quan hệ giữa các HP và CĐR của CTĐT; ma trận PPDH so với CĐR, ma trận phương pháp đánh giá SV với CĐR, trình tự thực hiện chương trình; và mô tả tóm tắt các HP. Bản mô tả CTĐT ngành QTKD năm 2021 còn có những thay đổi về nội dung các mục, đặc biệt là thay đổi trong CĐR và khung CTĐT. Mục tiêu đào tạo, CĐR CTĐT đã được xác định cụ thể hơn. Khoa QTKD đã thực hiện điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với xu thế công nghệ hiện đại như:

Bản mô tả CTĐT cũng đưa các thông tin đối sánh CĐR CTĐT ngành QTKD đáp ứng Khung trình độ quốc gia và Thang trình độ năng lực; Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp; Chiến lược giảng dạy và học tập; Mối liên hệ giữa Phương pháp đánh giá nhằm đạt CĐR; Mô tả sự liên hệ giữa CĐR (PLOs), HP, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs); Tiến trình học tập chuẩn và danh sách các HP tiên quyết. Tuy nhiên, bản mô tả CTĐT ngành QTKD còn chưa có tóm tắt đối sánh CTĐT ngành QTKD của Học viện với các CTĐT ngành QTKD của các Trường đại học trong nước và ngoài nước, mặc dù khi xây dựng và hiệu chỉnh CTĐT ngành QTKD đã được nghiên cứu và tham khảo.

Bản mô tả CTĐT ban hành năm 2021 đã bao hàm các nội dung và thông tin mới nhất về mục tiêu, CĐR, cấu trúc và nội dung đào tạo, đề cương các HP, phản ánh đầy đủ CTĐT ngành QTKD đổi mới và cập nhật mới nhất trên cơ sở khảo sát các BLQ, tuy nhiên việc lấy ý kiến đóng góp cho bản mô tả CTĐT năm 2021 chưa thật sự rộng rãi, còn hạn chế các thông tin hữu ích phục vụ cho việc điều chỉnh Bản mô tả CTĐT ngành QTKD.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành QTKD đã bao gồm đầy đủ các thông tin và nội dung theo yêu cầu của BGD&ĐT về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT và có so sánh CTĐT

ngành QTKD của Học viện với một số CTĐT ngành QTKD của các trường đại học hàng đầu trong nước.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát các BLQ lấy ý kiến đóng góp cho Bản mô tả CTĐT năm 2021 chưa thật sự sâu rộng, còn hạn chế các thông tin hữu ích phục vụ cho việc điều chỉnh Bản mô tả CTĐT ngành QTKD .

4. Kế hoạch hành động

Năm 2023, trong lần rà soát và điều chỉnh bản mô tả CTĐT ngành QTKD sắp tới, Phòng Đào tạo phối hợp với Khoa QTKD cần đưa ra những giải pháp hữu hiệu hơn để liên kết với các cựu SV, các NTD, hiệp hội nghề nghiệp tham gia đóng góp ý kiến thiết thực nhằm cải tiến và cập nhật bản mô tả CTĐT.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Trong chu kỳ KĐCLGD, Học viện đã ban hành 3 bộ ĐCCT HP: năm 2020 (QĐ số 151/QĐ-HV ngày 05/3/2020), năm 2021 (QĐ số 134/QĐ-HV, ngày 26/02/2021) và năm 2022 (QĐ số 1061/QĐ-HV ngày 12/8/2022) [H2.02.02.01].

Đề cương các HP trong CTĐT ngành QTKD ban hành năm 2022 gồm 91/91 HP [H2.02.02.02] được biên soạn theo mẫu chung do Học viện hướng dẫn. 100% đề cương các HP đều có đầy đủ các thông tin theo yêu cầu Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH bao gồm: tên đơn vị đảm nhận giảng dạy, thông tin GV giảng dạy, tên HP, số tín chỉ, mục tiêu, CĐR của HP, ma trận chuẩn đầu ra của môn học/HP, tóm tắt nội dung HP, nội dung chi tiết của HP, cấu trúc HP, hình thức tổ chức giảng dạy, phương pháp dạy - học, phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá, học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo.

Việc xây dựng, điều chỉnh, bổ sung nội dung ĐCHP được thực hiện thường xuyên hàng năm theo kế hoạch của Học viện [H2.02.02.03], nhằm đảm bảo nội dung kiến thức HP được liên tục cập nhật kiến thức QTKD, kinh tế quản lý mới, đáp ứng tốt nhu cầu của thực tiễn và của doanh nghiệp sử dụng lao động. Việc triển khai thực hiện được thông báo và phổ biến tới từng GV vào quý I hàng năm, các bộ môn và khoa thống nhất kế hoạch để đăng ký các HP cần điều chỉnh ĐCHP. Đặc biệt, sau khi ban hành CTĐT ngành

QTKD đổi mới năm 2021, với 100% số lượng các HP được hiệu chỉnh, biên soạn mới đối với 3 chuyên ngành chuyên môn sâu Quản trị doanh nghiệp, Thương mại điện tử, Quản trị Marketing. Riêng chuyên ngành Quản trị Logistics (mới được đưa vào đào tạo từ khóa 2020) được hoàn chỉnh ĐCHP, bài giảng vào cuối năm 2022 [H2.02.02.04].

Khoa QTKD đã lên kế hoạch rà soát, điều chỉnh ĐCCT các HP hiện có và bổ sung thêm HP mới. Khoa đã gấp rút hoàn thành xây dựng toàn bộ ĐCHP cho CTĐT trong năm 2021. Việc điều chỉnh các ĐCHP được hoàn thành trong năm và được ban hành kịp thời phục vụ giảng dạy [H2.02.02.05], [H2.02.02.06] trên cơ sở lấy ý kiến các BLQ. Tuy nhiên, trong quá trình khảo sát còn một số câu hỏi trong phiếu khảo sát không được đối tượng được khảo sát trả lời hoặc trả lời với cùng một mức cho các câu hỏi khác nhau; Việc phân tích kết quả khảo sát chưa đảm bảo tính khoa học, chưa thuận lợi cho việc khai thác các thông tin phục vụ cho việc điều chỉnh và cập nhật các ĐCCT HP.

Trong chu kỳ kiểm định CLGD, Học viện đã 3 lần rà soát, đổi mới, cập nhật ĐCCT vào các năm 2019, 2020, năm 2022 ngoài ra giữa các năm trên có các quyết định ban hành cho ĐCCT của một số học phần mới. Ở mỗi lần điều chỉnh ĐCCT, Học viện đều có mẫu đề cương, có hướng dẫn; các CĐCT được cập nhật bổ sung. So với ĐCCT năm 2106, năm 2019 thay đổi các học phần của khối kiến thức Mác-Lênin, các học phần tiếng Anh, loại bỏ 4 học phần (Lịch sử các học thuyết kinh tế, Tin học quản lý, Quản trị bán hàng, Tổ chức sản xuất). Năm 2021, thiết kế và đưa vào áp dụng tất cả các ĐCCT cho chuyên ngành Logistics. Tuy nhiên, Các ĐCCT HP đi kèm với phiên bản mới của CTĐT được thẩm định và ban hành trong một khoảng thời gian sau đó.

2. Điểm mạnh

100% các HP trong CTĐT đều có ĐCHP và nội dung ĐCHP được cập nhật kịp thời.

3. Điểm tồn tại

Các ĐCCT HP đi kèm với phiên bản mới của CTĐT được thẩm định và ban hành trong một khoảng thời gian sau đó.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Phòng Đào tạo chủ trì, Khoa QTKD phối hợp thực hiện rà soát lại các DCCT HP Và ban hành đồng thời ba văn bản: CTĐT, bản mô tả CTĐT và các ĐCCT HP của CTĐT để đảm bảo tính khoa học, chuyên nghiệp và thuận lợi cho các bên liên quan

triển khai thực hiện CTĐT và thuận lợi cho việc theo dõi giám sát mức độ triển khai CTĐT.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các HP được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT trình độ đại học ngành QTKD ban hành theo Quyết định 1279/QĐ-HV ngày 31/12/2019 [H2.01.02.03] và Bản mô tả CTĐT trình độ đại học ngành QTKD ban hành theo Quyết định 647A/QĐ-HV ngày 30/07/2021 [H2.01.02.03] đã được gửi tới các đơn vị liên quan trong Học viện, BGD&ĐT và BTT&TT [H2.02.03.01].

Bản mô tả CTĐT cũng được công bố trên cổng thông tin điện tử của Học viện và các tài liệu, phương tiện khác [H1.01.03.06], tại Sổ tay SV hàng năm [H1.01.03.07] để cung cấp thông tin về CTĐT cho các đối tượng như các cơ quan quản lý, SV đang theo học, SV mới nhập học, các cá nhân và tổ chức có nhu cầu tìm hiểu về CTĐT.

Bản mô tả của CTĐT còn được công bố trên ứng dụng PTIT-SLink của Học viện [H1.01.03.08] và được giới thiệu tới các GV thỉnh giảng của khoa QTKD, tới các doanh nghiệp được khoa QTKD gửi sinh viên tham quan thực tế và thực tập tốt nghiệp cuối khóa [H2.02.03.02].

Tổng số 91/91 ĐCHP trong CTĐT đều được công bố công khai bằng các hình thức khác nhau. Trong quá trình đào tạo, SV từ khi nhập học đã được cung cấp thông tin đầy đủ về CTĐT thông qua các tài liệu được phổ biến khi nhập học. Đồng thời SV được cung cấp tài khoản cá nhân trên hệ thống học tập Edusoft và hệ thống hỗ trợ học tập PTIT-Slink để dễ dàng và thuận tiện truy cập, tìm hiểu nội dung CTĐT, ĐCHP [H1.01.03.08]. Ngoài ra, NH còn được cung cấp ĐCHP cũng như các tài liệu phục vụ đào tạo thông qua các hình thức khác nhau như thư viện, văn phòng khoa, các phòng chức năng, GV, giới thiệu trên lớp, ... ĐCHP cùng các tài liệu học tập khác được công bố trên cổng thông tin điện tử của Khoa QTKD [H1.01.01.06]. ĐCHP cũng còn được cung cấp cho các chuyên gia, doanh nghiệp tham gia giảng dạy khóa đào tạo ngành QTKD tại Học viện [H2.02.03.02]. Tuy nhiên, một số SV và doanh nghiệp chưa được cung cấp kịp thời thông tin về đề cương các môn học/HP.

Bản mô tả CTĐT đều được thông báo và truyền thông rộng rãi đến các đối tượng khác nhau như NH, xã hội, ... trong quá trình tuyển sinh và tại các sự kiện. Các chuyên gia, NTD cũng được cung cấp bản mô tả CTĐT trong quá trình tiếp xúc, làm việc, các khóa đào tạo [H2.02.03.02]. NH có thể tiếp cận bản mô tả CTĐT thông qua các công cụ hỗ trợ học tập dễ dàng [H1.01.03.07]. Ngoài ra, toàn bộ nội dung CTĐT đều được công bố trên cổng thông tin điện tử và các tài liệu, phương tiện đa dạng để các cơ quan quản lí, NH, SV tốt nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức đều có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện [H1.01.03.06]. Tuy nhiên, ĐCHP trong CTĐT ngành QTKD đôi khi còn chưa được cập nhật nhanh và kịp thời đến NH và các BLQ.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành QTKD và đề cương các HP được công bố rộng rãi, công khai trên nhiều kênh thông tin khác nhau.

3. Điểm tồn tại

ĐCHP trong CTĐT ngành QTKD đôi khi còn chưa được cập nhật nhanh và kịp thời đến NH và các BLQ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Phòng Đào tạo chủ trì phối hợp với Phòng CT&CTSV và Khoa QTKD phối hợp công bố kịp thời ĐCHP đến các BLQ bằng các hình thức khác nhau và phương tiện đa dạng.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Bản mô tả CTĐT ngành QTKD năm 2021 có đầy đủ các mục nội dung theo quy định và có những thay đổi về nội dung các mục, đặc biệt là CĐR và cấu trúc CTĐT. Có 91 ĐCCT HP với đầy đủ các thông tin theo quy định và được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật theo kế hoạch của Học viện. Việc cập nhật các ĐCHP được triển khai theo hai hướng là cập nhật số mục trong mỗi đề cương và cập nhật nội dung ĐCCT HP.

Bản mô tả CTĐT và các ĐCCT HP đã được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Học viện, đồng thời cũng được các GV giới thiệu cho SV trong giờ học đầu tiên của mỗi HP. Các BLQ như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, SV, cựu SV, v.v... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT ngành QTKD trên website của Học viện.

Các ý kiến đóng góp cho Bản mô tả CTĐT mới nhất năm 2021 của các BLQ ngoài Học viện chưa nhiều để có thể khai thác được các thông tin hữu ích phục vụ cho việc điều chỉnh Bản mô tả CTĐT.

Tiêu chuẩn 2 có 3 tiêu chí: 5,00/7.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Học viện đã thực hiện xây dựng, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật CTĐT thường xuyên, gần đây toàn bộ CTĐT ngành QTKD đã được đổi mới đáp ứng yêu cầu phát triển về công nghệ trong lĩnh vực ICT và nhu cầu của thị trường lao động.

Cấu trúc của CTĐT được thiết kế hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Học viện và BGD&ĐT với các yêu cầu về hình thức, mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực hoạt động nghề nghiệp liên quan đến ngành QTKD , đáp ứng nhu cầu nhân lực ngành QTKD ngày nay.

Chương trình dạy học (CTDH) có cấu trúc, trình tự logic và được thiết kế theo trật tự các khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, ngành, và chuyên ngành. Nội dung các HP được cấu trúc khoa học, theo trình tự từ thấp lên cao và đặc biệt nội dung giữa các HP mang tính kế thừa, liên kết, mở rộng và thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT. CTDH của ngành QTKD được thiết kế với các phương pháp dạy và học, KTĐG nhằm hỗ trợ SV đạt được CĐR.

Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình dạy học ngành QTKD phiên bản năm 2021 được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Theo đó, định hướng quá trình thiết kế, xây dựng CTDH hoàn toàn dựa trên CĐR đã được xác định ngay từ đầu. Hình 3.1 *(Phụ lục 2)* mô tả khái quát quy trình thiết kế, xây dựng CTDH đại học ngành QTKD được áp dụng tại Học viện.

Trong quy trình thiết kế CTDH, khung chương trình gồm các khối kiến thức được xây dựng trên cơ sở các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Tiếp theo, các HP được đề xuất đóng góp vào từng CĐR cụ thể, và ĐCCT của các HP được hoàn thành dựa trên mô tả HP và mục tiêu cần đạt của HP trong CĐR.

Chương trình dạy học gồm 3 khối kiến thức chính: khối kiến thức giáo dục đại cương (bao gồm khối kiến thức chung và khối kiến thức cơ bản nhóm ngành), khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (bao gồm khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành, khối kiến thức chuyên ngành), và khối thực tập và HP tốt nghiệp. Cụ thể theo bảng 3.1 *(Phụ lục 2).*

Khối kiến thức giáo dục đai cương gồm 45 tín chỉ chiếm 34,6% dung lượng của CTĐT ngành QTKD được thể hiện chi tiết tại bảng 3.2 Khối kiến thức chung và Bảng 3.3 Khối kiến thức cơ bản nhóm ngành *(Phụ lục 2).*

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp với 75 tin chỉ, chiếm 57,7% dung lượng của CTĐT ngành QTKD được thể hiện chi tiết tại Bảng 3.4 Khối kiến thức cơ sở khối ngành và ngành *(Phụ lục 2),* với 58 TC chiếm 44,6% dung lượng của CTĐT thể hiện trong Bảng 3.5 Khối kiến thức chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp; Bảng 3.6 Khối kiến thức chuyên ngành Thương mại điện tử; Bảng 3.7 Khối kiến thức chuyên ngành Quản trị Logistics và Bảng 3.8 Khối kiến thức chuyên ngành Quản trị Marketing *(Phụ lục 2)*, khối kiến thức chuyên ngành đều gồm 17 TC và chiếm 13,1% dung lượng của CTĐT

Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp được thực hiện vào học kỳ cuối tại các doanh nghiệp lĩnh vực hoạt động phù hợp với từng chuyên ngành đào tạo, sau khi sinh viên hoàn thành xong các HP trong CTĐT. Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp trong CTĐT chiếm 10 TC chiếm 7,6% dung lượng của CTĐT.

Từ khối các kiến thức và khung chương trình, Bảng 3.9 *(Phụ lục 2)* mô tả mối quan hệ giữa các HP và CĐR (ma trận HP - CĐR) của CTĐT năm 2021 [H1.01.01.03].

Mỗi HP trong CTDH đều có đóng góp khác nhau để đáp ứng các CĐR.

Tất cả các HP đều có đóng góp vào việc đạt được các CĐR với mức độ khác nhau, từ các HP đại cương, cơ sở ngành, ngành đến chuyên ngành dựa trên nội dung kiến thức, mục tiêu của HP. Như vậy, CTDH ngành QTKD được thiết kế dựa trên các yêu cầu cụ thể của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm.

Trong CTDH ngành QTKD, các phương pháp giảng dạy và học tập được kết hợp sử dụng với nhiều hình thức phong phú, như giảng dạy lý thuyết, đọc tài liệu và báo cáo, bài tập nhóm, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, tiểu luận, bài tập thực hành, thực tập tại doanh nghiệp, chuyên đề, các bài giảng kết hợp thực tế tại doanh nghiệp,... đã phát huy được tính chủ động, sáng tạo của GV và NH, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đạt được CĐR của cả CTDH. Tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp

kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH cụ thể tại bảng "Mối liên hệ giữa Chiến lược và phương pháp dạy-học (TLMs) để đạt được Chuẩn đầu ra (PLOs)", bảng "Mối liên hệ giữa Phương pháp đánh giá nhằm đạt Chuẩn đầu ra" và bảng " Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), HP, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)" CTDH ngành QTKD năm 2019 và năm 2021 [H3.03.01.01], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03].

Phương pháp giảng dạy, học tập được sử dụng phù hợp với nội dung từng HP, nhằm đạt được CĐR của HP, đóng góp vào CĐR của CTĐT. Các HP giáo dục đại cương chủ yếu sử dụng phương pháp giảng lí thuyết kết hợp bài tập, bài tập nhóm. Các HP cơ sở ngành ngoài giảng lí thuyết, bài tập đã bắt đầu kết hợp đọc tài liệu và báo cáo, thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, đề án nghiên cứu,...phù hợp với đặc điểm tính chất của các HP kinh tế và QTKD. Khối các HP chuyên ngành được chú trọng hơn trong việc kết hợp các phương pháp giảng dạy lý thuyết với bài tập thảo luận nhóm, đề án nghiên cứu, nghiên cứu tình huống tại các doanh nghiệp có lĩnh vực hoạt động phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Với các HP chuyên ngành và khối kiến thức thực tập tốt nghiệp, Khoa QTKD đã sử dụng các phương pháp giảng dạy và học tập cơ bản để trang bị kiến thức lí thuyết ở trường kết hợp với các chuyên đề thực tập tại doanh nghiệp do các chuyên gia hướng dẫn giảng dạy, nhằm giúp NH mở rộng kiến thức và kĩ năng gắn với nghề nghiệp thuộc lĩnh vực chuyên ngành của ngành QTKD đang được đào tạo tại Học viện [H2.02.03.02].

Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH cũng được thực hiện với nhiều hình thức đa dạng, như kiểm tra trắc nghiệm, vấn đáp, báo cáo thuyết trình, bài tập nhóm, thi tự luận, hội đồng chấm báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp, ... nhằm đánh giá chính xác và khách quan kết quả học tập, góp phần đạt được CĐR của CTDH [H3.03.01.01], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03]. Hầu hết các HP được kiểm tra đánh giá theo phương pháp kết hợp giữa đánh giá thái độ, kiểm tra kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành. Phần lý thuyết thường được đánh giá thông qua điểm chuyên cần, thái độ học tập, kiểm tra giữa kỳ, tiểu luận, báo cáo bài tập nhóm, chấm tiểu luận... và thi kết thúc HP. Khối kiến thức giáo dục đại cương với kiến thức chung và lí thuyết chủ yếu sử dụng các phương pháp đánh giá truyền thống như thi viết tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp. Các HP kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành ngoài hình thức thi viết tự luận thông thường còn kết hợp sử dụng các phương pháp đánh giá phù hợp với ngành QTKD và trình độ

chuyên môn như bài tập lớn, tiểu luận, đề án môn học. Với các HP chuyên ngành phương pháp đánh giá cũng được sử dụng linh hoạt kết hợp giữa thi viết tự luận, bài tập lớn, tiểu luận, tuy nhiên phương pháp tiểu luận, đề án kết hợp với báo cáo được chú trọng để đánh giá kiến thức chuyên môn, cũng như kĩ năng làm việc, năng lực tự chủ và trách nhiệm của NH. Mặc dù vậy, hình thức thi kết thúc HP chủ yêu là hình thức thi viết tự luận nên việc đánh giá kĩ năng của NH vẫn còn hạn chế.

Bảng "Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), HP, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)" CTDH ngành QTKD năm 2021, nhiều phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá được sử dụng linh hoạt tùy vào yêu cầu đầu ra của mỗi HP [H3.03.01.03].

Thông quan Biên bản họp khoa về chương trình dạy học ngành QTKD năm 2019 và 2021 [H3.03.01.04], [H3.03.01.05] và Hồ sơ giảng dạy của giảng viên khoa QTKD trong từng học kỳ, năm học (bao gồm đăng ký môn học, thời khóa biểu, xác nhận khối lượng giảng dạy) [H3.03.01.06] cho thấy Khoa QTKD đã xây dựng tổ hợp 7 PPGD: dạy trực tiếp, dạy dựa vào hoạt động - trải nghiệm,dạy kỹ năng tư duy, dạy học tương tác, dạy theo hướng nghiên cứu, dạy dựa vào công nghệ, và tự học. Mỗi một phương pháp này lại có các hình thức cụ thể, ví dụ, dạy trực tiếp có giải thích cụ thể, thuyết giảng, tham luận, câu hỏi gợi mở. Các phương pháp giảng dạy và học tập được kết hợp sử dụng phát huy được tính chủ động, sáng tạo của GV và NH, góp phần đạt được CĐR của cả CTĐT.

2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học đại học ngành QTKD được thiết kế và đưa vào sử dụng dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ cũng như mức độ tự chủ, ý thức trách nhiệm nghề nghiệp; có sử dụng kết hợp giảng dạy lí thuyết tại Học viện với các chuyên đề từ chuyên gia trong, ngoài nước và thực tập tại doanh nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Hình thức thi kết thúc HP chủ yêu là hình thức thi viết tự luận nên việc đánh giá kĩ năng của NH vẫn còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2023, TTKT&ĐBCLGD chủ trì và phối hợp với Khoa QTKD điều chỉnh quy định các hình thức thi kết thúc HP tăng các HP có hình thức thi trắc nghiệm khách quan, các hình thức thi kết hợp giữa trắc nghiệp và tự luận, kết hợp giữa tự luận và vấn

đáp để có thể linh hoạt hình thực kiểm tra đánh giá kết thúc HP cho phù hợp với từng HP và phù hợp với CTĐT.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình dạy học đại học ngành QTKD được thiết kế bao gồm các khối kiến thức theo trình tự logic, từ khối kiến thức đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành đến khối kiến thức chuyên ngành và thực tập tốt nghiệp cùng khóa luận tốt nghiệp. Các HP đại cương, khối kiến thức chung được sắp xếp giảng dạy trong những năm học đầu tiên cung cấp các kiến thức khoa học, xã hội và kĩ năng, năng lực chung, đóng góp vào 22/23 CĐR của CTĐT. Các học kì tiếp theo của CTDH tập trung vào các HP giáo dục chuyên nghiệp kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành QTKD, trang bị cho NH các kiến thức, kĩ năng chuyên môn nền tảng của ngành học, đóng góp vào 6 CĐR về kiến thức, 3 CĐR kĩ năng chuyên môn và 4 CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm. Từ học kỳ 7, sinh viên được cung cấp kiến thức chuyên ngành chuyên sâu đã chọn, đóng góp vào 3 CĐR về kiến thức, 3 CĐR kĩ năng chuyên môn và 4 CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm. Học kỳ 8 dành riêng cho thực tập tại các cơ quan, doanh nghiệp và HP tốt nghiệp (khóa luận tốt nghiệp hoặc các HP thay thế tốt nghiệp) cung cấp cho NH các kiến thức chuyên môn và thực tiễn, mở khả năng làm việc độc lập và tự chủ, đóng góp vào 23/23 CĐR của CTĐT.

Mục tiêu và yêu cầu đầu ra của mỗi HP đều được thể hiện đầy đủ trong ĐCCT của HP, bao gồm các mức cần đạt được về kiến thức, kỹ năng của NH. Đóng góp cụ thể của từng HP vào CĐR được liệt kê trong Bảng 3.8 "Mô tả mối quan hệ giữa các HP trong các khối kiến thức và CĐR của CTĐT" *(Phụ lục 2)* từ Bản mô tả CTĐT ngành QTKD năm 2021 [H2.02.01.02].

Đề cương chi tiết của mỗi HP trong CTDH đều liệt kê đầy đủ thời lượng lý thuyết, thực hành, bài tập lớn/tiểu luận, hoạt động nhóm và các yêu cầu kiểm tra, đánh giá NH. Trên cơ sở đó GV có thể lựa chọn các phương pháp giảng dạy phù hợp, như thuyết trình, thảo luận nhóm bài tập, báo cáo tiểu luận, làm bài tập trực tiếp, câu hỏi lựa chọn, thực tại doanh nghiệp... giúp NH tiếp thu và nắm vững kiến thức. Dựa trên yêu cầu đầu ra và các đầu điểm đánh giá cần thực hiện trong ĐCCT của HP, các hình thức kiểm tra, đánh giá

NH đa dạng, như kiểm tra trắc nghiệm, vấn đáp, báo cáo thuyết trình bài tập nhóm, thi tự luận, hội đồng chấm báo cáo, khóa luận tốt nghiệp… nhằm đánh giá chính xác và khách quan kết quả học tập, góp phần đạt được CĐR của CTĐT [H2.02.02.05]. Các phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá NH được lựa chọn có hỗ trợ và bổ sung cho nhau, nhằm đánh giá chính xác từng phần kết quả học tập của mỗi NH.

Các HP giáo dục đại cương trang bị các kiến thức lí thuyết chung về khoa học, xã hội, sử dụng phương pháp giảng lí thuyết kết hợp bài tập, phù hợp với phương pháp đánh giá truyền thống như thi viết tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp. Các HP cơ sở ngành và chuyên ngành ngoài giảng lí thuyết, bài tập đã bắt đầu kết hợp đọc tài liệu và báo cáo, tiểu luận, đề án môn học, bài tập lớn,.. Khối kiến thức chuyên ngành được kết hợp tất cả các phương pháp giảng dạy và học tập, tăng cường các phương pháp phát triển khả năng tự học, sáng tạo, nghiên cứu của NH thông qua đọc tài liệu và báo cáo, đề án môn do vậy phương pháp đánh giá được sử dụng linh hoạt kết hợp giữa thi viết tự luận, bài tập lớn, tiểu luận,… Tổ hợp các phương pháp giảng dạy và đánh giá của tất cả các HP trong CTĐT phù hợp và tương thích để cùng hướng đến CĐR được mô tả chi tiết trong Bảng "Mối liên hệ giữa Chiến lược và phương pháp dạy-học (TLMs) để đạt được Chuẩn đầu ra (PLOs)", bảng "Mối liên hệ giữa Phương pháp đánh giá nhằm đạt Chuẩn đầu ra" và bảng "Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), HP, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)" CTDH ngành QTKD năm 2016 [H3.03.01.01], năm 2019 [H3.03.01.02] và năm 2021 [H3.03.01.03].

Đề cương chi tiết của tất cả các HP trong CTDH đều xác định rõ ràng mục tiêu về kiến thức và kỹ năng để đóng góp vào việc đạt được CĐR chung của toàn bộ CTDH [H2.02.02.02]. Đóng góp cụ thể của từng HP vào CĐR được mô tả trong Ma trận CĐR - HP tại Bảng 3.8 *(Phụ lục 2)* từ Bản mô tả CTĐT ngành QTKD [H1.01.02.01-03].

CTĐT năm 2021 (tính chung tất cả các chuyên ngành) có: 55,67% số học phần sử dụng 2 PPGD; 20,62% số HP sử dụng 3 PPGD; 19,59% số HP sử dụng 4 PPGD. Học viện đánh giá kết quả học tập của NH theo quá trình, bao gồm điểm chuyên cần (10%), điểm giữa kỳ (30%) và bài đánh giá cuối kỳ (60%). Đánh giá giữa kỳ có 2-3 bài đánh giá với các hình thức: bài kiểm tra, bài thuyết trình, làm việc nhóm; đánh giá cuối kỳ sử dụng đa dạng các hình thức. Nội dung học phần hướng tới đạt PLO.

Trong quá trình xây dựng, cũng như chỉnh sửa, bổ sung, đổi mới CTDH, ĐCCT các HP được tập thể các GV trong Khoa QTKD và các chuyên gia biên soạn, định kỳ hiệu

chỉnh theo yêu cầu về chuyên môn, kết hợp với kinh nghiệm giảng dạy, yêu cầu thị trường và xu thế phát triển KHCN trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý.

Thông qua Các biên bản Hội thảo cấp khoa về đề cương chi tiết ngành QTKD, bao gồm các biên bản hội thảo về xây dựng ĐCCT các học phần của từng bộ môn [H2.02.02.04]; Biên bản họp khoa về dự thảo chương trình dạy học ngành QTKD năm 2019, 2021 [H3.03.02.01]; Báo cáo tổng hợp ý kiến nhận xét của các bên liên quan về chương trình dạy học ngành QTKD năm 2019 và 2021 (kèm theo Phiếu khảo sát) [H3.03.02.02], [H3.03.02.03] cho thấy ĐCCT được biên soạn, hiệu chỉnh trên cơ sở lấy ý kiến của NH, các GV trong Khoa QTKD và các BLQ đến các lĩnh vực kinh doanh, thương mại điện tử, logistics, marketing. Tuy nhiên, việc khảo sát ý kiến đóng góp từ các chuyên gia và doanh nghiệp về nội dung HP chưa thường xuyên và còn hạn chế.

2. Điểm mạnh

Nội dung và phương pháp giảng dạy, học tập, đánh giá được xây dựng đóng góp vào CĐR của CTĐT ngành QTKD rõ ràng.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát ý kiến đóng góp từ các chuyên gia và doanh nghiệp về nội dung HP chưa thường xuyên và còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2023, Phòng Đào tạo chủ trì, Khoa QTKD phối hợp mở rộng lấy ý kiến đóng góp từ các chuyên gia và doanh nghiệp về nội dung HP hàng năm.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình dạy học ngành QTKD ban hành năm 2021 được thiết kế theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được đối với mỗi trình độ của GDĐH [H3.03.03.01]. Theo đó, CTDH được thiết kế gồm các khối kiến thức đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức ngành và khối kiến thức chuyên ngành [H1.01.01.03]. CTDH năm 2021 có 130 tín chỉ (không tính các kiến thức Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng-an ninh và Kỹ năng mềm) đối với tất cả các chuyên ngành. Kết cấu các khối kiến thức các chuyên ngành đều như nhau: kiến thức đại cương 34,6%,

kiến thức cơ sở khối ngành và ngành 44,6%, chuyên ngành 13,1% và thực tập, khóa luận tốt nghiệp 7,6%. Kết cấu, thời lượng CTDH của các HP là hợp lý.

Trong CTDH, mỗi khối kiến thức lại gồm một số HP, trong đó các HP trong khối có liên kết chặt chẽ, hình thành một khối thống nhất, có kế thừa và bổ sung cho nhau. Trong từng HP chỉ rõ mục tiêu và nội dung cụ thể, các HP tiên quyết và HP học trước, mối liên kết giữa các HP bảng " Tiến trình học tập chuẩn và danh sách các môn học (tiên quyết, trước, sau và song hành)" trong bản mô tả CTĐT ngành QTKD năm 2021 [H1.01.02.02].

Cụ thể, trong CTDH ban hành năm 2021, các HP thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương được giảng dạy trong các năm đầu nhằm trang bị cho NH các kiến thức và kỹ năng cơ bản, tạo nền tảng để có thể tiếp thu các kiến thức chuyên sâu hơn liên quan đến ngành học. Các HP cơ bản ngành được giảng dạy vào các năm học thứ 1 và thứ 2 nhằm trang bị cho NH những kiến thức và kỹ năng cơ bản của nhóm ngành QTKD, như các HP Toán cao cấp 1,2, Lý thuyết xác suất và thống kê, Toán kinh tế, Pháp luật đại cương, Tâm lý quản lý cơ sở về các. Các HP kiến thức cơ sở khối ngành và ngành như: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Quản trị học, quản trị chiến lược, marketing căn bản, Nguyên lý QTKD, Kinh tế lượng, Quản trị nhân lực, Quản trị tài chính doanh nghiệp, Logistics căn bản, Luật kinh doanh,..... Các HP thuộc khối kiến thức ngành QTKD được giảng dạy vào các học kỳ 2,3,4,5,6. Kỳ học thứ 7 được dành cho các kiến thức và kĩ năng chuyên ngành, với 4 lĩnh vực chuyên sâu Quản trị doanh nghiệp, Thương mại điện tử, Quản trị logistics, Quản trị Marketing. Nhờ việc tiếp thu, tích luỹ các kiến thức và kỹ năng qua từng học kỳ với từng khối kiến thức được sắp xếp một cách khoa học trong CTDH, NH có đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết đạt CĐR khi tốt nghiệp ra trường.

Tiến trình đào tạo chuẩn toàn khoá được phân bố hợp lý, trong đó khối kiến thức đại cương được giảng dạy trước, tiếp theo đến khối kiến thức cơ sở ngành, tiếp đến khối kiến thức ngành, rồi đến khối kiến thức chuyên ngành và thực tập, tốt nghiệp. Trong mỗi khối kiến thức, các HP được sắp xếp hợp lý trong tiến trình đào tạo, từ các HP có kiến thức - kỹ năng cơ bản đến các HP chuyên ngành có kiến thức - kỹ năng chuyên sâu nhằm đảm bảo NH có thể tích luỹ các kiến thức và kỹ năng đáp ứng CĐR. Trong CTDH và ĐCCT tất cả các HP đều chỉ rõ các môn học tiên quyết, các môn học trước, môn học song hành. Cùng với trang bị kiến thức các kỹ năng cá nhân, kĩ năng mềm, năng lực và phẩm chất, thái độ của NH cũng được rèn luyện và nâng cao. Nhờ vậy, sau khi học lần lượt từng khối kiến thức trong CTĐT, NH có đủ các kiến thức và kỹ năng cần thiết để tiếp tục

học các khối kiến thức tiếp theo và đến cuối khoá học tích luỹ đầy đủ kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của CĐR [H1.01.02.03]. Nhờ vậy, sau khi học lần lượt từng khối kiến thức trong CTĐT, NH có đủ các kiến thức và kỹ năng cần thiết để tiếp tục học các khối kiến thức tiếp theo và đến cuối khoá học tích luỹ đầy đủ kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của CĐR.

Chương trình dạy học ngành QTKD được rà soát, đánh giá định kỳ để điều chỉnh, cập nhật nhằm đảm bảo cho NH đạt được CĐR với kiến thức, kỹ năng và năng lực sau khi tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng của các cơ quan, doanh nghiệp, với các vị trí việc làm như trong mục tiêu CTĐT. Chương trình dạy học ngành QTKD bám sát theo chương trình khung ngành QTKD ban hành theo Quyết định số 591/QĐ-HV ngày 24/06/2016 [H1.01.01.01], sau đó được đổi mới, hiệu chỉnh, ban hành theo quyết định số 1279/QĐ-HV ngày 31 tháng 12 năm 2019 và được đổi mới toàn diện với 100% các HP cập nhật, thay đổi, biên soạn mới đã được ban hành theo Quyết định số 647A/QĐ-HV, ngày 30/07/2021 [H1.01.01.03]. Các nội dung thay đổi tóm tắt trong bảng "Đối sánh bản mô tả CTĐT giữa các năm 2017 - 2021".

Hàng năm Khoa QTKD đều thực hiện việc rà soát, điều chỉnh ĐCCT các HP trong CTĐT theo kế hoạch của Học viện [H2.02.02.02], quy trình qui định cụ thể: các bộ môn chuyên môn rà soát các HP được phân công phụ trách đào tạo; Khoa tổ chức hội thảo xem xét, rà soát, lấy ý kiến và lên kế hoạch điều chỉnh ĐCCT trình Học viện phê duyệt. Sau khi được phê duyệt, khoa giao các bộ môn thực hiện việc điều chỉnh và chủ trì việc đánh giá nghiệm thu, Giám đốc Học viện ký quyết định ban hành [H2.02.02.03], [H2.02.02.04]. Việc rà soát, hiệu chỉnh ĐCHP được tiến hành hàng năm, cập nhật, kịp thời, tuy nhiên một số nội dung trong CTĐT như mục tiêu, CĐR mặc dù được rà soát, xem xét, đánh giá định kì, nhưng việc thay đổi, cập nhật còn chưa được tiến hành thường xuyên

Chương trình dạy học ngành QTKD khi được điều chỉnh đều có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Cụ thể:

- CTĐT ngành QTKD xây dựng năm 2016, 2019 đã tham khảo các trường đại học trong nước bao gồm: Trường đại học Kinh tế Quốc dân, trường đại học kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, trường đại học Thăng Long, trường Đại học giao thông vận tải, trường đại học Thương mại; Nước ngoài như: CTĐT QTKD của Hamton University.

- CTDH ngành QTKD đổi mới, ban hành năm 2021 và bổ sung chuyên ngành mới

năm 2022 (QĐ số 1061/QĐ-HV ngày 12/8/2022) đã tham khảo các CTĐT ngành QTKD của các trường đại học hàng đầu trong nước bao gồm: Đại học Kinh tế quốc dân; Trường đại học kinh tế TP HCM; Trường đại học kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội; Trường đại học giao thông vận tải; Trường đại học kinh tế Đà Nẵng, cùng một số CTĐT các ngành liên quan QTKD của các trường đại học nước ngoài như CTĐT QTKD của Hamton University, RMIT (Bảng "Đối sánh CTĐT với các cơ sở đào tạo trong nước"; "Đối sánh CTĐT với các cơ sở đào tạo nước ngoài" [H3.03.03.02]. Tuy nhiên, Khoa QTKD chưa đối sánh sâu về các kiến thức và kỹ năng được truyền tải trong từng HP, phương pháp dạy - học và phương pháp KTĐG được sử dụng trong từng HP.

Việc tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế đảm bảo cho CTĐT ngành QTKD có tính cập nhật, hiện đại, theo kịp xu hướng phát triển khoa học công nghệ hiện nay. Một số HP chuyên ngành, chuyên sâu được tùy chọn, một số HP như chuyên đề, đề án có tính mở, cho phép tích hợp và thay đổi các nội dung mới, cập nhật, bám sát xu thế và sự phát triển của kiến thức, nhu cầu thị trường, và được giảng dạy bằng các phương pháp mới, linh hoạt và kết hợp.

2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học ngành QTKD của Học viện được thiết kế có cấu trúc hợp lý, logic, gắn kết giữa các khối kiến thức.

3. Điểm tồn tại

Khoa QTKD chỉ đối sánh về số lượng tín chỉ và số lượng các HP, tên gọi của các HP, chưa đối sánh sâu về các kiến thức và kỹ năng được truyền tải trong từng HP, phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng trong từng HP.

4. Kế hoạch hành động

Hàng năm, khi kết thúc năm học Khoa QTKD tham khảo và đối sánh CTĐT ngành QTKD của Học viện với các CTĐT ngành QTKD của các trường đại học khác, Khoa cần tập trung sâu các nội dung về kiến thức và kỹ năng được truyền tải trong mỗi HP, CĐR của từng HP, phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá của từng HP để tạo lập cơ sở điều chỉnh và hoàn thiện các HP thuộc CTĐT.

5.Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

CTDH ngành QTKD được thiết kế và đưa vào sử dụng dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp. Phiên bản CTDH

năm 2021 được thiết kế với 91 HP/131 tín chỉ, bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm giáo dục thể chất và quốc phòng an ninh), khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khối thực tập và tốt nghiệp.

Tất cả các HP trong CTDH đều có sự tương thích về nội dung và đáp ứng cụ thể cho từng CĐR của CTĐT ngành QTKD được thể hiện qua ma trận kỹ năng về sự đóng góp của mỗi HP cho CĐR của CTĐT, được thể hiện trong bản mô tả CTĐT ban hành năm 2021.

Các HP trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự liền mạnh và kế thừa giữa các HP thuộc khối kiến thức đại cương với 45 tín chỉ và được bố trí trong 4 kỳ đầu; khối kiến thức cơ sở khối ngành và chuyên ngành gồm 76 tín chỉ và được đưa vào dần dần từ kỳ thứ 3 cho đến kỳ 8 (kì 3 và kì 4 chỉ đưa 2 đến 3 môn cơ sở khối ngành, sang đến kỳ 5 tăng dần số môn cơ sở và chuyên ngành trong từng kỳ). Các HP bắt buộc và lựa chọn của ngành được thiết kế để sinh viên có thể học từ kỳ 7 (năm thứ 4). Thực tập và khóa luận tốt nghiệp gồm 10 tín chỉ được cấu trúc trong 1 học kỳ cuối của khóa học giúp sinh viên áp dụng được kiến thức một cách tổng hợp.

Việc khảo sát ý kiến đóng góp từ các chuyên gia và doanh nghiệp về nội dung HP chưa thường xuyên và còn hạn chế. Khoa QTKD chưa đối sánh sâu về các kiến thức và kỹ năng được truyền tải trong từng HP, phương pháp dạy-học và phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng trong từng HP.

Tiêu chuẩn 3 có 3 tiêu chí: 4,67/7.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Học viện ban hành Quy định, hướng dẫn về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học để đạt được CĐR như Quy định xây dựng, cải tiến và phát triển CTĐT (393/QĐ-HV ngày 23/03/2022); Các biên bản họp của Khoa QTKD về CĐR và các biên bản họp Hội đồng khoa học và đào tạo thông qua CĐR.

Tổ chức hoạt động dạy và học, trong đó bao gồm phương pháp tiếp cận trong dạy và học là khâu quan trọng, then chốt trong việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo cũng như hoàn thành mục tiêu đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo. Khoa QTKD đã xây dựng tổ hợp các phương pháp sử dụng cho việc giảng dạy và học tập, trong đó kết hợp nhiều hình thức giảng dạy linh hoạt, phù hợp với từng nội dung, từng HP. Tổ hợp các phương pháp dạy và học nhằm đạt mục tiêu giáo dục của Học viện cũng như mục tiêu của CTĐT

ngành QTKD, trong đó chú trọng giáo dục toàn diện cho NH, trang bị cho NH những khả năng sau:

- Khả năng tự khám phá kiến thức: NH có kỹ năng nghiên cứu, phân tích và tổng hợp tài liệu; hiểu được các chiến lược học tập khác nhau và lựa chọn chiến lược thích hợp nhất cho mình.

- Khả năng ghi nhớ kiến thức lâu dài: Phương pháp học nhấn mạnh vào khả năng hiểu chứ không phải học thuộc, giúp NH nhớ lâu hơn.

- Khả năng nhận thức các mối liên hệ giữa kiến thức cũ và mới: Chất lượng học tập phụ thuộc vào khả năng tổng hợp thông tin từ nhiều nguồn khác nhau.

- Khả năng tạo ra kiến thức mới: NH học tập có chất lượng biết khám phá tri thức của người khác và gắn kết nó với kinh nghiệm và kiến thức đã học của bản thân để đưa đến những phát kiến mới mẻ.

- Khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề.

- Khả năng truyền đạt kiến thức cho người khác: Chất lượng học tập của NH phụ thuộc vào việc NH có khả năng hình thành và diễn đạt những suy nghĩ và hành động độc lập của mình một cách mạch lạc và rõ ràng.

- Tính hiếu học: NH học tập có chất lượng là NH có tinh thần học tập suốt đời.

Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các BLQ.

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu giáo dục của Học viện được quy định trong các văn bản nhà nước bao gồm Quyết định 516/TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 11/7/1997 về việc thành lập Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông [H4.04.01.01], Quyết định 222/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 04/02/2016 về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Học viện [H4.04.01.02], Quyết định 879/BTTTT của Bộ trưởng BTT&TT ngày 25/5/2016 về việc Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông [H4.04.01.03] và Nghị quyết 22/NQ-HĐHV ngày 2/4/2021 của HĐHV ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông [H4.04.01.04].

Mục tiêu giáo dục của Học viện được xác định và thể hiện trong Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của Học viện ban hành theo Quyết định 516/QĐ-HV ngày 06/06/2017 [H1.01.01.08]; Chiến lược phát triển của Học viện giai đoạn 2020-2025 tầm

nhìn 2030 được Học viện ban hành theo Quyết định 156/QĐ-HV ngày 05/03/2020 [H1.01.01.09], Nghị quyết 42/NQ-HV ngày 25/11/2021 của HĐHV [H1.01.01.10]. Năm 2021, Học viện đã ban hành triết lý và mục tiêu giáo dục theo Quyết định 967/QĐ-HV, ngày 28/10/2021 [H4.04.01.05] với nội dung: *"Tri thức - Sáng tạo - Đạo đức - Trách nhiệm"*. Học viện xác định mục tiêu chiến lược "*Đến năm 2025, trở thành trường đại học có quy mô và chất lượng đào tạo, nghiên cứu hàng đầu Việt Nam về công nghệ số, là một trong các đơn vị chủ lực cung cấp nhân lực, tri thức, chuyển giao công nghệ phục vụ chuyển đổi số quốc gia. Là cơ sở đào tạo đại học tiên phong trong đổi mới phương thức đào tạo, có hệ sinh thái số gắn kết chặt chẽ giữa nhà trường, SV, doanh nghiệp và xã hội với mô hình quản trị đại học thông minh, thân thiện và chuyên nghiệp*".

Nội dung Triết lý giáo dục, phù hợp với mục tiêu của Học viện: "*Phát triển Học viện trở thành trung tâm giáo dục của đất nước và khu vực, định hướng ứng dụng vào năm 2030; đào tạo nguồn nhân lực cán bộ khoa học, công nghệ, có trình độ chuyên môn cao, tư duy, trí tuệ, cống hiến*". Đồng thời sau khi ban hành Học viện đã chỉ đạo các đơn vị xây dựng và thực hiện kế hoạch truyền thông, phổ biến Triết lý giáo dục đến toàn thể CBGV, SV và các cá nhân, tổ chức liên quan ngoài Học viện. Đi kèm với Triết lý giáo dục, Học viện có văn bản giải thích ý nghĩa của Triết lý giáo dục tới toàn thể CBGV, NH và các cá nhân, tổ chức xã hội có liên quan.

Mục tiêu và triết lý giáo dục của Học viện được phổ biến tới các cán bộ, GV trong các Hội nghị công chức, viên chức, người lao động Học viện và Hội nghị tổng kết năm học của Học viện [H4.04.01.06] và tài liệu hội nghị công chức, viên chức, người lao động, hội nghị tổng kết năm học Khoa QTKD hàng năm và tài liệu riêng của Khoa QTKD phổ biến Triết lý giáo dục đến SV của khoa [H4.04.01.07]. Các mục tiêu giáo dục, mục tiêu đào tạo, CĐR được đội ngũ GV thấm nhuần trong quá trình xây dựng CTĐT và ĐCCT các HP, từ đó đảm bảo mục tiêu giáo dục được thể hiện xuyên suốt trong các hoạt động dạy và học.

Mục tiêu giáo dục của Học viện cũng được phổ biến tới SV trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm học [H2.02.03.05]. Trong tuần sinh hoạt công dân, SV được giới thiệu về Học viện, truyền thống lịch sử, tầm nhìn sứ mạng, cũng như mục tiêu giáo dục của Học viện. Ngoài ra SV cũng được giới thiệu về các Khoa đào tạo cũng như giải thích về quyền và nghĩa vụ của SV. SV của Khoa QTKD còn được giới thiệu về ngành đào tạo,

các chuyên ngành, cơ hội nghề nghiệp, mục tiêu và CĐR của CTĐT trong buổi gặp gỡ và giao lưu với tân SV đầu khóa học khi nhập học [H4.04.01.08].

Biên bản họp khoa phổ biến triết lý giáo dục của Học viện [H4.04.01.09] cho thấy triết lý giáo dục được tất cả cán bộ, giảng viên, người học của khoa hiểu rõ và thực hiện.

Đối với nhà tuyển dụng (NTD), mục tiêu giáo dục của Học viện được trao đổi trong các buổi tọa đàm và định hướng nghề nghiệp, ngày hội việc làm do Phòng CT&CTSV phối hợp với các khoa tổ chức định kỳ hàng năm [H4.04.01.10] và một số NTD cũng được Khoa QTKD mời tham gia xây dựng CTĐT và cho ý kiến đánh giá về CTĐT của khoa. Mục tiêu giáo dục của Học viện được tuyên bố công khai và phổ biến tới toàn xã hội trên Website của Học viện [H4.04.01.11].

Mỗi giảng viên khi bắt đầu giảng dạy học phần của mình, đều dành thời gian để giới thiệu triết lý giáo dục của Học viện gắn với việc giới thiệu mục tiêu, nội dung, phương pháp học tập, chuẩn đầu ra, tiêu chí và phương thức đánh đối với HP trong CTDH ngành QTKD. Các giảng viên và cố vấn học tập sẽ cập nhật các thông báo của Học viện và Khoa đến với người học, đồng thời Khoa cũng bố trí phân công cố vấn học tập trực thường xuyên tại Văn phòng để kịp thời tư vấn, giải đáp thắc mắc giúp người học hiểu rõ CTĐT, kế hoạch phân bổ nội dung CTĐT và mục tiêu đào tạo, giúp các SV có kế hoạch đăng ký học phần phù hợp.

Triết lý giáo dục của Học viện được giới thiệu, phổ biến rộng rãi tới các BLQ với nhiều hình thức đa dạng như: pano, áp phích đặt tại các vị trí trang trọng trong Học viện; Triết lý giáo dục còn được phổ biến thông qua các video giới thiệu về Học viện, các bài viết trên các phương tiện thông tin đại chúng; trên website của Học viện. Triết lý giáo dục còn được phổ biến tới SV trong tuần sinh hoạt công dân và đưa vào trong sổ tay SV. Tuy nhiên, việc xác định mức độ hiểu và thực hiện mục tiêu giáo dục trong đội ngũ cán bộ, GV và NH chưa được khảo sát thường xuyên.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu giáo dục của Học viện và Khoa QTKD được xác định rõ ràng và phù hợp với mục tiêu phát triển Học viện; được tuyên bố cụ thể trong các văn bản pháp lý của Học viện. Các mục tiêu giáo dục được phổ biến rộng rãi tới NH, đội ngũ cán bộ GV và các BLQ bằng các hình thức đa dạng.

3. Điểm tồn tại

Khoa QTKD chưa thực hiện việc khảo sát, đánh giá thường xuyên về việc cán bộ, GV và NH hiểu mục tiêu giáo dục của Học viện và CTĐT ngành QTKD.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2023-2024, Văn phòng phối hợp với Khoa QTKD khảo sát nhằm xác định mức độ hiểu và thực hiện mục tiêu giáo dục của Học viện, ngành QTKD đối với CBGV, NH Khoa QTKD. Đồng thời, Học viện và Khoa cần đa dạng hơn về các phương thức phổ biến và giải thích rõ và sâu rộng hơn về Triết lý giáo dục của Học viện để các BLQ đặc biệt là cán bộ, GV và SV trong Học viện đều hiểu rõ ý nghĩa của Triết lý giáo dục của Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Trong quá trình phát triển CTDH, Khoa QTKD xác định mục tiêu thiết kế hoạt động dạy và học của các HP là giúp SV tuần tự tích lũy kiến thức, có kiến thức thực tế và năng lực thực hành, rèn luyện năng lực ngoại ngữ và kỹ năng mềm, năng động, sáng tạo, tích cực, chủ động trong học tập, có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, góp phần đạt được CĐR của CTĐT ngành QTKD năm 2019 [H1.01.02.01] và 2021 [H1.01.02.02].

Tổ hợp các phương pháp giảng dạy được thiết kế và thực hiện trong ĐCCT HP/môn học tương đối đa dạng và phù hợp để đạt được CĐR được thể hiện trong CTĐT trình độ đại học hệ chính quy ngành QTKD ban hành theo Quyết định 644/QĐ-HV ngày 30/07/2021 [H1.01.01.03]. Cụ thể: Các môn học cơ sở ngành và chuyên ngành đều được giảng dạy với nhiều phương pháp đa dạng như: nghe giảng trên lớp trong đó kết hợp sử dụng bảng và máy chiếu giúp tăng khả năng trực quan và diễn giải kiến thức của GV cũng như khả năng tiếp thu của SV; làm bài tập trên lớp giúp SV nắm chắc kiến thức môn học; các giờ thực hành tại phòng máy giúp SV tăng cường kỹ năng thực hành, áp dụng kiến thức lý thuyết vào giải quyết vấn đề; các bài tập lớn dạng dự án nhỏ giúp SV trải qua quy trình công việc thực tế, hình thành khả năng làm việc nhóm, đẩy nhanh quá trình tiếp cận với công việc ngoài doanh nghiệp và xã hội; các buổi báo cáo bài tập lớn cũng là giờ các em mở rộng kiến thức, khả năng tư duy cũng như khả năng thuyết trình. Các hình thức dạy học được mô tả trong CTDH bao gồm thuyết giảng, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề, tổ chức thảo luận nhóm, giao bài tập, giao chủ đề môn học hoặc tiểu luận

môn học để SV làm báo cáo thuyết trình, tăng tương tác giữa GV với SV, xây dựng bài giảng điện tử có mô phỏng.

Khi bắt đầu giảng dạy học phần, giảng viên giảng dạy các học phần công bố cho người học về đề cương học phần, chuẩn đầu ra của học phần và phương pháp học tập của từng chương trong nội dung học phần. Trên cơ sở ma trận chuẩn đầu ra, xác định mục tiêu đào tạo theo các tiêu chí khác nhau, các phương pháp giảng dạy và hoạt động dạy học đối với CTDH ngành QTKD được xác định phù hợp cho từng HP và được cụ thể tại Bảng thống kê phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG CTDH ngành QTKD năm 2016 [H3.03.01.09], năm 2019 [H3.03.01.10] và năm 2021 [H3.03.01.11]. Trong đó: Phương pháp giảng dạy nội dung lý thuyết của các học phần được áp dụng linh hoạt dưới các hình thức: Thuyết trình (diễn giải), phát vấn, thuyết trình nêu vấn đề, thảo luận nhóm, giao bài tự học....; đối với nội dung thực hành của các học phần, phương pháp giảng dạy được áp dụng: Làm mẫu, nêu vấn đề, thảo luận nhóm ...

GV giảng dạy HP hướng dẫn SV sử dụng các hoạt động học tập phù hợp, giúp SV chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. Nhiều PPDH tích cực đã được sử dụng như: phương pháp thảo luận nhóm, làm mẫu, nghiên cứu tình huống, dạy học dựa trên vấn đề, phương pháp thuyết trình ...

Với hoạt động dạy học trên lớp, các phương pháp giảng dạy được sử dụng bao gồm: Dạy học trực tiếp, Dạy học dựa vào hoạt động, Trải nghiệm, Dạy kỹ năng tư duy, Dạy học tương tác, Dạy học theo hướng nghiên cứu - giảng dạy, Dạy học dựa vào công nghệ giúp SV nắm chắc kiến thức HP, cải thiện kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình [H2.02.02.02].

Đối với các HP lý thuyết, PPDH chủ yếu là thuyết trình, giải quyết tình huống, đặt câu hỏi thảo luận, tổ chức học tập theo nhóm... Với các phương pháp này, SV đạt được khả năng thu nhận và áp dụng kiến thức thông qua sự tương tác với GV, SV trong lớp qua đó giúp SV phát triển được khả năng phân tích, tổng hợp và nghiên cứu các vấn đề liên quan đến ngành học, nhằm đạt được CĐR về kiến thức. Đối với các HP thuộc phương pháp chuyên ngành, GV yêu cầu SV lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động giáo dục, hoạt động nhóm, ... Với phương pháp dạy - học này giúp SV có sự liên hệ giữa lí thuyết và thực tiễn, rèn kĩ năng thực hành, làm việc nhóm, báo cáo thuyết trình, và nắm bắt công việc trong thực tế doanh nghiệp.

Với hoạt động thực hành, SV ngành QTKD được học tập trên hệ thống trang thiết bị và phần mềm chuyên ngành hiện đại, được cập nhật thường xuyên do các doanh nghiệp tài trợ như phần mềm Quản lý và bán hàng đa kênh Sapo, Phần mềm quản lý bán hàng Nhanh.vn, phần mềm Thiết kế website Thương mại điện tử Webbly [H4.04.02.01]. Học viện cũng xây dựng và cung cấp hướng dẫn thực hành cho nhiều HP về Thương mại điện tử, Bán lẻ trực tuyến, cho phép SV dễ dàng làm các bài thực hành mọi lúc mọi nơi, chỉ với chiếc máy tính cá nhân có kết nối Internet [H4.04.02.02]. Nhiều HP thực hành được giảng dạy dựa trên các phần mềm mô phỏng, SV có thể thực hành trên phòng máy tính tại Học viện hoặc tự cài đặt trên máy tính cá nhân theo tài liệu và video hướng dẫn của GV [H4.04.02.03].

Bên cạnh việc chú ý đến ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR của các môn học/HP, Hội đồng khoa đã họp xây dựng Kế hoạch rà soát, phát triển hệ thống học liệu của Khoa để cung cấp cho SV các học liệu cần thiết [H4.04.02.02].

Hàng năm, Khoa xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác dự giờ đối với các GV cũng như tổ chức họp đánh giá, rút kinh nghiệm giờ giảng nhằm đáp ứng CĐR cho từng HP [H4.04.02.03], [H4.04.02.04]. Kết quả, đa số GV đều được đánh giá xếp loại ở mức độ khá, giỏi và sử dụng phương pháp phù hợp với đặc trưng bộ môn, với nội dung của bài giảng hoặc với điều kiện thực tế.

Trong thời gian diễn ra dịch Covid-19, GV của Khoa đã kịp thời chuyển đổi hình thức đào tạo từ trực tiếp sang trực tuyến ở tất cả các loại hình đào tạo [H4.04.02.05].

Trong bản mô tả CTĐT năm 2021 [H2.02.01.02] đã quy định số tín chỉ và thời gian thực hiện cho hoạt động thực tập, thực tế. Thực tập tốt nghiệp HP bắt buộc của CTĐT với mục đích giúp SV thực hành nghiên cứu, tiếp cận và hiểu thực tiễn, hình thành thái độ đúng đắn và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp. Quá trình thực hiện các PPGD gắn liền với hướng dẫn NH thực hiện các hoạt động học tập phù hợp, giúp người học lĩnh hội kiến thức, có kỹ năng thực hiện, hướng đến đạt CĐR. CTĐT năm 2021 có 84,54% học phần sử dụng 3 PPGD, 15,46% học phần sử dụng 4 phương pháp giảng dạy.

Trong HP Chuyên đề của học kỳ cuối, SV được các chuyên gia, cán bộ tại doanh nghiệp trực tiếp đào tạo, huấn luyện để triển khai các dự án môn học ngay trên môi trường kinh doanh thực tế. Có thể nói việc đưa cán bộ doanh nghiệp tham gia giảng dạy

là hoạt động tiên phong, đổi mới của Học viện trong việc đảm bảo thực hiện CĐT của CTĐT [H4.04.02.04].

Đặc biệt, PPDH qua dự án triển khai tại doanh nghiệp đã được chú trọng áp dụng. Đây đều là các doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực kinh tế và có ký kết quan hệ hợp tác chính thức với Khoa QTKD. Tại doanh nghiệp, SV không chỉ được đào tạo quy trình nghiệp vụ cho nhân viên thực tập mà còn được trực tiếp tham gia vào các hoạt động kinh doanh thực tế. Điểm đánh giá việc hoàn thành các dự án thực tế tại doanh nghiệp được xác định là một trong những cấu phần điểm đánh giá kết thúc HP của SV [H4.04.02.05].

Với hoạt động thực tập, thực tế tại doanh nghiệp, tất cả SV năm cuối được tham gia các khóa thực tập toàn thời gian tại doanh nghiệp [H4.04.02.06].

Với các hoạt động ngoại khóa, SV ngành QTKD được tham gia vào các nhóm nghiên cứu các đề tài, dự án nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của của các GV trong Khoa QTKD [H4.04.02.07]. Bên cạnh đó, các buổi tham quan thực tế, các hoạt động kiến tập, thực tập, triển khai dự án thực tế thuộc lĩnh vực QTKD tại các doanh nghiệp được Học viện thường xuyên tổ chức cho SV ngành QTKD tham dự [H4.04.02.08].

Ngoài ra, nhằm đáp ứng nhu cầu được tiếp xúc và trải nghiệm nhiều nền văn hóa mới, khám phá thế giới xung quanh, phát triển bản thân, đồng thời được tiếp cận với nền giáo dục tiên tiến ở các quốc gia khác nhau trên thế giới, hàng năm, Học viện tổ chức các chương trình trao đổi cho SV chính quy thông qua mạng lưới các trường đối tác nước ngoài. Điều này mở ra cơ hội học hỏi, mở mang kiến thức và là một môi trường thuận lợi để trau dồi khả năng ngoại ngữ (Chương trình trao đổi SV từ năm 2017-2021) [H4.04.02.08].

GV của Khoa ngoài việc thực hiện đề tài, nhiệm vụ KHCN các cấp còn hướng dẫn SV NCKH và sinh viên được khuyến khích tham gia NCKH từ năm học thứ nhất. Khoa đã xây dựng danh mục đề tài gợi ý, sau đó sinh viên lựa chọn đề tài, Khoa xét duyệt tên đề tài và phân công giảng viên hướng dẫn [H4.04.02.09]. Những công trình nghiên cứu khoa học có chất lượng được lựa chọn báo cáo điển hình cấp khoa hoặc Học viện. Thông qua các buổi seminar trao đổi học thuật, hội thảo chuyên đề, và trực tiếp tham gia nghiên cứu, các SV Khoa QTKD đã thể hiện tốt khả năng nghiên cứu.

Học viện và Khoa QTKD cũng tổ chức các hoạt động ngoại khóa khác như cuộc thi Ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong HSSV Học viện P-Startup; Các cuộc thi chuyên môn ngành Quản trị kinh doanh (ECR2017; PTIT Yes 2020 [H4.04.02.10]. Các

CLB có nhiều hình thức hoạt động, học tập và giải trí phù hợp, trong đó các bạn SV khóa trên giúp đỡ các bạn SV khóa dưới, các bạn SV giỏi hỗ trợ các bạn SV kém hơn. Các CLB này đều hoạt động hiệu quả và đóng góp nhiều hoạt động và thành tích chung của Khoa cũng như Học viện. Tuy nhiên, số SV tham gia NCKH chưa nhiều và các hoạt động NCKH và tham gia các cuộc thi phong trào SV, các CLB mới chỉ tập trung ở nhóm các SV khá giỏi hoặc tích cực chủ động trong học tập, chưa lan tỏa đến các SV yếu kém hoặc ngại tham gia các hoạt động xã hội.

Ngay từ khi nhập học, NH đã được phổ biến CTDH, các phương pháp học tập cũng như CĐR của CTĐT thông qua Hệ thống quản lý học tập trực tuyến của Học viện [H4.04.02.05]. Trong quá trình học tập, SV được các CVHT hướng dẫn xây dựng kế hoạch học tập cá nhân và phê duyệt đăng ký học tập trong từng học kỳ và cung cấp đầy đủ các tài liệu, văn bản hướng dẫn, ... theo các Quy định về công tác CVHT tại Học viện ban hành theo các Quyết định 1235/QĐ-HV ngày 31/12/2015; Quyết định 333/QĐ-HVCS ngày 27/07/2018 và Quyết định 47/QĐ-HV ngày 14/01/2022 [H4.04.02.11] và các Biên bản họp giữa các lớp SV với CVHT trong từng học kỳ, năm học [H4.04.02.12]. Đồng thời, với mỗi học phần, ngay khi lên lớp các giảng viên trong khoa đều hướng dẫn sinh viên sử dụng các hoạt động học tập phù hợp, từ đó giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR.

Sau khi kết thúc HP trong mỗi học kỳ, Học viện tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV [H3.03.02.01]. Đa số NH hài lòng với các PPDH và cách truyền đạt mà GV sử dụng (44,7% hoàn toàn hài lòng; 51,3% hài lòng; và chỉ có 4% chưa hài lòng). "GV có PPDH phù hợp, hòa đồng, cởi mở, hiểu tâm lý SV; giảng dạy lôi cuốn, dễ hiểu, gần gũi với thực tiễn giúp SV hứng thú lĩnh hội những kiến thức, hiểu bài; vận dụng một số PPDH tích cực để nâng cao chất lượng bài giảng". Kết quả phản hồi được TTKT&ĐBCLGD tổng hợp và thông báo kết quả đánh giá của NH đến từng GV và khoa chuyên môn để có sự điều chỉnh về hoạt động dạy học và PPDH cho phù hợp hơn với thực tiễn giáo dục. Thống kê cho thấy 96% SV hài lòng với các hoạt động dạy học cũng như các PPDH, đánh giá KQHT của SV ngành QTKD.

Ngoài ra Học việc cũng tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH về CSVC, trang thiết bị sử dụng trong các hoạt động dạy và học như phòng học, thư viện, phòng thực hành, máy tính, máy chiếu, loa, míc, điều hòa, v.v... [H4.04.02.13]. Thống kê cũng cho thấy 86,73%

SV cơ bản hài lòng với với cơ sở hạ tầng, trang thiết bị sử dụng trong các hoạt động dạy học.

Thông qua các Biên bản họp khoa về hoạt động dạy và học /các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTDH ngành QTKD năm 2019 và 2021; Biên bản họp Hội đồng khoa về đẩy mạnh hoạt động liên kết với các doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và NCKH tại Khoa QTKD [H4.04.02.14] có thể khẳng định Khoa QTKD đã tổ chức các hoạt động dạy và học đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR và người học hài lòng với các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTDH ngành QTKD.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy học/PPDH được thiết kế và sử dụng một cách đa dạng và phù hợp giúp SV đạt được CĐR. Khoa QTKD tiên phong trong việc đưa các chuyên gia và cán bộ doanh nghiệp vào giảng dạy các HP chuyên ngành đòi hỏi tính thực tiễn cao. Phương pháp giảng dạy theo dự án cũng được chú trọng thực hiện giúp SV phát huy toàn bộ kiến thức, kỹ năng trong quá trình học nhằm đảm bảo CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Số SV tham gia NCKH chưa nhiều và các hoạt động NCKH, tham gia các cuộc thi SV, các CLB mới chỉ tập trung ở nhóm các SV khá giỏi hoặc tích cực chủ động trong học tập, chưa lan tỏa đến toàn thể SV ngành QTKD.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2023-2024, Khoa QTKD nghiên cứu, đề xuất giải pháp và tuyên truyền mở rộng hoạt động NCKH đến toàn thể SV trong Khoa.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.

1. Mô tả hiện trạng

Triết lý giáo dục đã được Học viện và Khoa phổ biến, thảo luận và quán triệt vào xây dựng mục tiêu đào tạo, CĐR ngành QTKD; được các bộ môn triển khai vào giảng dạy thông qua rà soát và cập nhật lại CTĐT, ĐCCT HP và PPGD. Sau mỗi năm học, Bộ môn và GV cập nhật, điều chỉnh nội dung môn học và phương pháp giảng dạy để phù hợp hơn.

100% ĐCCT các HP mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập được sử dụng phù hợp với HP như: Dạy học trực tiếp, Dạy học dựa vào hoạt động/dự án

thực tế, Trải nghiệm, Dạy kỹ năng tư duy, Dạy học tương tác, Dạy học theo hướng nghiên cứu - giảng dạy, Dạy học dựa vào công nghệ [H2.02.02.02]. Đặc biệt trong lịch trình giảng dạy của từng HP, GV đều gợi ý tài liệu học tập cần tham khảo theo từng chương hoặc nội dung cụ thể để SV có sự chuẩn bị tốt nhất, khuyến khích vai trò tự nghiên cứu, tự học của SV. Thông qua các bài tập lớn, thuyết trình, SV sẽ được rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng viết báo cáo và kỹ năng thuyết trình.

100% ĐCCT các HP ghi rõ số tiết tự học của SV và những tài liệu tham khảo, tự nghiên cứu thêm [H2.02.02.02]. Trong quá trình giảng dạy, SV được yêu cầu tự đọc và tìm hiểu một số nội dung mở rộng theo yêu cầu của GV. Các hoạt động dạy và học giúp hình thành khả năng phân tích, tổng hợp, tư duy phản biện và kỹ năng làm việc nhóm cho SV được thể hiện qua việc thực hiện các bài tập lớn và tiểu luận HP. GV sử dụng các hoạt động dạy học/PPDH phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Tuy nhiên, trong một số ĐCHP, các mục tiêu đặt ra cho SV đối với hoạt động tự học, tự nghiên cứu còn chưa cụ thể và chưa phản ánh rõ nét sự liên kết, bổ sung cho nhau giữa hoạt động tự học với hoạt động học tập khác của HP.

Hoạt động dạy học/PPDH đa dạng được GV sử dụng một cách phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Dạy học trên giảng đường: hỗ trợ kỹ năng nghe, hiểu và tóm lược các kiến thức, thông tin.

Nhằm trang bị cho SV khả năng tự học, tự nghiên cứu, GV đã triển khai đào tạo cho SV ngành QTKD các kỹ năng tự học, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng lập kế hoạch - tổ chức công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, v.v. SV được tham gia các buổi tranh luận để nâng cao kỹ năng phản biện. Đối với các HP chuyên ngành, SV được yêu cầu thực hiện báo cáo bài tập lớn/tiểu luận dưới dạng báo cáo khoa học nhằm giúp SV vận dụng kiến thức HP để giải quyết một vấn đề thực tế.

Hàng năm, Khoa lập kế hoạch và tổ chức triển khai nhiều hoạt động để khuyến khích SV NCKH, trau dồi kiến thức học thuật, rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho việc học tập suốt đời. SV được tham gia các đề tài NCKH với GV, được tham gia các đề tài NCKH của SV, tham gia các Hội nghị NCKH ở cấp Học viện hàng năm [H4.04.02.07] [H4.04.03.01]. Học viện và Khoa tổ chức và khuyến khích SV tham gia các cuộc thi SV NCKH do BGD&ĐT tổ chức, như cuộc thi "Ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong Học sinh – SV Việt nam". Sản phẩm dự thi các do nhóm SV ngành QTKD của Học viện luôn đạt giải cao ở cuộc thi này ở cả cấp Học viện [H4.04.03.02] và cấp quốc gia. Năm

2019, nhóm SV của Khoa QTKD được vào vòng chung kết cấp quốc gia của cuộc thi này [H4.04.03.03].

Học viện và Khoa cũng đã chủ động tổ chức các cuộc thi chuyên môn có quy mô lớn với sự tham gia của các trường đại học hàng đầu về đào tạo Kinh tế và Quản lý như trường đại học Kinh tế Quốc dân, trường đại học Ngoại thương, như cuộc thi ECR năm 2017, PTIT Yes năm 2020 [H4.04.03.04].

SV năm thứ 3 và năm thứ 4 được tham gia các hoạt động kiến tập, thực tập, thực tế thuộc lĩnh vực QTKD tại các công ty, doanh nghiệp để rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết các vấn đề cụ thể, áp dụng kiến thức lí thuyết vào thực tiễn, tham gia các hoạt động liên quan đến chương trình hợp tác giữa Học viện và các doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam để SV tiếp cận với yêu cầu thực tế của doanh nghiệp [H4.04.02.08].

Để hỗ trợ SV về khả năng tự học, tự nghiên cứu kiến thức từ các nguồn sách, tạp chí chuyên ngành chất lượng cao ở Việt Nam và trên thế giới, GV của Khoa QTKD đã biên soạn "Tài liệu hỗ trợ SV phương pháp tìm kiếm, tra cứu tài liệu khoa học trên Internet" và hướng dẫn SV sử dụng, đây là tài liệu rất hữu ích đối với SV và được SV sử dụng trong suốt quá trình học tại Học viện và cả sau khi tốt nghiệp [H4.04.03.05]

SV năm thứ 4 được tham gia các hoạt động, thực tập thực tế tại các công ty, doanh nghiệp để rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết các vấn đề cụ thể, áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn [H4.04.03.07] và tham gia hoạt động hội thảo giao lưu giữa SV với các doanh nghiệp về kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm, về ngành nghề đào tạo [H4.04.02.06]. Qua các đợt thực tập tại các doanh nghiệp, SV Khoa QTKD được các công ty, doanh nghiệp đánh giá có trình độ chuyên môn và kỹ năng giao tiếp tốt [H4.04.03.06].

Học viện đã khảo sát ý kiến của các doanh nghiệp, cựu SV để cải tiến chương trình và chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng các yêu cầu của các doanh nghiệp. Các tiêu chí đánh giá về trình độ chuyên môn, kỹ năng làm việc nhóm, khả năng hội nhập, khả năng làm việc trong môi trường chuyên nghiệp, khả năng ứng dụng kiến thức công việc vào thực tế đều được các doanh nghiệp đánh giá ở mức đạt yêu cầu tuyển dụng [H4.04.03.08]. Tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành QTKD tham gia trả lời phiếu hỏi ở các đợt khảo sát trong giai đoạn 2017-2021 dao động từ 89% - 91% so với số SV tốt nghiệp được khảo sát. Kết quả khảo sát cho thấy, tỷ lệ SV ngành QTKD có việc làm với tỷ lệ 87% - 90%.

Báo cáo tổng hợp ý kiến khảo sát về CTDH ngành QTKD năm 2019 [H3.03.01.01], năm 2021 [H3.03.01.02]; Biên bản họp Khoa về việc sử dụng các hoạt động dạy học/ phương pháp giảng dạy năm 2019 [H3.03.01.04], năm 2021 [H3.03.01.05] đã khẳng định: CTDH có 100% ĐCCT các HP đã mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm; nhấn mạnh đến hoạt động tự học/tự nghiên cứu nhằm hướng tới việc nâng cao khả năng học tập suốt đời.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học đa dạng thúc đẩy NH rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, đặc biệt là các kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm liên quan đến thiết kế, xây dựng và vận hành dự án thực tế về kinh doanh và quản trị tại các doanh nghiệp hoặc các dự án khởi nghiệp của SV ngay trong và sau quá trình học tại Học viện.

3. Điểm tồn tại

Trong một số ĐCHP, các mục tiêu đặt ra cho SV đối với hoạt động tự học, tự nghiên cứu còn chưa cụ thể và chưa phản ánh rõ nét sự liên kết, bổ sung cho nhau giữa hoạt động tự học với hoạt động học tập khác của HP.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2023-2024, Phòng Đào tạo phối hợp với Khoa QTKD rà soát lại các ĐCHP để bổ sung và hoàn thiện hơn với những hướng dẫn chi tiết cho SV về việc tự học, tự nghiên cứu các vấn đề trong từng chương mục của HP và rèn luyện cho SV khả năng tự học tự nghiên cứu và học tập suốt đời. Đồng thời Khoa QTKD lập kế hoạch mở rộng hoạt động NCKH đến nhiều SV hơn.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Học viện đã ban hành Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục, với nội dung: *"Tri thức - Sáng tạo - Đạo đức - Trách nhiệm"*. Nội dung Triết lý giáo dục, phù hợp với mục tiêu của Học viện: "Phát triển Học viện trở thành trung tâm giáo dục của đất nước và khu vực, định hướng ứng dụng vào năm 2030". Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các BLQ nhằm giúp các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR, các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của SV.

Học viện có quy định, hướng dẫn về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học để đạt được CĐR như Quy định xây dựng, cải tiến và phát triển CTĐT (393/QĐ-HV ngày 23/03/2022); Biên bản họp của Khoa về CĐR; … Các văn bản trên đều hướng đến xác định, lựa chọn các hoạt động dạy của GV phù hợp với việc đảm bảo cho SV tiếp thu kiến thức, kỹ năng, thái độ đặc biệt là chuyên môn nghề nghiệp để đáp ứng năng lực nghề nghiệp sáng tạo, chuyển giao KHCN như đã nêu trong Triết lý giáo dục.

Các phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT ngành QTKD là phù hợp và có một số PPDH mang tính sáng tạo, tiên phong. Các hoạt động giảng dạy của GV và học tập của SV là đa dạng, linh hoạt, giúp NH thuận lợi trong việc đạt CĐR của CTĐT. Các hoạt động học tập đa dạng như NCKH, tự học, thảo luận, thuyết trình, kiến tập, thực tập nghề nghiệp, các khóa học nâng cao kỹ năng mềm giúp SV có năng lực học tập suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy và NH và đặc biệt là có sự tham gia của các doanh nghiệp, các chuyên gia, các "giảng viên – doanh nhân" trong môi trường học tập cởi mở và thân thiện, tôn trọng và hỗ trợ NH một cách tích cực.

Học viện đã tổ chức cho SV học tập ngoại khóa, tạo lập môi trường phù hợp để rèn luyện tính năng động, tính thích nghi, tự tin…thông qua việc tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo, các cuộc thi SV NCKH; mời các báo cáo viên, chuyên gia có kinh nghiệm trong các lĩnh vực để chia sẻ, định hướng cho SV thông qua các buổi tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm.

Bên cạnh đó có những điểm tồn tại cần khắc phục, đó là cần tăng cường thu thập ý kiến phản hồi của các bên như SV, GV và nhà tuyển dụng (NTD) khi đổi mới phương pháp giảng dạy; cần tăng thêm số lượng phiếu khảo sát thu thập ý kiến phản hồi của các bên như SV, GV và NTD khi đổi mới phương pháp giảng dạy; cần đẩy mạnh hoạt động NCKH cho SV, tham gia hoạt động các CLB của Khoa QTKD nhằm nâng cao năng lực tự học; trong một một vài ĐCHP, việc hướng dẫn việc tự học, tự nghiên cứu cho SV còn khá chung chung.

Tiêu chuẩn 4 có 3 tiêu chí: 5,00/7.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá KQHT của NH là một trong những khâu quan trọng trong công tác tổ chức đào tạo. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng quan trọng đến việc học tập và nghề nghiệp

sau này của NH, đồng thời cung cấp cho Học viện, Khoa QTKD các thông tin giá trị về chất lượng dạy - học và các dịch vụ hỗ trợ NH.

Việc đánh giá KQHT của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR của CTĐT ngành QTKD, quá trình đánh giá được bắt đầu ngay từ khâu tuyển sinh đầu vào và thực hiện xuyên suốt quá trình học tập của SV cho tới khi tốt nghiệp.

Mục đích của việc KTĐG là nhằm xác định mức độ kiến thức cũng như kỹ năng mà SV cần đạt được so với mục tiêu của CTĐT cũng như mục tiêu của từng HP trong CTĐT ngành QTKD. Việc đánh giá kết quả của SV căn cứ vào CĐR và nội dung của CTĐT. Các quy định về đánh giá KQHT của NH theo CTĐT ngành QTKD được công bố công khai tới NH và các BLQ trước khi bắt đầu triển khai CTĐT. Trong tiết học đầu tiên của các HP, NH được thông báo về kế hoạch, hình thức và tiêu chí KTĐG sử dụng trong HP đó. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng và có tính liên tục, đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng, phù hợp với đặc thù của từng HP.

Thông tin về KQHT được phản hồi kịp thời giúp NH cải thiện quá trình học tập của bản thân, đáp ứng với mục tiêu đào tạo. Ngoài ra, NH cũng dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về việc đánh giá KQHT của GV trong quá trình học tập tại Học viện. Các quy định về đánh giá KQHT đã được trình bày cụ thể, rõ ràng trong các quy định về đào tạo, thi, KTĐG KQHT do Học viện ban hành và được thông báo công khai tới SV qua nhiều hình thức.

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện có quy định, hướng dẫn về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với Triết lý giáo dục, trong đó, việc đánh giá KQHT của NH được xây dựng và thường xuyên được điều chỉnh trong chu kỳ đánh giá, cụ thể:

Kể từ năm 2012, khi chuyển sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Học viện đã ban hành các quy định để triển khai tổ chức đào tạo, tài liệu hướng dẫn, thiết kế các phương pháp KTĐG và đo lường trong giáo dục với những nội dung về đánh giá, phân loại đánh giá, quy trình và các phương pháp đánh giá, một số kỹ thuật để xây dựng công cụ đánh giá dựa trên CĐR của từng HP. Cụ thể:

Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định 897/QĐ-HV ngày 11/12/2012 [H5.05.01.01]. Trong quy định này đã dành toàn bộ chương V để

quy định về việc đánh giá kết quả và thi kết thúc HP: Điều 23 quy định tiêu chí đánh giá KQHT; Điều 24 quy định việc đánh giá kết quả HP (các hình thức đánh giá và hình thức thi kết thúc HP); Điều 25 quy định thang điểm đánh giá (theo thang điểm 10, điểm quy đổi sang điểm chữ và thang điểm 4); điều 29 quy định việc tổ chức kỳ thi kết thúc HP.

Năm 2018, căn cứ Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012), Học viện ban hành Quy định đào tạo cao đẳng, đại học theo hệ thống tín theo Quyết định 474/QĐ-HV ngày 19/6/2018 [H5.05.01.02]: Tại điều 29 quy định công tác tổ chức thi kết thúc HP gồm các nội dung về tiêu chí đánh giá KQHT, các hình thức đánh giá kết quả HP và thang điểm đánh giá , trong đó có nội dung "*Các quy định chi tiết khác liên quan thực hiện theo Quy định tổ chức thi kết thúc HP hệ cao đẳng, ĐHCQ theo học chế tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định 691/QĐ-KT&ĐBCLGD ngày 13 tháng 9 năm 2013 của Giám đốc Học viện*".

Năm 2021, căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học của BGD&ĐT ban hành theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của BGD&ĐT, Học viện ban hành Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ theo Quyết định 838/QĐ-HV ngày 11/10/2021 [H5.05.01.03], tại Chương III, Điều 18 và Chương V, Điều 23, 24, 25, 26 liên quan đánh giá kết quả HP cho các HP lý thuyết và HP thực hành có tổ chức thi kết thúc HP và quy định điểm đánh giá của GV đối với SV; quy định thang điểm đánh giá (theo thang điểm 10, điểm quy đổi sang điểm chữ và thang điểm 4); Điều 29 quy định việc tổ chức kỳ thi kết thúc HP. Quy định đã thể hiện rõ Học viện dựa trên nhóm 4 tiêu chí để đánh giá CĐR của NH: Tiêu chí về kiến thức chung, kiến thức và kỹ năng chuyên ngành; Tiêu chí về trình độ ngoại ngữ; Tiêu chí về trình độ tin học; Tiêu chí về kỹ năng mềm.

Trong giai đoạn 2017-2022, Học viện đã ba lần chỉnh sửa, ban hành các Quy định đào tạo đại học theo tín chỉ và kết cấu bản quy định năm 2021 giữ nguyên như năm 2018, được điều chỉnh, bổ sung đầy đủ các nội dung quy định về đánh giá KQHT của NH theo đúng Quy chế đào tạo trình độ đại học của BGD&ĐT.

Trong suốt quá trình đào tạo NH được đánh giá các nội dung: Việc học tập trên lớp được đánh giá thông qua điểm chuyên cần, các bài kiểm tra giữa kỳ, các bài tập nhóm, bài thực hành, thực tập; Bài thi cuối kỳ với nhiều hình thức khác nhau như: thi tự luận,

trắc nghiệm, trắc nghiệm kết hợp với tự luận, vấn đáp; thực tập tốt nghiệp; thi tốt nghiệp/làm ĐAKTTN và được quy định tại các văn bản cụ thể:

Quy định tổ chức thi kết thúc HP hệ cao đẳng, ĐHCQ theo học chế tín chỉ ban hành theo Quyết định 691/QĐ-KT&ĐBCLGD ngày 13/9/2013 [H5.05.01.04]. Trong đó quy định về việc ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc HP; áp dụng cho thi kết thúc HP với các hình thức trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, bảo vệ chuyên đề, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

Sau khi Học viện chỉnh sửa, ban hành Quy định đào tạo theo tín chỉ năm 2018 và 2021, TTKT&ĐBCLGD kịp thời đề xuất việc hiệu chỉnh các nội dung về thi kết thúc HP cho phù hợp với quy định đào tạo mới theo Quyết định 1277/QĐ-HV ngày 31/12/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định tổ chức thi kết thúc HP hệ cao đẳng, ĐHCQ theo học chế tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định 691/QĐ-KT&ĐBCLGD ngày 13/9/2013 [H5.05.01.05] và Quy định thi kết thúc HP và các HP thay thế tốt nghiệp ban hành theo Quyết định 1037/QĐ-HV ngày 12/11/2021 [H5.05.01.06]. Trong đó quy định hình thức, thời gian thi, kiểm tra; thời lượng các bài kiểm tra; kế hoạch tổ chức thi kết thúc HP, bao gồm điều kiện dự thi, thi kết thúc HP, hình thức thi, khiếu nại và sửa điểm; … Đồng thời, Quy trình đánh giá KQHT được phân chia làm 2 loại hình đánh giá: đánh giá KQHT theo HP và đánh giá KQHT theo học kỳ.

Dựa vào các quy định nêu trên, TTKT&ĐBCLGD tổ chức đánh giá và quản lý KQHT của SV. Quy trình tổ chức các kỳ thi nêu rõ về việc cho điểm quá trình, xếp lịch thi, ra đề, tổ chức thi, chấm thi, nhập điểm, phúc tra, lưu trữ bài thi và công bố điểm. Quy trình này có sự tham gia của nhiều đơn vị trong Học viện như: (i) Phòng Giáo vụ là đơn vị lập Kế hoạch thi. (ii) TTKT&ĐBCLGD là đơn vị tổ chức thi bao gồm 03 bước (ra đề, coi thi, tổ chức chấm thi và thông báo kết quả, cách tính điểm bộ phận và điểm HP); phụ trách in sao, lưu trữ đề thi; tổ chức các ca thi; lưu trữ bài thi, bảng điểm, các biên bản. (iii) các Bộ môn phụ trách việc ra đề thi, phân công GV chấm thi/chấm phúc tra. (iv) Ban Thanh tra các kỳ thi giám sát việc bốc thăm, in sao đề thi, giám sát công tác coi thi, chấm thi/chấm phúc tra. (v) Trung tâm TN-TH quản lý các phòng máy thi thực hành. (vi) Trung tâm Dịch vụ là đơn vị chuẩn bị, quản lý phòng thi. (vii) Văn phòng Học viện bố trí cán bộ bảo vệ trực giữ trật tự tại khu vực tổ chức thi. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2027-2022, TTKT&ĐBCLGD và Khoa QTKD chưa tiến hành tham khảo ý kiến các BLQ để đánh giá sự phù hợp của các văn bản đã ban hành trong lĩnh vực khảo thí.

Trong thời gian diễn ra dịch bệnh Covid-19, Học viện kịp thời ban hành các văn bản triển khai công tác tổ chức thi trực tuyến như: Hướng dẫn tổ chức thi trực tuyến trong thời gian phòng, chống đại dịch Covid-19 (470/QĐ-HV ngày 09/6/2021) [H5.05.01.07] và Hướng dẫn bổ sung hình thức thi trực tuyến trong thời gian phòng, chống đại dịch Covid-19 ban hành theo Quyết định 654/QĐ-HV ngày 04/8/2021 [H5.05.01.08].

Học viện ban hành Quy trình về tổ chức thực tập tốt nghiệp theo Quyết định 05/QĐ-KT&ĐBCLGD ngày 10/01/2011 để hướng dẫn đánh giá và chấm điểm thực tập tốt nghiệp (TTTN) của SV [H5.05.01.09].

Để đánh giá kết quả tốt nghiệp của SV, Học viện ban hành Quy định về việc đánh giá và tổ chức bảo vệ ĐA/KLTN theo Quyết định 924/QĐ-KT&ĐBCLGD ngày 15/11/2011 [H5.05.01.10] và trong thời gian dịch bệnh Covid-19, Học viện ban hành Quy định về việc tổ chức đánh giá ĐAKLTN theo hình thức trực tuyến trong thời gian dịch Covid-19 theo Quyết định 594/QĐ-HV ngày 15/7/2021 [H5.05.01.11].

Học viện đã ban hành Quy định xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi kết thúc HP đại học hệ chính quy theo Quyết định 685/QĐ-HV ngày 18/9/2018 [H5.05.01.12], trong đó có quy trình xây dựng, quản lý, sử dụng và thanh toán, đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của phương pháp KTĐG NH theo. Quy trình gồm 12 bước: (1). Xác định phạm vi nội dung ra đề; (2) Viết câu hỏi: do các giáo viên, các nhà khoa học phụ trách; (3) Đánh giá lại câu hỏi về mặt nội dung; (4) Đánh giá lại câu hỏi về tính công bằng; (5) Kiểm tra thử câu hỏi với SV; (6) Phân tích thống kê từ kết quả kiểm tra thử: đánh giá độ khó của câu hỏi, đánh giá khả năng phân biệt trình độ SV của câu hỏi, đánh giá kết quả của các SV cùng trình độ nhưng thuộc các thành phần khác nhau (tôn giáo, dân tộc, giới tính) để xem xét tính công bằng; (7) Hiệu chỉnh và hình thành bản nháp của các câu hỏi thi đã hoàn thiện; (8) Thẩm định của các chuyên gia bên ngoà; (9) Thẩm định của hội đồng chuyên môn: bao gồm đại diện của cố vấn của các trường, chuyên gia tuyển sinh của các trường đại học, các nhà giáo dục, các GV (10) Biên tập, sửa bản in, in, và phân phối; (11) Tổ chức thi; (12) Phân tích thống kê sau khi thi: thực hiện phân tích giống như đã thực hiện ở bước 6 để đảm bảo kết quả thi thử và thi thật không có độ chênh lệch lớn.

Căn cứ ĐCCT HP, hàng năm, Học viện ban hành văn bản hướng dẫn các khoa, bộ môn xây dựng mới và hiệu chỉnh NHCHT kết thúc các HP trong đã ban hành trong CTĐT [H5.05.01.13]. Theo văn bản hướng dẫn, khi thiết kế NHCHT các HP, dựa trên cơ

sở 6 cấp độ của thang cấp độ tư duy Bloom, các bộ môn chủ động thiết kế câu hỏi từ dễ đến phức tạp tương ứng với 3 cấp độ tư duy (Bậc 1: Nhớ, biết; Bậc 2: Hiểu, áp dụng; Bậc 3: Phân tích, tổng hợp, đánh giá). Đối với những HP chưa xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, Học viện xây dựng kế hoạch biên soạn đề thi để hướng dẫn GV biên soạn đề thi, với yêu cầu đề thi phải bám sát nội dung, chương trình giảng dạy, đồng thời đạt yêu cầu phân loại được năng lực của NH, phải phát huy khả năng tư duy, sáng tạo của NH và đủ thời gian quy định cho mỗi HP.

KQHT của NH được đánh giá thông qua các hoạt động học tập trên giảng đường, phòng TN-TH và tại các cơ sở SV đến thực tập, với các phương pháp đánh giá cụ thể:

Căn cứ Quy định về tổ chức thực tập tốt nghiệp, hướng dẫn đánh giá và chấm điểm TTTN [H5.05.01.09]: Kết thúc thời gian thực tập theo yêu cầu của đề cương và hướng dẫn của GVHD, SV phải hoàn thành báo cáo thực tập cho GVHD theo đúng thời hạn quy định; các khoa chuyên môn/đơn vị nghiên cứu tổ chức đánh giá, chấm điểm (có tham khảo điểm của cơ sở thực tập, của CBHD/GVHD) dưới hình thức phù hợp (vấn đáp hoặc chấm điểm báo cáo...) trong thời hạn đã được phê duyệt theo đề cương thực tập, công bố điểm cho SV.

Quy trình tổ chức thực hiện ĐATN ban hành theo Quyết định 924/QĐ-HV ngày 15/11/2011 [H5.05.01.10] hướng dẫn đánh giá ĐA/KLTN với các phiếu nhận xét của người phản biện và phiếu đánh giá của các thành viên hội đồng, điểm đánh giá chi tiết đến 0,25 điểm.

- Việc đánh giá kết quả HP thực hiện theo Quy định tổ chức thi kết thúc HP hệ cao đẳng, ĐHCQ theo học chế tín chỉ [H5.05.01.04], [H5.05.01.05]: Trong đó điểm đánh giá HP là tổng điểm của tất cả các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4; đối với các HP chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành, tùy theo tính chất của HP, điểm HP được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá thành phần; đối với các HP thực hành: SV phải tham dự đầy đủ các bài thực hành được quy định cho mỗi HP. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của HP thực hành. Việc lựa chọn phương pháp đánh giá HP được quy định cụ thể trong ĐCCT của HP thông qua bài thi kết thúc HP với hình thi có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, bảo vệ chuyên đề, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

- Việc đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp thực hiện theo Quy định về tổ chức thực tập tốt nghiệp hướng dẫn đánh giá và chấm điểm TTTN [H5.05.01.09]: Trong đó điểm TTTN do Khoa tổ chức đánh giá, chấm điểm, có tham khảo điểm của cơ sở thực tập, của người hướng dẫn và tổ chức cho SV/ NHóm SV báo cáo kết quả TTTN dưới hình thức phù hợp (vấn đáp hoặc chấm điểm báo cáo...).

- Việc đánh giá ĐATN thực hiện theo Quy định tổ chức thực hiện ĐATN ban hành theo Quyết định 924/QĐ-HV ngày 15/11/2011 [H5.05.01.10]. Trong đó điểm đánh giá ĐATN là trung bình cộng điểm đánh giá của người phản biện và các thành viên hội đồng. Để có đủ điều kiện làm ĐATN, SV cần đạt điểm trung bình chung tích lũy từ khá trở lên, trường hợp SV không đủ điều kiện làm ĐATN sẽ học và thi các HP thay thế ĐATN do Khoa đề xuất và được Giám đốc Học viện phê duyệt theo Quy định thi các HP thay thế tốt nghiệp theo Quyết định 1037/QĐ-HV ngày 12/11/2021 [H5.05.01.06].

Giai đoạn 2017-2022, Học viện đã ban hành tài liệu hướng dẫn, thiết kế các phương pháp KTĐG và đo lường trong giáo dục với những nội dung như: đánh giá, phân loại đánh giá, quy trình đánh giá, các phương pháp đánh giá, một số kỹ thuật để xây dựng công cụ đánh giá dựa trên CĐR của từng HP.

Trong bản mô tả CTĐT ngành QTKD năm 2021 tại Mục 3. CĐR ban hành kèm theo Quyết định 647A/QĐ-HV ngày 30/07/2021 [H2.02.01.02] có xây dựng ma trận liên kết giữa HP và CĐR của CTĐT. Các phương pháp đánh giá của CTĐT phong phú, đa dạng (chuyên cần, bài tập, thuyết trình, hoạt động, viết, làm việc nhóm, thí nghiệm, thực hành trắc nghiệm tự luận, vấn đáp, báo cáo), phù hợp với CĐR của CTĐT ngành QTKD. Phương pháp đánh giá của từng HP cụ thể đã được tổ chức hội thảo và thông qua ở cấp bộ môn và cấp khoa trước khi trình Giám đốc Học viện phê duyệt theo ĐCCT HP.

Học viện thực hiện nhiều phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp để đạt được CĐR đã được công bố. Việc tổ chức thi kết thúc HP gồm nhiều phương pháp: tự luận, trắc nghiệm, bán trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, phù hợp với từng môn học, giúp đánh giá khách quan quá trình học tập của NH. Người học phải thể hiện được năng lực tư duy, vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề với yêu cầu nhất định. Cụ thể:

- Đối với các môn học trên lớp, việc đánh giá quá trình được thực hiện bởi GV (theo dõi chuyên cần và các bài kiểm tra định kỳ); việc đánh giá kết thúc môn học/HP do Trung tâm Khảo thí và ĐBCLGD là đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức thi;

- Đối với các môn học thực hành, các khoa chủ trì việc tổ chức đánh giá thông qua các sản phẩm, báo cáo của SV (ví dụ các môn kiến tập, thực tập, thực hành nghề nghiệp);

- Việc thiết kế nội dung kiểm tra, đánh giá từng HP bám sát ma trận CĐR đã được công bố về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Kết thúc mỗi kỳ học, SV được tham gia đánh giá hoạt động giảng dạy của GV, trong đó có nội dung liên quan đến lấy ý kiến SV về hình thức đánh giá môn học [H3.03.02.01]. Kết quả khảo sát cho thấy các loại hình, tiêu chí, nội dung đánh giá đối với từng môn học/HP trong CTDH được xây dựng đã phản ánh xác thực về mức độ phù hợp của các loại hình KTĐG KQHT của NH. Cụ thể:

- Kết quả khảo sát học kỳ II năm học 2020-2021 số phiếu phát ra là 29,563 phiếu, số phiếu có giá trị là 29,563 phiếu (Khoa TCKT có 2,202 phiếu; Khoa QTKD có 1,786 phiếu; Khoa Kỹ thuật Điện tử có 3,293 phiếu; và Khoa Cơ bản là 7,657 phiếu) về sự hài lòng đối với các hình thức thi/KTĐG KQHT cho tỷ lệ hài lòng khá cao: Khoa TCKT là 98,5%, Khoa QTKD là 98,5%; Khoa Kỹ thuật Điện tử là 98%, Khoa Cơ bản là 97,5%.

- Các phương pháp KTĐG KQHT đã đo lường được mức độ đạt CĐR của SV. Điều này được thể hiện ở kết quả khảo sát SV năm học 2020-2021, khảo sát về tính "công bằng và khách quan trong đánh giá NH" cho thấy có trên 95% NH hài lòng về kết quả đánh giá

Thông qua nội dung nêu trên, các hoạt động và phương pháp KTĐG KQHT của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CĐR thông qua: đánh giá HP với đề thi có đáp án, thang điểm đánh giá và các mức độ đạt được của từng SV từ không đạt đến khá, giỏi để đo mức độ đạt được của CĐR từng HP; Khóa luận tốt nghiệp được giao cho SV khá giỏi thực hiện và do Hội đồng đánh giá để đo CĐR theo thang điểm cụ thể.

2. Điểm mạnh

Học viện có hệ thống quy định, quy trình, tài liệu hướng dẫn đầy đủ và tạo sự đồng bộ, thống nhất giữa các đơn vị, GV, SV trong quá trình thực hiện việc đánh giá KQHT của NH.

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa tham khảo ý kiến các BLQ để đánh giá sự phù hợp của các văn bản đã ban hành trong lĩnh vực khảo thí.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2023-2024, TTKT&ĐBCLGD tổ chức hội thảo xin ý kiến nhận xét, góp ý của các BLQ đánh giá sự phù hợp của các văn bản đã ban hành.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả hiện trạng

Thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá KQHT của NH CTĐT ngành QTKD được xác định rõ ràng tại Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ năm 2012 [H5.05.01.01], năm 2018 [H5.05.01.02] và năm 2021 [H5.05.01.03]. Tại Quy chế đào tạo năm 2021, quy định cụ thể như sau:

- Thời gian: Mỗi học kỳ chỉ tổ chức một kỳ thi kết thúc HP (gọi là kỳ thi chính) và một kỳ thi phụ dành cho SV chưa dự thi kỳ thi chính có lý do chính đáng và đã được chấp nhận (nếu có). Trường hợp đặc biệt do Giám đốc Học viện quyết định.

- Hình thức thi kết thúc HP: bài thi kết thúc HP được thực hiện bằng một trong các hình thức như thi viết (tự luận, trắc nghiệm khách quan trên giấy hoặc trên máy tính), vấn đáp, thực hành hoặc kết hợp các hình thức trên. Hình thức thi của tưng fhojc phần được quy định cụ thể trong ĐCCT HP và được Giám đốc Học viện phê duyệt.

- Hình thức đánh giá trực tuyến: Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi cần đảm bảo sự trung thực, công bằng và khách quan; Trọng số của điểm đánh giá bằng hình thức trực tuyến không được vượt quá 50%.

- Cách tính điểm thành phần và điểm HP: Điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân; điểm HP là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận (điểm thành phần) nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn đến một chữ số thập phân; điểm liệt quy định cho các thành phần của HP là 0 điểm.

- Đánh giá lớp HP

(1) Đánh giá lớp HP là một trong những biện pháp quan trọng trong công tác ĐBCL giáo dục. Việc đánh giá lớp HP được tiến hành thông qua thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau về nội dung HP, tổ chức lớp HP, các hoạt động dạy và học của mỗi lớp

học. Từ đó đưa ra đánh giá kết luận để có những điều chỉnh phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Các nguồn thông tin có thể bao gồm:

+ Ý kiến phản hồi từ cán bộ phụ trách lớp HP và các cán bộ khác;

+ Ý kiến phản hồi từ phía SV của lớp HP;

+ Thông tin kiểm tra giảng dạy từ Tổ công tác dự giờ;

+ Thống kê điểm đánh giá HP của lớp HP.

(2) KT&ĐBCLGD phối hợp với các đơn vị tổ chức việc đánh giá lớp HP thường xuyên cuối mỗi học kỳ, năm học. Các kết quả đánh giá lớp HP được báo cáo trực tiếp với Giám đốc Học viện. Giám đốc Học viện quyết định hình thức sử dụng các kết quả đánh giá lớp HP và chỉ đạo thực hiện biện pháp điều chỉnh cần thiết.

Toàn bộ 91 ĐCCT HP trong CTĐT ngành QTKD năm 2021 [H1.01.01.03] và các ĐCCT được Học viện ban hành năm 2021 [H2.02.02.01] đều nêu rõ hình thức, thời gian, tiêu chí, trọng số điểm KTĐG (thi viết, thi vấn đáp, thực hành...), đặc biệt chú trọng việc xây dựng thang đánh giá gồm: tiêu chí đánh giá về nhận thức, kỹ năng, thái độ; mức độ thành tích đạt được theo yêu cầu của CĐR HP.

Tại quy định về tổ chức thi kết thúc HP hệ đại học, cao đẳng chính qui theo học chế tín chỉ đã quy định cụ thể thời gian, hình thức thi và phúc khảo kết quả thi [H5.05.01.04], [H5.05.01.05]. Nội dung và phương pháp đánh giá được các GV thay đổi cho phù hợp với nội dung của HP theo ĐCCT của các HP.

Việc đánh giá KQHT của NH thường xuyên suốt trong quá trình học tập thông qua các hình thức như: thi viết tự luận, thi trắc nghiệm khách quan, thi trắc nghiệm khách quan bằng máy tính, thi kết hợp viết và trắc nghiệm khách quan, thi kết hợp viết và trắc nghiệm khách quan bằng máy tính, thi vấn đáp, thi thực hành, viết tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, bảo vệ chuyên đề... tùy theo tính chất từng HP. Đánh giá định kỳ (bài kiểm tra) là đánh giá KQHT của SV sau khi hoàn thành một phần chương trình của HP. Điểm HP là trung bình cộng theo trọng số của điểm đánh quá trình và điểm thi kết thúc HP, làm tròn đến một chữ số thập phân (đối với những HP có thi kết thúc HP). Đánh giá KQHT một HP trong Quy định tổ chức thi kết thúc HP theo Quyết định 1037/QĐ-HV ngày 12/11/2021 [H5.05.01.06]. Cụ thể, Điều 8 trình bày kết cấu điểm thành phần, thi kết thúc HP, điểm tổng kết HP đối với HP. Các thông tin về cơ chế phản hồi, khiếu nại phúc tra được trình bày rõ tại Điều 10. Khiếu nại điểm, phúc khảo điểm bài thi kết thúc HP. Thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan đến kỳ thi

cuối kỳ được thực hiện theo đúng Quy chế đào tạo và Quy định về tổ chức thi kết thúc HP ĐH, CĐ theo học chế tín chỉ.

Việc đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp thực hiện theo Quy định về tổ chức thực tập tốt nghiệp hướng dẫn đánh giá và chấm điểm TTTN [H5.05.01.09]. Thời gian thực tập cuối khóa hàng năm, Học viện xét cho SV đủ điều kiện đăng ký thực tập và viết chuyên đề thực tập cuối khóa theo 02 đợt: Tháng 01 và tháng 07; thời gian thực tập cuối khóa tại cơ sở là từ 05 đến 06 tuần; việc đánh giá HP TTTN diễn ra vào tuần cuối của đợt thực tập, SV nộp quyển có xác nhận của cơ sở thực tập cho GV hướng dẫn để chấm điểm TTTN; điểm TTTN do Khoa tổ chức đánh giá, chấm điểm, có tham khảo điểm của cơ sở thực tập, của người hướng dẫn và tổ chức cho SV/ NHóm SV báo cáo kết quả TTTN dưới hình thức phù hợp (vấn đáp hoặc chấm điểm báo cáo...).

Việc đánh giá KLTN thực hiện theo quy trình tổ chức thực hiện ĐAKLTN ban hành theo Quyết định 924/QĐ-HV ngày 15/11/2011 [H5.05.01.10]. Trong đó quy định cụ thể về thời gian giao ĐA/KLTN; hình thức đánh giá thông qua hội đồng chấm ĐA/KLTN; ĐA/KLTN được đánh giá bởi ba loại điểm: Điểm đánh giá của Người hướng dẫn; điểm đánh giá của Người phản biện và điểm do các thành viên Hội đồng chấm; Điểm đánh giá ĐA/KLTN là trung bình cộng các điểm của từng thành viên hội đồng, người phản biện và người hướng dẫn, được làm tròn đến phần nguyên.

Đầu mỗi năm học, Học viện ban hành "Kế hoạch đào tạo năm học" trong đó quy định thời gian thi kết thúc các HP (thường được tổ chức vào tuần thứ 18 của học kỳ). thực hiện và đánh giá ĐA/KLTN hoặc thi tốt nghiệp. Kế hoạch đào tạo năm học được gửi đến các đơn vị quản lý và Khoa/ Bộ môn để thông báo cho SV, GV [H5.05.02.01].

Học viện ban hành Kế hoạch thi cụ thể cho từng HP và bản kế hoạch này đều được dán công khai tại Phòng Giáo vụ, TTKT&ĐBCLGD và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Phòng Giáo vụ, TTKT&ĐBCLGD tại website Học viện để các đối tượng liên quan được biết.

Trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học, TTKT&ĐBCLGD phổ biến cho SV quy chế đào tạo có nội dung KTĐG và quy định thi, kiểm tra trong quá trình học tập tại Học viện [H5.05.02.02]. Kế hoạch đào tạo toàn khóa học được in trong Sổ tay SV, cuốn Sổ tay SV được phát cho SV trong "Tuần sinh hoạt công dân đầu năm học", các mốc thời gian học, nghỉ lễ Tết, học bù, ôn và thi cuối kỳ được trình bày cụ thể trong cuốn hướng dẫn này, mục kế hoạch đào tạo toàn Học viện theo từng năm học [H5.05.02.03].

Trước mỗi học kỳ, Phòng Giáo vụ thông báo thời khóa biểu của từng HP trên website Học viện và SV đăng ký học online trên hệ thống QLĐT: http://qldt.ptit.edu.vn [H5.05.02.04].

Trong tiết học đầu tiên của HP, GV giảng dạy HP có trách nhiệm thông báo tới SV nội dung về tiêu chí đánh giá về nhận thức, kỹ năng, thái độ; mức độ thành tích đạt được theo yêu cầu của chuẩn HP, đảm bảo 100% SV hiểu và nắm rõ các quy định về KTĐG KQHT của HP qua ĐCCT HP được Học viện phê duyệt [H2.02.01.02].

Các hình thức KTĐG KQHT của NH được phổ biến rộng rãi và công khai tại Kế hoạch thi kết thúc HP, thi lại, thi cải thiện điểm trong từng học kỳ [H5.05.02.05]; Kế hoạch thi và bảo vệ ĐAKLTN cuối khóa [H5.05.02.06]. Đồng thời SV có thể tra cứu thông tin về các quy định, hướng dẫn liên quan đến việc đánh giá KQHT trên website Học viện hoặc Fanpage của TTKT&ĐBCLGD có đăng tải các thông tin liên quan về đánh giá KQHT của NH [H5.05.02.07]. Mặc dù Học viện có hệ thống văn bản về đánh giá KQHT của NH tương đối đầy đủ, nhưng các tài liệu phổ biến cho SV còn nằm rải rác ở nhiều văn bản, cần tích hợp đưa thông tin lên website Học viện để TTKT&ĐBCLGD hướng dẫn SV thống nhất thực hiện.

Thực hiện chương trình chuyển đổi số, mỗi SV Học viện được cấp mã định danh để truy cập phần mềm PTIT-Slink khai thác các thông tin liên quan đến SV trong quá trình học tại Học viện chỉ thông qua điện thoại di động ở mọi lúc, mọi nơi [H5.05.02.08].

Các quy định về kiểm tra, đánh giá KQHT được nêu rõ trong Quy định tổ chức thi kết thúc HP và thi các HP thay thế ĐA/KLTN trình độ đại học, trong quyển Sổ tay SV, được phổ biến và phát cho SV trong đầu năm học, khóa học thông qua Tuần sinh hoạt công dân. Bên cạnh đó, các quy định, quy chế thi, quy định về đăng ký thi lại, nâng điểm cũng được công khai cho SV trên website của Học viện. Ngoài ra, trong lịch thi cá nhân của từng SV trên hệ thống đăng ký học, SV cũng được thông báo các quy định về kiểm tra, đánh giá KQHT. Các quy định liên quan đến đánh giá KQHT được thông báo công khai tới NH qua nhiều kênh khác nhau.

2. Điểm mạnh

Phần mềm PTIT-Slink giúp SV có thể truy cập khai thác thông tin đầy đủ, mọi lúc, mọi nơi trong thời gian học tập tại Học viện.

3. Điểm tồn tại

Các tài liệu phổ biến cho SV còn nằm ở nhiều văn bản và trong các năm ban hành khác nhau, cần tích hợp để đưa thông tin lên Website.

4. Kế hoạch hành động

Học kỳ I, năm học 2023-2024, TTKT&ĐBCLGD tổng hợp các nội dung có liên quan đến công tác kiểm tra, đánh giá KQHT của SV đăng tải trên website Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả hiện trạng

Đánh giá KQHT được nêu tại Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Học viện năm 2021 [H5.05.01.03] và Quy định thi kết thúc HP [H5.05.01.04], [H5.05.01.06]: Bài thi kết thúc HP được thực hiện bằng một trong các hình thức như thi viết (tự luận, trắc nghiệm khách quan trên giấy hoặc trên máy tính), vấn đáp, thực hành hoặc kết hợp các hình thức trên, được quy định tại Bản mô tả CTĐT đại học ngành QTKD năm 2021 [H2.02.01.02] và ĐCCT HP trong CTĐT ngành QTKD được Giám đốc Học viện phê duyệt [H2.02.02.06] trên cơ sở Khoa QTKD đề xuất hình thức và phương pháp đánh giá phù hợp đối với CĐR của CTĐT và CĐR của từng HP.

Quy định hình thức thi kết thúc HP [H5.05.01.06] nêu rõ hình thức kiểm tra phong phú, đa dạng gồm: tự luận, trắc nghiệm, viết tiểu luận, thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng HP, đồng thời được quy định trong ĐCCT HP và được Giám đốc Học viện phê duyệt tất cả ĐCCT các HP trong CTĐT đều nêu rõ hình thức, thời gian, tiêu chí, trọng số điểm KTĐG (thi viết, thi vấn đáp, thực hành...), đặc biệt chú trọng việc xây dựng thang đánh giá gồm: tiêu chí đánh giá về nhận thức, kỹ năng, thái độ; mức độ thành tích đạt được theo yêu cầu của chuẩn HP.

Các phương pháp KTĐG đã được Khoa QTKD sử dụng có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng. ĐCCT HP cũng chỉ rõ nội dung phương thức đánh giá SV với CĐR HP. Khoa QTKD tiến hành đánh giá kết quả các HP được thực hiện ở cả hai loại hình là đánh giá quá trình và thi kết thúc HP, bao gồm: điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi kết thúc HP. Phương pháp đánh giá đánh giá KQHT của NH cũng từng bước được đa dạng hóa gồm: tự luận, thực hành, trắc nghiệm khách quan và thực hành, tiểu luận, báo cáo thực tập; tất cả các phương thức KTĐG này đều có kèm

theo mẫu biểu đánh giá với các tiêu chí phù hợp cho từng hình thức thi được thể hiện chi tiết trong CTĐT đại học ngành QTKD năm 2021 [H1.01.01.03].

Trước mỗi kỳ thi, Khoa QTKD muốn điều chỉnh phương pháp đánh giá KQHT phải có văn bản gửi Phòng Giáo vụ để đưa vào kế hoạch thi trong từng học kỳ [H5.05.03.01]. Phương pháp đánh giá KQHT là một trong những phần quan trọng trong quy trình đánh giá KQHT của NH. Vì vậy, đội ngũ GV của Khoa QTKD luôn chú trọng đến phương pháp đánh giá, nhằm đảm bảo sự đa dạng, có độ tin cậy, giá trị công bằng cao. Khoa QTKD cũng đưa ra phương pháp đánh giá phù hợp đối với CĐR của CTĐT và đối với CĐR mỗi HP. Hình thức kiểm tra phong phú, đa dạng gồm: tự luận, trắc nghiệm, viết tiểu luận, thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng HP. Các phương pháp KTĐG đã được Khoa QTKD sử dụng có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng. ĐCCT HP cũng chỉ rõ nội dung phương thức đánh giá SV với CĐR HP.

Các phương pháp đánh giá KQHT đảm bảo độ giá trị, tin cậy và công bằng, cụ thể:

- Về độ giá trị, Học viện đã ban hành Quy định về xây dựng, quản lý, sử dụng NHCHT kết thúc HP theo Quyết định 685/QĐ-HV ngày 18/9/2018 [H5.05.01.12]. Khoa QTKD đã xây dựng và đảm bảo mỗi HP đều có NHCHT [H5.05.03.02], hoặc bộ câu hỏi ôn tập được bộ môn thông qua sau khi họp điều chỉnh, đảm bảo từng câu hỏi đo lường được đúng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ được phản ánh trong Bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP ban hành năm 2021. Bên cạnh xây dựng quy trình thiết kế NHCHT, Học viện còn phân tích kết quả khảo sát các khoa, trung tâm, bộ môn để có điều chỉnh các hình thức, phương pháp thi, KTĐG bảo đảm độ tin cậy và độ giá trị của các đề thi. Khoa QTKD đã xây dựng 42 học phần thi tự luận có ngân hàng câu hỏi thi, số câu hỏi của học phần từ 28 đến 60; có 4 học phần có ngân hàng câu hỏi thi trên máy với số câu hỏi từ 160 đến 300; 4 học phần có ngân hành thi trắc nghiệm trên giấy có số câu hỏi từ 200 đến 300.

- Về độ tin cậy, mỗi đề thi đều có đáp án tương ứng với số điểm chi tiết, hướng dẫn chấm thi cụ thể. Đề thi và đáp án thi cuối kì được bộ môn phê duyệt để đảm bảo hiệu lực đánh giá trước khi nộp về TTKT&ĐBCLGD [H5.05.03.03]. Bài thi của SV được chấm chi tiết theo đáp án/ hướng dẫn chấm thi với quy trình chấm được chuẩn hóa (đánh số phách, rọc phách, hai GV cùng chấm, lập bảng điểm thi theo số phách...) để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với NH. Bắt đầu từ năm học 2020-2021, Học viện có sử dụng phần mềm Edusoft để GV nhập điểm thành phần [H5.05.02.04] và điểm thành phần các

HP sẽ được đăng tải công khai trên portal SV [H5.05.03.04]. Việc KTĐG được tách khỏi quá trình giảng dạy và bài thi tự luận được tổ chức thi riêng đề chẵn, lẻ, rọc phách và chấm chéo đối với chấm phúc khảo; bài thi thực hành và báo cáo: chấm chung, chấm chéo giữa các GV cùng tham gia giảng dạy một HP [H5.05.03.05].

Các HP thuộc khối kiến thức cơ sở, khối kiến thức chuyên ngành chủ yếu kiểm tra bằng hình thức tự luận, trắc nghiệm, tiểu luận, bài tập lớn, nhằm hướng tới mục tiêu trang bị kiến thức cho NH và sự vận dụng kiến thức của NH. Đối với nhóm HP lý thuyết, tập trung cho SV đạt những chuẩn kiến thức chung, kiến thức chuyên môn được thực hiện một trong những hình thức thi: tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, tiểu luận, bài tập lớn. Đối với nhóm những HP: thực tập kỹ năng tại các doanh nghiệp và nghiên cứu, thực tập tốt nghiệp thì thường đánh giá qua kết quả thu được trong thực tế thông qua sản phẩm học tập được báo cáo bằng hình thức thuyết trình, seminar. Tổ hợp các phương pháp KTĐG KQHT của SV như tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, tiểu luận, bài tập dự án, thực hành thí nghiệm, báo cáo… được thiết kế phù hợp để có khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR.

Với Khóa luận tốt nghiệp, căn cứ vào Quy định về thực hiện ĐAKL tốt nghiệp trong đào tạo trình độ ĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện [H5.05.01.10]. Tại buổi bảo vệ khóa luận tốt nghiệp, sau khi SV bảo vệ, trả lời câu hỏi; các thành viên hội đồng thảo luận và cho điểm vào phiếu kín theo thang điểm 10, được làm tròn đến 1 chữ số thập phân. Kết quả được công bố sau khi có ý kiến phê duyệt của chủ tịch hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp [H5.05.03.06].

Căn cứ vào các văn bản quy định về đào tạo, tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá NH, sau khi kết thúc mỗi kỳ thi, Khoa QTKD thực hiện thống kê, báo cáo kết quả phổ điểm thi trên CSDL thi và ý kiến khảo sát của NH đối với hoạt động giảng dạy do TTKT&ĐBCLGD cung cấp và cảnh báo học vụ do Phòng Giáo vụ thực hiện để đánh giá về mức độ phù hợp của hình thức thi, KTĐG cũng như sự tác động của các hình thức thi, KTĐG NHvà đề xuất về việc cần điều chỉnh phương pháp đánh giá kết thúc HP.

Nội dung rà soát tập trung vào các phương pháp KTĐG và tổ hợp phương pháp KTĐG đã được áp dụng cho từng HP, tuân thủ các quy định, quy chế về đào tạo và đánh giá NH, từ đó đưa ra những kiến nghị để giải quyết. Căn cứ kết quả rà soát một số khoa/bộ môn đã có những đề xuất thay đổi hình thức thi; ví dụ Khoa Cơ bản: HP Giải tích 1, Đại số, Triết học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Khoa QTKD đề nghị chuyển đổi hình thức thi 3 HP, điều này được thể hiện qua bảng thống kê phương pháp dạy và học,

phương pháp kiểm tra, đánh giá CTDH ngành QTKD năm 2016 [H3.03.01.07], năm 2019 [H3.03.01.08], năm 2021 [H3.03.01.09].

Học viện ban hành Kế hoạch số 247/KH-HV ngày 05/4/2022 rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT trình độ ĐHCQ năm 2022 [H5.05.03.07], Qua đó thành lập các tổ soạn thảo rà soát lại các loại hình, phương pháp KTĐG, nhằm kiểm soát các hoạt động không phù hợp của các phương pháp KTĐG; kịp thời điều chỉnh để đạt được độ tin cậy của các quy trình như Quy trình tổ chức thi học kỳ, Quy trình xét tốt nghiệp, Quy trình đánh giá KQHT. Khoa QTKD đã tổ chức các buổi họp đánh giá hình thức thi, đã bổ sung, áp dụng các loại hình, phương pháp KTĐG KQHT của NH như: thi vấn đáp, tiểu luận, trắc nghiệm, làm đồ án, sự kiện. v.v. đối với các HP và các kỳ thi.

Tuy nhiên, trong quá trình đánh giá KQHT, Khoa QTKD và TTKT&ĐBCLGD chưa thực hiện việc thống kê tỷ lệ % SV thi đạt, không đạt của từng HP để có phương án điều chỉnh NHCHT các HP.

2. Điểm mạnh

Phương pháp đánh giá KQHT được đa dạng hóa, đảm bảo độ tin cậy, khách quan, công bằng và đáp ứng được mục tiêu đánh giá KQHT của NH theo CĐR ngành QTKD. Nhiều HP trong CTĐT ngành QTKD áp dụng hình thức thi trắc nghiệm đảm bảo độ tin cậy được sử dụng cho một số HP chuyên ngành của khoa.

3. Điểm tồn tại

Trong quá trình đánh giá KQHT, Học viện chưa xác định được độ tin cậy, giá trị qua việc thống kê tỷ lệ % SV thi đạt, không đạt của từng HP để có phương án điều chỉnh NHCHT các HP.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2023-2024, TTKT&ĐBCLGD phối hợp với Khoa QTKD tổ chức việc thống kê tỷ lệ % SV thi đạt, không đạt của từng HP và mời chuyên gia đến tập huấn cho GV về phương pháp KTĐG và điều chỉnh NHCHT các HP.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Mô tả hiện trạng

Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ năm 2021 [H5.05.01.03], tại Điều 30. Khiếu nại điểm và sửa điểm (1) Đối với điểm đánh giá quá trình, SV có thể khiếu nại trực tiếp

với GV giảng dạy HP khi công bố điểm. (2). Đối với điểm thi kết thúc HP, khi khiếu nại điểm SV phải làm đơn xin phúc tra, đóng lệ phí theo quy định và nộp cho TTKT&ĐBCLGD. (3) Thời hạn khiếu nại điểm là chậm nhất 10 ngày kể từ ngày công bố điểm. Sau thời hạn này, mọi yêu cầu khiếu nại điểm đều không được chấp nhận. (4) Trong phạm vi 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đơn phúc tra điểm của SV, TTKT&ĐBCLGD phải tổ chức chấm phúc tra và công bố kết quả phúc tra cho SV. Đồng thời, quy chế có quy định về học lại, thi lại, thi nâng điểm để NH đạt KQHT tốt nhất, đây là cơ sở để NH đăng ký học cải thiện điểm để đạt kết quả tốt nghiệp loại khá, giỏi.

Quy định tổ chức thi kết thúc HP hệ ĐHCQ theo học chế tín chỉ [H5.05.01.06]: Tại Điều 17, Giải quyết thắc mắc, khiếu nại về điểm thi.

- Nguyên tắc: Chỉ tiếp nhận và giải quyết những khiếu nại về điểm thi đối với các HP áp dụng hình thức thi viết. Không giải quyết các khiếu nại về điểm thành phần, điểm thi vấn đáp, thi trắc nghiệm trên máy, thực hành …

- Khi phát hiện có sự khác biệt giữa điểm thi đã công bố và điểm được nhập, lưu trữ trong hệ thống quản lý, SV có trách nhiệm thông báo cho TTKT&ĐBCLGD để được xem xét, giải quyết.

- Tiếp nhận đơn của SV: Trong thời hạn không quá năm (5) ngày sau khi công bố điểm HP, SV có khiếu nại về điểm thi làm đơn đề nghị xem xét điểm thi kết thúc HP; Ban cán sự lớp tập hợp đơn của toàn bộ SV trong lớp, lập danh sách SV đề nghị xem xét điểm thi kết thúc HP và nộp về TTKT&ĐBCLGD. Không tiếp nhận đơn của SV nộp sau thời hạn nêu trên; Hết thời hạn nhận đơn, TTKT&ĐBCLGD lập bảng tổng hợp các khiếu nại của SV và những thông tin cần thiết cho giải quyết khiếu nại.

- Giải quyết khiếu nại: TTKT&ĐBCLGD tra cứu bài thi và kiểm tra tình trạng bài thi để phát hiện các trường hợp sai sót trong công tác thư ký chấm thi; Nếu phát hiện có sai sót, Trung tâm lập bảng điểm phúc khảo và ghi rõ lý do sai sót. Nếu không có sai sót, TTKT&ĐBCLGD sẽ thông báo cho Bộ môn quản lý HP để chấm phúc khảo.

- Điều chỉnh và công bố điểm phúc khảo: TTKT&ĐBCLGD đối chiếu điểm đã công bố với điểm chấm phúc khảo: Nếu điểm chấm phúc khảo bằng điểm đã công bố thì giữ nguyên điểm đã công bố; Nếu điểm chấm phúc khảo và điểm đã công bố chênh lệch nhau 1 điểm thì lấy điểm chấm phúc khảo làm điểm chính thức; Nếu điểm chấm phúc khảo và điểm đã công bố chênh lệch nhau lớn hơn 1 điểm, TTKT&ĐBCLGD có văn bản đề nghị Bộ môn tổ chức đối thoại trực tiếp giữa GV chấm thi lần đầu và GV chấm phúc

khảo (có ghi biên bản) để thống nhất điểm. Trường hợp không thống nhất được thì báo cáo Giám đốc Học viện giải quyết.

- Mỗi điểm thi sau khi sửa chữa phải lập biên bản, kèm hồ sơ có liên quan, có chữ ký xác nhận của Trưởng bộ môn quản lý HP và đồng thời phải lưu lại tên người sửa, thời gian sửa. Sau mười lăm (15) ngày kể từ ngày hết hạn nhận đơn, TTKT&ĐBCLGD công bố kết quả phúc khảo điểm cho SV và tiến hành điều chỉnh điểm (nếu có).

Đầu mỗi năm học, trong tuần sinh hoạt công dân [H5.05.02.02], SV nhập học được phổ biến về quy định đào tạo có đề cập đến nội dung phản hồi KQHT của NH. Ngoài ra, các quy định này được công khai trên website của Học viện tại địa chỉ https://portal.ptit.edu.vn/ và trong quyển Sổ tay SV được phát cho SV khi nhập học [H5.05.02.03]; được Phòng Giáo vụ đăng tải trên website Học viện tại địa chỉ https://portal.ptit.edu.vn/giaovu/ và TTKT&ĐBCLGD thông báo, hướng dẫn SV trong từng kỳ thi trên website Học viện tại địa chỉ https://portal.ptit.edu.vn/ttkt/.

Năm 2021, thực hiện chương trình chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo, Học viện đã triển khai phần mềm ứng dụng quản lý hệ thống PTIT- Slink, phần mềm này giúp Học viện quản lý KQHT của NH chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao và hỗ trợ NH tra cứu KQHT của mình dễ dàng, nhanh chóng và thuận tiện trên mọi thiết bị di động [H5.05.02.08]. Hồ sơ, KQHT của NH được lưu giữ đầy đủ theo đúng tiến trình học tập của NH, rõ ràng, có thể tiếp cận, tra cứu khi được yêu cầu trên phần mềm QLĐT EduSoft [H5.05.02.04].

Một tuần trước thời gian thi của HP theo kế hoạch thi, GV nhập điểm thành phần trên hệ thống QLĐT và hoàn thiện danh sách SV đủ điều kiện dự thi gửi cho TTKT&ĐBCLGD và lưu bản photocopy tại khoa [H5.05.04.01] và trong buổi học cuối của HP, SV được GV công bố điều kiện dự thi kết thúc HP theo quy định. Khi kiểm tra giữa kỳ để xác định điểm thành phần của môn học, GV chữa bài kiểm tra, phân tích kết quả để định hướng SV, chỉ rõ điểm mạnh, điểm yếu của SV theo từng môn học, giúp SV có phương pháp và ý thức học tập tốt hơn. Tuy nhiên, Việc thông báo các điểm thường xuyên đặc biệt là điểm giữa kỳ vào thời điểm sau khi thi kết thúc HP là chưa hợp lý.

Mười (10) ngày sau khi thi kết thúc HP đối với hình thức thi tự luận, SV được TTKT&ĐBCLGD công bố kết quả thi và điểm HP trên website Học viện [H5.05.04.02] để SV có thể xem điểm HP của mình để biết KQHT của từng HP. Đồng thời, Bảng điểm

HP được gửi Phòng Giáo vụ để xét cảnh báo học vụ và lưu tại TTKT&ĐBCLGD [H5.05.04.03].

Bên cạnh việc phản hồi đánh giá KQHT của NH trong đánh giá quá trình và sau các kỳ thi kết thúc HP, việc phản hồi về kết quả đánh giá NH còn được thể hiện qua việc thông báo KQHT của SV thông qua việc cảnh báo học vụ của phòng Giáo vụ khi tổng hợp KQHT của NH vào mỗi học kỳ [H5.05.04.04].

Việc đánh giá điểm rèn luyện được thực hiện theo Quyết định 1236/QĐ-HV ngày 31/12/2015 [H5.05.04.05], trong đó Phòng CT&CTSV chịu trách nhiệm xây dựng hệ thống các quy trình, lập kế hoạch và lựa chọn loại hình đánh giá điểm rèn luyện của SV theo Quy chế công tác SV.

Sau khi có KQHT và rèn luyện, vào cuối mỗi học kỳ và cuối năm học, Phòng công tác SV liên hệ với gia đình để thông báo KQHT và rèn luyện đối với những trường hợp tạm dừng học do nghỉ học không có lý do và trường hợp buộc thôi học do học kém để gia đình nắm bắt được tình hình học tập và rèn luyện của SV, từ đó giúp SV có những điều chỉnh phù hợp nhằm cải thiện KQHT của NH.

Học viện ban hành Quy định về công tác CVHT theo các Quyết định 1235/QĐ-HV ngày 31/12/2015 và Quyết định 47/QĐ-HV ngày 14/01/2022 để nắm tình hình học tập cũng như hỗ trợ NH trong suốt thời gian học tập tại Học viện [H5.05.04.06]. Căn cứ quy định, Khoa QTKD phối hợp với Phòng CT&CTSV yêu cầu các CVHT giải đáp đầy đủ các thắc mắc cũng như hỗ trợ NH đăng ký học đúng tiến độ, rà soát điểm tổng kết, lập danh sách NH thuộc diện cảnh báo để có sự tư vấn, hỗ trợ kịp thời. Các cuộc họp giữa CVHT và NH được thực hiện thường xuyên trong mỗi học kỳ và có biên bản họp nộp về Phòng công tác SV để theo dõi, tổng hợp và báo cáo Ban Giám đốc Học viện [H5.05.04.07]. Biên bản họp lớp của SV ngành QTKD cho thấy không có sự phàn nàn về vấn đề công bố, phản hồi KQHT.

Nhờ việc thông tin kịp thời và nhanh chóng, NH có thể lập kế hoạch đăng ký học, học lại, học cải thiện điểm phù hợp với tiến độ học tập. SV có thể dựa vào KQHT và điểm rèn luyện của từng kỳ, căn cứ vào quyết định cảnh báo học vụ theo học kỳ để lập kế hoạch học tập phù hợp, tránh được tình trạng bị buộc thôi học khi bị cảnh báo 3 kỳ liên tiếp.

Trong giai đoạn 2017-2022, Học viện công bố kết quả đánh giá kịp thời trên cổng thông tin điện tử, phần mềm ứng dụng PTIT-Slink và qua bản in cứng gửi Phòng Giáo

vụ. Tuy nhiên vẫn có một vài trường hợp công bố kết quả chậm do GV bận công việc riêng, không trả điểm thi đúng thời hạn. Đồng thời việc thông báo các điểm thường xuyên, đặc biệt là điểm giữa kỳ vào thời điểm sau khi thi kết thúc HP là chưa hợp lý.

Qua Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi SV về hoạt động giảng dạy của GV sau từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2022 [H3.03.02.01] và kết quả khảo sát, đánh giá HP và đánh giá chất lượng khóa học của Học viện đối với SV năm cuối [H5.05.04.08] cho thấy trên 90% SV hài lòng với việc thông báo điểm thi kịp thời và cách thức GV cung cấp thông tin phản hồi về bài làm của SV giúp họ điều chỉnh kịp thời các hoạt động học tập để cải thiện chất lượng. Cụ thể: Khảo sát học kỳ I năm học 2021-2022, Khoa QTKD1 với 1446 lượt SV tả lời câu hỏi về "GV công bằng, khách quan trong cách đối xử cũng như đánh giá người học" được đánh giá "đồng ý" và "hoàn toàn đồng ý" ở mức trên 95%; tại Viện kinh tế Bưu điện với 500 lượt SV tỷ lệ này là đạt trên 95%; tại Khoa QTKD2 với 4568 lượt SV trả lời, tỷ lệ này cũng trên 95%.

Toàn bộ hồ sơ đánh giá KQHT của NH trong toàn khóa học được lưu giữ đầy đủ bản cứng tại TTKT&ĐBCLGD và file dữ liệu trên Phần mềm QLĐT Edusoft theo đúng tiến trình học tập của NH, rõ ràng, có thể tiếp cận, tra cứu khi được yêu cầu [H5.05.02.04].

2. Điểm mạnh

Việc ứng dụng CNTT trong tổ chức đào tạo đã giúp NH được phản hồi kết quả đánh giá kịp thời và chính xác.

3. Điểm tồn tại

Việc thông báo các điểm thường xuyên, đặc biệt là điểm giữa kỳ vào thời điểm sau khi thi kết thúc HP là chưa hợp lý.

4. Kế hoạch hành động

Học kỳ I, năm học 2023-2024, TTKT&ĐBCLGD phối hợp với Khoa QTKD bổ sung quy định GV phải thông báo điểm kiểm tra/thi giữa kỳ sớm hơn, ngay vào tuần tiếp theo sau khi thi/kiểm tra giữa kỳ để SV có thể điều chỉnh lại phương pháp học tập nhằm nâng cao KQHT của bản thân.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Mô tả hiện trạng

Toàn bộ quy trình khiếu nại về KQHT của NH được chi tiết và cụ thể trong Quy định tổ chức thi kết thúc HP, thi các HP thay thế tốt nghiệp theo Quyết định 1037/QĐ-HV ngày 12/11/2021 [H5.05.01.06]. Quy định đào tạo hệ ĐHCQ theo hệ thống tín chỉ theo Quyết định 474/QĐ-HV ngày 19/6/2018 [H5.05.01.02] và Quyết định 838/QĐ-HV ngày 11/10/2021 [H5.05.01.03]. Tất cả các văn bản này đều được TTKT&ĐBCLGD phổ biến cho SV trong trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, khóa học [H5.05.05.02]. Đồng thời, SV còn được phổ biến quy trình khiếu nại về KQHT trước khóa học tại Sổ tay SV được phát cho SV khi nhập học [H5.05.02.03].

Quy trình khiếu nại về KQHT được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Học viện tại địa chỉ https://portal.ptit.edu.vn/giaovu và trước mỗi học kỳ, CVHT có phổ biến quy định, quy trình về khiếu nại KQHT tại các cuộc họp với lớp SV [H5.05.04.07]. Hiện tại, phần mềm QLĐT chưa có chức năng cho phép phúc khảo bài thi để tạo điều kiện thuận lợi cho SV khi muốn đăng ký phúc khảo bài thi.

Trong từng học kỳ, sau khi có điểm thi của tất cả các môn thi trong kỳ thi, toàn bộ điểm sẽ được đồng bộ vào tài khoản cá nhân của SV tại phần mềm QLĐT Edusoft và phần mềm ứng dụng PTIT-Slink; đồng thời thông báo trên website của Học viện về thời gian nhận đơn phúc tra [H5.05.05.01]. Sau khi kết thúc thời gian nhận đơn phúc tra, TTKT&ĐBCLGD tập hợp đơn, lập danh sách và rút bài phúc khảo của SV và bàn giao cho các Khoa/bộ môn có SV đề nghị phúc khảo bài thi. Bộ môn sẽ nhận bài và phân công 02 GV chấm thi thực hiện. Trong 02 GV chấm phúc khảo, phải có ít nhất 01 GV không chấm thi HP đó lần đầu. Điểm chấm phúc khảo được ghi vào Phiếu chấm điểm phúc khảo bài thi (theo mẫu). Nếu thấy có biểu hiện tiêu cực sẽ xử lý theo quy định. Địa điểm chấm phúc khảo tại phòng chấm thi tập trung. Sau 08 ngày kể từ ngày kết thúc nhận đơn phúc khảo, TTKT&ĐBCLGD thông báo kết quả tới SV có đơn phúc khảo và thông báo công khai trên website của Học viện (Điều 10 của Quy định tổ chức thi kết thúc HP).

Báo cáo kết quả chấm thi phúc khảo trong 5 năm gần đây (từ năm học 2017-2021) [H5.05.05.02] cho thấy tỷ lệ khiếu nại về KQHT của NH toàn Học viện nhỏ hơn 1,5% tính trên quy mô đào tạo của các ngành học. Cụ thể, năm học 2016-2017 có 26 bài phúc khảo; năm học 2018-2019 có 22 bài phúc khảo, trong đó có 01 bài thay đổi điểm do khi chấm điểm (bài thi trắc nghiệm trên giấy), cán bộ chấm thi nhầm mã đề của SV; năm học 2020-2021 có 61 bài phúc khảo, trong đó có 01 bài thay đổi 0,5 điểm do giáo viên chấm lần thứ nhất chấm sót ý. Các năm khác không có trường hợp nào phúc khảo. Tất cả các

bài thay đổi điểm do lỗi kỹ thuật như chấm sót, cộng nhầm điểm thành phần, hoặc chấm sai mã đề thi trắc nghiệm. Hồ sơ theo dõi việc khiếu nại/kết quả trả lời khiếu nại về KQHT của NH các năm học (Đơn đăng ký phúc khảo điểm, hóa đơn nộp tiền, bảng điểm phúc khảo, biên bản đối thoại,...) được lưu tại TTKT&ĐBCLGD để thuận lợi trong việc tra cứu [H5.05.05.03].

Các trường hợp khiếu nại, phúc khảo của SV đều được giải quyết kịp thời. Học viện thực hiện tổ chức khảo sát và lấy ý kiến phản hồi của NH về các nội dung liên quan đến đánh giá NH do TTKT&ĐBCLGD phối hợp với các khoa thực hiện. Kết quả lấy ý kiến được phân tích và tổng hợp trong các báo cáo về kết quả khảo sát ý kiến của SV trước khi tốt nghiệp. Kết quả cho thấy tỷ lệ NH hài lòng với tiêu chí về phương pháp và nội dung KTĐG, sự phù hợp, tính chính xác, công bằng minh bạch, tỷ lệ NH hài lòng về kết quả kiểm tra, đánh giá đạt trên 90% và không có trường hợp phàn nàn về việc thiếu công bằng, minh bạch trong kiểm tra, đánh giá KQHT của SV [H3.03.02.01]. Đồng thời, thống kê số SV phúc khảo điểm thi trong chu kỳ kiểm định cũng cho thấy tỉ lệ NH thắc mắc, khiếu nại về kết quả thi các năm học rất nhỏ, dưới 1% (năm học 2017-2018: 0,02%; năm học 2018-2019: 0,11%; năm học 2019-2020: 0,09%; năm học 2020-2021: 0,42%; năm học 2021-2022: 0,47%). Tổng số bài thay đổi điểm là 2 bài.

2. Điểm mạnh

Trong giai đoạn 2017-2022, Học viện không có đơn từ khiếu nại về công tác chấm thi sau các kỳ thi.

3. Điểm tồn tại

Phần mềm QLĐT Edusoft chưa có chức năng cho phép SV phúc khảo bài thi.

4. Kế hoạch hành động

Học kỳ II, năm học 2023-2024, Phòng Giáo vụ nâng cấp phần mềm QLĐT, bổ sung thêm một số tác vụ, như chức năng cho phép phúc khảo bài thi để tạo điều kiện thuận lợi cho SV khi muốn đăng ký phúc khảo bài thi.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 5

Học viện đã ban hành Quy định đào tạo hệ ĐHCQ theo hệ thống tín chỉ; ban hành Quy định tổ chức thi kết thúc HP (trong đó quy định về việc ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc HP) áp dụng cho thi kết thúc HP với các hình thức trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, bảo vệ chuyên đề, hoặc kết hợp

giữa các hình thức trên. Dựa vào các quy định này, TTKT&ĐBCLGD tổ chức đánh giá và quản lý KQHT của SV. Quy trình này nêu rõ về việc cho điểm quá trình, xếp lịch thi, ra đề, tổ chức thi, chấm thi, nhập điểm, phúc tra, lưu trữ bài thi và công bố điểm.

Khoa QTKD cũng đưa ra phương pháp đánh giá phù hợp đối với CĐR của CTĐT và đối với CĐR mỗi HP. Hình thức kiểm tra phong phú, đa dạng gồm: tự luận, trắc nghiệm, viết tiểu luận, thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng HP. Các phương pháp KTĐG đã được Khoa QTKD sử dụng có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng. ĐCCT HP cũng chỉ rõ nội dung phương thức đánh giá SV với CĐR HP.

Các quy định về đánh giá KQHT của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới SV một cách công khai trên các trang website Học viện, khoa. Đầu mỗi năm học, trong tuần sinh hoạt công dân, GV và NH được phổ biến về quy định đào tạo có đề cập đến nội dung phản hồi KQHT. Ngoài ra, các quy định này được công khai trên website của Học viện và trong Sổ tay SV.

Các phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời đến SV nhằm giúp SV cải thiện việc học tập của mình. Đặc biệt khi SV không thỏa mãn với KQHT của mình sẽ được tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT và có thể phúc khảo bài thi thông qua một quy trình phúc khảo bài thi quy định chặt chẽ và khoa học.

Khoa QTKD chưa tổ chức đánh giá một cách khoa học về mức độ đáp ứng yêu cầu, sự phù hợp của từng hoạt động/phương pháp KTĐG KQHT của SV đã được thiết kế đối với việc đo lường được mức độ đạt CĐR và chưa phân tích phổ điểm, đánh giá độ giá trị, độ tin cậy và mức độ khó/dễ của các câu hỏi thi/đề thi để điều chỉnh các đề thi phù hợp với yêu cầu đánh giá CĐR của HP. Việc thông báo các điểm thường xuyên đặc biệt là điểm giữa kỳ vào thời điểm sau khi thi kết thúc HP là chưa hợp lý. Phần mềm QLĐT của Học viện chưa tích hợp chức năng xin/cho phép phúc khảo bài thi của SV vào phần mềm.

Mặc dù còn một số tồn tại, nhưng nhìn chung, việc đánh giá KQHT của NH của CTĐT ngành QTKD được thực hiện một cách chuyên nghiệp, bám sát các hướng dẫn của CTĐT để đảm bảo tính rõ ràng, công khai của quy trình.

Tiêu chuẩn 5 có 5 tiêu chí: 4,60/7.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Học viện đã ban hành Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 và điều chỉnh và năm 2021, trong đó đã xác định đến năm 2025 số lượng người lao động của Học viện đáp ứng được các yêu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng , trong đó tỷ lệ GV có học vị tiến sĩ cần chiếm trên 50%.

Công tác quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ Học viện cũng được đề cập tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Học viện nhiệm kỳ 2015-2020 và nhiệm kỳ 2020-2025, trong đó xác định đến năm 2025 là 750 người

Để thực hiện được sứ mạng và mục tiêu đã đề ra thì một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu quyết định việc thực hiện thành công mục tiêu chính là phát triển đội ngũ GV, NCV cũng như thường xuyên quan tâm để việc xây dựng, phát triển nguồn nhân lực của Học viện đạt chuẩn chất lượng cả về giảng dạy và NCKH.

Trải qua 25 năm xây dựng và phát triển, Học viện và Khoa QTKD luôn quan tâm và có kế hoạch xây dựng đội ngũ GV, NCV có trình độ chuyên môn cao, đủ năng lực tham gia công tác giảng dạy, NCKH và đóng góp có hiệu quả cho các hoạt động cộng đồng.

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện thực hiện chiến lược, chính sách về thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ GV nhằm đạt được chiến lược phát triển Học viện. Năm 2020, Học viện đã ban hành Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 [H1.01.01.09] và nội dung bản chiến lược đã được chỉnh sửa, ban hành vào năm 2021, sau khi Học viện thành lập HĐHV [H1.01.01.10]. Nội dung Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030, xác định: "*Triển khai các hoạt động thu hút, tuyển dụng, đào tạo nhằm mục tiêu đến năm 2025 số lượng lao động của Học viện đáp ứng được các yêu cầu về đào tạo và NCKH đề ra, cụ thể đạt 850 cán bộ, với cơ cấu 75% là lao động trực tiếp (nghiên cứu, giảng dạy, kinh doanh trực tiếp); trong đó 100% GV đạt chuẩn, tỷ lệ tiến sĩ đạt trên 50%*" phù hợp với Kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025 của BTT&TT theo Quyết định 212/QĐ-BTTTT ngày 19/02/2021 là "*Tăng cường xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân lực an toàn thông tin mạng nhằm góp phần triển khai thành công chương trình*

chuyển đổi số quốc gia, phát triển Chính phủ số, kinh tế số xã hội số và nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trong lĩnh vực an toàn thông tin trên trường quốc tế".

Công tác quy hoạch phát triển đội ngũ CB, GV Học viện được nêu cụ thể tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Học viện nhiệm kỳ 2015-2020 [H6.06.01.01] và nhiệm kỳ 2020-2025 [H6.06.01.02]. Nội dung Nghị quyết nêu rõ tổng số lao động Học viện đến năm 2025 là 750 người; phát triển đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và đồng bộ về cơ cấu.

Giai đoạn 2017-2021, Học viện thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ theo các văn bản hướng dẫn của BTT&TT (TT&TT) [H6.06.01.03], cụ thể:

- Quyết định 275-QĐ/BCSĐ ngày 20/03/2017 của Ban cán sự Đảng BTT&TT về việc Phê duyệt bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2017-2020 và quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2020-2025 của Học viện; Kế hoạch số 797/KH/BCSĐ ngày 23/10/2018 của Ban cán sự Đảng Bộ Thông tin Truyền thông về việc rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp Vụ, cấp Phòng và tương đương giai đoạn 2018 - 2020 và nhiệm kỳ 2020 - 2025; Quyết định 1331/QĐ-BTTTT ngày 03/8/2020 của BTT&TT về việc Phê duyệt rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2020-2025 của Học viện và Hướng dẫn về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý của Bộ Thông tin Truyền thông theo Quy định 128-QĐ/BCS ngày 31/08/2022.

- Căn cứ văn bản nêu trên, Đảng ủy và Ban Giám đốc Học viện ban hành các kế hoạch và quyết định thực hiện công tác quy hoạch các vị trí lãnh đạo các khoa, bộ môn, phòng ban chức năng Học viện, cụ thể: Kế hoạch số 830/KH-HV ngày 02/11/2018 về việc rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp Học viện, cấp phòng và tương đương giai đoạn 2018-2020 và nhiệm kỳ 2020-2025; Quyết định 580/QĐ-HV, ngày 12/8/2020 về việc phê duyệt rà soát bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương nhiệm kỳ 2020-2025; Quyết định 207/QĐ-HV ngày 29/03/2021 về việc phê duyệt rà soát bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương giai đoạn 2021-2025 của Học viện; Quyết định 208/QĐ-HV ngày 29/03/2021 về việc phê duyệt rà soát bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương giai đoạn 2021-2025 của HVCS tại TPHCM; Quyết định 392/QĐ-HV ngày 10/5/2021 về việc phê duyệt quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp bộ môn, cấp phòng các đơn vị trực thuộc giai đoạn 2021-2025 của Học viện;

Kế hoạch số 122/KH-HV ngày 25/02/2021 về việc rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo giai đoạn 2021-2025 của Học viện; Kế hoạch số 905/KH-HV ngày 23/9/2022 về việc triển khai công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2026-2031.

Trước năm 2021, công tác bổ nhiệm cán bộ thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm cán bộ Học viện ban hành theo Quyết định 20/QĐ-TCCB ngày 23/01/2009 [H6.06.01.04] và quy định của BTT&TT. Năm 2021, căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp, người lao động thuộc BTT&TT ban hành theo Quyết định 1929/QĐ-BTTTT ngày 11/11/2020), Học viện đã ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động, biệt phái viên chức quản lý của các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện theo Quyết định 445/QĐ-HV ngày 01/6/2021) [H6.06.01.05]. Quy định này là cơ sở để Học viện chỉ đạo Khoa QTKD thực hiện việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đội ngũ cán bộ lãnh đạo của khoa và các bộ môn trực thuộc tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước và của BTT&TT.

Trong giai đoạn 2017-2021, Giám đốc Học viện đã ký các quyết định bổ nhiệm 01 trưởng khoa, 01 phó trưởng khoa thuộc Khoa QTKD [H6.06.01.06]. Các cán bộ được bổ nhiệm theo đúng quy định của BGD&ĐT, trưởng khoa, phó trưởng khoa, trưởng bộ môn đều có trình độ tiến sĩ.

Học viện đã ban hành Quy chế tuyển dụng viên chức và người lao động theo Quyết định 1166/QĐ-HV, ngày 24/12/2018 và sau khi thành lập, HĐHV đã ban hành Nghị quyết 54/NQ-HĐHV ngày 18/01/2022 về Quy chế tuyển dụng viên chức và người lao động của Học viện [H6.06.01.07], trong đó quy định cụ thể về quy trình, tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn viên chức và người lao động tại Học viện.

Công tác quy hoạch nguồn nhân lực của Học viện được thực hiện dựa trên đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ cho các mục tiêu đào tạo, NCKH và PVCĐ. Hàng năm, căn cứ các nhiệm vụ được giao, các đơn vị trong Học viện thực hiện rà soát tình hình thực tế, các nhiệm vụ mới thực hiện để đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực của đơn vị gửi Phòng TCCB-LĐ tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Học viện phê duyệt, trên cơ sở đó Học viện xây dựng kế hoạch lao động [H6.06.01.08]. Nội dung kế hoạch lao động xác định cụ thể quy trình tuyển dụng, số lượng cần tuyển, mô tả

vị trí việc làm, tiêu chuẩn của các vị trí tuyển dụng phù hợp và đáp ứng yêu cầu theo Đề án vị trí việc làm và các quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

Dựa trên các mục tiêu chiến lược phát triển nguồn nhân lực trong Chiến lược phát triển, đề án vị trí việc làm và căn cứ vào kết quả rà soát, đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực, kế hoạch công tác của từng đơn vị, hàng năm Học viện xây dựng Kế hoạch tuyển dụng lao động, trong đó có việc tuyển dụng GV cho Khoa QTKD [H6.06.01.09]. Ngoài các tiêu chí tuyển dụng nói chung, các đơn vị có thể đưa ra các tiêu chí cao hơn tiêu chí theo quy định nhằm đạt được mục đích thực hiện chiến lược nhân sự của Học viện. Nhu cầu của xã hội đối với nguồn nhân lực ngành QTKD theo hướng hội nhập quốc tế rất cao, thời gian qua có rất nhiều đơn vị trong lĩnh vực kinh tế, quản lý được thành lập và nhiều công ty nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, nên Học viện khó thu hút được GV chất lượng cao cho ngành QTKD.

Kể từ năm 2014, công tác phát triển năng lực GV của các Khoa, Viện và CBQL Học viện được định hướng theo Kết luận số 322/TB-HV ngày 25/4/2014 của Giám đốc Học viện [H6.06.01.10], đây là cơ sở để Học viện triển khai công tác đào tạo bồi dưỡng NCV, GV trong những năm tiếp theo.

Học viện đã ban hành Quy chế về đào tạo và bồi dưỡng đối với viên chức và người lao động theo Quyết định 647/QĐ-HV ngày 27/7/2017 [H6.06.01.11]. Trong đó quy định đối tượng, mục đích, nguyên tắc cử đi đào tạo, bồi dưỡng, các chính sách, đặc biệt là chính sách khuyến khích, hỗ trợ học phí cho viên chức và người lao động đi bồi dưỡng (học tập tại Việt Nam được hỗ trợ học phí, chi phí đi lại và được thanh toán đầy đủ lương và phúc lợi; học ở nước ngoài được hỗ trợ BHXH và 40% tiền lương cơ bản và được đảm bảo các chế độ bảo hiểm, nâng lương thường xuyên theo quy định của Học viện và Nhà nước); quyền lợi và nghĩa vụ của viên chức cũng như trình tự thủ tục để viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng và đi thực tế căn cứ để thực hiện; quy trình xác định nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ, GV và nhân viên ở các đơn vị (trong đó nêu rõ các bước xác định nhu cầu đào tạo bồi dưỡng: từ nguyện vọng cá nhân đến ra quyết định cử đi đào tạo bồi dưỡng và tiếp nhận trở lại làm việc).

Hàng năm, Học viện ban hành Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng CBVCNLĐ Học viện **[H6.06.01.12]** và căn cứ kế hoạch, Học viện đã tổ chức và cử cán bộ, viên chức và người lao động đi tham gia nhiều khoá bồi dưỡng như: Bồi dưỡng về NVSP, về trung cấp lý luận chính trị, về quản lý hành chính nhà nước chương trình chuyên viên - chuyên viên

chính, tin học, về chuyển đổi số, về đổi mới sáng tạo, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp GV hạng I, II, III, bồi dưỡng nâng cao trình độ tiếng anh Văn phòng, bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, bồi dưỡng an ninh quốc phòng đối tượng 4, bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu cơ bản và đấu thầu qua mạng, kỹ năng nắm bắt tâm lý học đường dành cho CVHT, bồi dưỡng cấp ủy cơ sở. Kết quả, trong chu kỳ KĐCL (2017-2022), Học viện đã đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho 2.522 lượt cán bộ công chức, viên chức và người lao động, bình quân đạt 3,2 lượt người, trong đó có, đã có 35 lượt viên chức được cử đi đào tạo thạc sỹ và tiến sỹ ở trong nước và nước ngoài, 01 người nghiên cứu sau tiến sĩ.

Để giám sát, quản lý công tác quy hoạch đội ngũ GV, NCV Học viện, HĐHV đã ban hành Quy chế giám sát của HĐHV nhiệm kỳ 2020-2025 theo Nghị quyết 35/NQ-HĐHV ngày 26/10/2021 [H6.06.01.13]. Năm 2021 và 2022, HĐHV đã ban hành Kế hoạch thực hiện công tác giám sát đối với các lĩnh vực của Học viện, thành lập đoàn kiểm tra giám sát về công tác cán bộ, lao động của Học viện và ban hành kết luận giám sát trong lĩnh vực này. Đồng thời, khi chuyển về trực thuộc BTT&TT, năm 2020, Học viện đã triển khai khắc phục trong công tác tuyển dụng theo kết luận 71-KL/TW ngày 24/3/2020 của Ban bí thư theo chỉ đạo của BTT&TT tại Hồ sơ triển khai công văn số 4983/BTTT-TCCB ngày 16/12/2020 của BTT&TT về việc khắc phục trong công tác tuyển dụng theo kết luận 71-KL/TW ngày 24/3/2020 của Ban bí thư [H6.06.01.14].

Công tác tuyển dụng, bố trí công việc, chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của GV, NCV được thực hiện nghiêm túc theo đúng các quy định hiện hành của Luật lao động và Luật Viên chức, cụ thể tại hồ sơ lưu trữ tại Phòng TCCB-LĐ về Hợp đồng lao động; các quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc của viên chức, người lao động Học viện; Các chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng các chính sách hiện hành. Trong 5 năm qua, Khoa QTKD có 01 GV đến tuổi nghỉ hưu nhưng được Học viện kéo dài thời gian công tác theo quy định [H6.06.01.15]. Tuy nhiên, Học viện vẫn còn khó khăn trong việc thu hút được GV có trình độ cao về làm việc.

Trong giai đoạn 2017-2022, Học viện tuyển dụng được 166 nhân sự, trong đó Khoa QTKD tuyển dụng được 17 GV. Trên cơ sở kết quả tuyển dụng, bố trí công việc, cũng như công tác giải quyết chế độ nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng lao động, có thể khẳng định số lượng đội ngũ GV, NCV ngành QTKD đáp ứng được nhu cầu đào tạo, NCKH và Phục vụ cộng đồng (PVCĐ).

2. Điểm mạnh

Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 đã xác định cụ thể việc thu hút, tuyển dụng, đào tạo nhằm mục tiêu đến năm 2025, tỷ lệ GV có trình độ tiến sĩ đạt trên 50% tổng số GV Học viện.

3. Điểm tồn tại

Học viện còn khó khăn trong việc thu hút được GV có trình độ cao về làm việc.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Phòng TCCB-LĐ xây dựng trình giám đốc học viện ban hành cơ chế chính sách thiết thực nhằm thu hút GV có trình độ cao về làm việc tại Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.2: Tỉ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Đội ngũ cán bộ tham gia hoạt động giảng dạy tại Khoa QTKD bao gồm GV cơ hữu của khoa, cán bộ quản lý các đơn vị chức năng Học viện và nghiên cứu viên NCV của Viện Kinh tế Bưu điện, đơn vị có con dấu trực thuộc Học viện.

Tính đến 31/12/2022, tổng số cán bộ, GV của Khoa 30 người. Trong đó tổng số GV cơ hữu của CTĐT ngành QTKD là 28 người, có 01 Phó giáo sư (chiếm 3,57%); 06 tiến sĩ (chiếm 21,48%); 21 thạc sĩ (chiếm 75%); số GV thỉnh giảng và kiêm giảng là 02 người (GV kiêm giảng là các cán bộ từ các đơn vị khác trong Học viện tham gia giảng dạy tại Khoa); độ tuổi trung bình của GV cơ hữu là 46,0 tuổi.

Tỷ lệ SV/GV: Tổng số SV CTĐT ngành QTKD tính đến 31/12/2022 là 906 SV. Tỷ lệ SV/GV của CTĐT qua các năm, cụ thể: Năm 2018: 24.51; 2019: 23.12; 2020: 23.52; 2021: 22.36; 2022: 22.37. Tỷ lệ này đáp ứng yêu cầu về xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học theo quy định tại Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của BGD&ĐT và Thông tư 01/2019/TT-BGDĐT ngày 25/02/2019 sửa đổi Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018.

Ngoài đội ngũ GV cơ hữu, để phục vụ công tác giảng dạy, Học viện tcòn mời các GV thỉnh giảng và Khoa QTKD cũng mời nhiều doanh nghiệp cùng hợp tác giảng dạy nhằm tạo nhiều cơ hội nhất có thể để SV tiếp cận sớm nhất với các công nghệ hiện hành từ các doanh nghiệp cũng như định hướng nghề nghiệp khi tốt nghiệp tại Học viện.

Căn cứ Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT của BGD&ĐT quy định số giờ chuẩn giảng dạy của GV [H6.06.02.01], năm 2015, Học viện ban hành Quy định chế độ làm việc đối với GV và GV thỉnh giảng tại Học viện theo Quyết định 914/QĐ-HV ngày 04/12/2015 [H6.06.02.02], theo đó khối lượng công việc của đội ngũ GV được quy đổi theo giờ chuẩn và được cụ thể hóa cho từng đối tượng GV (GV và GV giữ chức vụ quản lý) với định mức chế độ làm việc của nhà giáo trong Học viện là 270 giờ/năm. Đồng thời, Học viện ban hành Quy định về nhiệm vụ trong hoạt động đào tạo và NCKH của cán bộ tại các đơn vị thuộc Học viện để làm cơ sở tính khối lượng giảng dạy và NCKH cho NCV, CBQL [H6.06.02.03].

Năm 2020, BGD&ĐT ban hành quy định chế độ làm việc của GV trong các CSGD đại học [H6.06.02.04]. Căn cứ quy định của BGD&ĐT, Học viện ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung phương án tính khối lượng thực hiện nhiệm vụ giảng dạy của GV tại Học viện theo Quyết định 650A/QĐ-HV ngày 10/9/2020 [H6.06.02.05]. Tổng hợp giờ giảng của GV cụ thể giảng dạy 270 giờ chuẩn và NCKH 590 giờ thường. Tuy nhiên, Học viện chưa có quy định cụ thể về số giờ giảng, loại hình và số lượng hoạt động NCKH (đề tài, bài báo quốc tế) cho từng hạng GV, cũng như cho các GV có học hàm GS, PGS.

Học viện ban hành Danh mục vị trí công việc đối với cán bộ, GV Khối QLĐT phía Bắc theo Quyết định 1191/QĐ-HV ngày 28/12/2018 và phê duyệt Hệ thống bản MTCV chuẩn đối với các vị trí công việc tại Khối QLĐTPB Học viện theo Tờ trình số 503/TTr-TCCB-LĐ ngày 20/12/2018 [H6.06.02.06], trong đó có nội dung ban hành bản MTCV đối với chức danh GV để làm cơ sở đo lường, đánh giá khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV Học viện.

Trong từng học kỳ, căn cứ bản MTCV của GV, Khoa thực hiện phân công chuyên môn cho GV theo từng bộ môn [H6.06.02.07]. Sau khi GV thực hiện theo bảng phân công chuyên môn, Học viện thống kê khối lượng công việc của GV và thực hiện qui đổi giờ giảng dạy theo giờ chuẩn [H6.06.02.08]; đối với giờ NCKH, Học viện tiến hành rà soát thống kê giờ NCKH và giảng dạy để có căn cứ thực hiện theo quy định về NCKH đối với GV [H6.06.02.09], trường hợp GV thiếu giờ NCKH sẽ được quy đổi từ giờ giảng theo quy định.

Hàng năm, 100% đội ngũ GV của Khoa QTKD đều đảm bảo số giờ chuẩn giảng dạy, giờ NCKH, 100% GV hoàn thành nhiệm vụ, có 34,67% GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đối với NCV của Viện Kinh tế Bưu điện và các đơn vị chức năng Học viện

phải thực hiện giờ giảng theo quy chế kiêm giảng của Học viện và chủ yếu tập trung vào công tác NCKH, hướng dẫn SV thực tập, làm ĐATN [H6.06.02.10].

Học viện có quy định, tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, GV, nhân viên. Thể hiện tại các văn bản, quy định như: Quy định Đánh giá kết quả công việc cá nhân của Khối QL&ĐTPB ban hành theo Quyết định 207/QĐ-HV ngày 26/3/2018 [H6.06.02.11]; Quy định tạm thời về các tiêu chí khuyến khích đối với cán bộ giảng dạy của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông hành theo Quyết định 370/QĐ-TCCB ngày 27/6/2012 [H6.06.02.12], trong đó xác định cụ thể các tiêu chí phân loại GV theo mức A, B, C với mục tiêu khuyến khích GV chủ động đăng ký học tập để đạt trình độ tiến sỹ và tiếng Anh đạt chuẩn B2 theo khung tham chiếu châu Âu, việc này góp phần quan trọng để giám sát để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH của GV Học viện;

Phòng Giáo vụ tổ chức việc giám sát thời gian lên lớp của GV thông qua việc ghi Sổ nhật ký giảng dạy của GV trong từng kíp học, đảm bảo GV lên lớp đúng giờ và sổ được lưu trữ tại phòng giáo vụ [H6.06.02.13]; Tổ Thanh tra thuộc Văn phòng Học viện có nhiệm vụ thanh tra định kỳ việc chấp hành nội quy, thời gian lên lớp đối với GV trên giảng đường [H6.06.02.14].

Học viện ban hành Quy định lấy ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy của GV theo Quyết định 861/QĐ-HV ngày 23/11/2015; Lập kế hoạch và triển khai đánh giá các hoạt động giảng dạy của GV trong từng học kỳ. Phiếu khảo sát NH hệ đào tạo chính quy với nội dung khảo sát gồm 10 tiêu chí và kết quả khảo sát được báo cáo Ban Giám đốc để chỉ đạo, điều hành hoạt động của Học viện và công bố công khai để lãnh đạo Khoa nắm rõ tình hình giảng dạy chung của Khoa và GV có phương hướng điều chỉnh hoạt động giảng dạy [H3.03.02.01].

Để định hướng cho các hoạt động PVCĐ của cán bộ, GV, Học viện đã ban hành Quy định các hoạt động kết nối và PVCĐ tại Học viện theo Quyết định 334/QĐ-HV ngày 29/4/2021; Quyết định thành lập Ban chỉ đạo các hoạt động kết nối và PVCĐ năm 2021 và 2022; Kế hoạch các hoạt động kết nối và PVCĐ năm học 2021-2022 [H6.06.02.15]. Căn cứ hướng dẫn của Học viện, Khoa QTKD chủ động tham gia các hoạt động PVCĐ như: Tham gia bồi dưỡng các đội tuyển SV tham gia các kỳ thi; quyên góp tiền ủng hộ đồng bào khó khăn do thiên tai, dịch bệnh; … thông qua báo cáo công tác kết nối và PVCĐ năm 2021 . Tuy nhiên, hoạt động PVCĐ của GV chưa được lượng hóa cụ thể nên công tác đánh giá hoạt động PVCĐ chưa được thuận lợi.

Căn cứ khối lượng công việc thực tế thực hiện được Học viện giao về giảng dạy, NCKH và PVCĐ trong từng năm học, GV tự đánh giá kết quả thực hiện công việc; sau đó bộ môn và khoa đánh giá; cuối cùng, Học viện đánh giá căn cứ vào kết quả đánh giá của Khoa để có kết quả đánh giá, xếp loại CBGV của Khoa QTKD cuối năm của Học viện [H6.06.02.16]. Kết quả đánh giá, xếp loại thi đua khen thưởng hàng năm cho thấy đội ngũ GV của Khoa QTKD đáp ứng được các yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ, 100% GV Khoa đều hoàn thành khối lượng công việc theo quy định. Tỷ lệ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ viên chức của Khoa QTKD trong 5 năm giai đoạn 2017-2021: 34,67% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 40,70% hoàn thành tốt nhiệm vụ và 24,63% hoàn thành nhiệm vụ. 100% GV Khoa QTKD đều đạt mức từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

Kết quả đánh giá mức khuyến khích GV giai đoạn 2017-2021 cho thấy tỷ lệ trung bình GV của Học viện đạt mức A là 46,22%; mức B là 33,78% và mức C là 20%, trong đó riêng GV của Khoa QTKD được đánh giá loại A dao động từ 90% - 96% [H6.06.02.17].

Thông qua Hội nghị CBVC và các báo cáo tổng kết hàng năm của Học viện [H4.04.01.06] cho thấy giảng viên của Khoa QTKD không có phàn nàn, khiếu nại về khối lượng, chất lượng công việc được giao cũng như kết quả đánh giá của khoa và học viện về kết quả công việc GV đã thực hiện trong năm [H4.04.01.07].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, 100% đội ngũ GV của Khoa QTKD đều đảm bảo số giờ chuẩn giảng dạy, giờ NCKH, 100% GV hoàn thành nhiệm vụ, có 34,67% GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động PVCĐ của GV chưa được lượng hóa cụ thể nên công tác đánh giá hoạt động PVCĐ chưa thuận lợi.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2023, Phòng TCCB-LĐ phối hợp với Khoa QTKD nghiên cứu xây dựng các tiêu chí định lượng các hoạt động PVCĐ của GV để thuận lợi cho việc đo lường và đánh giá mức độ hoàn thành của từng GV.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện đã ban hành Quy chế tuyển dụng viên chức và người lao động theo Quyết định 1166/QĐ-HV, ngày 24/12/2018 và Nghị quyết 54/NQ-HĐHV, ngày 18/01/2022 của HĐHV [H6.06.01.07], trong đó quy định cụ thể về quy trình, tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn viên chức và người lao động tại Học viện. Ngoài các tiêu chí tuyển dụng nói chung, các đơn vị có thể đưa ra các tiêu chí cao hơn tiêu chí theo quy định nhằm đạt được mục đích thực hiện chiến lược nhân sự của Học viện.

Đồng thời, các tiêu chí tuyển dụng còn được quy định cụ thể tại Danh mục vị trí công việc tại các phòng/ban, trung tâm chức năng ban hành theo Quyết định 1191/QĐ-HV ngày 04/12/2015 [H6.06.02.06]; khung năng lực, bản MTCV theo Đề án vị trí việc làm ban hành năm 2014, được hiệu chỉnh, ban hành theo Quyết định 449/QĐ-HV ngày 29/6/2020 và được triển khai tại Khoa QTKD từ năm 2016 [H6.06.03.01].

Dựa trên các mục tiêu chiến lược phát triển nguồn nhân lực trong Chiến lược phát triển Học viện và đề án vị trí việc làm; căn cứ vào kết quả rà soát, đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực, kế hoạch công tác của từng đơn vị, hàng năm Học viện xây dựng Kế hoạch tuyển dụng lao động, trong đó xác định rõ quy trình tuyển dụng, số lượng cần tuyển, mô tả vị trí việc làm, tiêu chuẩn của các vị trí tuyển dụng phù hợp và đáp ứng yêu cầu theo Đề án vị trí việc làm và các quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp [H6.06.01.09].

Thông báo tuyển dụng GV các năm từ 2017 đến 2022 [H6.06.03.02] đều nêu rõ các tiêu chí tuyển dụng GV ngành QTKD với các tiêu chí cơ bản: có trình độ chuyên môn giỏi, có năng lực sáng tạo, tư duy đổi mới; có đạo đức tốt, sức khỏe tốt; có ý thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước công việc; yêu nghề, gắn bó với Học viện. Trong đó, các điều kiện ưu tiên chung đối với các ứng viên vào vị trí GV: Có trình độ tiến sĩ; được đào tạo ở nước ngoài; có chứng chỉ tiếng Anh IELTS 5.5 hoặc tương đương trở lên; đang là GV hoặc có kinh nghiệm giảng dạy, quản lý giáo dục, NCKH; có kết quả biên soạn tài liệu, bài giảng, công trình NCKH đã công bố; tuổi dưới 40 (đối với tiến sĩ tuổi dưới 45); chế độ đãi ngộ: Môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp, gắn kết giữa đào tạo, nghiên cứu và CGCN, có cơ hội thăng tiến; được tạo điều kiện ra nước ngoài hợp tác giảng dạy,

nghiên cứu, trao đổi học thuật, học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phát huy tối đa năng lực của bản thân và phát triển nghệ nghiệp; được hưởng thu nhập theo vị trí việc làm, tương xứng với năng lực và kết quả công tác; được hưởng đầy đủ các chế độ về BHXH, BHYT theo quy định của Nhà nước. Sau khi có kết quả trúng tuyển, các GV được bố trí sinh hoạt chuyên môn tại một tổ bộ môn của Khoa và sẽ được một GV hướng dẫn trực tiếp, hỗ trợ cho GV mới được tuyển dụng.

Học viện thành lập Hội đồng tuyển dụng GV cho từng Khoa để xét tuyển hồ sơ trên cơ sở trình độ, kết quả/thành tích học tập/nghiên cứu, kinh nghiệm tích lũy ứng viên và sự phù hợp với ngành học, ngành đào tạo. Các ứng viên có hồ sơ đủ điều kiện sẽ được mời tham dự vòng kiểm tra, sát hạch gồm: phỏng vấn trao đổi, đánh giá năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, khả năng sư phạm, giảng thử [H6.06.03.03].

Tiêu chí đề bạt và bổ nhiệm các vị trí cán bộ của Học viện đã được thể hiện trong Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động, biệt phái viên chức quản lý của các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện ban hành theo Quyết định 445/QĐ-HV ngày 01/6/2021 [H6.06.01.05]. Quy định nêu rõ nguyên tắc; điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm, quy trình bổ nhiệm; bổ nhiệm lại và kéo dài thời gian giữ chức vụ; quy định về thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động viên chức quản lý; quy định về biệt phái cán bộ của Học viện. Tuỳ từng vị trí được bổ nhiệm, Quy chế quy định rõ ràng về các tiêu chí về đạo đức, về trình độ chuyên môn, bằng cấp, các yêu cầu về kinh nghiệm làm việc, quy trình bổ nhiệm. Đối với vị trí lãnh đạo, quản lý yêu cầu về năng lực và kỹ năng gồm: phẩm chất đạo đức, trình độ, kinh nghiệm, uy tín, tư duy, khả năng đoàn kết, tập hợp, quy tụ viên chức trong đơn vị; yêu cầu về kỹ năng gồm có kỹ năng giao việc, ngoại giao, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề, ra quyết định, kỹ năng tổng hợp, phân tích, nhận định và đánh giá trong quản lý, điều hành công việc. Tuỳ từng vị trí quản lý là các khoa, trung tâm chuyên môn hay các phòng ban chức năng, các tiêu chuẩn năng lực được xác định cụ thể; theo yêu cầu của công tác quản lý.

Trong giai đoạn 2017 - 2022, trên cơ sở quy hoạch và kết quả đánh giá năng lực đội ngũ CBQL, Học viện đã bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, luân chuyển 129 lượt CBQL các cấp (trong đó, Ban Giám đốc: bổ nhiệm mới 01 nhân sự, bổ nhiệm lại 04 nhân sự; luân chuyển 06 nhân sự; bổ nhiệm mới 76 Trưởng, Phó khoa/phòng/bộ phận; bổ nhiệm lại 48 nhân sự). Tất cả các nhân sự được bổ nhiệm đều theo đúng quy hoạch.

.Thông báo tuyển dụng được đăng tải trên website Học viện tại địa chỉ: Portal.ptit.edu.vn/hoc-vien-cong-nghe-buu-chinh-vien-thong-thong-bao-tuyen-dung/ và trên các báo việc làm và các trang mạng xã hội về tuyển dụng [H6.06.03.04].

Trong chu kỳ KĐCL (2017-2022), căn cứ vào nhu cầu tuyển dụng, Học viện đã tuyển dụng được 166 nhân sự. Trong đó tuyển dụng được 17 GV ngành QTKD, đều có trình độ thạc sỹ [H6.06.03.05]. Số GV được tuyển dụng chỉ đáp ứng được 74% so với chỉ tiêu cần tuyển, điều này thể hiện Học viện chưa có chính sách và cơ chế đặc thù để thu hút GV có trình độ học vị và học hàm cao PGS, GS về làm GV cơ hữu của Học viện.

Kết quả tuyển dụng, bổ nhiệm và bố trí sắp xếp nhân sự của Học viện được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng: trên website của Học viện http://ptit.edu.vn, báo in và gửi qua hệ thống văn bản nội bộ của HV, treo tại bảng tin của Phòng TCCB-LĐ và gửi qua email tới ứng viên.

2. Điểm mạnh

Học viện ban hành khung năng lực, bản mô tả công việc theo từng vị trí việc làm và được triển khai từ năm 2016 để làm cơ sở cho công tác tuyển dụng GV Khoa QTKD.

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa có chính sách và cơ chế đặc thù để thu hút GV có trình độ học vị và học hàm cao PGS, GS về làm GV cơ hữu của Học viện.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2023, Phòng TCCB-LĐ nghiên cứu, xây dựng chính sách và cơ chế đặc thù với những chế độ đãi ngộ có mức hấp dẫn cao hơn để có thể cạnh tranh thu hút được nhiều hơn nữa các GV có học vị tiến sỹ và học hàm PGS và GS về làm GV cơ hữu của Học viện, đặc biệt là GV ngành QTKD.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ CB, GV, NV của Học viện được quy định tại Khung năng lực và bản MTCV của từng vị trí việc làm trong Đề án vị trí việc làm của Học viện ban hành theo Quyết định 449/QĐ-HV ngày 29/6/2020 [H6.06.03.01] và Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện ban hành kèm theo Nghị quyết 22/NQ-HĐHV ngày 12/4/2021 của HĐHV. Đề án vị trí việc làm trình bày tóm tắt công việc, nội dung,

yêu cầu về năng lực, trách nhiệm cụ thể từng chức danh, vị trí làm việc, khối lượng, tần suất thực hiện, ... và xác định các tiêu chí về năng lực đội ngũ GV về trình độ chuyên môn từ thạc sỹ trở lên và tiếng Anh trình độ B1, năng lực NCKH, năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH, năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, năng lực ứng dụng và sử dụng CNTT trong dạy học, năng lực nghiên cứu; có yêu cầu về năng lực đối với Lãnh đạo khoa, đối với trưởng khoa bên cạnh học vị tiến sĩ trở lên cần phải có kỹ năng về quản lý thông qua lớp bồi dưỡng có chứng chỉ chuyên viên chính trở lên. Tuy nhiên, chức danh GV chỉ quy định năng lực chung của GV, chưa mô tả cụ thể vị trí việc làm của GV có học hàm GS, PGS và trình độ TS.

Căn cứ Đề án việc làm, Học viện xây dựng Bản MTCV của các vị trí công việc trong Khoa (trưởng, phó khoa; trưởng/phó BM; GV) [H6.06.04.01]. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, Bản mô tả vị trí việc làm chưa có yêu cầu về năng lực chuyên sâu về thiết kế chương trình và chưa phân biệt rõ các hạng GV I, II, III trong bản mô tả công việc.

Học viện đã giao Phòng TCCB-LĐ phụ trách việc tham mưu, theo dõi, tổng hợp về đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, GV, nhân viên, đánh giá xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, và phụ trách công tác thi đua khen thưởng. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV được sử dụng để xem xét, đánh giá xếp loại viên chức và được lấy làm căn cứ xem xét danh hiệu thi đua, khen thưởng và để làm căn cứ xem xét cử CB, GV, NV đi đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao nghiệp vụ, kiến thức chuyên môn.

Việc đánh giá năng lực của GV được thực hiện định kỳ theo từng thời điểm trong năm và dựa trên các tiêu chí đánh giá cụ thể, có 6 hình thức đánh giá:

- Đánh giá hàng tháng:

+ Để đánh giá GV hàng tháng, Học viện ban hành Quy chế trả lương của Khối QL&ĐTPB theo Quyết định 468/QĐ-TCCB ngày 26/7/2012 [H6.06.04.02]; Quy định Đánh giá kết quả công việc cá nhân của Khối QLĐT phía Bắc ban hành theo Quyết định 207/QĐ-HV ngày 26/3/2018 [H6.06.02.11]; Quyết định sửa đổi bổ sung phương án tính khối lượng thực hiện nhiệm vụ giảng dạy của GV tại Học viện (650A/QĐ-HV ngày 10/9/2020) [H6.06.02.05].

+ Cuối mỗi tháng, Khoa họp xét chất lượng công tác để đánh giá năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc của từng GV và gửi kết quả đánh giá về Phòng TCCB-LĐ để tổng hợp, họp Hội đồng lương xác định mức lương chi trả hàng tháng cho

từng cán bộ, GV [H6.06.04.03]. Đồng thời, Hồ sơ đánh giá kết quả thực hiện công việc của cá nhân VC-NLĐ hàng tháng được lưu tại Phòng TCCB-LĐ Học viện.

- Đánh giá theo quý:

+ Căn cứ quy định và hướng dẫn của BTT&TT tại Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng đối với công chức, viên chức ban hành theo Quyết định 2276/QĐ-BTTTT ngày 23/12/2020 và Hướng dẫn đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ công chức, viên chức năm 2021 theo công văn số 643/TCCB ngày 10/11/2021 của BTT&TT [H6.06.04.04], Học viện ban hành Công văn hướng dẫn về việc đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (887/HV-TCCB ngày 20/11/2020) và văn bản hướng dẫn về việc đánh giá, xếp loại VC, NLĐ theo quý [H6.06.04.05].

+ Thực hiện hướng dẫn của Học viện, các Khoa/Bộ môn triển khai đánh giá GV theo các tiêu chí đánh giá viên chức của BTT&TT và kết quả đánh giá được gửi về Phòng TCCB-LĐ để tổng hợp theo quý báo cáo BTT&TT. Quy trình đánh giá được cụ thể như sau: GV tự đánh giá theo mức điểm của từng tiêu chí với tổng điểm 100, sau đó khoa, bộ môn tổ chức cuộc họp cán bộ chủ chốt đánh giá từng GV, xác nhận kết quả đánh giá gửi Phòng TCCB-LĐ. Các Phiếu đánh giá từng cá nhân có xác nhận của trưởng khoa được lưu tại Phòng TCCB-LĐ.

- Đánh giá theo học kỳ: Công tác đánh giá hoạt động giảng dạy của GV được thực hiện thông qua việc TTKT&ĐBCLGD triển khai lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV đối với mỗi HP thông qua Phiếu khảo sát SV về hoạt động giảng dạy của GV tại Quy định lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV ban hành theo Quyết định 816/QĐ-HV ngày 23/11/2015 [H6.06.04.06]. Qua báo cáo kết quả khảo sát của TTKT&ĐBCLGD [H3.03.02.01] cho thấy đa số các hoạt động giảng dạy đã đáp ứng được nhu cầu học tập của NH, trên 90% SV đánh giá tốt về hoạt động giảng dạy của GV Khoa QTKD.

- Đánh giá cuối năm:

+ Xác nhận khối lượng giảng dạy: Phòng Giáo vụ tổng hợp khối lượng giảng dạy của từng GV, gửi khoa để đối chiếu, xác nhận việc hoàn thành giờ giảng của GV [H6.06.04.07].

+ Xác nhận giờ NCKH: Phòng QL KHCN-HTQT xác nhận giờ NCKH của từng GV căn cứ kết quả thực hiện hoạt động NCKH từng GV trong năm [H6.06.04.08].

- Đánh giá theo đăng ký của GV trong từng năm học:

+ Với mục tiêu từng bước nâng cao trình độ năng lực chuyên môn, ngoại ngữ của đội ngũ GV Học viện, Học viện ban hành Quy định tạm thời về các tiêu chí khuyến khích đối với cán bộ giảng dạy của Học viện theo Quyết định 370/QĐ-TCCB ngày 27/6/2012 [H6.06.04.09].

+ Vào đầu mỗi năm học, Học viện tổ chức cho GV đăng ký mức chất lượng A, B, C với Học viện, trong đó tập trung vào các tiêu chí như hoàn thành khối lượng giảng dạy, tham gia NCKH và đạt chuẩn trình độ tiếng Anh; cuối năm, căn cứ kết quả công việc, Học viện xem xét đánh giá mức độ hoàn thành của từng GV để xếp loại mức khuyến khích GV làm cơ sở thi đua khen thưởng hàng năm [H6.06.04.10]. Kết quả đánh giá giai đoạn 2017-2022, tỷ lệ trung bình GV của Học viện đạt mức A là 46,22%; mức B là 33,78% và mức C là 20%, trong đó riêng GV của Khoa QTKD được đánh giá mức A dao động từ 90% - 94%.

- Đánh giá viên chức xét thi đua khen thưởng:

+ Hàng năm, Học viện công bố công khai trên hệ thống thông tin quản lý và gửi đến các đơn vị kế hoạch đánh giá viên chức và mẫu phiếu đánh giá công chức, viên chức và người lao động. Theo đó, các bước thực hiện việc đánh giá, phân loại từ cấp độ cá nhân, bộ môn đến cấp Khoa, Viện.... Các tiêu chí đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ năm học được xếp loại theo 4 mức độ: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. được phổ biến rộng rãi tới toàn thể công chức, viên chức và người lao động trong toàn Học viện.

+ Vào cuối mỗi năm học, các GV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xây dựng kế hoạch trong năm học tới, việc tự đánh giá căn cứ theo hướng dẫn của Học viện và thể hiện trên Bản kiểm điểm viên chức hàng năm của CBGV Khoa QTKD [H6.06.04.11]. Sau đó, lãnh đạo khoa đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Học viện đánh giá, bình xét xếp loại thi đua.

- Đánh giá theo KPI: Để đánh giá thành tích chung của Khoa trên cơ sở thành tích đạt được của GV, Học viện ban hành hệ thống đánh giá kết quả thực hiện công việc theo KPIs của Học viện năm 2018, 2019 và 2020 [H6.06.04.12]. Đây là cơ sở để Học viện xác định kết quả các chỉ tiêu chính trong hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Học viện hàng năm.

Kết quả trong 5 năm của chu kỳ KĐCLGD cho thấy, đa số các GV của Khoa QTKD có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức cao, đạt từ 90 đến 96%, 100% các GV

ngành QTKD được Khoa, Học viện đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ xếp loại A [H6.06.04.13]. Trong chu kỳ KĐCLGD, Khoa QTKD có 13 GV được Giấy khen của Học viện; 7 Giấy khen của Bộ Thông tin và Truyền thông; 19 lượt GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 01 GV đạt Chiến sĩ thi đua cấp Bộ và 94 lượt GV đạt danh hiệu Lao động tiên tiến.

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí khuyến khích đối với cán bộ giảng dạy của Học viện là cơ sở và động lực để khuyến khích GV nâng cao năng lực NCKH và trình độ ngoại ngữ.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả vị trí việc làm chưa có yêu cầu về năng lực chuyên sâu về thiết kế chương trình và chưa phân biệt rõ các hạng GV I, II, III trong bản mô tả công việc.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2023, Phòng TCCB-LĐ xây dựng bản MTCV bổ sung yêu cầu về năng lực chuyên sâu về thiết kế chương trình và phân biệt rõ các hạng GV I, II, III trong bản mô tả công việc.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Năm 2014, Học viện đã tổ chức khảo sát, đánh giá sự phù hợp về trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, GV với yêu cầu phát triển của Học viện để xác định định hướng công tác đào tạo chuyên môn cho việc phát triển năng lực GV của các khoa, viện và cán bộ quản lý Học viện theo Kết luận số 322/TB-HV ngày 25/4/2014 của Giám đốc Học viện [H6.06.01.10].

Học viện đã ban hành Quy định về đào tạo và bồi dưỡng đối với viên chức và người lao động theo Quyết định 647/QĐ-HV ngày 27/7/2017 [H6.06.01.11]. Trong đó quy định đối tượng, mục đích, nguyên tắc cử đi đào tạo, bồi dưỡng, các chính sách, đặc biệt là chính sách khuyến khích, hỗ trợ học phí cho viên chức và người lao động đi bồi dưỡng; quyền lợi và nghĩa vụ của viên chức cũng như trình tự thủ tục để viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng và đi thực tế căn cứ để thực hiện; quy trình xác định nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ, GV và nhân viên ở các đơn vị (trong đó nêu rõ các bước xác định nhu

cầu đào tạo bồi dưỡng: từ nguyện vọng cá nhân đến ra quyết định cử đi đào tạo bồi dưỡng và tiếp nhận trở lại làm việc).

Năm 2021, Học viện ban hành Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí cho viên chức, NLĐ được cử đi đào tạo tiến sỹ trong nước giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định 513/QĐ-HV ngày 18/6/2021 [H6.06.05.01]. Theo quy định này, GV khi đi học tiến sỹ trong nước sẽ được hỗ trợ kinh phí một lần sau khi có kết quả công nhận đã hoàn thành CTĐT TS với mức hỗ trợ 90 triệu đồng khi hoàn thành CTĐT tiến sỹ ở các trường ngoài Học viện và 50 triệu đồng khi hoàn thành CTĐT tiến sỹ ở trong Học viện, ...

Vào quý I hàng năm, Phòng TCCB-LĐ trình Giám đốc Học viện ban hành Kế hoạch đăng ký nhu cầu đào tạo tập huấn, bồi dưỡng gửi các các đơn vị, trong đó có Khoa QTKD1, QTKD2 đây là các đơn vị trực tiếp tham gia giảng dạy cho CTĐT ngành QTKD (sau đây gọi tắt là đơn vị). Kế hoạch được gửi đến các đơn vị trong toàn Học viện về đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, GV, nhân viên, trong đó, yêu cầu các đơn vị tập hợp nhu cầu của CB, GV, NV về đào tạo bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ của năm [H6.06.05.02].

Trên cơ sở đăng ký của CBVC-NLĐ, các đơn vị tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng gửi về Phòng TCCB-LĐ trong đó có danh mục các khoá đào tạo theo tiêu chuẩn vị trí chức danh nghề nghiệp, các khoá bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, bồi dưỡng NVSP, bồi dưỡng kỹ năng giảng dạy, NCKH, an ninh quốc phòng, tin học văn phòng, ngoại ngữ, ... phục vụ công tác đang đảm nhiệm. Phòng TCCB-LĐ tổng hợp đăng ký của các đơn vị, đối chiếu với chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Học viện nhằm đáp ứng mục tiêu "*Học viện có nguồn nhân lực chất lượng cao với quy mô và cơ cấu phù hợp; có hệ thống quản trị hiện đại, hoàn thành chuyển đổi số hầu hết các hoạt động của nhà trường*" và Đề án vị trí việc làm để duyệt sơ bộ nhu cầu của các đơn vị; sau đó tổng hợp thành Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng của năm tiếp theo cho toàn Học viện và trình Lãnh đạo Học viện phê duyệt [H6.06.01.12].

Căn cứ kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng hàng năm, Học viện đã tổ chức và cử cán bộ, viên chức và người lao động tham gia nhiều khoá bồi dưỡng như: Bồi dưỡng về NVSP, về trung cấp lý luận chính trị, về quản lý hành chính nhà nước chương trình chuyên viên - chuyên viên chính, tin học, về chuyển đổi số, về đổi mới sáng tạo, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp GV hạng I, II, III, bồi dưỡng nâng cao trình độ tiếng anh Văn phòng, bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, bồi dưỡng an ninh quốc phòng đối tượng 4,

bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu cơ bản và đấu thầu qua mạng, kỹ năng nắm bắt tâm lý học đường dành cho CVHT, bồi dưỡng cấp ủy cơ sở, ... [H6.06.05.03].

Học viện đã có chính sách đào tạo bồi dưỡng GV cho ngành QTKD từ nguồn lực nội bộ và khuyến khích GV đi học NCS sau khi được tuyển dụng. Trong 5 năm, Học viện đã cử 05 CBGV ngành QTKD đi học NCS và có 01 người đã hoàn thành chương trình NCS trở về tiếp tục công tác tại Khoa QTKD [H6.06.05.04]. Các GV đi học ở nước ngoài hàng năm đều nộp báo cáo KQHT theo quy định tại Quy chế đào tạo, bồi dưỡng đối với CBVC-NLĐ thuộc Học viện ban hành năm 2017, trong đó có quy định về việc báo cáo KQHT hàng năm đối với NCS tại nước ngoài để làm cơ sở trả lương, đóng BHXH cho các đối tượng này trong thời gian học tập [H6.06.05.05].

Với những cán bộ được bổ nhiệm hoặc quy hoạch chức danh lãnh đạo đơn vị, Học viện đã chi trả toàn bộ kinh phí để cử 4 cán bộ của Khoa QTKD tham gia bồi dưỡng Lý luận chính trị trung cấp, cao cấp. Các cán bộ này sau khi hoàn thành khóa học đã được cấp bằng và nộp về Phòng TCCB-LĐ đảm bảo tiêu chuẩn cán bộ theo quy định [H6.06.05.06].

Trong giai đoạn 2017-2022, Học viện thực hiện trao đổi, hợp tác với các cơ sở, các tổ chức giáo dục uy tín trong và ngoài nước đến đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng kết nối thực tập, hỗ trợ chia sẻ kinh nghiệm, phương pháp giảng dạy ĐH, tổ chức hội thảo, tập huấn (ký biên bản ghi nhớ đào tạo tiếng nhật với Học viện Công nghệ Shibaura Nhật Bản cử SV sang học tập, nghiên cứu ngắn hạn thro Thỏa thuận ngày 28/11/2017; ký kết với Viện Khoa học và Công nghệ tiến tiến JAIST Nhật Bản về hỗ trợ học bổng cho học viên cao học của Học viện sang học tập theo Thỏa thuận ngày 28/04/2017); ký kết với ĐH Lille 1 - Khoa học và Công nghệ Pháp hợp tác trong nghiên cứu và đào tạo theo thỏa thuận ngày 07/06/2017);; ký kết với ĐH Padova Italia trao đổi về hoạt động hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu và trao đổi CB, GV, SV theo thỏa thuận ngày 10/04/2018; ...[H6.06.05.07]. Căn cứ thỏa thuận, Học viện đã cử cán bộ, GV tham dự các hội nghị, hội thảo, học tập kinh nghiệm chuyên môn do đối tác tổ chức, ... [H6.06.05.08]. Việc quản lý CBGV, NV của Học viện đi công tác, học tập trong nước và ngoài nước được thực hiện theo Quy chế quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện (316/QĐ-HV ngày 18/5/2020). Nhằm nâng cao hiệu quả quản lý các đoàn cán bộ, GV Học viện đi công tác nước ngoài, Học viện đã thông báo và yêu cầu trả lời các câu hỏi đặt hàng và có xác nhận nghiệm thu báo cáo với các đoàn công tác nước ngoài của Học viện.

Học viện phân bổ kinh phí cử CBGV đi đào tạo bồi dưỡng thể hiện trong Quy chế chi tiêu nội bộ Học viện ban hành theo Quyết định 1233/QĐ-HV ngày 31/12/2019 [H6.06.05.09]. Trong đó đặc biệt khuyến khích đội ngũ GV, NCV tham gia các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn: GV học tập tại Việt Nam được hỗ trợ học phí, chi phí đi lại và được thanh toán đầy đủ lương và phúc lợi. GV học ở nước ngoài được hỗ trợ BHXH và 40% tiền lương cơ bản được đảm bảo các chế độ Bảo hiểm, nâng lương thường xuyên theo quy định của Học viện và pháp luật. Học viện hỗ trợ toàn bộ kinh phí cho GV tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Tổng kinh phí chi cho đào tạo dài hạn và ngắn hạn trong 5 năm của chu kỳ KĐCLGD trong toàn Học viện là 6,228 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 0,5% tổng nguồn chi). Định mức chi cho đào tạo dài hạn của Học viện còn ở mức thấp (770 triệu đồng/5 năm), chiếm tỷ lệ 0,05% tổng nguồn thu.

Trong giai 5 năm của chu kỳ KĐCLGD, Học viện đã cử 76 lượt GV của Khoa QTKD đi đào tạo, bồi dưỡng, tham gia các hội nghị, hội thảo, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước (đạt tỷ lệ 271,43%). Trong đó có 05 lượt đi bồi dưỡng Lý luận chính trị, 06 lượt đi đào tạo NCS, 81 lượt đi bồi dưỡng, tập huấn và đi học tập kinh nghiệm, tham gia các hội nghị, hội thảo. Qua quá trình đào tạo bồi dưỡng CBGV Học viện giai đoạn 2017-2022, có thể khẳng định, đến thời điểm hiện tại, 100% GV của Khoa QTKD có chứng chỉ NVSP và đạt chuẩn chức danh GV theo quy định thông qua việc bố trí chức danh nghề nghiệp GV (hạng I, II và III).

Đối với GV được cử tham gia các khóa bồi dưỡng ngắn hạn trong nước, Học viện giao Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông I&II tổ chức quản lý các khóa học theo quy trình tổ chức do Giám đốc Trung tâm ban hành [H6.06.05.10]. Kết thúc khóa học, Trung tâm tổ chức cấp chứng chỉ, chứng nhận cho học viên hoàn thành khóa học và gửi Báo cáo tổng kết khóa học về Phòng TCCB-LĐ [H6.06.05.11].

Kết quả, trong chu kỳ KĐCL (2017-2022), Học viện đã đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho 2.522 lượt cán bộ công chức, viên chức và người lao động, bình quân đạt 3,2 lượt người, trong đó có, đã có 35 lượt viên chức được cử đi đào tạo thạc sỹ và tiến sỹ ở trong nước và nước ngoài, 01 người nghiên cứu sau tiến sĩ. Tuy nhiên, Học viện chưa cử được GV đi đào tạo tiến sĩ tại nước ngoài do nguyên nhân chưa tìm được nguồn kinh phí để cấp học bổng cho GV có nhu cầu.

Định kỳ, Phòng TCCB-LĐ có báo cáo gửi Văn phòng để tổng hợp báo cáo BTT&TT, trong đó có nội dung báo cáo về công tác đào tạo, bồi dưỡng CBVC Học viện [H6.06.05.12].

2. Điểm mạnh

Trong 5 năm, Học viện đã cử 76 lượt GV Khoa QTKD tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn, tham gia hội nghị, hội thảo (đạt tỷ lệ 271,43%) và quy trình giám sát tổ chức đào tạo, bồi dưỡng được chuẩn hóa.

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa cử được GV đi đào tạo tiến sĩ tại nước ngoài do nguyên nhân chưa tìm được nguồn kinh phí để cấp học bổng cho GV có nhu cầu.

4. Kế hoạch hành động

Kể từ năm 2023, Khoa QTKD làm việc với các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực kinh tế và quản lý trong ngành TT&TT để hợp tác tìm kiếm nguồn tài trợ của các doanh nghiệp hỗ trợ kinh phí cho GV tham gia đào tạo NCS nước ngoài.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Vào đầu mỗi năm học, Phòng Giáo vụ xây dựng và trình Lãnh đạo Học viện ban hành Kế hoạch đào tạo năm học, từng học kỳ và thời khóa biểu của các khóa đào tạo đối với tất cả các hình thức và trình độ đào tạo tại Học viện [H6.06.03.03]. Đồng thời, căn cứ kế hoạch Học viện, Cơ sở Học viện tại Tp. HCM ban hành Kế hoạch đào tạo năm học và giao nhiệm vụ trọng tâm hàng năm cho GV các khoa 2 về giảng dạy và NCKH.

Học viện có quy định, tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc và quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV, thể hiện tại các văn bản, quy định như:

- Quy định chế độ làm việc đối với GV và GV thỉnh giảng tại Học viện ban hành năm 2009 (415/QĐ-GV&CTSV ngày 16/6/2009), được hiệu chỉnh năm 2015 và ban hành theo Quyết định 914/QĐ-HV ngày 04/12/2015 [H6.06.02.02].

- Danh mục vị trí công việc tại các phòng/ban, trung tâm chức năng ban hành theo Quyết định 1191/QĐ-HV ngày 04/12/2015 [H6.06.02.06].

- Đề án vị trí việc làm của Học viện ban hành theo Quyết định 449/QĐ-HV ngày 29/6/2020 [H6.06.03.01].

- Quy định chế độ làm việc của GV CSGD đại học ban hành theo Quyết định 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của BGD&ĐT [H6.06.02.04].

- Quyết định sửa đổi, bổ sung phương án tính khối lượng thực hiện nhiệm vụ giảng dạy của GV tại Học viện ban hành theo Quyết định 650A/QĐ-HV ngày 10/9/2020 [H6.06.02.05].

- Quy định Đánh giá kết quả công việc cá nhân của Khối QLĐT phía Bắc ban hành theo Quyết định 207/QĐ-HV ngày 26/3/2018 [H6.06.02.11].

- Quy định công tác CVHT ban hành theo Quyết định 1235/QĐ-HV ngày 31/12/2015 [H6.06.06.01] và được bổ sung, chỉnh sửa ban hành mới năm 2022 theo Quyết định 47/QĐ-HV ngày 14/01/2022 [H6.06.06.02].

- Học viện đã xây dựng và ban hành Hệ thống đánh giá kết quả thực hiện công việc theo KPIs từ năm 2018 đến năm 2020. Hệ thống đánh giá kết quả thực hiện công việc theo KPIs cấp Học viện và 26 đơn vị trực thuộc là cơ sở đo lường kết quả công việc của các đơn vị [H6.06.04.12].

Căn cứ các quy định trên và kế hoạch đào tạo của CTĐT ngành QTKD, Phòng Giáo vụ xây dựng thời khóa biểu cho mỗi HP trong học kỳ kế tiếp theo và gửi cho các viện/khoa/bộ môn chuyên môn để phân công giảng dạy. Căn cứ vào khối lượng giảng dạy giữa các GV giảng dạy trong bộ môn và GV thỉnh giảng, trưởng khoa QTKD có trách nhiệm phân công GV giảng dạy theo đúng chuyên môn theo quy định của Học viện, đảm bảo đủ khối lượng và tiếp thu được các đánh giá, phản hồi của SV. Hàng năm, Khoa QTKD xây dựng kế hoạch phân công nhiệm vụ cho GV tham gia công tác giảng dạy tại khoa với nội dung về giảng dạy, NCKH và các hoạt động PVCĐ (CVHT, GVCN, phụ trách phong trào SV, ...) [H6.06.02.07]. Kế hoạch phân công cụ thể nhiệm vụ cho GV được Khoa gửi Phòng Giáo vụ để phân công giảng dạy; Phòng QLKH - HTQT để giao nhiệm vụ NCKH và thực hiện việc quy đổi ra giờ NCKH và việc bù trừ giữa giờ NCKH và giờ giảng được thực hiện theo quy định về quy đổi giờ NCKH của Học viện.

Vào đầu năm học, Khoa QTKD tổ chức cho GV đăng ký mức khuyến khích GV theo Quy định về các tiêu chí khuyến khích đối với cán bộ giảng dạy của Học viện (với các mức khuyến khích A, B, C) và tổng hợp báo cáo Học viện để theo dõi, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ GV hàng năm [H6.06.02.12]. Đồng thời, Khoa tổ chức cho GV

đăng ký các danh hiệu thi đua năm học theo hướng dẫn của Học viện [H6.06.06.03], [H6.06.04.05].

Học viện phân công các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia vào công tác quản trị theo kết quả công việc của GV trong từng giai đoạn của năm học:

- Phòng TCCB-LĐ phụ trách, tham mưu, theo dõi, tổng hợp về đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV, đánh giá xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, và phụ trách công tác thi đua khen thưởng. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV được sử dụng để xem xét, đánh giá xếp loại viên chức và được lấy làm căn cứ xem xét danh hiệu thi đua, khen thưởng và để làm căn cứ xem xét cử CB, GV, NV đi đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao nghiệp vụ, kiến thức chuyên môn [H6.06.06.04];

- Phòng Giáo vụ được Học viện giao giám sát hoạt động dạy học với việc theo dõi việc thực hiện kế hoạch, lịch trình giảng dạy thông qua các hình thức như: Sổ theo dõi hàng ngày, sổ lên lớp, báo cáo hàng tháng, hàng năm, biên bản kiểm tra dự giờ, lịch giảng dạy hàng tuần, từng học kỳ [H6.06.06.05];

- Phòng QLKHCN&HTQT được Học viện giao nhiệm vụ tổ chức đăng ký, xét duyệt, nghiệm thu đề tài NCKH các cấp và tính khối lượng giờ NCKH cho GV trong từng năm học [H6.06.06.06];

- Phòng CT&CTSV theo dõi đánh giá kết quả công việc của hệ thống CVHT/GVCN giúp SV học tập đúng kế hoạch [H6.06.06.07];

- TTKT&ĐBCLGD tổ chức lấy ý kiến phản hồi SV về hoạt động giảng dạy của GV trong từng học kỳ, năm học [H6.06.06.08];

- Tổ Thanh tra giáo dục thuộc Văn phòng, Ban Thanh tra các kỳ thi giám sát hoạt động dạy học, kiểm tra việc thực hiện quy chế làm việc của GV, kịp thời nhắc nhở và xử lý các trường hợp vi phạm (nếu có) theo đúng quy chế của Học viện [H6.06.06.09];

- Khoa QTKD quản lý, xác nhận kết quả công việc của GV và theo dõi đánh giá GV qua công tác dự giờ [H6.06.06.10].

Trên cơ sở kế hoạch giảng dạy từng học kỳ của các đơn vị, Học viện quản trị theo các bước sau:

- Đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy:

+ GV lên lớp hàng ngày đều kê khai thông tin trên sổ theo dõi nhật ký giảng dạy/ Sổ lên lớp do Phòng Giáo vụ quản lý [H6.06.06.11]. Cuối học kỳ, Phòng Giáo vụ thống kê khối lượng giảng dạy của từng GV gửi Khoa xác nhận để làm thủ tục thanh toán.

+ Trong học kỳ, Khoa/Bộ môn sẽ tổ chức dự giờ đối với GV theo Quy định dự giờ của Học viện và Kế hoạch do Khoa ban hành theo từng học kỳ, năm học [H6.06.06.12].

+ Cuối học kỳ: TTKT&ĐBCLGD lập kế hoạch và triển khai đánh giá các hoạt động giảng dạy của GV và kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy vào cuối từng giai đoạn trong một học kỳ của năm học căn cứ theo Quy định lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV [H6.06.04.06] và tổng hợp thành Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi SV về hoạt động giảng dạy của GV sau từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2022 [H3.03.02.01]. Kết quả khảo sát được báo cáo Ban Giám đốc để chỉ đạo, điều hành hoạt động của Học viện và công bố công khai để lãnh đạo Khoa nắm rõ tình hình giảng dạy chung của Khoa và GV có phương hướng điều chỉnh hoạt động giảng dạy.

- Đánh giá hoàn thành nhiệm vụ NCKH: Phòng QLKHCN&HTQT quản trị tiến độ thực hiện đề tài theo Quy định về nhiệm vụ trong hoạt động đào tạo và NCKH của các cán bộ tại các đơn vị thuộc Học viện ban hành theo Quyết định 179/QĐ-HV ngày 21/04/2015 và Quy định về quản lý đề tài KHCN cấp Học viện ban hành theo Quyết định 338/QĐ-HV ngày 21/5/2020 [H6.06.06.13] với quy trình: Đầu năm học, Phòng tổ chức cho GV đăng ký, xét duyệt và trình Lãnh đạo Học viện phê duyệt giao đề tài KHCN cho GV; GV thực hiện và báo cáo tiến độ thực hiện giữa kỳ; khi hoàn thành Phòng tổ chức nghiệm thu, đánh giá mức độ đạt của đề tài. Cuối năm, từng GV kê khai giờ NCKH, gửi Phòng QLKHCN&HTQT để xác định giờ NCKH.

- Ngoài ra để quản trị tổng thể, hàng quý GV được đánh giá theo các tiêu chí đánh giá viên chức của BTT&TT và kết quả đánh giá được Phòng TCCB-LĐ tổng hợp theo quý để Báo cáo về BTT&TT [H6.06.04.05].

- Công tác PVCĐ và các hoạt động khác: Công tác PVCĐ của GV và NCV cũng được Học viện và Khoa quan tâm và được coi là một trong những tiêu chí đánh giá xếp loại lao động của CBVC. GV Khoa QTKD thường xuyên tham gia các hoạt động tình nghĩa, ủng hộ người nghèo, đồng bào lũ lụt, và nhiều hoạt động tuyên truyền, vận động cộng đồng về bảo vệ môi trường, ... thông qua báo cáo công tác kết nối và PVCĐ năm 2021 của Phòng CT&CTSV [H6.06.02.16].

- Tổng kết thi đua khen thưởng qua đánh giá viên chức; bình xét các danh hiệu thi đua khen thưởng hàng năm: Học viện có chính sách công nhận và khen thưởng bao gồm các danh hiệu thi đua (lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cấp các cấp) và các hình thức

khen thưởng (giấy khen, bằng khen) thông qua hướng dẫn công tác đánh giá kết quả thực hiện công việc và bình xét danh hiệu thi đua khen thưởng của Học viện [H6.06.06.14]. Quy trình cụ thể như sau:

- Vào cuối năm học, GV sẽ tự đánh giá thành tích cá nhân, sau đó đồng nghiệp tham gia góp ý. Riêng đối với các danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp, Khoa tiến hành bỏ phiếu GV; sau khi có kết quả, hồ sơ được tổng hợp và gửi Phòng TCCB-LĐ để Hội đồng thi đua khen thưởng họp xét thi đua và công nhận các danh hiệu.

+ GV được đánh giá trên các tiêu chí chính là khối lượng giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác được Khoa và Học viện phân công.

+ Dự thảo đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của CBGV và quyết định phê duyệt công nhận mức khuyến khích GV của năm được gửi đến từng đơn vị, cá nhân để có phản hồi trước khi ban hành quyết định công nhận đánh giá, xếp loại [H6.06.02.18].

Thành tích thi đua và khen thưởng của GV khoa QTKD cụ thể theo bảng 6.1 *(Phụ lục 02)*.

Tỷ lệ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ viên chức: 35% hoàn thành nhiệm vụ, 50% hoàn thành tốt nhiệm vụ và 15% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đánh giá thi đua của Khoa QTKD trong 5 năm có 13 GV được Giấy khen của Học viện; 7 Giấy khen của Bộ Thông tin và Truyền thông; 19 lượt GV đạt Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 01 GV đạt Chiến sĩ thi đua cấp Bộ [H6.06.02.17]. Kết quả đánh giá, phân loại và danh sách GV, NCV được khen thưởng hàng năm được gửi các đơn vị và công khai cho tất cả CBVC Học viện được biết.

Định kỳ hàng năm, Học viện tổ chức khảo sát về mức độ hài lòng của GV về điều kiện, môi trường làm việc và các dịch vụ hỗ trợ đào tạo [H6.06.06.15]. Kết quả khảo sát hàng năm cho thấy 93,75% CBGV hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ; cũng như chế độ phụ cấp, tiền lương, khen thưởng, phúc lợi, BHXH, BHYT, khám sức khỏe định kỳ và an sinh của Học viện được triển khai thực hiện theo đúng quy định. Tuy nhiên, vẫn còn 4,9% GV cơ sở phía Bắc chưa hài lòng với chế độ phụ cấp, tiền lương, khen thưởng, phúc lợi, BHXH, bảo hiểm y tế, khám sức khỏe định kỳ và an sinh của Học viện và 2,7 % GV cơ sở Học viện chưa hài lòng với chế độ phụ cấp, khen thưởng, phúc lợi phù hợp với năng lực và sự đóng góp trong hoàn thành công việc.

Khoa QTKD không có đơn thư khiếu nại của cán bộ, GV thể hiện trong các Báo cáo tổng kết hàng năm của khoa [H6.06.06.16].

Việc ghi nhận đúng thành tích cho cán bộ đã tạo động lực cho cán bộ phát huy hết khả năng trong giảng dạy và nghiên cứu, 100% cán bộ, GV hài lòng về kết quả thi đua, khen thưởng, không có đơn phản ánh hoặc khiếu nại về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, cấp cơ sở, khen thưởng của Giám đốc Học viện và có xu hướng tăng lên từng năm.

Hệ thống quản trị của Học viện được quản trị dưới nhiều góc độ khác nhau, với nhiều hình thức quản trị kết quả công việc và sự tham gia của các BLQ trong Học viện.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn 4,9% GV cơ sở phía Bắc chưa hài lòng với chế độ phụ cấp, tiền lương, khen thưởng, phúc lợi, BHXH, bảo hiểm y tế, khám sức khỏe định kỳ và an sinh của Học viện và 2,7 % GV cơ sở Học viện chưa hài lòng với chế độ phụ cấp, khen thưởng, phúc lợi phù hợp với năng lực và sự đóng góp trong hoàn thành công việc.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2024-2025, Phòng TCCB-LĐ phối hợp với các khoa tiến hành khảo sát tìm hiểu nguyên nhân của sự không hài lòng để có kế hoạch điều chỉnh phù hợp.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV, NCV của Học viện phải thực hiện được quy định tại các văn bản quy định về công tác KHCN của Học viện ban hành, bao gồm:

- Quy định về hoạt động KHCN Học viện ban hành theo Quyết định 1630/QĐ-TCCB-QLNCKH&TTTL ngày 18/12/1999 [H6.06.07.01];

- Quy định về nhiệm vụ trong hoạt động đào tạo và NCKH của các cán bộ tại các đơn vị thuộc Học viện ban hành theo Quyết định 179/QĐ-HV ngày 21/04/2015 [H6.06.07.02];

- Quy định về hoạt động NCKH của SV Học viện ban hành theo Quyết định 521/QĐ-HV ngày 25/06/2020 [H6.06.07.03];

- Quy định quản lý thực hiện báo cáo chuyên đề khoa học cấp Học viện ban hành theo Quyết định 503/QĐ-HV ngày 30/6/2014 [H6.06.07.04], quy định việc viết bài, báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước; Hướng dẫn SV NCKH, học viên cao học viết luận văn thạc sĩ, NCS viết luận án tiến sĩ; Tham gia Hội đồng đánh giá, nghiệm thu các công trình, đề tài NCKH các cấp; thực hiện báo cáo chuyên đề cấp Học viện và thực hiện các nhiệm vụ NCKH khác được Giám đốc Học viện giao.

- Quy chế Quản lý đề tài KHCN cấp Học viện năm 2020 ban hành theo Quyết định 338/QĐ-HV ngày 21/5/2020 [H6.06.07.05] quy định NCKH và công nghệ để phục vụ xây dựng CTĐT mới, bồi dưỡng ngắn hạn, biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo, đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá môn học;

- Quy định chế độ làm việc đối với GV và GV thỉnh giảng tại Học viện năm 2009 và được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2015 ban hành theo Quyết định 914/QĐ-HV ngày 04/12/2015 [H6.06.02.03];

- Quy định hỗ trợ kinh phí cho các bài báo khoa học đã được công bố trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus ban hành theo Quyết định 951/QĐ-HV ngày 23/10/2019 [H6.06.07.06], quy định việc công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và chính sách khuyến khích và thưởng viên chức thực hiện đề tài NCKH đúng thời hạn, đăng các bài viết quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus, hỗ trợ 30 triệu/bài thuộc danh mục ISI/Scopus thuộc nhóm Q1; 25 triệu/bài thuộc nhóm Q2...).

Mặc dù Học viện ban hành nhiều quy định về hoạt động KHCN của GV, NCV và NH, tuy nhiên, các nội dung được quy định ở nhiều văn bản khác nhau, chưa tổng hợp trong một văn bản cụ thể để thuận tiện trong công tác tổ chức thực hiện

Học viện quy định số lượng sản phẩm NCKH thông qua định mức giờ NCKH hàng năm, đối với NCV thì gộp chung nhiệm vụ đào tạo và NCKH là 1.454 giờ, đối với GV là 590 giờ NCKH [H6.06.07.03], [H6.06.07.04]. Để đạt được định mức giờ NCKH theo quy định, GV, NCV Học viện chủ động xác định số lượng sản phẩm NCKH cần thực hiện hằng năm.

Để định hướng cho các hoạt động KHCN của GV, NCV, năm 2017, Học viện ban hành Chiến lược phát triển KHCN giai đoạn 2017-2022 ban hành theo Quyết định 691/QĐ-HV ngày 11/8/2017 [H6.06.07.07], với mục tiêu xác định các loại hình KHCN

đến năm 2022: Hoạt động KHCN đóng vai trò nòng cốt trong sự phát triển của Học viện và hỗ trợ cho việc đổi mới CTĐT để đáp ứng các yêu cầu của cuộc CMCN 4.0; Phát triển các bài báo khoa học trong nước và quốc tế cả số lượng và chất lượng, đặc biệt là các bài báo thuộc danh mục ISI và Scopus; Hình thành một số sản phẩm, dịch vụ KHCN thương mại hóa, chiếm lĩnh được thị trường, tạo sự phát triển bền vững. Hàng năm, có trên 70% GV cơ hữu, NCV tham gia NCKH có bài báo, công trình được công bố trên các tạp chí và kỷ yếu khoa học công nghệ chuyên ngành có uy tín cao ở trong nước và quốc tế.

Để định hướng cho sự phát triển của Học viện, Giám đốc Học viện ký Quyết định 156/QĐ-HV ngày 05/03/2020 [H1.01.01.09] và HĐHV ban hành Nghị quyết 42/NQ-HV ngày 25/11/2021 về Chiến lược phát triển của Học viện giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 [H1.01.01.10]. Nội dung chiến lược xác định cụ thể các hoạt động KHCN với loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV, NCV Học viện cần thực hiện: Học viện có các nhóm nghiên cứu và các Viện nghiên cứu mạnh với nhiều đề tài, nhiệm vụ các cấp; có số lượng công bố, bài báo quốc tế (ISI,Scopus) và số lượt trích dẫn thuộc nhóm trường đại học dẫn đầu ở Việt Nam; sở hữu các phát minh, bằng sáng chế có giá trị và có các sản phẩm khoa học công nghệ có tính ứng dụng cao, được chuyển giao cho doanh nghiệp và thương mại hóa.

Hàng năm, để đảm bảo môi trường hoạt động KHCN cho GV, NCV và NH tại Học viện, Giám đốc Học viện ban hành Kế hoạch khoa học và công nghệ các năm từ 2017-2022 và được triển khai trên mọi lĩnh vực hoạt động của Học viện về quản lý, đào tạo, NCKH và CGCN, … [H6.06.07.08].

Căn cứ kế hoạch kinh phí do Học viện phân bổ cho hoạt động NCKH, Phòng QLKHCN&HTQT tổ chức cho GV, NCV đăng ký đề tài, nhiệm vụ NCKH và tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Học viện phê duyệt kế hoạch giao nhiệm vụ đề tài, kinh phí NCKH cho CB, GV hàng năm [H6.06.07.09]. Theo kế hoạch được giao, đề tài cấp Học viện được chia thành 04 nhóm, bao gồm: Đề tài nhóm A là đề tài hỗ trợ NCKH với mục đích tạo môi trường nghiên cứu, hỗ trợ hoạt động NCKH cho GV Học viện nâng cao trình độ NCKH, kỹ năng trình bày báo cáo khoa học và xây dựng báo cáo tổng luận khoa học về sản phẩm nghiên cứu của đề tài KHCN. Kết quả đề tài nhóm A phải có áp dụng hiệu quả phục vụ công tác giảng dạy và NCKH cho các Khoa, Bộ môn đào tạo của Học viện; Đề tài nhóm B là đề tài hỗ trợ học thuật có nội dung nghiên cứu mang tính học thuật cao, kết quả của đề tài có tối thiểu là một bài báo đăng tải công bố trên tạp chí khoa học hoặc kỷ

yếu hội nghị khoa học được tính điểm công trình khoa học theo quy định của Hội đồng Giáo sư nhà nước; Đề tài nhóm C là đề tài có mục đích tạo ra hoặc hình thành các sản phẩm ứng dụng, dịch vụ KHCN có công nghệ tiên tiến và mang thương hiệu Học viện. Đề tài nhóm C phải có kết quả được ứng dụng trong Học viện hay phát triển thành sản phẩm thương mại hóa; Đề tài nhóm D là đề tài có mục đích nghiên cứu hình thành các sản phẩm KHCN áp dụng cho công tác quản lý điều hành của Học viện, các nghiên cứu đổi mới công tác quản lý, xác định luận điểm khoa học cho xây dựng phương hướng, chiến lược, cơ chế chính sách, nâng cao hiệu quả quản lý của Học viện.

Để tạo môi trường NCKH và tạo diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm về các vấn đề KHCN trong lĩnh vực thông tin và truyền thông, Học viện đã được BTT&TT cấp phép xuất bản Tạp chí KHCN Thông tin và Truyền thông với kỳ hạn một năm xuất bản 4 số, đã tạo điều kiện thuận lợi cho GV, NCV Học viện công bố kết quả NCKH và đăng tải bài báo [H6.06.07.10].

Học viện đã có sự phân công, ủy quyền cho các đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá kết quả thực hiện đề tài cấp Học viện theo từng loại như sau:

- Đối với các đề tài nhóm A và nhóm B: Học viện ủy quyền cho các Trưởng khoa đào tạo đại học (và các trưởng đơn vị đào tạo tương đương). Viện trưởng viện nghiên cứu và các Trưởng các đơn vị đào tạo tương đương khác có trách nhiệm tổ chức, quản lý thực hiện kế hoạch đề tài, phê duyệt và ký đề cương KHCN, ký kết hợp đồng KHCN với chủ trì đề tài KHCN, nghiệm thu kết quả đề tài KHCN và ký duyệt các thủ tục thực hiện đề tài KHCN đã được giao. Các đơn vị được ủy quyền có trách nhiệm quản lý thực hiện đề tài theo đúng nội dung Học viện đã phê duyệt, đảm bảo tiến độ, chất lượng nghiên cứu và tuân thủ các quy định liên quan.

- Đối với các đề tài nhóm C, nhóm D: Học viện quản lý thực hiện đề tài, phê duyệt và ký đề cương KHCN, ký kết hợp đồng KHCN, nghiệm thu kết quả và các thủ tục khác trong quá trình thực hiện đề tài KHCN thông qua đầu mối Phòng QLKHCN&HTQT. Đơn vị chủ trì đề tài có trách nhiệm triển khai và báo cáo thực hiện nghiên cứu, hội thảo khoa học và hội nghị đánh giá kết quả thực hiện đề tài.

- Đối với các đề tài KHCN do Cơ sở Học viện tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện: Giám đốc Học viện giao Phó Giám đốc Học viện phụ trách Cơ sở Học viện tại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức quản lý, ký duyệt đề cương, ký kết hợp đồng KHCN, quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu, ký kết các văn bản liên quan đến thực hiện và

thanh quyết toán các đề tài. Cơ sở Học viện tại Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm quản lý thực hiện đề tài theo đúng nội dung Quyết định giao đề tài KHCN của Học viện, đảm bảo tiến độ, chất lượng nghiên cứu và tuân thủ các quy định liên quan.

Trong quá trình thực hiện, phòng QL KHCN&HTQT có chức năng giám sát việc thực hiện đề tài, yêu cầu chủ trì đề tài báo cáo tiến độ định kỳ và tổ chức nghiệm thu các đề tài theo tiến độ [H6.06.06.06]. Bên cạnh đó, Học viện thực hiện đánh giá số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của GV, NCV thông qua việc đánh giá hoàn thành định mức giờ NCKH hàng năm của GV, NCV [H6.06.07.11].

Để cải tiến, đẩy mạnh hoạt động NCKH đối với GV, NCV, Học viện đã ban hành Quy định tạm thời về các tiêu chí khuyến khích đối với cán bộ giảng dạy của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, trong đó quy định GV được xác dịnh hoàn thành nhiệm vụ khi có đủ giờ NCKH [H6.06.02.12] và Quy định hỗ trợ kinh phí cho các bài báo khoa học đã được công bố trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus để thúc đẩy cả số lượng và chất lượng các bài báo khoa học công bố quốc tế [H6.06.07.06].

Học viện giao nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị trong việc tổ chức quản lý và đánh giá các hoạt động NCKH của GV, NCV: Khoa QTKD được giao nhiệm vụ tổ chức cho GV của Khoa đăng ký các hoạt động KHCN hàng năm, báo cáo Học viện phê duyệt, tổ chức thực hiện theo Quy định chức năng nhiệm vụ của Khoa QTKD [H6.06.06.10]. Phòng QLKHCN&HTQT căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng các văn bản quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động KHCN đối với GV, NCV trong toàn Học viện [H6.06.06.06]. Trong quá trình thực hiện, Phòng QL KHCN-HTQT có chức năng giám sát việc thực hiện đề tài, yêu cầu chủ trì đề tài báo cáo tiến độ định kỳ và tổ chức nghiệm thu các đề tài theo tiến độ [H6.06.07.12].

Trong giai đoạn 2017-2021, GV, NCV của Khoa QTKD đã thực hiện 133 đề tài NCKH cấp Học viện; đã công bố 103 bài đăng trên tạp chí khoa học cấp ngành trong nước và 33 bài đăng trên tạp chí khoa học quốc tế, trong đó có bài thuộc nhóm ISI/Scopus; xuất bản 08 cuốn sách. Kết quả thực hiện đề tài NCKH của GV Khoa QTKD giai đoạn 2017-2021 cụ thể theo các Bảng 6.2, Bảng 6.3 và Bảng 6.4 *(Phụ lục 2)*.

Hàng năm, tính trung bình Khoa QTKD có trên 70% GV cơ hữu, NCV tham gia NCKH, có bài báo, công trình được công bố trên các tạp chí và kỷ yếu khoa học công nghệ chuyên ngành có uy tín cao ở trong nước và quốc tế. Đồng thời, các GV, NCV đều chấp hành nghiêm túc Quy định về tiêu chuẩn và ứng xử đạo đức trong hoạt động KHCN

của Học viện ban hành theo Quyết định 1023/QĐ-HV ngày 22/11/2018 [H6.06.07.13] và không có hiện tượng vi Quy định về quản lý tài sản trí tuệ tại Học viện ban hành theo Quyết định 1452/QĐ-HV ngày 31/12/2021 [H6.06.07.14].

Định mức chi cho hoạt động NCKH của GV trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện chưa đạt đến mức hấp dẫn cao, do đó Khoa QTKD xem xét có thể liên hệ với các doanh nghiệp kinh tế và quản lý trong ngành để hỗ trợ tăng mức chi chi cho hoạt động NCKH của GV nhằm đạt được mức hấp dẫn cao hơn để các GV ngày càng đam mê nghiên cứu và tạo thêm nhiều hơn nữa những sản phẩm khoa học có hàm lượng chất xám cao và hình thành nhóm nghiên cứu chuyên sâu của Khoa QTKD.

2. Điểm mạnh

Giai đoạn 2017-2022, GV Khoa QTKD đã chủ trì thực hiện 133 đề tài NCKH cấp Học viện; đã công bố 103 bài đăng trên tạp chí khoa học cấp ngành trong nước và 33 bài đăng trên tạp chí khoa học quốc tế, trong đó có bài thuộc nhóm ISI/Scopus; xuất bản 08 cuốn sách.

3. Điểm tồn tại

Các quy định về hoạt động KHCN của GV, NCV được quy định ở nhiều văn bản khác nhau, chưa tổng hợp trong một văn bản cụ thể để thuận tiện trong công tác tổ chức thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2023-2024, Phòng QLKHCN&HTQT nghiên cứu, đề xuất ban hành Quy định hoạt động KHCN để tổng hợp các nội dung NCKH của GV, NCV tại các văn bản khác nhau, bao gồm các loại hình KHCN đối với CBGV trong Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Qua phân tích, đánh giá có thể nhận thấy Khoa QTKD nói riêng và Học viện nói chung trong những năm qua đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu), nhờ đó mà đội ngũ GV và NCV cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

Tỷ lệ SV/GV và khối lượng công việc của đội ngũ GV luôn được đo lường, giám sát thường xuyên với mục đích làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Học viện đã ban hành, phổ biến rộng rãi và công khai các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực chuyên môn) để bổ nhiệm, điều chuyển cán bộ. Năng lực của đội ngũ GV, NCV được đánh giá một cách chính xác và khách quan dựa trên những quy định, quy chế đã xây dựng với sự thống nhất cao trong đội ngũ GV trong Học viện. Bên cạnh đó, nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được Học viện xác định rất rõ thông qua các chiến lược, văn bản và có nhiều hoạt động triển khai sâu rộng để đáp ứng nhu cầu đó.

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai sâu rộng và nghiêm túc để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV đã được Học viện, Khoa xác định, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Hoạt động PVCĐ của GV chưa được lượng hóa cụ thể nên công tác đánh giá hoạt động PVCĐ không thuận lợi. Chính sách và cơ chế đặc thù để thu hút GV có trình độ TS và học hàm cao PGS, GS chưa đạt được mức hấp dẫn và cạnh tranh cao để thu hút được nhiều hơn nữa các GV có học vị tiến sỹ và học hàm PGS và GS về làm GV cơ hữu của Học viện.

Tiêu chuẩn 6 có 7 tiêu chí: 5,00/7.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Học viện luôn chú trọng việc phát triển đội ngũ nhân viên để đáp ứng các yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ, đồng thời thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ qua việc tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, có hệ thống quản trị và cơ chế đánh giá năng lực, khen thưởng, kỷ luật đối với đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển của Học viện trong từng giai đoạn.

Đội ngũ nhân viên Học viện bao gồm nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, phòng máy tính, các bộ phận hỗ trợ SV khác và được bố trí tại các đơn vị chức năng Học viện gồm Phòng TCCB-LĐ, Phòng Đào tạo, Phòng Giáo vụ, Phòng Tài chính Kế toán, Phòng QLKHCN và HTQT, Văn phòng, Trung tâm Dịch vụ, Trung tâm TN-TH, Phòng CT&CTSV, TTKT&ĐBCLGD và Trợ lý Khoa QTKD. Đồng thời, đội ngũ nhân viên còn được bố trí tại các Viện nghiên cứu (Viện Khoa học Kỹ thuật

Bưu điện, Viện Kinh tế Bưu điện, Viện CNTT và Truyền thông -CDIT), các Trung tâm Đào tạo BCVT I & II trực thuộc Học viện và các đơn vị quản lý của HVCS tại Tp. HCM.

Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Năm 2014, khi chuyển từ VNPT về trực thuộc BTT&TT, căn cứ yêu cầu phát triển của Ngành TT&TT giai đoạn 2015-2020, yêu cầu của cuộc CMCN lần thứ 4 và để phục vụ việc quy hoạch đội ngũ nhân viên đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ, Học viện xây dựng Đề án vị trí việc làm vào tháng 9/2014; Năm 2020, căn cứ yêu cầu phát triển của Học viện và định hướng chuyển đổi số trong ngành giáo dục, Học viện thực hiện điều chỉnh Đề án vị trí việc làm năm 2014 và ban hành Đề án vị trí việc làm theo Quyết định 449/QĐ-HV ngày 29/6/2020. Nội dung Đề án đã xác định rõ số lượng đội ngũ nhân viên quản lý, hỗ trợ của các đơn vị chức năng, các khoa, viện, trung tâm trực thuộc Học viện; đồng thời xác định cụ thể các vị trí lao động gồm vị trí kỹ thuật viên, nhân viên làm việc tại Trung tâm TN-TH, hệ thống Data center, Tổ ứng dụng CNTT thuộc Văn phòng, Thư viện viên, Trung tâm giao dịch một cửa và đội ngũ cán bộ, nhân viên quản lý tại các đơn vị chức năng Học viện để hỗ trợ SV, GV, NCV trong công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ [H6.06.03.01].

Để xác định định biên lao động hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH, PVCĐ của GV, NCV và NH, Học viện đã xác định danh mục vị trí công việc tại các phòng, ban, trung tâm chức năng thuộc Khối QL&ĐTPB, xây dựng bản MTCVvà ban hành Hệ thống bản MTCV chuẩn đối với các vị trí công việc tại Khối Quản lý và Đào tạo Học viện theo Quyết định 1191/QĐ-HV ngày 28/12/2018 [H6.06.02.06].

Việc phân tích, dự báo, xác định nhu cầu của đội ngũ nhân viên được nêu cụ thể trong Chiến lược phát triển của Học viện ban hành năm 2020 [H1.01.01.09] và được điều chỉnh, bổ sung hoàn chỉnh năm 2021 sau khi thành lập HĐHV [H1.01.01.10]. Nội dung Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 dựa trên sự phân tích bối cảnh trong nước, khu vực, quốc tế; thực trạng Học viện trong các lĩnh vực hoạt động và xác định: "*Triển khai các hoạt động thu hút, tuyển dụng, đào tạo nhằm mục tiêu đến năm 2025 số lượng lao động của Học viện đáp ứng được các yêu cầu về đào tạo và NCKH đề ra, cụ thể đạt 850 cán bộ, với cơ cấu 75% là lao động trực tiếp (nghiên cứu,*

giảng dạy, kinh doanh trực tiếp); trong đó 100% GV đạt chuẩn, tỷ lệ tiến sĩ đạt trên 50%"; "*Cơ cấu lao động của Học viện cần tiếp tục điều chỉnh, tỷ lệ lao động gián tiếp còn cao...*"; đồng thời xác định mục tiêu về nguồn nhân lực và quản trị đại học "*Học viện có bộ máy tinh gọn, hiệu quả; có nguồn nhân lực chất lượng cao với quy mô và cơ cấu phù hợp*". Nội dung này là phù hợp với Kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2021-2025 của BTT&TT theo Quyết định 212/QĐ-BTTTT ngày 19/02/2021 là "*Tăng cường xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân lực an toàn thông tin mạng nhằm góp phần triển khai thành công chương trình chuyển đổi số quốc gia, phát triển Chính phủ số, kinh tế số xã hội số và nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trong lĩnh vực an toàn thông tin trên trường quốc tế*".

Công tác quy hoạch phát triển đội ngũ CBQL, nhân viên hỗ trợ còn được đề cập tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Học viện nhiệm kỳ 2015-2020 [H6.06.01.01] và nhiệm kỳ 2020-2025 [H6.06.01.02], trong đó nêu rõ tổng số lao động Học viện đến năm 2025 là 750 người và phát triển đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và đồng bộ về cơ cấu.

Thực hiện hướng dẫn công tác quy hoạch đội ngũ CBQL của BTT&TT, trong giai đoạn 2017-2021, Đảng ủy và Ban Giám đốc Học viện ban hành các kế hoạch và quyết định phê duyệt quy hoạch các vị trí lãnh đạo các khoa, bộ môn, phòng ban chức năng Học viện [H6.06.01.03],

Học viện ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động, biệt phái viên chức quản lý của các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện theo Quyết định 445/QĐ-HV ngày 01/6/2021) [H6.06.01.05]. Quy định này là cơ sở để Học viện chỉ đạo các đơn vị thực hiện việc điều động, luân chuyển, biệt phái viên chức quản lý, nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác đáp ứng mục tiêu phát triển của Học viện trong từng giai đoạn đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước và của BTT&TT.

Học viện ban hành Quy chế tuyển dụng viên chức và người lao động theo Quyết định 1166/QĐ-HV, ngày 24/12/2018 và sau khi thành lập, HĐHV đã ban hành Nghị quyết 54/NQ-HĐHV ngày 18/01/2022 về Quy chế tuyển dụng viên chức và người lao động của Học viện [H6.06.01.07], trong đó quy định cụ thể về quy trình, tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn viên chức và người lao động tại Học viện.

Công tác quy hoạch nguồn nhân lực của Học viện được thực hiện dựa trên đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ cho các mục tiêu đào tạo, NCKH và PVCĐ. Hàng năm, căn cứ các nhiệm vụ được giao, các đơn vị trong Học viện thực hiện rà soát tình hình thực tế, các nhiệm vụ mới thực hiện để đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực của đơn vị gửi Phòng TCCB-LĐ tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Học viện phê duyệt, trên cơ sở đó Học viện xây dựng kế hoạch lao động [H6.06.01.08]. Nội dung kế hoạch lao động xác định cụ thể quy trình tuyển dụng, số lượng cần tuyển, mô tả vị trí việc làm, tiêu chuẩn của các vị trí tuyển dụng phù hợp và đáp ứng yêu cầu theo Đề án vị trí việc làm và các quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp được quy định cụ thể cho từng vị trí công việc. Căn cứ vào kết quả rà soát, đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực, kế hoạch công tác của từng đơn vị, Học viện xây dựng kế hoạch tuyển dụng lao động hàng năm, trong đó có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cho các đơn vị [H6.06.01.09]. Nội dung kế hoạch lao động xác định cụ thể số lượng, trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân viên hỗ trợ cần tuyển dụng cho các đơn vị trong năm.

Tính đến 31/12/2022, tổng số cán bộ quản lý (chức danh chuyên viên), kỹ thuật viên và nhân viên của Học viện CNBCVT là 289 người, trong đó có 06 nhân sự làm việc tại thư viện; 05 nhân sự làm việc tại trung tâm thí nghiệm thực hành, 02 trợ lý của Khoa Quản trị kinh doanh; tổ ứng dụng CNTT (với 04 nhân sự) thuộc Văn phòng có nhiệm vụ quản lý hệ thống ứng dụng CNTT toàn Học viện; Văn phòng giao dịch một cửa hỗ trợ SV giải quyết các thủ tục hành chính trong quá trình học tập có 05 nhân sự được bố trí làm việc thường xuyên tại Văn phòng giao dịch một cửa. Danh sách trích ngang đội ngũ nhân viên của từng bộ phận tại *Phụ lục 02* [H7.07.01.01] và danh sách nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống ứng dụng CNTT và các dịch vụ hỗ trợ đào tạo khác có 75 người [H7.07.01.02] và được bố trí tại các bộ phận chi tiết theo Bảng 7.1, *Phụ lục 02*.

Để đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, Học viện đã tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của SV và CBGV về công tác phục vụ của đội ngũ nhân viên, chất lượng các dịch vụ, tiện ích hỗ trợ NH theo Quy định khảo sát CSVC phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và NCKH tại Học viện ban hành theo Quyết định 1059/QĐ-HV ngày 30/11/2019 [H7.07.01.03]. Qua Báo cáo kết quả khảo sát SV về mức độ hài lòng đối với các bộ phận hỗ trợ trong chu kỳ KĐCL [H7.07.01.04] cho thấy tỷ lệ SV cơ bản đồng ý (hài lòng) và hoàn toàn đồng ý (hoàn toàn hài lòng) chiếm tỷ lệ 86,7%. Đây

chính là cơ sở để Khoa, Học viện có giải pháp điều chỉnh kế hoạch phát triển nhân sự, nội dung Đề án vị trí việc làm và từng bước xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ được tốt hơn. Tuy nhiên, việc quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa thực sự chú ý đến tính đặc thù của từng chuyên ngành đào tạo, trong đó có ngành QTKD. Kết quả khảo sát cho thấy vẫn còn tỷ lệ 5,36% SV chưa hài lòng về việc thay thế, sửa chữa kịp thời các trang thiết bị, máy móc của Trung tâm thực hành thí nghiệm.

Đến thời điểm hiện tại, số lượng nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác là đủ để hoàn thành công việc và thông qua Báo cáo tổng kết hàng năm của Học viện [H4.04.01.06] và của Khoa QTKD [H4.04.01.07]. Trong quá trình làm việc không có sự phàn nàn của đội ngũ này về những vướng mắc, khó khăn trong công tác quy hoạch đội ngũ, ...

2. Điểm mạnh

Kết quả khảo sát cho thấy SV và GV rất hài lòng về công tác phục vụ của đội ngũ nhân viên, chất lượng các dịch vụ, tiện ích hỗ trợ đào tạo và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa quan tâm nhiều đến việc xây dựng chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Phòng TCCB-LĐ phối hợp với các phòng, ban chức năng, trung tâm TN-TH nghiên cứu, đề xuất chính sách thu hút và xây dựng các khóa bồi dưỡng đặc thù để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ, đặc biệt là đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin của Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện đã ban hành Quy chế tuyển dụng viên chức và người lao động theo Quyết định 1166/QĐ-HV, ngày 241/12/2018 và Nghị quyết 54/NQ-HĐHV, ngày 18/01/2022 của HĐHV [H6.06.01.07], trong đó quy định cụ thể về quy trình, tiêu chuẩn, tiêu chí

tuyển dụng và lựa chọn viên chức và người lao động tại Học viện. Ngoài các tiêu chí tuyển dụng nói chung như tốt nghiệp đại học trở lên, tiếng Anh: 450 điểm TOEIC; sử dụng thành thạo tin học cơ bản văn phòng, nắm vững các văn bản, quy định và có kinh nghiệm trong công tác thuộc lĩnh vực tuyển dụng, có khả năng tư duy sáng tạo, có kỹ năng giao tiếp, soạn thảo văn bản, lập kế hoạch và quản lý công việc, làm việc nhóm, ... Đồng thời, các đơn vị có thể đưa ra các tiêu chí cao hơn tiêu chí theo quy định nhằm đạt được mục đích thực hiện chiến lược nhân sự của Học viện. Đồng thời, các tiêu chí tuyển dụng còn được quy định cụ thể tại Danh mục vị trí công việc tại các phòng/ban, trung tâm chức năng ban hành theo Quyết định 1191/QĐ-HV ngày 04/12/2015 [H6.06.02.06]; khung năng lực, bản MTCV theo Đề án vị trí việc làm ban hành năm 2014, được hiệu chỉnh, ban hành theo Quyết định 449/QĐ-HV ngày 29/6/2020 [H6.06.03.01] và được triển khai từ năm 2016.

Học viện thực hiện quy trình tuyển dụng đội ngũ nhân viên hỗ trợ trong giai đoạn 2017-2022 cụ thể như sau:

- Hàng năm, trên cơ sở chiến lược phát triển và Quy chế tuyển dụng của Học viện, các đơn vị căn cứ kế hoạch phát triển của đơn vị và năng lực đội ngũ nhân viên hiện có để cân đối, đề xuất nhu cầu và các tiêu chí tuyển dụng phù hợp với thực tiễn triển khai công việc gửi về Phòng TCCB-LĐ [H7.07.02.01].

- Phòng TCCB-LĐ căn cứ định hướng phát triển chung của toàn Học viện, nhu cầu cán bộ của các đơn vị, kế hoạch lao động, khả năng tài chính của Học viện để thống nhất chỉ tiêu cần tuyển và trình Giám đốc Học viện ban hành Kế hoạch tuyển dụng lao động, trong đó xác định rõ quy trình tuyển dụng, số lượng cần tuyển, mô tả vị trí việc làm, tiêu chuẩn của các vị trí tuyển dụng phù hợp và đáp ứng yêu cầu theo Đề án vị trí việc làm và các quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp [H6.06.01.09].

- Học viện phát hành thông báo tuyển dụng lao động các năm từ 2017 đến 2022 bao gồm các thông tin về vị trí tuyển dụng; số lượng cần tuyển; tiêu chuẩn tuyển dụng và cơ hội việc làm, thăng tiến, ... Trong thông báo nêu rõ các tiêu chí tuyển dụng như: có phẩm chất đạo đức tốt; lý lịch rõ ràng; ngoại hình cân đối, không có dị tật; có năng lực sáng tạo, tư duy đổi mới; có ý thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước công việc; yêu nghề, gắn bó với Học viện; có đủ sức khỏe để đảm nhận công việc theo quy định, có bằng tốt nghiệp phù hợp với vị trí việc làm và chuyên ngành đăng ký dự tuyển; đáp ứng yêu cầu theo chức danh nghề nghiệp và vị trí việc làm do Học viện và cơ quan cấp trên quy định

[H6.06.03.02]. Thông báo tuyển dụng nhân viên được đăng tải trên website Học viện tại địa chỉ: Portal.ptit.edu.vn/hoc-vien-cong-nghe-buu-chinh-vien-thong-thong-bao-tuyen-dung/ và trên các báo việc làm và các trang mạng xã hội về tuyển dụng [H6.06.03.04]. Tuy nhiên, Thông báo tuyển dụng của Học viện trong một số thời điểm chưa được phổ biến rộng rãi nên ứng viên có trình độ cao, chất lượng tốt chưa tiếp cận được với thông tin tuyển dụng và nguồn tuyển dụng, hình thức thông báo tuyển dụng của Học viện chưa phong phú và đa dạng để thu hút được rộng rãi nhiều ứng viên có chuyên môn về công tác TN-TH và kỹ năng sử dụng CNTT về công tác tại Học viện.

- Trên cơ sở hồ sơ của các ứng viên dự tuyển, Học viện thành lập Hội đồng tuyển dụng để xét tuyển hồ sơ trên cơ sở trình độ, kết quả/thành tích học tập/nghiên cứu, kinh nghiệm tích lũy của ứng viên và sự phù hợp với vị trí công việc cần tuyển dụng [H6.06.03.03]. Các ứng viên có hồ sơ đủ điều kiện sẽ được mời tham dự vòng kiểm tra, sát hạch gồm: phỏng vấn trao đổi, đánh giá năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, ... Sau khi có kết quả trúng tuyển, các nhân viên được bố trí làm việc tại các đơn vị chức năng theo vị trí tuyển dụng [H7.07.02.02]. Trong giai đoạn 2017-2022, Học viện đã tuyển dụng 29 nhân viên, trong đó có 2 tiến sĩ và được bố trí làm việc theo các vị trí công việc cụ thể tại các đơn vị quản lý để hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH tại Học viện.

Tiêu chí lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được cụ thể tại Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động, biệt phái viên chức quản lý của các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện ban hành theo Quyết định 445/QĐ-HV ngày 01/6/2021) [H6.06.01.05]. Quy định nêu rõ nguyên tắc; điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm, quy trình bổ nhiệm; bổ nhiệm lại và kéo dài thời gian giữ chức vụ; quy định về thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động viên chức quản lý; quy định về biệt phái cán bộ của Học viện. Tùy từng vị trí được bổ nhiệm, Quy chế quy định rõ ràng về các tiêu chí về đạo đức, về trình độ chuyên môn, bằng cấp, các yêu cầu về kinh nghiệm làm việc, quy trình bổ nhiệm. Đối với vị trí lãnh đạo, quản lý yêu cầu về năng lực và kỹ năng gồm: phẩm chất đạo đức, trình độ, kinh nghiệm, uy tín, tư duy, khả năng đoàn kết, tập hợp, quy tụ viên chức trong đơn vị; yêu cầu về kỹ năng gồm có kỹ năng giao việc, ngoại giao, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề, ra quyết định, kỹ năng tổng hợp, phân tích, nhận định và đánh giá trong quản lý, điều hành công việc. Tuỳ từng vị trí quản lý là các khoa, trung tâm chuyên môn hay các phòng ban chức năng, các tiêu chuẩn năng lực được xác định cụ thể; theo yêu cầu của công tác quản lý.

Công tác bổ nhiệm, điều chuyển cán bộ của Học viện được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của BTT&TT và Kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp Học viện, cấp Phòng và tương đương giai đoạn 2018-2020 và nhiệm kỳ 2020-2025 [H6.06.01.03]. Đồng thời, căn cứ yêu cầu thực tiễn đối với từng chức vụ quản lý trong giáo dục, các đơn vị có thể giới thiệu bổ sung vào quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch đối với một số cán bộ nhằm đảm bảo sự ổn định, kế thừa và phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý Học viện.

Trong giai đoạn 2017-2022, trên cơ sở quy hoạch và kết quả đánh giá năng lực đội ngũ CBQL, Học viện đã bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, luân chuyển 129 lượt CBQL các cấp (trong đó, Ban Giám đốc: bổ nhiệm mới 01 nhân sự, bổ nhiệm lại 04 nhân sự; luân chuyển 06 nhân sự; bổ nhiệm mới 76 Trưởng, Phó khoa/phòng/bộ phận; bổ nhiệm lại 48 nhân sự). Tất cả các nhân sự được bổ nhiệm đều theo đúng quy hoạch [H7.07.02.03]. Kết quả bổ nhiệm giai đoạn 2017-2022 được thể hiện trên hồ sơ của đội ngũ nhân viên gồm các hợp đồng lao động, quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên và được lưu trữ tại Phòng TCCB-LĐ [H7.07.02.04].

Kết quả tuyển dụng, bổ nhiệm và bố trí sắp xếp nhân sự của Học viện được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng: trên website của Học viện http://ptit.edu.vn, báo in và gửi qua hệ thống văn bản nội bộ của Học viện và gửi qua email tới ứng viên.

2. Điểm mạnh

Học viện có kế hoạch, quy trình, tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm được xác định rõ ràng và được phổ biến công khai.

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa tổ chức khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các cựu SVTN từ Học viện để nâng cao chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Phòng CT&CTSV phối hợp với các khoa tổ chức khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của cựu SVTN từ Học viện về chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ để xây dựng phương án tuyển dụng, điều chuyển phù hợp.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên hỗ trợ của Học viện được quy định tại Khung năng lực và bản MTCV của từng vị trí việc làm trong Đề án vị trí việc làm của Học viện ban hành theo Quyết định 449/QĐ-HV ngày 29/6/2020 [H6.06.03.01]. Đề án vị trí việc làm trình bày tóm tắt công việc, nội dung, yêu cầu về năng lực, trách nhiệm cụ thể từng chức danh, vị trí làm việc, khối lượng, tần suất thực hiện, ... và xác định các tiêu chí về năng lực đội ngũ nhân viên về trình độ chuyên môn, Tiếng Anh, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực ứng dụng và sử dụng CNTT trong công việc, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ, ...; có yêu cầu về năng lực đối với Lãnh phòng, ban, bên cạnh học vị thạc sĩ trở lên cần phải có kỹ năng về quản lý thông qua lớp bồi dưỡng có chứng chỉ chuyên viên chính trở lên.

Căn cứ Đề án việc làm, Học viện xác định các vị trí công việc đối với nhân viên làm việc tại các đơn vị hỗ trợ đào tạo và NCKH (các đơn vị chức năng, viện nghiên cứu và Trung tâm đào tạo bồi dưỡng trực thuộc Học viện) [H6.06.02.06] triển khai xây dựng Bản MTCVcủa các vị trí công việc CBQL và nhân viên hỗ trợ tại các đơn vị (Trưởng phòng, Phó trưởng phòng, chuyên viên, nhân viên, kỹ thuật viên quản lý ứng dụng CNTT và trang thiết bị, thư viện viên, ...) [H7.07.03.01]. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, Bản mô tả vị trí việc làm chưa có yêu cầu về năng lực chuyên sâu đối với nhân viên làm việc tại Trung tâm TN-TH và triển khai các ứng dụng về CNTT tại Học viện về thiết kế chương trình và chưa phân biệt rõ các hạng GV I, II, III trong bản mô tả công việc.

Học viện giao phòng TCCB-LĐ phụ trách tham mưu, theo dõi, tổng hợp về đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, GV, nhân viên, đánh giá xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức [H6.06.06.04]. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên được sử dụng để xem xét, đánh giá xếp loại viên chức và được lấy làm căn cứ xem xét danh hiệu thi đua, khen thưởng.

Học viện ban hành các Quy định về tiêu chí, quy trình đánh giá và tổ chức đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được thực hiện định kỳ theo từng thời điểm trong năm và dựa trên các tiêu chí đánh giá cụ thể với các nội dung và hình thức đánh giá. Cụ thể:

- Đánh giá hàng tháng:

+ Để đánh giá NV hàng tháng, Học viện ban hành Quy chế trả lương của Khối QL&ĐTPB theo Quyết định 468/QĐ-TCCB ngày 26/7/2012 [H6.06.04.02]; Quy định Đánh giá kết quả công việc cá nhân của Khối QLĐT phía Bắc ban hành theo Quyết định

207/QĐ-HV ngày 26/3/2018 và Quy định đánh giá hệ số chất lượng công tác hàng tháng tại CSHV ban hành theo Quyết định 321/QĐ-CSHV ngày 01/9/2020 [H6.06.02.11].

+ Cuối mỗi tháng, các đơn vị họp xét chất lượng công tác để đánh giá năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc của từng nhân viên, gửi kết quả đánh giá về Phòng TCCB-LĐ để tổng hợp, họp Hội đồng lương xác định mức lương chi trả hàng tháng cho từng cán bộ, nhân viên [H6.06.04.03]. Hồ sơ đánh giá kết quả thực hiện công việc của cá nhân VC-NLĐ hàng tháng được lưu tại Phòng TCCB-LĐ Học viện.

- Đánh giá theo quý:

+ Căn cứ quy định và hướng dẫn của BTT&TT tại Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng đối với công chức, viên chức ban hành theo Quyết định 2276/QĐ-BTTTT ngày 23/12/2020 và Hướng dẫn đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ công chức, viên chức năm 2021 theo công văn 643/TCCB ngày 10/11/2021 của BTT&TT [H6.06.04.04], Học viện ban hành Công văn hướng dẫn về việc đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (887/HV-TCCB ngày 20/11/2020) và văn bản hướng dẫn về việc đánh giá, xếp loại VC, NLĐ theo quý [H6.06.04.05].

+ Thực hiện hướng dẫn của Học viện, các đơn vị triển khai đánh giá CBVC theo các tiêu chí đánh giá viên chức của BTT&TT và kết quả đánh giá được gửi về Phòng TCCB-LĐ để tổng hợp theo quý báo cáo BTT&TT. Quy trình đánh giá được cụ thể như sau: Cá nhân tự đánh giá theo mức điểm của từng tiêu chí với tổng điểm 100, sau đó đơn vị tổ chức cuộc họp cán bộ chủ chốt đánh giá từng NV, xác nhận kết quả đánh giá gửi Phòng TCCB-LĐ. Các phiếu đánh giá từng cá nhân có xác nhận của Trưởng khoa được lưu tại Phòng TCCB-LĐ [H7.07.03.02].

- Đánh giá viên chức xét thi đua khen thưởng:

+ Hàng năm, Học viện công bố công khai trên hệ thống thông tin quản lý và gửi đến các đơn vị kế hoạch đánh giá viên chức và mẫu phiếu đánh giá công chức, viên chức và người lao động. Theo đó, các bước thực hiện việc đánh giá, phân loại từ cấp độ cá nhân, đơn vị quản lý, Học viện.... Các tiêu chí đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ cuối năm được xếp loại theo 4 mức độ: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. được phổ biến rộng rãi tới toàn thể viên chức và người lao động trong toàn Học viện [H7.07.03.03].

+ Vào tháng 12 hàng năm, các CBVC-NLĐ đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học, việc tự đánh giá căn cứ theo hướng dẫn của Học viện và thể

hiện trên Bản kiểm điểm viên chức hàng năm của nhân viên các đơn vị [H6.06.04.11]. Sau đó, Lãnh đạo các đơn vị đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Học viện đánh giá, bình xét xếp loại thi đua.

- Đánh giá theo KPI: Để đánh giá thành tích chung của từng đơn vị trên cơ sở thành tích đạt được của CBVC-NLĐ, Học viện ban hành hệ thống đánh giá kết quả thực hiện công việc theo KPIs của Học viện năm 2018, 2019 và 2020 [H6.06.04.12]. Đây là cơ sở Học viện xác định kết quả các chỉ tiêu chính trong hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Học viện hàng năm.

Kết quả đánh giá 5 năm thuộc chu kỳ KĐCLGD (2018-2022) cho thấy: đa số các nhân viên của Học viện CNBCVT có kết quả đánh giá ở mức tương đối cao, dao động trong khoảng 90%-96% xếp loại A; 100% các nhân viên được Học viện đánh giá hoàn thành nhiệm vụ [H6.06.04.13]. Đội ngũ nhân viên đạt thành tích được tặng thưởng 22 bằng khen của Bộ TT&TT, 01 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 93 người đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, trong đó có 19 Chiến sĩ thi đua là GV, NV, CV, KTV của Khoa Quản trị kinh doanh; 04 người đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ Thông tin và Truyền thông, 31 lượt Chiến sĩ thi đua cấp Học viện; Khoa Quản trị kinh doanh có 160 lượt người đạt danh hiệu Lao động tiên tiến. 100% các CV, KTV và nhân viên của Học viện được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, trong đó có Khoa Quản trị kinh doanh

Ngoài việc thực hiện đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên thông qua tự đánh giá, cấp trên đánh giá. Học viện còn tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của SV và GV về tính chuyên nghiệp, thái độ phục vụ của nhân viên các phòng, khoa, trung tâm căn cứ theo Quy định khảo sát SV về CSVC phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và NCKH tại Học viện [H7.07.01.04] và Quy định khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, GV về điều kiện CSVC phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, NCKH về Tiêu chuẩn Y tế, Môi trường theo Quyết định 519/QĐ-HV ngày 22/6/2021 [H7.07.03.04]. Kết quả đánh giá ở mức hài lòng và rất hài lòng chiếm tỷ lệ cao trên 90%, Việc đánh giá hàng năm của Học viện và các đợt khảo sát từ các GV và SV cho thấy rằng các nhân viên hỗ trợ cung cấp một mức độ thỏa đáng của dịch vụ cho cả SV và GV(Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, NCKH, Tiêu chuẩn Y tế, Môi trường, từ 2017-2022) [H6.06.06.15].

Ngoài ra, Khoa QTKD tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV năm cuối ngành Khoa QTKD về đội ngũ CB hỗ trợ, đặc biệt là đội ngũ CB thuộc các bộ phận ĐT,

NCKH, Thư viện, CTSV.(Quy định khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, NCKH, số 519/QĐ-HV ngày 22/6/2021). Báo cáo kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ trung bình có 86,7% sinh viên hài lòng về CSVC và chất lượng phục vụ người học. Tuy nhiên, hoạt động lấy ý kiến về sự hài lòng của NH, GV đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ còn chưa thường xuyên do tình hình dịch bệnh trong năm 2019 và 2020.

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên của Học viện được thực hiện qua 2 bộ tiêu chí đánh giá và qua khảo sát CBGV, SV. Tỷ lệ khảo sát hài lòng cao chiếm hơn 90%.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động lấy ý kiến về sự hài lòng của NH, GV đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ còn chưa thường xuyên do tình hình dịch bệnh trong năm 2019 và năm 2020.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Văn phòng Học viện và TTKT&ĐBCLGD tổ chức khảo sát lấy ý kiến GV và SV định kỳ (1 năm/1 lần) trực tuyến để kịp thời có phân tích, đánh giá cụ thể nhằm cải tiến các hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên. Đồng thời, Học viện và các đơn vị phục vụ CTĐT lập kế hoạch kiểm tra, giám sát chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên do đơn vị quản lý hàng tháng, học kỳ và năm học để kịp thời có những điều chỉnh về nhân sự hoặc kế hoạch làm việc để đáp ứng được nhu cầu của SV.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện đã ban hành Quy định về đào tạo và bồi dưỡng đối với viên chức và người lao động theo Quyết định 647/QĐ-HV ngày 27/7/2017 [H6.06.01.11]. Trong đó quy định đối tượng, mục đích, nguyên tắc cử đi đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt có chính sách khuyến khích, hỗ trợ học phí cho viên chức và người lao động đi bồi dưỡng; quyền lợi và nghĩa vụ của viên chức cũng như trình tự thủ tục để viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng và đi thực tế căn cứ để thực hiện; quy trình xác định nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ, GV và nhân viên ở các đơn vị (trong đó nêu rõ các bước xác định nhu cầu đào tạo bồi dưỡng:

từ nguyện vọng cá nhân đến ra quyết định cử đi đào tạo bồi dưỡng và tiếp nhận trở lại làm việc).

Vào Quý I hàng năm, Phòng TCCB-LĐ trình giám đốc học viện ban hành kế hoạch đăng ký nhu cầu đào tạo tập huấn, bồi dưỡng của và gửi đến các đơn vị trong toàn Học viện để đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, trong đó đề nghị các đơn vị tập hợp nhu cầu của CBVC-NLĐ về đào tạo bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ của năm năm (nhân viên TN-TH, thư viện, tổ công nghệ thông tin, ...) [H6.06.05.02].

Trên cơ sở đăng ký của CBVC-NLĐ, các đơn vị tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng gửi về phòng TCCB trong đó có danh mục các khoá đào tạo dự kiến tổ chức. Phòng TCCB-LĐ tổng hợp đăng ký của các đơn vị, đối chiếu với chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Học viện nhằm đáp ứng mục tiêu "*Học viện có nguồn nhân lực chất lượng cao với quy mô và cơ cấu phù hợp; có hệ thống quản trị hiện đại, hoàn thành chuyển đổi số hầu hết các hoạt động của nhà trường*" và Đề án vị trí việc làm để duyệt sơ bộ nhu cầu của các đơn vị; sau đó tổng hợp thành Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng của năm tiếp theo cho toàn Học viện và trình Lãnh đạo Học viện phê duyệt [H6.06.01.12]. Theo kế hoạch, loại hình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên gồm đào tạo dài hạn và ngắn hạn, các CTĐT bồi dưỡng đối với cán bộ, nhân viên chủ yếu tập trung vào việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; chuẩn chức danh nghề nghiệp, lý luận chính trị, tiếng Anh và các kỹ năng phục vụ công việc, tăng cường ứng dụng CNTT hỗ trợ cho công tác đào tạo, NCKH, ... dựa trên yêu cầu của từng vị trí công việc.

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện ban hành theo Quyết định 1233/QĐ-HV ngày 31/12/2019, Học viện phân bổ kinh phí chi cho công tác đào tạo bồi dưỡng, trong đó đặc biệt khuyến khích đội ngũ nhân viên tham gia các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn để chuyển sang chức danh GV. Nhân viên học ở nước ngoài được hỗ trợ BHXH và 40% tiền lương cơ bản được đảm bảo các chế độ bảo hiểm, nâng lương thường xuyên theo quy định của Học viện và pháp luật [H6.06.05.09].

Trên cơ sở các kế hoạch được phê duyệt, các đơn vị lựa chọn và cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng phù hợp trình độ chuyên môn, vị trí công việc và thời gian làm việc, lập danh sách gửi phòng TCCB-LĐ Học viện để trình giám đốc ký quyết định cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng [H7.07.04.01].

Năm 2021, Học viện ban hành Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí cho CBVC-NLĐ được cử đi đào tạo tiến sỹ trong nước giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định

513/QĐ-HV ngày 18/6/2021 [H6.06.05.01]. Theo quy định này, CBVC-NLĐ Học viện khi đi học tiến sỹ trong nước sẽ được hỗ trợ kinh phí một lần sau khi có kết quả công nhận đã hoàn thành CTĐT TS với mức hỗ trợ 90 triệu khi hoàn thành CTĐT tiến sỹ ở các trường ngoài Học viện và 50 triệu đồng khi hoàn thành CTĐT tiến sỹ tại Học viện, ...

Hầu hết, các nhân viên đều có cơ hội tham gia các khoá đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, điều này được cụ thể qua danh sách các khóa đào tạo, bồi dưỡng có sự tham gia của nhân viên các bộ phận TN-TH, thư viện, tổ ứng dụng CNTT giai đoạn 2017 - 2022 [H7.07.04.02]. Một số nhân viên có thể theo học trình độ tiến sĩ trong nước với sự hỗ trợ kinh phí của Học viện cũng như từ các nguồn học bổng khác của Nhà nước [H7.07.04.03].

Với những cán bộ được bổ nhiệm hoặc quy hoạch chức danh lãnh đạo đơn vị, Học viện đã chi trả toàn bộ kinh phí để cử 76 cán bộ này tham gia khóa bồi dưỡng lý luận chính trị trung cấp, cao cấp. Các cán bộ này sau khi hoàn thành khóa học đã được cấp bằng và nộp về Phòng TCCB-LĐ đảm bảo tiêu chuẩn cán bộ theo quy định [H6.06.05.06].

Căn cứ thỏa thuận với các đối tác, Học viện đã cử CBVC tham dự các hội nghị, hội thảo, học tập kinh nghiệm chuyên môn do đối tác trong và ngoài nước tổ chức tổ chức ...[H6.06.05.08].

Trong giai đoạn 2018 - 2022, tất cả 100% cán bộ, chuyên viên, nhân viên hỗ trợ được đáp ứng nhu cầu đào tạo bồi dưỡng so với nhu cầu đăng ký; Học viện đã tổ chức khoảng 63 khóa đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên, với khoảng 1396 lượt người tham gia, trong đó có đội ngũ cán bộ chuyên viên và nhân viên của đơn vị Thí nghiệm thực hành, Thư viện, Tổ công nghệ thông tin. Tổng kinh phí chi cho đào tạo dài hạn và ngắn hạn 5 năm toàn Học viện là 6,228 tỷ đồng (chiếm 0,5% tổng nguồn chi), trong đó đội ngũ NV, CV, KTV Khoa QTKD 83 lượt người. Tuy nhiên, các khóa bồi dưỡng, tập huấn và hội thảo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giai đoạn 2017-2022 chủ yếu dành cho cán bộ lãnh đạo và một số cán bộ, nhân viên thuộc các phòng chuyên môn nghiệp vụ, chưa có nhiều các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho các chuyên viên giáo vụ và công tác GVCN, CVHT.

Đối với CBVC-NLĐ được cử tham gia các khóa bồi dưỡng ngắn hạn trong nước, Học viện giao Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông I&II tổ chức quản lý các khóa học theo quy trình tổ chức do Giám đốc Trung tâm ban hành [H6.06.05.10]. Kết thúc

khóa học, trung tâm tổ chức cấp chứng chỉ, chứng nhận cho học viên hoàn thành khóa học và gửi báo cáo tổng kết khóa học về Phòng TCCB-LĐ [H6.06.05.11]. Tuy nhiên, vẫn còn khoảng 4,47% nhân viên chưa hài lòng về tiêu chí công tác đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, hỗ trợ nhân viên trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Điểm mạnh

Học viện luôn quan tâm đến nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên.

3. Điểm tồn tại

Các khóa học, tập huấn và hội thảo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giai đoạn 2017-2022 chủ yếu dành cho cán bộ lãnh đạo và một số cán bộ, nhân viên thuộc các phòng chuyên môn nghiệp vụ, chưa có nhiều các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho các chuyên viên giáo vụ và công tác GVCN, CVHT.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Phòng TCCB-LĐ phối hợp với Phòng Giáo vụ, Phòng CT&CTSV tổ chức các khóa bồi dưỡng chuyên môn cho các chuyên viên giáo vụ và GVCN, CVHT theo từng năm học.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện có quy định cụ thể để quản trị theo kết quả công việc của nhân viên được thể hiện tại các văn bản, quy định như:

Đề án vị trí việc làm của Học viện ban hành theo Quyết định 449/QĐ-HV ngày 29/6/2020 và được chỉnh sửa, bổ sung trên cơ sở Đề án vị trí việc làm ban hành năm 2014 [H6.06.03.01]. Nội dung đề án được bổ sung các tiêu chí về năng lực đội ngũ nhân viên về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học; có yêu cầu về năng lực đối với lãnh đạo các đơn vị về trình độ chuyên môn thạc sỹ trở lên và có trình độ tiếng Anh B1.

Sau khi danh mục vị trí công việc tại các phòng/ban, trung tâm chức năng được ban hành theo Quyết định 1191/QĐ-HV ngày 04/12/2015 [H6.06.02.06], Học viện phê duyệt bản MTCV cho từng vị trí theo hệ thống bản MTCVchuẩn đối với các vị trí công việc tại Khối QLĐTPB của Học viện theo tờ trình 503/TTr-TCCB-LĐ ngày 20/12/2018 của

Phòng TCCB-LĐ, đây là cơ sở để để xác định khối lượng và tần suất thực hiện công việc cụ thể của từng nhân viên, đồng thời, là cơ sở để các đơn vị xây dựng kế hoạch công tác của đơn vị, trong đó có phân công cụ thể cho từng cá nhân về khối lượng công việc cần làm trong năm.

Học viện ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của các Phòng, Khoa, Bộ môn, Trung tâm, các đơn vị trực thuộc Học viện để phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, cá nhân và làm căn cứ theo dõi, giám sát quá trình thực thi công việc [H6.06.06.04-10].

Học viện cũng ban hành các văn bản quy định việc chấp hành nội quy lao động và thời gian làm việc của CBVC-NLĐ là một trong những tiêu chí quan trọng để xem xét, đánh giá chất lượng lao động của nhân viên như: Nội quy lao động ban hành theo Quyết định 550/QĐ-TCCB ngày 12/8/2009, trong đó quy định thực hiện giờ làm việc đối với cán bộ, viên chức khối hành chính, cụ thể thời gian làm việc từ 8 giờ đến 17 giờ các ngày từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần và gửi tới toàn thể CBVC tại các đơn vị được biết và thực hiện [H7.07.05.01]; Quy chế làm việc Học viện ban hành theo Quyết định 1248/QĐ-HV ngày 31/12/2015 [H7.07.05.02].

Học viện triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên theo từng tháng, quý và tổng kết năm, cụ thể: Đánh giá hàng tháng để chi trả lương theo vị trí công việc; đánh giá viên chức hàng quý theo Phiếu đánh giá của BTT&TT; đánh giá phân loại viên chức, bình xét TĐKT cuối năm.

- Việc quản trị theo kết quả công việc được thực hiện theo Quy định đánh giá kết quả công việc cá nhân của Khối QLĐTPB ban hành theo Quyết định 207/QĐ-HV ngày 26/3/2018 [H6.06.02.11]. Trong đó quy định Phòng TCCB - LĐ trực tiếp theo dõi và đề nghị đơn vị, cá nhân có đánh giá hàng tháng; sau đó họp Hội đồng lương đánh giá hàng tháng và có đề nghị khen thưởng cá nhân hoàn thành tốt công việc [H6.06.04.03].

Vào tháng cuối hàng quý và tháng 12 hàng năm, Học viện tổ chức đánh giá, phân loại viên chức theo quy định của BTT&TT và bình xét danh hiệu TĐKT theo Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng đối với công chức, viên chức của Bộ TT&&TT ban hành theo Quyết định 2276/QĐ-BTTTT ngày 23/12/2020 [H6.06.04.04].

Học viện quy định công nhận và khen thưởng bao gồm các danh hiệu thi đua (lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua các cấp) và các hình thức khen thưởng (giấy khen, bằng khen) thông qua văn bản hướng dẫn công tác đánh giá kết quả thực hiện công việc và

bình xét danh hiệu thi đua khen thưởng của Học viện hàng năm [H6.06.06.14]. Ngoài ra, Học viện còn tiến hành khen thưởng theo chuyên đề, đột xuất đối với thành tích của tập thể và cá nhân trong từng thời điểm.

Trên cơ sở bản MTCV đối với từng vị trí làm việc, mỗi nhân viên hỗ trợ đều được giao nhiệm vụ theo từng chức danh cụ thể, trong đó thể hiện rõ khối lượng công việc, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH, đây là một trong những cơ sở để đánh giá tiến độ hoàn thành nhiệm vụ của mỗi nhân viên [H7.07.05.03].

Trong 5 năm đội ngũ nhân viên hỗ trợ có 22 lượt người được nhận bằng khen Bộ TT&TT; 93 người đạt danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở; 04 người đạt danh hiệu CSTĐ Bộ TT&TT; 01 ngược được nhận bằng khen của Thủ tướng chính phủ. Kết quả đánh giá thi đua của nhân viên toàn Học viện giai đoạn 2017-2021 có 1106 lượt người đạt hanh hiệu LĐTT và 88 lượt người đạt danh hiệu CSTĐ cấp Học viện, trong đó có khoa QTKD.

Hàng năm, Học viện căn cứ vào khả năng hoàn thành nhiệm vụ làm cơ sở cho việc khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho những nhân viên có thành tích xuất sắc. Theo báo cáo tổng kết công tác thi đua khen thưởng hằng năm của Học viện, đa số các nhân viên của Học viện có kết quả đánh giá ở mức tương đối cao; 100% các nhân viên được Học viện đánh giá hoàn thành nhiệm vụ. và đây là động lực góp phần khuyến khích đội ngũ nhân viên tiếp tục nỗ lực phấn đấu trong công tác phục vụ Học viện [H7.07.05.04].

Học viện ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện theo Nghị quyết 30/NQ-HĐHV ngày 04/8/2021 của HĐHV [H7.07.05.05], trong đó quy định cụ thể các văn bản cần phải xin ý kiến CBVC-NLĐ trước khi ban hành. Quy định yêu cầu khi soạn thảo và ban hành quy định đánh giá hiệu quả công việc đối với cán bộ, viên chức (Quy chế trả lương, quy chế TĐKT, quy chế chi tiêu nội bộ, tiêu chí đánh giá chất lượng lao động hàng tháng, tiêu chí đánh giá phân loại và bình xét thi đua năm học...) đều có sự tham gia ý kiến đóng góp của CBVC. Quy trình ban hành văn bản gồm các bước: (1) Học viện giao cho Phòng TCCB-LĐ chủ trì, dự thảo văn bản, hoặc đề xuất thành lập các tổ/ nhóm soạn thảo, xây dựng quy định bao gồm đại diện cán bộ một số phòng, khoa, trung tâm để thực hiện nhiệm vụ xây dựng bản dự thảo quy định gửi tới các đơn vị trong toàn Học viện xin ý kiến; (2) Trên cơ sở đó, các đơn vị tổ chức cho CBVC tham gia góp ý và gửi báo cáo về thường trực hội đồng để tổng hợp, hoàn thiện quy định

và báo cáo lãnh đạo Học viện xem xét, phê duyệt ban hành. Qua đó, giúp đội ngũ CB, NV cải thiện hiệu quả công việc, đồng thời khi được tham gia góp ý xây dựng các quy định sẽ giúp họ hài lòng hơn về việc đánh giá hiệu quả công việc và công tác thi đua khen thưởng của Học viện. Các văn bản xin ý kiến và ý kiến đóng góp của các đơn vị được Phòng TCCB-LĐ lưu tại tại hồ sơ tổng hợp ý kiến trình giám đốc Học viện ban hành.

Thông qua các Hội nghị CBVC và Hội nghị tổng kết công tác hàng năm của khoa [H4.04.01.06] và Học viện không có đơn thư khiếu nại, phàn nàn về công việc, đặc biệt là công tác thi đua khen thưởng của khoa và Học viện [H4.04.01.07].

Hàng năm, Văn phòng tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi của CBVC-NLĐ về điều kiện, môi trường làm việc [H7.07.01.04], tại báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, GV về điều kiện CSVC phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, NCKH giai đoạn 2017-2022, có các nội dung về sự hài lòng của người đánh giá về vị trí việc làm, đào tạo, bồi dưỡng và chế độ, chính sách [H7.07.05.12]. Kết quả khảo sát có tỷ lệ 94,56% nhân viên hài lòng về chế độ phụ cấp, tiền lương, khen thưởng, phúc lợi, BHXH, BHYT, khám sức khỏe định kỳ và an sinh của Học viện và chế độ tiền lương, thu nhập tăng thêm phù hợp với năng lực và sự đóng góp trong hoàn thành công việc được giao cho cá nhân. Tuy nhiên, vẫn còn khoảng 16,2% nhân viên còn phân vân về việc quản trị theo kết quả công việc được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

2. Điểm mạnh

Hiệu quả công việc của từng nhân viên được định lượng, đánh giá hàng tháng bằng các tiêu chí cụ thể.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn 16,2% nhân viên phân vân về việc quản trị theo kết quả công việc được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Phòng TCCB-LĐ nghiên cứu, đề xuất phương án, giải pháp quản trị theo kết quả công việc để tạo động lực cho nhân viên trong công tác hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ của Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Quy hoạch phát triển đội ngũ nhân viên của Học viện được xây dựng dựa trên quan điểm chỉ đạo từ Nghị quyết của Đảng ủy và Đề án vị trí việc làm đã được Giám đốc Học

viện phê duyệt. Đội ngũ nhân viên của Học viện và của Khoa QTKD đảm bảo về chất và lượng, được tuyển dụng đúng quy trình của Học viện, có năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm về lĩnh vực công tác của mình đảm nhận. Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ hiện nay đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo và NCKH của khoa và Học viện.

Việc tuyển dụng, điều chuyển nhân viên đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ. Các ứng viên sau khi được điều chuyển hay tuyển dụng đều đảm bảo được các yêu cầu của vị trí việc làm. Nhân viên được đánh giá theo qui trình và được thông báo công khai. Học viện có văn bản hướng dẫn cụ thể để đội ngũ nhân viên hỗ trợ CTĐT, xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ để tự đánh giá và được đánh giá qua các cấp, từ đó biết được năng lực, trình độ và thái độ phục vụ của nhân viên . Học viện đã kịp thời ban hành những quyết định cử CBVC-NLĐ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về học tập và chế độ tài chính theo Quy chế chi tiêu nội bộ. Công tác thi đua khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên được quy định rõ ràng và công khai,

Việc đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được thực hiện một cách công bằng thông qua quy chế thi đua khen thưởng phù hợp đã khuyến khích, động viên kịp thời tinh thần làm việc của đội ngũ nhân viên.

Học viện chưa tổng kết đánh giá hiệu quả của các khóa đào tạo một cách bài bản để đúc rút ra những bài học từ thực tế đào tạo bồi dưỡng cán bộ nhân viên của Học viện. Ngoài ra, trong những năm tiếp theo, Học viện cần sẽ hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá công việc theo từng vị trí việc làm để có cơ sở theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên khoa học và hiệu quả hơn.

Tiêu chuẩn 7 có 5 tiêu chí: 5,00/7.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Người học là trung tâm của hoạt động đào tạo và chất lượng NH sẽ quyết định sự phát triển, tạo uy tín cho Học viện và Khoa QTKD.

Trong giai đoạn 2017-2022, Học viện và Khoa QTKD đã xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; chính sách tuyển sinh được công khai và cập nhật rõ ràng tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có đầy đủ thông tin hữu ích lựa chọn ngành học. Tiêu chí tuyển sinh và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch.

Người học ngành QTKD tại Học viện được học tập và rèn luyện trong một môi trường năng động, sáng tạo và thân thiện và được tham gia vào tất cả các khâu trong tiến trình đào tạo, từ việc cơ cấu các HP dựa trên hệ thống phần mềm QLĐT, đến việc quy hoạch lộ trình thực hiện tiến trình đào tạo tuỳ theo điều kiện và năng lực về tài chính về quỹ thời gian, được giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện chặt chẽ bởi một hệ thống kiểm soát phù hợp từ phần mềm đến hệ thống GV, GVCN, CVHT, trợ lý khoa, các tổ chức đoàn thể, các đơn vị chức năng quản lý trực tiếp như Phòng CT&CTSV, Phòng Giáo vụ và các hoạt động hỗ trợ NH được hầu hết các đơn vị chức năng như TTKT&ĐBCLGD, Trung tâm Dịch vụ, Văn phòng Giao dịch một cửa đều phối hợp hỗ trợ hiệu quả cho NH.

Ngoài ra, Học viện còn tạo môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xanh - sạch - đẹp, các phương tiện hỗ trợ tiện ích, từ đó nâng cao ý thức NH và chất lượng đào tạo ngành QTKD.

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, căn cứ vào năng lực đào tạo, phân tích nhu cầu và dựa trên tổng kết công tác tuyển sinh trong năm trước và các văn bản hướng dẫn của BGD&ĐT [H8.08.01.01], Học viện xác định chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành học, bậc học, của toàn Học viện [H8.08.01.02] và xây dựng Đề án tuyển sinh với nội dung cập nhật các thông tin về chính sách, quy định tuyển sinh, trong đó có các thông tin tuyển sinh của CTĐT ngành QTKD. Những thông tin dự báo về nhu cầu nhân lực của ngành QTKD luôn được theo dõi và phân tích nhằm đưa ra những chính sách tuyển sinh phù hợp với thực tế tại các cuộc họp thống nhất xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm và thông qua khảo sát nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp do Khoa QTKD thực hiện [H8.08.01.02-1]. Bên cạnh đó, Học viện và khoa cũng tham khảo ý kiến một số BLQ, đặc biệt là các NTD để làm căn cứ xây dựng chính sách tuyển sinh. Tuy nhiên, việc tham khảo góp ý của các BLQ để xây dựng chính sách tuyển sinh chỉ dừng lại ở các đơn vị trong ngành, mà chưa có sự tham gia của các doanh nghiệp ngoài ngành và quốc tế.

Trong chu kỳ kiểm định 2017-2022, Học viện có 6 Đề án tuyển sinh và các phương án điều chỉnh Đề án tuyển sinh (Đề án tuyển sinh năm 2017, ngày 09/2/2017; Đề án tuyển sinh năm 2018, ngày 05/7/2018; Đề án tuyển sinh năm 2019, ngày 22/3/2019; Đề

án tuyển sinh năm 2020, ngày 04/9/2020; Đề án tuyển sinh năm 2021, ngày 27/8/2021; Đề án tuyển sinh năm 2022, ngày 22/6/2022) [H8.08.01.03], với các chính sách và quy định về tuyển sinh được mô tả rõ và đảm bảo đúng theo quy định của BGD&ĐT. Nội dung các đề án đầy đủ thông tin chi tiết cho từng ngành tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh và được điều chỉnh qua các năm cho phù hợp với tình hình thực tế theo quy định của BGD&ĐT và theo quy mô đào tạo của Học viện. Đồng thời, các Đề án tuyển sinh đều được báo cáo BGD&ĐT.

Phạm vi tuyển sinh: Học viện tuyển sinh trên phạm vi cả nước *(thí sinh đăng ký xét tuyển vào Cơ sở đào tạo nào thì sẽ theo học tại Cơ sở đó theo mã vùng tuyển sinh là BVH hoặc BVS)* và quốc tế.

Đối tượng:

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (*theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên*) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (*trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành*) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (*đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam*) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (*sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT*);

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

Chính sách ưu tiên:

- Học viện thực hiện chính sách ưu tiên về đối tượng, khu vực theo Quy chế tuyển sinh của BGD&ĐT;

- Học viện thực hiện tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của BGD&ĐT và không giới hạn số lượng chỉ tiêu, được quy định tại Thông báo của Học viện *(có Thông báo riêng)* [H8.08.01.04].

- Học viện tuyển thẳng đối với các thí sinh có kết quả thi 3 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2022 (tương ứng với tổ hợp xét tuyển của ngành xét tuyển) từ 27,0 điểm trở lên (chỉ tính điểm bài thi); thí sinh tuyển thẳng được miễn 100% học phí trong năm học thứ nhất.

CTĐT ngành Quản trị Kinh doanh (7340101) tuyển sinh theo các phương thức: (i) Tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT; (ii) Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT; (ii) Xét kết quả học tập THPT; (iii) xét tuyển kết hợp giữa kết quả

thi THPT và chứng chỉ SAT/IELTS/TOEFL ITP/đạt giải khuyến khích kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia/giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh; (iv) Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy. Đề án tuyển sinh xác định các tổ hợp xét tuyển vào học ngành QTKD là: A00 (Toán, Vật lý, Hóa học); A01 (Toán, Vật lý, tiếng Anh) và D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh). Ngoài đối tượng SV chính quy, Học viện còn tuyển sinh hệ đào tạo từ xa.

Hàng năm, Học viện xây dựng kế hoạch, thông báo tuyển sinh cho các hệ chính quy. VLVH, đại học từ xa, chất lượng cao [H8.08.01.05] và công bố công khai chính sách và quy định tuyển sinh (đối tượng, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên) trên website Học viện (https://*ptit.edu.vn*), cổng thông tin tuyển sinh của Học viện (https://tuyensinh.ptit.edu.vn), của BGD&ĐT (https://thituyensinh.vn), các trang thông tin điện tử fanpage, faceboook của Học viện [H8.08.01.06], trên các cẩm nang, Brochure tuyển sinh giới thiệu các CTĐT của Học viện tham gia các chương trình tư vấn tuyển sinh do BGD&ĐT, các Sở Giáo dục và các đơn vị báo chí tổ chức [H8.08.01.07].

Mỗi kỳ tuyển sinh, Học viện thành lập Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp để thực thi và tự giám sát công việc được phân công. Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc thực hiện công việc theo quy chế tuyển sinh BGD&ĐT ban hành và quy định của Học viện [H8.08.01.08]. Học viện phân công cho các đơn vị chức năng thực hiện các chính sách, các công việc tuyển sinh. Phòng Đào tạo là đơn vị thường trực xây dựng đề án tuyển sinh, các thông báo xét tuyển, trúng tuyển, hướng dẫn nhập học; các đơn vị phối hợp là TTKT&ĐBCLGD, Phòng CT&CTSV.

Ngoài các chính sách ưu tiên trong tuyển sinh như của BGD&ĐT, Học viện có thêm chính sách ưu tiên trong tuyển sinh thông qua việc cấp các suất học bổng toàn phần (miễn 100% học phí trong năm học thứ nhất) và học bổng bán phần (miễn 50% học phí trong năm học thứ nhất) cho các thí sinh có kết quả thi THPT hoặc có thành tích cá nhân, thành tích học tập cao. Giai đoạn 2018 - 2022, Học viện cấp 411 suất học bổng toàn phần và 1.395 suất học bổng bán phần cho các thí sinh đáp ứng yêu cầu nhận học bổng đầu vào các ngành đào tạo của Học viện, trong đó ngành QTKD có 02 sinh viên được nhận học bổng bán phần.

Từ năm 2022, Học viện bổ sung chính sách học bổng đặc biệt với số lượng dự kiến tối đa là 30 suất học bổng có tổng trị giá học bổng khoảng 3 tỷ đồng. Đối tượng để

được xét cấp học bổng đặc biệt này là các thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn Toán, Lý, Hóa và Tin học. Với học bổng đặc biệt này, thí sinh sẽ được miễn học phí trong toàn bộ thời gian học tập với điều kiện phải đảm bảo điểm trung bình chung tích lũy năm học liên tục đạt từ loại giỏi trở lên. Học viện tiếp tục duy trì chính sách học bổng cho các thí sinh đạt thành tích cao; Học bổng miễn 100% học phí trong năm học thứ nhất với tối đa 100 suất cho các thí sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi quốc tế, quốc gia hoặc thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc TW các môn Toán, Lý, Hóa và Tin học hoặc đạt kết quả cao trong kỳ thi tốt nghiệp THPT; Học bổng miễn 50% học phí trong năm học thứ nhất với tối đa 300 suất cho thí sinh đạt kết quả cao trong kỳ thi tốt nghiệp THPT (các thí sinh chưa đạt điều kiện để được xét cấp học bổng 100%). Thí sinh chỉ được xét và cấp một loại học bổng trong chính sách học bổng nêu trên. Ngoài ra, SV còn có nhiều cơ hội để được nhận các suất học bổng của các doanh nghiệp hàng đầu như: Samsung, VNPT, Mobifone, Viettel, FPT, AGR... cụ thể tại thông báo xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển vào ĐHCQ năm 2022 [H8.08.01.04].

Để cung cấp thông tin tuyển sinh đến gần hơn với thí sinh cả nước, hàng năm Học viện chú trọng công tác truyền thông về công tác tuyển sinh trên tất cả các kênh thông tin như cổng thông tin của Học viện, trên Facebook, Youtube, Zalo, các báo điện tử... [H8.08.01.09] và tạo đường dây Hotline giải đáp thắc mắc liên quan tuyển sinh để các thí sinh, phụ huynh theo dõi và liên hệ.

Hàng năm, Học viện xây dựng và triển khai kế hoạch tổng thể và chi tiết cho công tác tư vấn tuyển sinh, bao gồm: cẩm nang, ấn phẩm truyền thông tin tuyển sinh, ngày hội tư vấn, tư vấn mùa thi và tuyên truyền trực tiếp thông qua các hình thức như đến các trường THPT tư vấn hướng nghiệp, trao học bổng và tham gia Ngày hội tư vấn tuyển sinh tại ĐH Bách khoa Hà Nội và tại một số trường THPT trên các địa phương như Hải Phòng, Hải Dương, Vinh, ... [H8.08.01.10].

Khoa QTKD phối hợp với Phòng CT&CTSV luôn tổ chức các hoạt động tư vấn trực tuyến và xây dựng video giới thiệu về CTĐT ngành QTKD [H8.08.01.11] nhằm giới thiệu, quảng bá cũng như giải đáp tất cả các thắc mắc của thí sinh về thông tin tuyển sinh, hoạt động này thu hút được sự quan tâm của đông đảo học sinh và phụ huynh Bên cạnh đó, thông qua các cuộc thi, các đợt tập huấn với giáo viên phổ thông, Khoa QTKD cũng

được giới thiệu, đó cũng là hình thức đưa hình ảnh của khoa, Học viện đến với xã hội. Với chính sách tuyển sinh của Học viện đối với ngành QTKD, CTĐT ngành QTKD được xã hội biết đến, chất lượng đào tạo được công nhận, là sự lựa chọn của những học sinh có đam mê với lĩnh vực QTKD trên toàn quốc.

Kết thúc kỳ tuyển sinh hằng năm, Học viện đều tổng kết công tác tuyển sinh và triển khai nhiệm vụ năm tiếp theo. Học viện đã đánh giá về: (1) định hướng về công tác tuyển sinh trong năm; (2) tổ chức công tác tuyển sinh; (3) công tác truyền thông; (4) công tác phân tích, dự báo; (5) điểm chuẩn và lấy đến nguyện vọng bao nhiêu của từng ngành. 5 nội dung trên là cơ sở để Học viện đề ra chủ trương cho kỳ tuyển sinh sau. Nội dung được phân tích cụ thể tại Báo cáo công tác tuyển sinh hàng năm [H8.08.01.12].

Công tác giám sát tuyển sinh và nhập học được giao cho Hội đồng tuyển sinh và Ban thanh tra tuyển sinh. Học viện thực hiện các biện pháp khác nhau để giám sát công tác tuyển sinh và nhập học như thực hiện giám sát từng khâu của quá trình từ xây dựng đề án tuyển sinh, xác định chỉ tiêu tuyển sinh, giám sát quá trình thực hiện đăng ký nguyện vọng, giám sát xét tuyển, xác định điểm chuẩn theo từng mã ngành, giám sát thu nhận hồ, đối chiếu hồ sơ đăng ký và hồ sơ gốc... Học viện sử dụng phần mềm PMS-TM, camera an ninh để nâng cao chất lượng xét tuyển.

Học viện giao cho Phòng Giáo vụ kiểm dò toàn bộ hồ sơ theo từng phương thức tuyển sinh: phiếu đăng ký xét tuyển, học bạ, giấy chứng nhận tốt nghiệp, ngành học, mã đăng ký, tổ hợp xét tuyển…trước khi phân lớp học và có báo cáo công tác kiểm dò tuyển sinh [H8.08.01.13].

Ban thanh tra tuyển sinh thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành của thanh tra thi của BGD&ĐT, Học viện và có báo cáo công tác thanh tra tuyển sinh hàng năm [H8.08.01.14]. Kết thúc kỳ tuyển sinh, Học viện lập báo cáo kết quả công tác tuyển sinh hàng năm và gửi báo cáo BGD&ĐT [H8.08.01.15].

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh của Học viện được xác định rõ ràng, được công bố công khai qua các phương tiện truyền thông và cập nhật theo các quy định mới hàng năm của BGD&ĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc tham khảo góp ý của các BLQ để xây dựng chính sách tuyển sinh chỉ dừng lại ở các đơn vị trong ngành, mà chưa có sự tham gia của các doanh nghiệp ngoài ngành và quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

Quý IV hàng năm, Phòng Đào tạo phối hợp với Khoa QTKD thực hiện việc khảo sát ý kiến các BLQ trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Phương thức và tiêu chí tuyển chọn NH của ngành QTKD được quy định trong các Đề án tuyển sinh hàng năm với những nội dung cụ thể, rõ ràng về đối tượng tuyển sinh, các ngành tuyển sinh, chỉ tiêu, thời gian và phương thức tuyển sinh [H8.08.02.01].

Trong các năm từ 2016 đến 2019, Học viện chỉ sử dụng duy nhất kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia để thực hiện xét tuyển thí sinh vào đại học. Từ năm 2020, Học viện mở rộng phương án tuyển sinh với 3 phương thức: (1) Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh đại học của BGD&ĐT và xét tuyển thẳng đối với thí sinh đạt 27,0 điểm trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021; (2) Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia với khoảng 85% chỉ tiêu theo ngưỡng ĐBCL Học viện công bố, xét trúng tuyển theo ngành và không có điểm chênh lệch giữa các tổ hợp bài thi/môn thi trong cùng một ngành; (3) Xét tuyển kết hợp giữa KQHT ở bậc THPT với Chứng chỉ quốc tế hoặc thành tích cá nhân trong kỳ thi tuyển chọn học sinh giỏi hoặc thành tích học tập tại các trường THPT chuyên của các tỉnh, thành phố, cụ thể như sau:

*Phương thức 1 - **Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển:*** Học viện thực hiện xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh đại học của BGD&ĐT và xét tuyển thẳng đối với thí sinh đạt 27,0 điểm trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021.

*Phương thức 2 - **Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT năm 2021:*** Học viện dành khoảng 85% chỉ tiêu cho xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT năm 2021; ngưỡng ĐBCL được Học viện công bố sau khi có kết quả thi THPT; xét trúng tuyển theo ngành và không có điểm chênh lệch giữa các tổ hợp bài thi/môn thi trong cùng một ngành.

*Phương thức 3 - **Xét tuyển kết hợp:*** Năm 2021, Học viện xét tuyển theo phương thức kết hợp giữa KQHT ở bậc THPT với Chứng chỉ quốc tế *hoặc* Thành tích cá nhân

trong kỳ thi tuyển chọn học sinh giỏi *hoặc* Thành tích học tập tại các trường THPT chuyên. Cụ thể:

a. Đối tượng 1: Thí sinh có Chứng chỉ quốc tế SAT từ 1130/1600 trở lên *hoặc* ACT từ 25/36 trở lên *và* có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 *(hoặc học kỳ 1 lớp 12)* đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên.

b. Đối tượng 2: Thí sinh có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn *(tính đến ngày xét tuyển)* đạt IELTS 5.5 trở lên *hoặc* TOEFL iBT 65 trở lên *hoặc* TOEFL ITP 513 trở lên *và* có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 *(hoặc học kỳ 1 lớp 12)* đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên.

c. Đối tượng 3: Thí sinh đạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia *hoặc* đã tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia *hoặc* đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc TW các môn Toán, Lý, Hóa, Tin học *và* có kết quả điểm chung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 *(hoặc học kỳ 1 lớp 12)* đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên.

d. Đối tượng 4: Là học sinh chuyên các môn Toán, Lý, Hoá, Tin học của trường THPT chuyên trên phạm vi toàn quốc *(các trường THPT chuyên thuộc Tỉnh, Thành phố trực thuộc và các trường THPT chuyên thuộc CSGD đại học) hoặc* **hệ/lớp** chuyên các môn Toán, Lý, Hoá, Tin học của các trường THPT trọng điểm quốc; *và* có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 *(hoặc học kỳ 1 lớp 12)* đạt từ 8,0 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên.

Năm 2022, Học viện có 4 phương thức tuyển sinh và bổ sung thêm (4) Xét tuyển dựa vào bài thi đánh giá năng lực hoặc đánh giá tư duy thì ngoài các yêu cầu theo quy định chung thì thí sinh cần có thêm một trong các điều kiện sau đây: Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2022 từ 80 điểm trở lên; thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh năm 2022 từ 700 điểm trở lên; thí sinh có điểm thi đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2022 từ 25 điểm trở lên.

Đối với đại học từ xa và đại học VLVH: Học viện sử dụng kết quả kỳ thi THPT hai năm liên tiếp hoặc kết quả 03 năm học THPT với các môn tương ứng với tổ hợp môn xét tuyển để thực hiện xét tuyển.

Đối tượng tuyển sinh nhóm ngành Kinh tế:

- Thí sinh trúng tuyển vào đại học hệ chính quy trong năm của Học viện ở các ngành thuộc nhóm ngành kinh tế, gồm ngành: Kế toán; Quản trị kinh doanh; Marketing, Thương mại điện tử; Truyền thông đa phương tiện; Công nghệ tài chính.

- Có trình độ tiếng Anh tối thiểu từ TOEFL iBT 30 điểm hoặc TOEFL ITP 360 điểm hoặc IELTS 4,0 điểm trở lên (tương đương với trình độ Bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam) hoặc tương đương. Các thí sinh chưa đạt yêu cầu trình độ tiếng Anh sẽ phải học khóa học tiếng Anh tăng cường trong học kỳ đầu tiên.

- Tự nguyện tham gia học và cam kết đóng học phí theo quy định của Học viện đối với chương trình chất lượng cao.

Ngoài phương thức tuyển thẳng theo quy định của BGD&ĐT, Học viện áp dụng các phương thức tuyển sinh khác nhau và được nêu cụ thể tại Đề án tuyển sinh:

- Năm 2017, năm 2018 và năm 2019 xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT.

- Năm 2020, Học viện sử dụng 3 phương thức tuyển sinh: (1) tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh của BGD&ĐT; (2) dựa vào kết quả thi THPT; (3) xét tuyển kết hợp giữa kết quả thi THPT và chứng chỉ SAT/IELTS/TOEFL IPT/đạt giải khuyến khích kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia/giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh.

- Năm 2021 ngoài phương thức tuyển sinh giống năm 2020, đối với xét tuyển kết hợp có thêm một tổ hợp: kết hợp giữa kết quả thi THPT và học sinh chuyên Toán, Lý, Hóa, Tin học hoặc học sinh thuộc lớp chuyên Toán, Lý, Hóa, Tin học của các trường THPT trong điểm quốc gia và có điểm trung bình chung 3 năm cuối cấp đạt 8 điểm trở lên.

- Năm 2022 có thêm phương thức dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy. Tuyển sinh các hình thức, các bậc học khác, chính sách tuyển sinh được ghi trong Thông báo tuyển sinh. Xét tuyển dựa vào bài thi đánh giá năng lực hoặc đánh giá tư duy thì ngoài các yêu cầu theo quy định chung thì thí sinh cần có thêm một trong các điều kiện sau đây: Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2022 từ 80 điểm trở lên; thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh năm 2022 từ 700 điểm trở lên; thí sinh có điểm thi đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2022 từ 25 điểm trở lên.

Trong đề án tuyển sinh trình độ đại học hàng năm, Học viện tuyên bố rõ tổ hợp các môn xét tuyển, theo từng phương thức xét tuyển với thông tin về ngành, mã ngành, tổ hợp xét tuyển từng CTĐT:

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
1	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	7520207	A00, A01
2	Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử	7510301	A00, A01
3	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	7520216	A00, A01
4	Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01
5	An toàn thông tin	7480202	A00, A01
6	Công nghệ đa phương tiện	7329001	A00, A01, D01
7	Truyền thông đa phương tiện	7320104	A00, A01, D01
8	Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, D01
9	Thương mại điện tử	7340122	A00, A01, D01
10	Marketing	7340115	A00, A01, D01
11	Kế toán	7340301	A00, A01, D01
12	Công nghệ tài chính (Fintech)	7340208	A00, A01, D01

Ghi chú:

- Tổ hợp A00: Toán, Vật lý, Hóa;

- Tổ hợp A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh;

- Tổ hợp D01: Toán, Văn, Tiếng Anh.

Các phương thức xét tuyển của Học viện đều phù hợp với quy định của BGD&ĐT quy định. Trong chu kỳ đánh giá, cho đến hết năm 2019, Học viện áp dụng: (1) xét tuyển thẳng theo quy định của BGD&ĐT; (2) Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT. Năm 2020 bổ sung thêm phương thức xét tuyển kết hợp kết quả thi THPT và các chứng chỉ quốc tế; năm 2021 mở rộng thêm phương thức xét tuyển kết hợp. Năm 2022, thêm một phương thức tuyển sinh mới: dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy. Tổ hợp các môn xét tuyển được xác lập phù hợp cho từng nhóm ngành học: khối kinh tế sử dụng các tổ hợp A0, A1, D1; các ngành công nghệ, kỹ thuật sử dụng các tổ hợp A0 và A1

Các tiêu chí tuyển sinh và phương pháp tuyển chọn NH được rà soát, đánh giá theo đúng quy trình, quy định và quyết định bởi Hội đồng tuyển sinh hàng năm nhằm mục đích tuyển chọn được các thí sinh có chất lượng cao và phù hợp với ngành đào tạo. Căn cứ vào ý kiến phân tích, đánh giá của các chuyên gia, Hội đồng tuyển sinh đã đưa ra các phương hướng tuyển sinh đợt tiếp theo. Các vấn đề bất cập khác trong quy trình, hình thức tuyển sinh cũng được thảo luận trong các cuộc họp Hội đồng tuyển sinh hàng năm

[H8.08.02.01], đặc biệt là công tác giám sát, kiểm dò thông tin ưu tiên của các thí sinh trúng tuyển Đại học được rà soát hệ thống [H8.08.01.13]. Trước khi Đề án tuyển sinh được công khai trên các kênh truyền thông của Học viện, đề án được các đơn vị trong Học viện góp ý, đặc biệt là ý kiến của các khoa đề xuất những chỉ tiêu phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, năng lực của Học viện và chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Điểm trúng tuyển được công bố sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT quốc gia theo quy định của BGD&ĐT căn cứ vào số lượng người đăng ký, kết quả thi thực tế của từng năm [H8.08.02.02] và hàng năm Học viện đã đưa ra ngưỡng ĐBCL đầu vào dựa trên quy định của BGD&ĐT [H8.08.02.03]. Chỉ tiêu tuyển sinh xác định cho từng ngành, từng phương thức xét tuyển. Ngoài ra, hàng năm Học viện ban hành chính sách khuyến khích thí sinh vào Học viện: trước năm 2022, thí sinh có kết quả thi THPT đạt 27 điểm trở lên được miễn 100% học phí năm thứ nhất; 300 thí sinh có kết quả thi THPT cao nhất được miễn 50% học phí năm thứ nhất. Từ kỳ tuyển sinh năm 2022, thí sinh được tuyển thẳng theo quy chế của Bộ được miễn học phí trong toàn bộ quá trình học nếu kết quả từng năm học đạt loại giỏi.

Kết quả tuyển sinh ngành QTKD hàng năm của Học viện đều được công bố công khai trên website của Học viện. Các số liệu về số thí sinh đăng ký xét tuyển, trúng tuyển, số thí sinh trúng tuyển, tỷ lệ cạnh tranh, điểm tuyển đầu vào và số thí sinh nhập học thực tế được thống kê chi tiết tại Bảng 8.1, *Phụ lục 02*, nhằm phục vụ đánh giá công tác tuyển sinh và đưa ra những phương án cải tiến hoạt động này cho những năm tiếp theo [H8.08.02.03].

Điểm trung bình trúng tuyển của thí sinh trúng tuyển vào CTĐT ngành QTKD theo phương thức xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT hằng năm ở Hà Nội (Thành phố Hồ Chí Minh) các năm 2017; 2018; 2019; 2020; 2021 và 2022 tương ứng là: 21,5 (20,50) điểm; 19,65 (18,20) điểm; 24,6 (23,50) điểm; 21,65 (19,20) điểm; 25,90 (25,00) điểm; 26,10 (24,85) điểm. Qua kết quả thống kê cho thấy số thí sinh đăng ký vào CTĐT ngành QTKD giảm theo xu thế có chọn lọc hiệu quả phù hợp với năng lực thí sinh khi lựa chọn ngành học. Số thí sinh trúng tuyển có chiều hướng ổn định theo chỉ tiêu tuyển sinh được phân bổ với điểm đầu vào luôn nằm trong tốp đầu các trường đại học có cùng ngành tuyển sinh.

Hình thức tư vấn tuyển sinh đa dạng, giúp thí sinh dễ dàng tiếp cận thông tin và đăng ký thi tuyển [H8.08.01.10]. Học viện và Khoa có nhiều cơ hội kết nối, thông tin đến các giáo viên phổ thông, vốn là cựu SV của Học viện về thông tin tuyển sinh, chính sách tuyển sinh đến các học sinh phổ thông. Học viện đã phân tích thí sinh tham gia ngày hội tư vấn tuyển sinh, nhưng chưa khảo sát và phân tích sâu đặc điểm của SV nhập học, những SV trúng tuyển nhưng không nhập học để tìm hiểu sâu hơn các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả tuyển sinh, từ đó tìm ra giải pháp cho công tác tuyển sinh có hiệu quả hơn trong thời gian tới. Nội dung báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh hàng năm của Học viện chưa đi sâu phân tích đầy đủ các công đoạn tuyển sinh và chưa có báo cáo công tác giám sát tuyển sinh.

Mặc dù Học viện có chính sách khuyến khích thí sinh có kết quả tuyển sinh cao nhập học, tuy nhiên mỗi năm có khoảng gần 50 thí sinh được tuyển thẳng, nhưng ngành QTKD không có thí sinh được tuyển thẳng.

Tháng 12 hàng năm, Học viện tổ chức hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh có sự tham gia của các đơn vị trong Học viện để rà soát lại nhu cầu nhân lực và nghiên cứu nội dung điều chỉnh phương thức tuyển sinh năm tiếp theo [H8.08.01.12]. Trên cơ sở các ý kiến rà soát về công tác tuyển sinh, Học viện thường xuyên có sự điều chỉnh, thay đổi về tiêu chí tuyển sinh và phương pháp tuyển sinh, cụ thể tăng từ 01 phương thức xét tuyển năm 2016 - 2019 lên 03 phương thức xét tuyển vào năm 2020 và 2021 và tăng lên thành 04 phương thức từ năm 2022; Hình thức tư vấn tuyển sinh đa dạng hơn, giúp thí sinh dễ dàng tiếp cận thông tin và đăng ký thi tuyển; thông tin về tuyển sinh của Học viện còn được thông báo rộng rãi đến học sinh các trường THPT thông qua việc kết nối với các giáo viên phổ thông, vốn là cựu SV của Học viện.

Sau khi kết thúc kỳ tuyển sinh, Học viện lập báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh, gửi báo cáo về BGD&ĐT và đề nghị khen thưởng các đơn vị có thành tích trong công tác tuyển sinh [H8.08.01.15].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh được rà soát, đánh giá trong suốt quá trình tuyển sinh hàng năm để kịp thời điều chỉnh phương thức tuyển sinh trong từng năm cho phù hợp với nhu cầu xã hội..

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Học viện đã sử dụng phương thức tuyển thẳng, tuy nhiên trong giai đoạn 2017-2022 ngành QTKD vẫn chưa có thí sinh được tuyển thẳng.

4. Kế hoạch hành động

Từ khóa tuyển sinh năm 2024, Phòng CT&CTSV phối hợp với các Khoa QTKD lập kế hoạch truyền thông đa dạng hơn về phương thức tuyển thẳng với các ưu đãi đặc biệt về học bổng để có thể thu hút nhiều hơn thí sinh đăng ký tuyển thẳng vào học CTĐT ngành QTKD của Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, Học viện thiết lập hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ đối với NH, cụ thể:

- Khoa QTKD tổ chức giám sát giờ lên lớp của SV, quá trình SV học tập và đánh giá điểm thành phần các môn học [H8.08.03.01]. Trong quá trình giảng dạy và khi kết thúc lớp học, các GV sẽ đánh giá mức độ tích lũy CĐR của SV theo lớp môn học.

- Phòng Giáo vụ có nhiệm vụ xây dựng khung kế hoạch đào tạo hàng năm; kế hoạch đào tạo cho các lớp, khoá, các hệ đào tạo theo chương trình, quy chế đào tạo; xử lý lên lớp, ngừng học, buộc thôi học, cảnh báo học vụ theo KQHT; xét cấp học bổng khuyến khích học tập; xét điều kiện dự thi tốt nghiệp, ... [H8.08.03.02]. Phòng Giáo vụ phối hợp với TTKT&ĐBCLGD theo dõi, tổng hợp bảng điểm học tập của SV các học kỳ được thiết lập trên phần mềm để báo cáo đề xuất Ban giám hiệu xem xét, phê duyệt KQHT.

- Phòng CT&CTSV có trách nhiệm tổ chức thực các hiện chế độ, chính sách có liên quan đối với SV, hỗ trợ và chăm sóc SV, phối hợp với các đơn vị, CVHT trong công tác tư vấn học tập, rèn luyện, hỗ trợ việc làm đối với sinh viên, ... [H8.08.03.03].

- TTKT&ĐBCLGD tổ chức thực hiện công tác khảo thí, xây dựng kế hoạch, tổ chức thi [H8.08.03.04].

- Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm xét điều kiện tốt nghiệp và làm thủ tục cấp phát văn bằng tốt nghiệp cho SV [H8.08.03.05].

- Học viện ban hành Quy định tạm thời về công tác CVHT theo Quyết định 1235/QĐ-HV ngày 31/12/2015 và Quyết định 47/QĐ-HV ngày 14/01/2022

[H8.08.03.06], trong đó quy định cụ thể nhiệm vụ của CVHT là có trách nhiệm hướng dẫn SV tìm hiểu quy chế, quy định đào tạo của BGD&ĐT và của Học viện; tư vấn cho SV đăng ký môn học, lập kế hoạch học tập trong từng học kỳ và toàn khoá học, chủ trì đánh giá kết quả rèn luyện của lớp SV theo đúng thời gian và đúng quy định của Học viện.

- Tổ Thanh tra pháp chế thuộc Văn phòng Học viện giám sát việc thực hiện chấp hành giờ lên lớp và các hoạt động thi của SV; tiến hành khảo sát, kiểm tra, giám sát, đầu mối cung cấp các tài liệu, minh chứng về các hoạt động giảng dạy, thi kết thúc HP, kết quả các kỳ thi của SV trong toàn khóa học [H6.06.06.09].

Hàng năm, Khoa QTKD căn cứ vào năng lực, chuyên môn của GV thuộc khoa để đề xuất các GV đảm nhận công tác CVHT theo nguyên tắc đối với mỗi lớp SV, Học viện quy định cử 01 cán bộ là CVHT và một CVHT có thể phụ trách một hoặc nhiều lớp học cùng một khóa học hoặc các khóa học khác nhau, Phòng CT&CTSV tổng hợp danh sách và trình giám đốc ban hành các quyết định cử CVHT [H8.08.03.07] (497/QĐ-HV ngày 10/10/2017; 705/QĐ-HV ngày 06/08/2017; 794/QĐ-HV ngày 01/10/2019; 1053/QĐ-HV ngày 30/11/2020) và các Quyết định thay đổi CVHT (265/QĐ-HV ngày 04/4/2017; 752/QĐ-HV ngày 29/8/2017; 716/QĐ-HV ngày 11/3/2018; 230/QĐ-HV ngày 02/4/2018; 168/QĐ-HV ngày 22/3/2019). Ví dụ, theo Quyết định theo QĐ số 705/QĐ-HV ngày 06/9/2018, Học viện cử 47 giảng viên đảm nhiệm chức danh CVHT, trong đó có 05 GV Khoa QTKD.

Để giám sát tiến trình học tập, rèn luyện của NH trong hệ thống đào tạo theo tín chỉ, Học viện đã ban hành các quy định:

- Quy định về đào tạo tín chỉ ban hành năm 2012 [H5.05.01.01], năm 2018 [H5.05.01.02] và năm 2021 [H5.05.01.03], trong đó, tại Điều 12, Quy chế đào tạo năm 2021 đã quy định rõ khối lượng học tập của NH phải đăng ký trong mỗi học kỳ căn cứ KQHT: Đối với học kỳ chính, NH được đăng ký tối thiểu không thấp hơn 15 tín chỉ (CTĐT cử nhân) và 16 tín chỉ (CTĐT kỹ sư), tối đa không vượt quá 25 tín chỉ; Điều 14 Quy định về học lại và học cải thiện điểm; Điều 18. Đánh giá lớp HP; Điều 23. Tiêu chí đánh giá KQHT; Điều 24. Đánh giá kết quả HP. Khối lượng tín chỉ của CTĐT được phân bổ hợp lý theo từng học kỳ để NH đăng ký học tập. Để đảm bảo NH hoàn thành được CTĐT đúng thời hạn, Học viện cho phép NH được đăng ký học lại, học cải thiện điểm

vào các kỳ học chính, kỳ học phụ. Đồng thời, những SV có KQHT yếu, kém sẽ bị cảnh báo học vụ theo các mức 1, 2, 3.

- Học viện ban hành Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của SV (1213/QĐ-HV ngày 31/12/2015), kèm theo phiếu đánh giá kết quả rèn luyện với các mức điểm chi tiết để đánh giá sự tiến bộ của NH về rèn luyện theo từng học kỳ của năm học [H8.08.03.08]; Quy định về công tác SV (1236/QĐ-HV ngày 31/12/2015) [H8.08.03.09]. Theo quy định tại các văn bản này, vào tuần đầu tiên của mỗi học kỳ Phòng CT&CTSV triển khai đánh giá kết quả rèn luyện của SV và tổng hợp báo cáo lên hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của SV Học viện họp xét, thống nhất trình giám đốc xem xét, công nhận kết quả.Việc đánh giá điểm rèn luyện do cá nhân NH tự đánh giá và sau đó được đánh giá lại với sự tham gia của CVHT, ban cán sự lớp, chi đoàn thanh niên thông qua việc họp, bình xét.

KQHT, rèn luyện của NH được tổng hợp và thống kê theo từng học kỳ, năm học. Kết quả phân loại rèn luyện của SV được sử dụng trong việc xét cấp học bổng, khen thưởng, kỷ luật, xét thôi học, ngừng học theo quy định. Học viện thành lập các hội đồng khen thưởng SV và ban hành các quyết định về công nhận khen thưởng thành tích của SV theo năm học

CTĐT ngành QTKD được xây dựng dựa trên sự đánh giá, khảo sát nhu cầu của thị trường lao động và luôn cập nhật những kiến thức mới để đảm bảo NH khi ra trường có năng lực, trình độ và kỹ năng đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. Khối lượng học tập được phân bổ hợp lý nhằm đảm bảo NH có học lực trung bình hoàn thành được CTĐT đúng hạn. CTĐT ngành QTKD có tổng cộng 130 tín chỉ chưa tính các HP giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, kỹ năng mềm. Khối lượng tín chỉ của CTĐT được phân bổ theo từng học kỳ để NH đăng ký học tập theo tiến trình học tập chuẩn theo quy trình đăng ký môn học theo tín chỉ [H8.08.03.11]. Để đảm bảo NH hoàn thành được CTĐT đúng thời hạn, Học viện cho phép NH được đăng ký học lại, học cải thiện vào các kỳ học chính, kỳ học phụ theo năm học [H5.05.01.03]. Kết quả trong 5 năm giai đoạn 2017-2022, Học viện đã tổ chức cho 314 lượt SV ngành QTKD học lại, học cải thiện điểm cùng các kỳ học chính, kỳ học phụ.

ĐCCT các HP của ngành QTKD quy định rõ mục tiêu đạt được, phương thức kiểm tra, đánh giá cụ thể đối với từng HP như mức độ chuyên cần, thái độ học tập, hình thức và cách thức đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ và được công khai cho NH vào tiết học đầu tiên

của HP [H8.08.03.13]. Bên cạnh đó, GV phụ trách HP cũng tham gia giám sát quá trình học tập của NH thông qua điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên.

Học viện có hệ thống phần mềm quản lý đào tạo theo tín chỉ, cổng thông tin quản lý đào tạo, các trang mạng xã hội: Để triển khai hoạt động đào tạo theo hệ thống tín chỉ, từ năm 2012, Học viện đã triển khai phần mềm quản lý đào tạo (có bản quyền) quản lý toàn bộ SV từ khi nhập học đến khi tốt nghiệp ra trường, gồm quản lý điểm học tập, rèn luyện, thôi học, nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập, buộc thôi học, quản lý thi đua, chế độ chính sách... Hệ thống này cho phép Học viện giám sát được kết quả học tập, tiến độ học tập của NH [H8.08.03.14]. Phòng Giáo vụ được phân quyền để giám sát, theo dõi và quản lý cở sở dữ liệu sự tiến bộ của NH trong học tập và tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học; Phòng CT&CTSV được phân quyền để giám sát, theo dõi và quản lý kết quả rèn luyện của NH. Cơ sở dữ liệu về đăng ký HP của SV, kết quả học tập của SV được cập nhật theo từng học kỳ vào phần mềm quản lý đào tạo và được lưu giữ trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo. Sau quá trình triển khai, phần mềm quản lý đào tạo chưa tính năng cảnh báo học vụ tự động khi NH thuộc trường hợp bị cảnh báo học vụ, việc nhắc nhở vẫn do CVHT và Khoa TCKT tư vấn trực tiếp cho từng SV.

Cơ sở dữ liệu về kết quả học tập và rèn luyện của SV từ khi nhập học đến khi tốt nghiệp được lưu trữ, quản lý trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo Edusoft và SV được cấp tài khoản đăng nhập để biết được kết quả học tập theo từng học kỳ, năm học. Phòng Giáo vụ theo dõi kết quả học tập của SV trong quá trình học tập tại Học viện, thông báo cảnh báo học vụ vào cuối mỗi học kỳ đối với những SV có kết quả học tập yếu, kém theo các mức 1, 2, 3 và theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học của SV.

Đầu mỗi học kỳ, nhằm giúp SV biết thông tin về kết quả học tập và chủ động lập kế hoạch học tập thích hợp, các CVHT phê duyệt đăng ký HP của SV trong học kỳ tiếp theo gửi Phòng Giáo vụ để tổ chức các lớp môn học [H8.08.03.15]. Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo cho phép từng CVHT có thể xem và cập nhật được kết quả học tập theo từng học kỳ của SV, giúp CVHT có những cảnh báo hoặc khuyến cáo, tư vấn đối với những SV không hoàn thành kế hoạch học tập đúng hạn [H8.08.03.16]. Đồng thời, Học viện ban hành quy định về việc cấp và sử dụng hộp thư điện tử (email) của sinh viên theo Quyết định số 1103/QĐ-HV ngày 06/12/2019 [H8.08.03.17] để có thể gửi các thông báo cảnh báo kết quả học tập của SV kịp thời theo đúng quy chế đào tạo.

Thực hiện nhiệm vụ của CVHT theo quy định của Học viện, hàng tháng, CVHT phải họp với các lớp SV để nắm bắt tình hình học tập, rèn luyện của SV và kịp thời giám sát, nhắc nhở. Kết quả các cuộc họp lớp đều được gửi về Phòng CT&CTSV để phối hợp với Khoa QTKD giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của SV [H8.08.03.18]. Căn cứ KQHT và rèn luyện của SV, Phòng CT&CTSV phối hợp với đội ngũ CVHT và Khoa QTKD liên hệ với SV và gia đình nhằm giúp SV tập trung học tập, cải thiện KQHT.

Kết quả rèn luyện hàng năm được Học viện tổ chức đánh giá công khai tại các lớp, hầu hết các SV ngành QTKD đều có kết quả rèn luyện loại tốt, xuất sắc. Cụ thể có: 11,20% xuất sắc, 45,35 % tốt, 50,88%, khá, 0,15 %, trung bình, 6,44 % yếu, kém (các SV yếu, kém hầu hết là các SV bỏ học) [H8.08.03.19]. Hằng năm, vẫn còn một tỷ lệ nhỏ NH ngành QTKD có kết quả rèn luyện ở mức yếu kém, tập trung chủ yếu ở cơ sở Hà Nội (Năm học 2017-2018: 7,7%; năm học 2018-2019: 9,2%; năm học 2019-2020: 7,0%; năm học 2020-2021: 7,2%; năm học 2021-2022: 4,1%).

Kết thúc mỗi học kỳ, căn cứ CSDL KQHT trên phần mềm QLĐT, Học viện theo dõi và nắm bắt được tình hình học tập của SV. Đây là CSDL quan trọng để phòng Giáo vụ, phòng CT&CTSV và Khoa QTKD theo dõi, đánh giá sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện và tỷ lệ tốt nghiệp chậm tiến độ, thôi học của SV ngành QTKD.

2. Điểm mạnh

Học viện có phần mềm QLĐT được phân quyền cho các đơn vị chức năng liên quan chủ động quản lý, giám sát và theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện, cũng như theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ và thôi học.

3. Điểm tồn tại

Sau quá trình triển khai, phần mềm quản lý đào tạo chưa tính năng cảnh báo học vụ tự động khi NH thuộc trường hợp bị cảnh báo học vụ, việc nhắc nhở vẫn do CVHT và Khoa QTKD tư vấn trực tiếp cho từng SV.

4. Kế hoạch hành động

Quý I năm 2024, Phòng Giáo vụ phối hợp với Phòng Tài chính Kế toán làm việc với đơn vị cung cấp phần mềm để bổ sung tính năng tự động đưa ra cảnh báo cho các SV thuộc diện bị cảnh báo học vụ.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện giao nhiệm vụ cho các đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác đối với NH. Phòng CT&CTSV tại cơ sở đào tạo ở Hà Nội và Phòng CTSV HVCS tại Thành phố HCM [H8.08.03.03] (sau đây được gọi chung là Phòng CT&CTSV) được giao nhiệm vụ chủ trì và phối hợp với các đơn vị trong công tác tổ chức các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho NH, Cụ thể:

- Thực hiện các chế độ, chính sách có liên quan đối với SV: Phòng CT&CTSV phối hợp với phòng Giáo vụ, phòng Tài chính Kế toán để tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách có liên quan đối với SV về học bổng hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp (nguồn kinh phí không phải từ quỹ học bổng khuyến khích học tập được Học viện trích lập); học phí; khen thưởng, kỷ luật, trợ cấp xã hội; bảo hiểm; tín dụng đào tạo và các chế độ ưu tiên, hỗ trợ cho với SV tàn tật, khuyết tật, SV diện chính sách, SV gặp hoàn cảnh khó khăn theo quy định và phân cấp của Học viện.

- Công tác cố vấn học tập: Phòng CT&CTSV phối hợp với Khoa QTKD, đơn vị chức năng trong việc bố trí cố vấn học tập cho các lớp SV. Căn cứ Quy định về công tác cố vấn học tập [H8.08.03.06], Khoa QTKD đề xuất danh sách CVHT trong từng năm học gửi Phòng CT&CTSV để tổng hợp, trình Giám đốc Học viện ký Quyết định phân công nhiệm vụ CVHT cho GV Khoa QTKD [H8.08.03.07]. Hàng năm Học viện cử khoảng 70-80 cán bộ, GV từ các đơn vị phòng ban chức năng và khoa QTKD làm cố vấn học tập cho các lớp SV ngành QTKD từ năm thứ 1 đến năm thứ 5 (đội ngũ Cố vấn học tập sẽ có sự thay đổi ở thời điểm năm thứ 3 khi các lớp được tách theo chuyên ngành đào tạo).

- Các hoạt động ngoại khóa và tổ chức các phong trào thi đua trong SV: Phòng CT&CTSV phối hợp với Đoàn thanh niên Học viện và các đơn vị có liên quan tổ chức các hoạt động phong trào: văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động tình nguyện, PVCĐ, giao lưu và các hình thức khuyến khích học tập khác; theo dõi công tác phát triển Đảng trong SV; quản lý các đội, nhóm, câu lạc bộ và Diễn đàn SV để tạo điều kiện cho NH có môi trường học tập, rèn luyện, phấn đấu.

- Hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm cho sinh viên:

+ Phòng CT&CTSV của 2 cơ sở đào tạo là các đơn vị chuyên trách, thực hiện nhiệm vụ tư vấn và hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm. Phòng bố trí các cán bộ chuyên trách có kinh nghiệm và tâm huyết để giúp đỡ tư vấn việc làm cho SV và được quy định cụ thể tại bản mô tả công việc của chuyên viên phụ trách công tác SV - mục số 4 "tư vấn hỗ trợ SV" [H8.08.04.01].

+ Tại cơ sở Hà Nội, Học viện thành lập văn phòng giao dịch một cửa do Phòng CT&CTSV quản lý về hành chính và các phòng ban chức năng quản lý về chuyên môn, bố trí cán bộ làm việc tạo bộ phận một cửa để tiếp, tư vấn giải đáp thắc mắc, cũng như cung cấp các dịch vụ hành chính cho SV [H8.08.04.02].

Vào đầu năm học, Phòng CT&CTSV chủ trì, phối hợp với Đoàn TN Học viện, các khoa và đơn vị chức năng xây dựng kế hoạch hoạt động triển khai các hoạt động ngoại khóa của sinh viên trong từng năm học báo cáo lãnh đạo học viện phê duyệt và triển khai tổ chức thực hiện. Nội dung kế hoạch được cụ thể tại kế hoạch công tác của Phòng CT&CTSV và chương trình công tác của Đoàn TN hàng năm (các hoạt động liên quan đến hoạt động ngoại khóa, hoạt động hỗ trợ học tập SV như các cuộc thi chuyên môn, nói chuyện chuyên đề, tư vấn hỗ trợ việc làm, lấy ý kiến SV được lên kế hoạch khung từ đầu năm, có sự phân công trách nhiệm chủ trì/phối hợp và kèm dự toán kinh phí) [H8.08.04.03]. Trong giai đoạn 2017-2022, Học viện đã các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH, cụ thể:

- Học bổng và hỗ trợ kinh phí cho SV có hoàn cảnh khó khăn trong học tập:

+ Học viện có chính sách học bổng đãi ngộ cho SV ngoài học bổng khuyến khích học tập, Học bổng miễn giảm học phí cho các đối tượng chính sách xã hội của Nhà nước được Nhà nước cấp bù kinh phí. Tuy nhiên là trường đại học tự chủ tài chính, Học viện trích từ nguồn thu học phí cho quỹ hỗ trợ SV để cấp bù thêm cho SV phần chênh lệch giữa học phí theo quy định của Nhà nước dành cho các trường đại học công lập chưa tự chủ và mức học phí của các trường đại học tự chủ tài chính. Chi tiết tại Bảng 8.1, *Phụ lục 02* về mức kinh phí cấp bù hàng năm năm

+ Học viện cũng kêu gọi từ các nguồn học bổng hỗ trợ từ các doanh nghiệp như Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam Agribank, Ngân hàng Đầu tư phát triển BIDV, công ty Nastech, … dành cho SV có hoàn cảnh khó khăn và trích từ quỹ hỗ trợ SV để trợ cấp

khó khăn cho SV các dịp khai giảng năm học mới hoặc tết nguyên đán [H8.08.04.04]. Hằng năm, Phòng CT&CTSV đã phối hợp với Khoa xét cấp học bổng và trợ cấp miễn giảm học phí cho sinh viên. Giai đoạn 2018 - 2022, có 400 lượt NH ngành QTKD được miễn giảm 1548,152 triệu đồng học phí; có 769 NH ngành QTKD được nhận 4171 triệu đồng học bổng... Đặc biệt, năm 2020 và 2021, Học viện trích khoảng 6 tỷ đồng từ Quỹ hỗ trợ SV để hỗ trợ đột xuất cho 12.000 SV của Học viện gặp khó khăn do Covid, lũ lụt, hỗ trợ cước dữ liệu Internet cho SV trong năm 2020, hỗ trợ khó khăn cho SV ở Ký túc xá và SV kẹt lại Hà Nội trongthời gian giãn cách dịch bệnh Covid-19 năm 2021 [H8.08.04.05].

Thực hiện các quy định về công tác sinh viên của BGD&ĐT, Học viện cũng hỗ trợ các thủ tục hành chính cho các SV có nhu cầu đủ điều kiện, thuận lợi trong việc vay vốn ngân hàng phục vụ việc học tập.

+ Bên cạnh đó, Học viện cũng tiếp tục tăng cường huy động các học bổng từ doanh nghiệp dành cho các SV có kết quả học tập, nghiên cứu xuất sắc như học bổng Honda, học bổng Panasonic, ... [H8.08.04.06].

- Hoạt động ngoại khóa sinh viên:

+ Học viện đã tổ chức cho sinh viên học tập ngoại khóa, tạo lập môi trường phù hợp để rèn luyện tính năng động, tính thích nghi, tự tin...thông qua việc tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo về kỹ năng sống, thực hành xã hội, nâng cao thể chất, đời sống văn hóa tinh thần; chương trình đồng hành cùng thanh niên trong học tập, NCKH; ... được thể hiện thông qua báo cáo tổng kết công tác năm của Phòng CT&CTSV [H8.08.04.07].

+ Hoạt động Đoàn TN Học viện: Đoàn TN Học viện luôn chú trọng tạo lập một môi trường rèn luyện và học tập cho SV nuôi dưỡng và phát triển tiềm năng, quan tâm phát triển các năng lực khác, thông qua hoạt động của các câu lạc bộ SV, các thế hệ SV Học viện luôn giữ được truyền thống năng động, sáng tạo, giỏi ngoại ngữ, có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức tốt, ... Hoạt động của Đoàn TN được thể hiện cụ thể tại Báo cáo tổng kết công tác năm [H8.08.04.08], cụ thể:

Hàng năm Học viện đã tổ chức các hoạt động tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp trực tiếp, trực tuyến cho các em học sinh cuối cấp tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Thanh Hóa, Nam Định, Nghệ An, Hải Phòng..., với khoảng trên 25.000 lượt SV tham gia sự kiện mỗi năm.

Đoàn thanh niên định kỳ hằng năm phối hợp với Phòng Chính trị và Công tác sinh viên tổ chức chương trình tình nguyện "Tiếp sức mùa thi" với gần 380 sinh viên tham gia hướng dẫn thí sinh đến địa điểm thi, hỗ trợ giữ đồ cho thí sinh khi vào thi.

Chương trình hiến máu nhân đạo được tổ chức định kỳ 02-03 lần/năm, thu hút hơn 3200 lượt tham gia của sinh viên. Học viện đã đóng góp hơn 2.700 đơn vị máu (giai đoạn 2017-2021).

Chương trình "Mùa hè xanh" hàng năm với các hoạt động như sửa đường, tổ chức dạy học, gây quỹ từ thiện, dọn vệ sinh môi trường, với hơn 625 lượt sinh viên tham gia giai đoạn 2017-2021.

Chương trình "Thắp lửa ngày đông" thu hút số lượng sinh viên tham gia hằng năm, khoảng hơn gần 380 SV.

Cuộc thi Tiếng hát sinh viên Học viện (16/KH-ĐTN ngày 18/10/2018; 26/KH-ĐTN ngày 19/11/2020); tổ chức Hội trại "Nhiệt Xanh PTIT 2018" kỷ niệm 65 năm ngày thành lập trường Bưu điện (1953-2018) (07 KH/ĐTNHV ngày 15/03/2018); Giải bóng đá sinh viên (06 KH/ĐTN ngày 13/03/2018).

Trong giai đoạn 2017 - 2022, Đoàn Thanh niên Học viện đã có nhiều thành tích về hoạt động kết nối và PVCĐ, cụ thể: Năm 2019: Đoàn Thanh niên Học viện đã vinh dự được tuyên dương tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác hiến máu tình nguyên năm 2019 của Đoàn Khối các cơ quan TW, và 02 cá nhân được tuyên dương có thành tích xuất sắc trong công tác hiến máu tình nguyện năm 2019. Năm 2022 Đoàn Thanh niên Học viện đã được Đoàn khối các cơ quan TW tặng bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong triển khai cuộc thi Olympic tiếng Anh học sinh, sinh viên toàn quốc lần thứ IV năm 2022, năm học 2018-2019 ĐTN Học viện cơ sở đã được TW Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tặng bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác đoàn và phong trào thanh niên trường học.

- Hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm sinh viên:

+ Vào đầu học kỳ thứ 2 của mỗi khóa học, phòng Giáo vụ sẽ có buổi tập chung SV trên hội trường (khoảng 200-250 SV ngành QTKD cho mỗi khóa học) để hướng dẫn SV cách thức đăng ký HP theo tín chỉ bằng hình thức online trên hệ thống của Học viện. Đến thời điểm các lớp chuẩn bị tách chuyên ngành đào tạo, các SV lại được thông báo, hướng dẫn từ khoa QTKD, phòng Giáo vụ để việc lựa chọn chuyên ngành đào tạo để phù hợp

với bản thân mỗi SV. Năm thứ 4 của khóa học các SV sẽ được tư vấn và hỗ trợ liên hệ các công ty, đơn vị phù hợp để đi thực tập cuối khóa [H8.08.04.09].

+ Đoàn TN Học viện chủ động tổ chức Đội cờ đỏ Sinh viên Học viện hàng năm để quản lý giờ lên lớp của SV tại các giảng đường [H8.08.04.10].

+ Học viện tổ chức khóa bồi dưỡng kỹ năng nắm bắt tâm lý học đường dành cho đội ngũ CVHT của Học viện [H8.08.04.11].

+ Học viện xây dựng Website kết nối các doanh nghiệp để hỗ trợ cho SV trong việc tìm kiếm việc làm phù hợp. Bên cạnh đó, Khoa QTKD thường xuyên phối hợp và hỗ trợ các doanh nghiệp khi được đề xuất để tổ chức các buổi kiến tập tại doanh nghiệp, các buổi tập huấn kỹ năng viết CV, kỹ năng phỏng vấn dành cho SV để trang bị hành trang cho SV khi bắt đầu tìm việc (các Website, đường link đăng thông tin tuyển dụng của Học viện cho doanh nghiệp: https://portal.ptit.edu.vn/thong-tin-tuyen-dung/, đường link kết nối doanh nghiệp với Học viện tại địa chỉ link https://www.topcv.vn/jobfair/ptit,...) [H8.08.04.12].

+ Khoa QTKD cũng có quan hệ chặt chẽ với nhiều doanh nghiệp để liên hệ cử SV thực tập, tổ chức các buổi tọa đàm về chuyên môn và nghề nghiệp cho SV năm thứ 3 và thứ 4; phối hợp với các doanh nghiệp trong công tác tuyển dụng nhân sự [H8.08.04.13].

+ Từ năm 2015 - 2018, Học viện triển khai dự án "Tăng cường cơ hội tiếp cận thị trường lao động cho SV Việt Nam" (gọi tắt là dự án VOYAGE"). Theo đó, Dự án Voyage cung cấp cho SV của 3 trường Đại học tại Việt Nam, trong đó có Học viện hệ thống khảo sát SV nhằm: (1) Tạo CV trực tuyến và giúp các doanh nghiệp lựa chọn ứng viên, đánh giá và tuyển dụng nhân sự chất lượng cao trong CSDL SV và cựu SV của các trường Đại học tại Việt Nam; (2) Đánh giá chất lượng đào tạo của Học viện sau khi kết thúc khóa học (đây cũng là yêu cầu bắt buộc của BGD&ĐT đối với các trường Đại học); (3) Tiếp cận các cơ hội việc làm được các doanh nghiệp đăng tải thông tin tuyển dụng trên hệ thống [H8.08.04.14].

+ Năm 2020, Học viện tổ chức Hội nghị bàn tròn với các doanh nghiệp tuyển dụng lao động [H8.08.04.15], thông qua hội nghị, nhiều nội dung được đưa ra thảo luận để đưa tới một kết quả tốt nhất có lợi cho SV. Phát huy kết quả này, trong những năm tới, Phòng CT&CTSV sẽ là đầu mối, phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức nhiều buổi hội thảo tuyển dụng, buổi đào tạo trang bị kỹ năng mềm dành cho SV sắp tốt nghiệp.

+ Học viện luôn quan tâm đến các hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho SV, nhằm hỗ trợ kỹ năng nghề nghiệp, các kỹ năng mềm để phục vụ cho việc đáp ứng nhu cầu tìm việc làm phù hợp sau khi ra trường. Học viện thường xuyên liên kết, phối hợp với các doanh nghiệp tuyển dụng lao động là SV của Học viện cung cấp thông tin tuyển dụng trên website và fanpage của Học viện và của khoa QTKD. Một năm 02 lần (thường vào tháng 4 và tháng 11), Học viện có tổ chức Ngày hội tuyển dụng và cơ hội việc làm PTIT tại cơ sở đào tạo Hà Đông, trong những dịp này Học viện có mời nhiều công ty, doanh nghiệp (Công ty VNPT, Mobifone, Sam sung Việt Nam, FPT, Viettel,...) có nhu cầu tuyển dụng lao đồng cùng tham gia giới thiệu với SV về nhu cầu tuyển dụng các vị trí lao động, các yêu cầu cần có khi làm việc tại doanh nghiệp, định hướng nghề nghiệp cho SV từ những năm còn ngồi trên ghế nhà trường [H8.08.04.16]. Ngoài 2 đợt tổ chức Ngày hội tuyển dụng hàng năm, còn có các buổi hội thảo của từng doanh nghiệp cụ thể như: Hội thảo tuyển dụng Samsung; Hội thảo tuyển dụng Luvina; Hội thảo tuyển dụng Sun Asterisk, ...; tổ chức các khóa học tăng cường kỹ năng thực hành, kiến thức thực tế, kỹ năng mềm và kỹ năng giao tiếp trong phỏng vấn xin việc; tổ chức mời một số đại diện cơ quan tuyển dụng lao động đến giao lưu giới thiệu nhu cầu tuyển dụng cũng như yêu cầu năng lực và kỹ năng nghề nghiệp của ứng viên ...

- Công tác NCKH sinh viên:

+ Hàng năm, Phòng QLKHCN & HTQT đều có kế hoạch triển khai, tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học cho CBGV, NV, SV của Học viện. Kết quả là đã có 17 đề tài NCKH của sinh viên được khen thưởng với 249 sinh viên được khen thưởng; Học viện tổ chức Hội nghị khoa học SV hàng năm và tổ chức cho SV đăng ký tham gia giải thưởng SV NCKH các cấp được cụ thể tại danh mục đề tài NCKH của SV từ 2017-2021; Kỷ yếu hội nghị NCKH hàng năm các giải thưởng SV NCKH hàng năm [H8.08.04.17].

+ Trong quá trình học tập, SV được khuyến khích tham gia các hội, nhóm, câu lạc bộ [H8.08.04.18] nghiên cứu khoa học, tham gia các cuộc thi chuyên môn, học thuật bổ ích thiết thực cho SV, đặc biệt khuyến khích SV tham gia các cuộc thi khởi nghiệp của sinh viên do BGD&ĐT tổ chức [H8.08.04.18].

- Cử sinh viên đi thực tế, thực tập tại doanh nghiệp:

+ Giai đoạn 2017- 2021, Học viện ký kết 38 biên bản thỏa thuận, hợp tác với các đối tác trong nước như: Tập đoàn Vingroup, Tập đoàn Công nghệ Viễn thông quân đội Viettel, VNPT, Công ty phần mềm F-Soft của Tập đoàn FPT, Tổng công ty Viễn thông

Mobifone, Công ty Cổ phần phát triển công nghệ VINTECH, Công ty Cổ phần viễn thông FPT... [H8.08.04.19] để hợp tác NCKH, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ sinh viên đến thực tập tham quan, kiến tập, trao học bổng và tuyển dụng sinh viên khi có điều kiện. Đồng thời, để tạo môi trường học tập đa dạng, gắn lý thuyết với thực hành Học viện đã liên kết với các công ty, doanh nghiệp tổ chức cho đi thực tập, thực tế, thể hiện tại báo cáo các hoạt động hợp tác, kết nối doanh nghiệp giai đoạn 2016-2020 [H8.08.04.20].

+ Học Viện đã ký biên bản thỏa thuận hợp tác và ghi nhớ với các trường học khác trên thế giới. Cụ thể hợp tác với trường đại học Gunma Nhật Bản; đại học Latrobe Australia, đại học Huddersfield của Vương Quốc Anh... để tạo điều kiện cho SV có cơ hội thăm quan, giao lưu và trao đổi SV [H8.08.04.21]. Học viện đã hợp tác và tạo điều kiện để SV được tham gia các chương trình học tập/tham quan, tham dự hội thảo ở nước ngoài, giai đoạn 2018-2022 có 02 SV ngành QTKD được đi học tập/tham quan, tham dự hội thảo ở Thái Lan.

Học viện/Khoa định kỳ tổ chức khảo sát người học và cựu người học về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm. Kết quả khảo NH, NH trước khi tốt nghiệp của Trung tâm KT&ĐBCLGD cho thấy: NH khá hài lòng với các hoạt động hỗ trợ của các đơn vị chức năng trong Học viện. Ví dụ, với nội dung "Người học được cung cấp, hướng dẫn đầy đủ các quy chế, quy định có liên quan. Quy định rõ về quy trình và thời gian giải quyết các công việc có liên quan đến người học" mức độ hài lòng của NH được khảo sát các năm 2019, 2020, 2021 và 2022 có giá trị tương ứng là: 91,92%; 88,0%; 89,0%; 92,4%. Với nội dung "Những thông tin thu được từ các hoạt động hỗ trợ, hướng nghiệp, hội chợ, tư vấn việc làm có đáp ứng mong muốn của bạn" tỷ lệ "Hài lòng" và "Rất hài lòng" NH cuối khóa ngành QTKD các năm 2019, 2021, 2022 có các giá trị tương ứng: 76%, 75%; 75% [H8.08.04.22] và kết quả khảo sát cũng cho thấy vẫn còn tỷ lệ 5,3 % SV chưa thật sự hài lòng với hoạt động hỗ trợ này của Học viện.

Kết quả khen thưởng SV ngành QTKD giai đoạn 2017-2021: số SV khen thưởng trong các cuộc thi và khen thưởng học tập loại xuất sắc, giỏi là 2.508 lượt SV, cụ thể tại Bảng 8.3. *Phụ lục 02* về Kết quả khen thưởng SV ngành QTKD giai đoạn 2017-2022.

Với những hoạt động kể trên, tỷ lệ có việc làm sau 6-12 tháng của SV ngành QTKD qua khảo sát việc làm của SV đã tốt nghiệp những năm vừa qua cụ thể tại Bảng 8.4, *Phụ lục 02* về tỷ lệ có việc làm sau 6-12 tháng của SV ngành QTKD.

2. Điểm mạnh

Học viện đã có bộ phận chuyên trách là Phòng CT&CTSV phối hợp với Đoàn Thanh niên HV và các khoa đào tạo đảm nhận nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ việc làm cho SV, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, phát triển kỹ năng cho SV. Tỷ lệ SV hài lòng về công tác hỗ trợ thực tập, việc làm ở mức cao đạt trên 90%.

3. Điểm tồn tại

Kết quả khảo sát SV cho thấy vẫn còn tỷ lệ 5,3 % SV chưa thật sự hài lòng với hoạt động hỗ trợ của Học viện.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2023 - 2024, phòng CT&CTSV lập kế hoạch tổ chức khóa tập huấn kỹ năng tư vấn hỗ trợ SV trong môi trường chuyển đổi số cho cán bộ quản lý, phục vụ để nâng cao chất lượng công tác hỗ trợ SV.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện ban hành Nội quy lao động để CBGV thực hiện theo đúng quy định của ngành giáo dục [H7.07.05.01] và Quy chế làm việc của Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông theo Quyết định 1248/QĐ-HV ngày 31/12/2015 [H7.07.05.02]. Các văn bản này quy định việc chấp hành nội quy lao động và thời gian làm việc của CBVC-NLĐ, trong đó quy định thực hiện giờ làm việc đối với cán bộ, viên chức khối hành chính, cụ thể thời gian làm việc từ 8 giờ đến 17 giờ các ngày từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần và gửi tới toàn thể CBVC tại các đơn vị được biết và thực hiện.

HĐHV ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện theo Nghị quyết 30/NQ-HĐHV ngày 04/8/2021 của HĐHV [H7.07.05.05], với mục đích phát huy quyền dân chủ của CBVC-NLĐ, NH và tăng cường nề nếp, kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động của Học viện góp phần xây dựng môi trường giáo dục, thân thiện, lành mạnh, phòng chống các hành vi tiêu cực trong đào tạo;

Nghị quyết 35/NQ-HĐHV ngày 26/10/2021 ban hành Quy chế giám sát của HĐHV [H8.08.05.01], theo đó, HĐHV sẽ giám sát toàn diện các hoạt động của Học viện để đảm bảo tính khách quan, công khai, minh bạch và hỗ trợ các hoạt động của Học viện tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật.

Để đảm bảo quản lý và sử dụng có hiệu quả CSVC, hạ tầng cơ sở, Học viện đã ban hành các văn bản: Quy định phân cấp quản lý tài chính và quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị trực thuộc Học viện ban hành theo Quyết định 1118/QĐ-HV ngày 26/11/2021; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của Học viện ban hành theo Quyết định 1381/QĐ-HV ngày 29/12/2021; Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của Học viện ban hành theo Quyết định 1367/QĐ-HV ngày 28/12/2021.

HVCS ban hành Nội quy tiếp công dân theo Quyết định 29/QĐ-HVCS ngày 14/06/2017; Quy chế tiếp công dân của HVCStại Tp. HCM theo Quyết định 18/QĐ-HVCS ngày 07/02/2017; Quy định văn hóa công sở tại Học viện cơ cở Tp. HCM theo Quyết định 189/QĐ-HVCS ngày 26/08/2013

Các giảng đường đều có treo Nội quy giảng đường để SV thực hiện giờ lên lớp và chấp hành nội quy học tập theo quy định [H8.08.05.02]. KTX của SV có nội quy KTX được treo tại các địa điểm thuận lợi để SV đều nhận biết thực hiện nội quy nhằm đảm bảo nếp sống văn minh, trật tự và an toàn trong KTX. Các KTX của Học viện (KTX B5, B1, B2 và Quận 9, Tp.HCM có bản nội quy treo ở sảnh các tầng [H8.08.05.03]. Để đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong khu vực giảng đường, bên cạnh việc treo các quy định, nội quy học đường tạo nên trật tự, kỷ cương trong môi trường học đường. Học viện đã bố trí SV thuộc đội cờ đỏ kiểm tra thẻ SV, kiểm soát ra vào khu vực giảng đường; lắp camera theo dõi ở các khu vực hành lang lớp học [H8.08.04.10].

Khuôn viên Học viện được cải tạo và trồng nhiều cây xanh tạo bóng mát trong điều kiện cho phép cũng như bố trí nhiều ghế đá để SV, khách đến liên hệ công tác nghỉ ngơi. Bên cạnh đó, Học viện cũng đã có dự án đầu tư cải tạo sân bóng chuyền, xây dựng mới sân bóng đá mini, sửa chữa nhà ăn, đầu tư trang thiết bị phục vụ giảng dạy học tập để SV có thể tham gia các hoạt động thể dục thể thao sau những giờ học tập căng thẳng [H8.08.05.04].

Để có được cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng làm việc và học tập, Học viện đã và đang thực tốt những nội dung cụ thể sau:

- Học viện giao cho văn phòng, Trung tâm dịch vụ và Trung tâm CSVC và dịch vụ HVCS tại Tp. HCM phối hợp quản lý và khai thác có hiệu quả CSVC phục vụ công tác đào tạo, NCKH [H8.08.05.05].

- Học viện có sơ đồ bố trí mặt bằng tổng thể: bố trí phòng làm việc của Hội đồng, Ban giám đốc Học viện; bố trí khu hiệu bộ, giảng đường, các phòng/khoa, hội trường, thư viện, khu thực hành, thực tập, ký túc xá để hướng dẫn sinh viên liên hệ làm việc và học tập tại Học viện và khách đến liên hệ công tác [H8.08.05.06]. Học viện cũng dành riêng một khu vực ngay cạnh cổng ra bố trí Văn phòng giao dịch một cửa để tiếp nhận yêu cầu về hành chính, tư vấn giải đáp các thắc mắc của SV. Khu vực này được bố trí khoa học để SV dễ dàng tiếp cận thông tin cần tư vấn trong quá trình học tập tại Học viện [H8.08.04.02].

- Để đảm bảo cảnh quan sư phạm sạch sẽ, an ninh, an toàn, Học viện đã thuê công ty dịch vụ bảo vệ [H8.08.05.07], công ty vệ sinh môi trường đảm bảo điều kiện vệ sinh và an ninh trong khuôn viên Học viện [H8.08.04.08]. Bộ phận bảo vệ có nhiệm vụ trực 24/24 đảm bảo an ninh trật tự, an toàn về tính mạng và tài sản của Học viện, của CB, GV, NV và của SV. Lực lượng bảo vệ của Học viện được đầu tư đầy đủ quần áo đồng phục, các phương tiện làm việc. Học viện đã lắp đặt hệ thống camera giám sát tại cổng và các khu vực trọng yếu trong Học viện 24/24; phối hợp với chính quyền và lực lượng an ninh địa phương tăng cường công tác an ninh trật tự, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật, phòng chống các tệ nạn xảy ra trong khu vực Học viện.

- Cơ sở đào tạo Hà Nội có bộ phận chăm sóc cây cỏ, vệ sinh môi trường thuộc Trung tâm Dịch vụ quản lý gồm 20 người có nhiệm vụ quản lý, vệ sinh hệ thống phòng học, giảng đường, khu vệ sinh và các tài sản trang thiết bị đi kèm, đảm bảo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp trong toàn bộ khuôn viên Học viện. Cơ sở tại Tp. HCM ký hợp đồng với đơn vị bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và làm vệ sinh các khu vực của Học viện. Hàng ngày, các phòng học, giảng đường đều được vệ sinh 2 lần trước và sau mỗi kíp học; khuôn viên Học viện được chỉnh trang vệ sinh hàng ngày [H8.08.05.09].

- Công tác phòng chống cháy nổ, an toàn học đường luôn được Học viện quan tâm. Để đảm công tác phòng chống cháy nổ, hàng năm Học viện đã cử cán bộ đi tập huấn công tác này, hệ thống phòng chống cháy nổ được đặt đúng vị trí theo yêu cầu và Học viện thường xuyên phối hợp với các cơ quan chức năng sở tại, công an phường, thành phố để bảo vệ không để xảy ra các hiện tượng cháy nổ trong giai đoạn 2017-2022 [H8.08.05.10].

- Học viện bố trí Trạm Y tế tại Ký túc xá SV B1, giúp cho việc chăm sóc sức khỏe cho SV và cán bộ của Học viện kịp thời, nhất là trong mùa dịch Covid-19 [H8.08.05.11].

Qua báo cáo kiểm tra công tác y tế trường học hàng năm cho thấy công tác y tế học đường đảm bảo yêu cầu phòng chống dịch bệnh

Giai đoạn 2017-2022, Học viện tổ chức nhiều hoạt động tạo môi trường tâm lý, xã hội thoải mái cho sinh viên, cụ thể:

- Chi bộ Phòng CT&CTSV tổ chức các chuyên đề học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh: Năm 2018 tổ chức cho các đảng viên đi thăm khu di tích lịch sử K9; Năm 2019 đi về Ninh Bình; năm 2020 viếng Lăng Hồ Chủ Tịch; năm 2021 do dịch Covid 19 nên không tổ chức được việc tham quan các di tích lịch sử, nhưng vẫn tổ chức được các buổi họp chuyên đề [H8.08.05.12].

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Học viện định kỳ tổ chức ngày Chủ nhật xanh tại ký túc xá và khuôn viên Học viện để chỉnh trang và tạo lập môi trường sống lành mạnh cho SV; các hoạt động tình nguyện giữ gìn vệ sinh cảnh quản môi trường trong, dọn dẹp vệ sinh khuôn viên Học viện, quét vôi gốc cây. Năm 2019, Phòng Chính trị và Công tác SV đã phối hợp Đoàn thanh niên tổ chức cuộc thi "PTIT- Ký túc xá của tôi 2019" [H8.08.05.13] và tổ chức các chương trình tuyên truyền tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản cho SV các trường Đại học, cao đẳng, tổ chức lớp tập huấn về kiến thức kỹ năng và mô hình thực hành lối sống xanh cho SV, tổ chức triển lãm Bảo vệ Động vật hoang dã, ... [H8.08.05.14]. Các hoạt động giải trí lành mạnh khác để tạo tâm lý và không khí thoải mái cho SV: vào các ngày lễ kỷ niệm lớn trong năm như 20/11; 8/3... Phòng Chính trị và Công tác SV phối hợp với Đoàn thanh niên Học viện tổ chức các hoạt động vui chơi văn nghệ thể thao, thi ảnh trong SV Học viện [H8.08.05.15].

Đoàn Thanh niên Học viện đã xây dựng các chương trình, kế hoạch công tác năm trong đó tăng cường triển khai công tác giáo dục chính trị tư tưởng; học tập - NCKH; văn hóa - văn nghệ - thể thao; đồng hành cùng SV lập thân, lập nghiệp; xây dựng môi trường văn hóa - văn minh; khởi nghiệp sáng tạo; tình nguyện, các hoạt động PVCĐ; đặc biệt quan tâm đến hỗ trợ hoạt động của các CLB SV, hướng CLB SV vào tạo lập môi trường sư phạm, rèn luyện thiết thực bổ ích cho SV nhằm tạo sân chơi cho các SV đam mê NCKH, những hoạt động của Đoàn Thanh niên được cụ thể tại Báo cáo tổng kết chương trình công tác hàng năm của Đoàn Thanh niên Học viện.

Trong báo cáo tổng kết chương trình công tác hàng năm của Đoàn TN Học viện cho thấy trong giai đoạn 2017-2022, Đoàn TN Học viện tổ chức nhiều hoạt động PVCĐ như: tình nguyện "Tiếp sức mùa thi" với gần 380 sinh viên tham gia hướng dẫn thí sinh đến

địa điểm thi, hỗ trợ giữ đồ cho thí sinh khi vào thi; chương trình hiến máu nhân đạo được tổ chức định kỳ 02-03 lần/năm, thu hút hơn 3200 lượt tham gia của sinh viên, CB, GV, và NV. Học viện đã đóng góp hơn 2700 đơn vị máu trong giai đoạn 2017-2021; Chương trình "Mùa hè xanh" hằng năm với các hoạt động như sửa đường, tổ chức dạy học, gây quỹ từ thiện, dọn vệ sinh môi trường, với hơn 625 lượt sinh viên tham gia giai đoạn 2017-2021; Chương trình "Thắp lửa ngày đông" thu hút số lượng sinh viên tham gia hằng năm, khoảng hơn gần 380 SV trong giai đoạn 2017-2021 và nhiều hoạt động khác tại môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan thoải mái cho SV Học viện [H8.08.05.16].

Vào các ngày lễ lớn trong năm như 20/11; 8/3; 20/10, Công đoàn Học viện thường tổ chức các hoạt động vui chơi như biểu diễn văn nghệ, thi kéo co, thi cắm hoa, ... giữa các đơn vị để tạo không khí và tâm lý thoải mái cho CB, GV và nhân viên [H8.08.05.17].

Để có thông tin phản hồi về thực trạng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Học viện, hàng năm các đơn vị tổ chức khảo sát ý kiến NH và các BLQ về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong học viện, cụ thể:

- TTKT&ĐBCLGD đã tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi của NH về điều kiện CSVC phục vụ NH hàng năm [H8.08.05.18]. Kết quả khảo sát tại 2 cơ sở đào tạo cho thấy NH khá hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan của Học viện. Với nội dung "Đội ngũ nhân viên kỹ thuật có chuyên môn tốt, nhiệt tình giải quyết đúng quy định theo yêu cầu của công tác dạy và học" mức độ hài lòng của NH được khảo sát các năm 2018, 2019, 2020, 2021 và 2022 có giá trị tương ứng là: 90,25%; 86,0%; 87,8%; 91,34%; 92,51%; Với nội dung "Công tác vệ sinh môi trường, giáo dục thể chất, nhà ăn, ký túc xá đáp ứng cơ bản yêu cầu của người học" mức độ hài lòng của NH được khảo sát các năm 2019, 2020, 2021 và 2022 có giá trị tương ứng là: 92,5%; 83,1%; 85,5%; 88,24%.

- Phòng CT&CTSV thực hiện khảo sát chất lượng dịch vụ tại văn phòng giao dịch một cửa qua hệ thống khảo sát trực tuyến để SV đánh giá về chất lượng dịch vụ tại văn phòng một cửa, tác phong, thái độ của từng cán bộ tiếp nhận hồ sơ và tư vấn cho SV [H8.08.05.19]. Báo cáo kết quả khảo sát Kết quả khảo sát cho thấy ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý với tiêu chí như: thư viện đáp ứng nhu cầu về CSVC, phòng đọc và các trang thiết bị phục vụ cho việc tra cứu tài liệu có tỷ lệ 96,7%; về điều kiện an ninh của ký túc xá đảm bảo an toàn có tỷ lệ 93% ; về số thuốc được cung cấp sau khi khám/sơ khám đáp ứng điều trị bệnh có tỷ lệ 76,6%; về điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm của nhà ăn sạch sẽ có tỷ lệ 93,3%.

Qua số liệu thống kê cho thấy, mức độ hài lòng trung bình về các BLQ đến CSVC, chất lượng dịch vụ và môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Học viện cho thấy khoảng 90% các ý kiến được khảo sát hài lòng. Tuy nhiên vẫn còn 5,3% ý kiến của SV phản hồi chưa tích cực về công tác giao tiếp với SV tại Văn phòng một cửa.

Trong giai đoạn 2017-2022, Học viện đã đầu tư kinh phí chi cho công tác y tế là 2.959.900.000 đồng; chi cho công tác an ninh trật tự là 6.545.845.932 đồng; chi cho dịch vụ vệ sinh môi trường, sân vườn ngoại cảnh là 23.592.467.340 đồng. Môi trường, sức khỏe, sự an toàn được cải tiến: Lắp đặt các hệ thống rửa tay sát khuẩn; công tác vệ sinh dịch tễ được thực hiện thường xuyên; công tác khử khuẩn các khu vực như Ký túc xá, phòng học, giảng đường đều được thực hiện định kỳ; công tác PCCC được bổ sung cả về trang thiết bị về PCCC, bảo hiểm PCCC và phối hợp tổ chức các chương trình tập huấn nghiệp vụ, diễn tập PCCC định kỳ; lắp đặt hệ thống camera giám sát an ninh trật tự; …

2. Điểm mạnh

Khuôn viên của Học viện an toàn, sạch sẽ và thân thiện tạo không khí thoải mái và điều kiện tốt cho việc thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn 5,3% ý kiến của SV phản hồi chưa tích cực về công tác giao tiếp với SV tại Văn phòng một cửa.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2023-2024, Phòng CT&CTSV ban hành quy tắc giao tiếp, ứng xử văn minh với sinh viên tại văn phòng giao dịch một cửa.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 8

Chính sách, tiêu chí tuyển sinh, phương pháp tuyển chọn NH rõ ràng, đầy đủ, chi tiết trong đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện. Chính sách, tiêu chí tuyển sinh, phương pháp tuyển chọn được cập nhật trên cơ sở các quy định của BGD&ĐT và thực tế của Học viện. Ngoài các chính sách ưu tiên trong tuyển sinh như của BGD&ĐT, Học viện có thêm chính sách ưu tiên trong tuyển sinh thông qua việc cấp các suất học bổng toàn phần (miễn 100% học phí trong năm học thứ nhất) và học bổng bán phần (miễn 50% học phí trong năm học thứ nhất) cho các thí sinh có kết quả thi THPT hoặc có thành tích cá nhân, thành tích học tập cao.

Học viện có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ đối với NH, bao gồm: Phòng Giáo vụ, Phòng Đào tạo, Phòng CT&CTSV, TTKT&ĐBCLGD và CVHT. Học viện sử dụng phần mềm quản lý đào tạo Edusolf để hỗ trợ quá trình giám sát tiến trình học tập và rèn luyện của SV trong suốt khóa học.

Học viện đã chú trọng xây dựng môi trường sư phạm, tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động tình nguyện, tạo sân chơi lành mạnh, nhân văn trong Học viện; môi trường tâm lý, xã hội, làm việc thân thiện, tạo điều kiện thoải mái để thực hiện các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu của CB, GV, NV và NH.

Số mẫu được khảo sát lấy ý kiến phản hồi về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm chưa đủ lớn so với quy mô SV của CTĐT vì thế kết quả khảo sát mang tính đại diện chưa cao. Phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của NH về công tác đảm bảo điều kiện CSVC phục vụ NH chưa bao quát được trên phổ rộng các vấn đề thuộc môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan vì thế kết quả khảo sát chưa thu thập được nhiều thông tin sát thực để phục vụ cho việc cải tiến chất lượng. Một số câu hỏi khảo sát còn đa nghĩa nên khó thu được câu trả lời chính xác cho nội dung cần hỏi.

Tiêu chuẩn 8 có 05 tiêu chí: 4,80/7.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Học viện đã ban hành Chiến lược phát triển Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông giai đoạn 2021 - 2025 tầm nhìn 2030, trong đó có đề cập đến những nội dung về xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong như: Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng máy tính và hệ thống an toàn thông tin đáp ứng yêu cầu các hoạt động trong giai đoạn chuyển đổi số; tăng cường phát triển hệ thống mạng Internet băng thông rộng đặc biệt là hệ thống Wifi phủ sóng toàn Học viện; tập trung phát triển hạ tầng kết nối Internet vạn vật, xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng của Học viện; xây dựng CSDL tích hợp trên cơ sở liên thông và đồng bộ các hệ thống CSDL hiện có từ các ứng dụng công nghệ thông tin trong Học viện; đầu tư nền tảng và triển khai hệ thống ERP và triển khai xây dựng hệ thống kết nối sinh viên, GV và các tổ chức trong Học viện theo mô hình mạng xã hội nội bộ.

Trong giai đoạn 2017-2022, Học viện luôn chú trọng đến việc nâng cấp, đầu tư mới trang thiết bị và CSVC phục vụ nhu cầu học tập và NCKH của SV và GV của CTĐT

ngành QTKD. Ngoài việc trang bị đầy đủ thiết bị các phòng học, phòng thực hành, phòng làm việc, phòng máy tính, thư viện... hệ thống mạng wifi phủ sóng toàn bộ khuôn viên Học viện. Đặc biệt được sự hỗ trợ của các doanh nghiệp, các phòng Lab được đầu tư trang bị hiện đại và đáp ứng được các xu hướng phát triển của ngành kế toán trên thế giới. Học viện cũng quan tâm đến môi trường, sức khoẻ, an toàn vệ sinh học đường và công tác phòng cháy, chữa cháy trong khuôn viên Học viện.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện có trụ sở chính tại số 122 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Tân, Quận cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, có Cơ sở đào tạo Hà Đông tại Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội và Cơ sở Học viện tại Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích là 127.694,90m2 phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và PVCĐ (trong đó miền Bắc là 63.464,70 m2, miền Nam là 64.230,20 m2). Diện tích xây dựng phục vụ trực tiếp đào tạo của Học viện là 79.376 m2 với quy mô NH đến ngày 31/12/2022 là 13.795 SV, tỷ số diện tích sàn xây dựng trên sinh viên chính quy là 5,75 m2/SV, đáp ứng Khoản 2 Điều 6 Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018 [H9.09.01.01].

Học viện có 118 phòng làm việc với tổng diện tích là 3.977 m2, trong đó có: 12 phòng dành cho hội đồng và ban giám đốc học viện, cơ sở Hà Nội có 58 phòng, và cơ sở Thành phố HCM có 48 phòng. Phòng làm việc của Khoa TCKT1 tại tầng 9 nhà A2, Cơ sở Hà Đông với diện tích 98,5m2, phòng làm việc Bộ môn Tài chính Kế toán Khoa Quản trị kinh doanh 2 tại phòng 2B17 khu nhà B với diện tích 90 m2 [H9.09.01.02]. Khu vực làm việc tại số 122 Hoàng Quốc Việt và Cơ sở Hà Đông của Học viện có bố trí phòng làm việc của hội đồng, ban giám đốc, các đơn vị chức năng, lãnh đạo khoa và các phòng sinh hoạt chung của CBGV từng khoa/bộ môn.

Học viện có 122 phòng học/hội trường, trong đó có miền Bắc là 65 phòng học và miền Nam là 57 phòng học/hội trường, trong số 122 phòng học có: 02 phòng với hơn 200 chỗ ngồi (Cơ sở Hà Nội: 1 và Cơ sở Tp Hồ Chí Minh : 1); 34 phòng học từ 100-200 chỗ ngồi (Cơ sở Hà Nội 18 và cơ sở Hồ Chí Minh: 16); 52 (Cơ sở Hà Nội 30 và cơ sở Hồ Chí Minh: 22) phòng học từ 50-100 chỗ ngồi và 34 phòng học dưới 50 chỗ ngồi (Cơ sở Hà Nội 16 và cơ sở Hồ Chí Minh: 18). Các phòng học lý thuyết là dùng chung cho tất cả các ngành đào tạo của Học viện trong đó có ngành QTKD. Học viện có 09 phòng hội trường,

hội thảo phục vụ tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo với phòng hội trường A2 có diện tích 1200 m2 đáp ứng tối đa 700 chỗ.

Học viện có 40 phòng nghiên cứu, phòng thí nghiệm, phòng, thực tập, luyên tập với tổng diện tích 9859 m2 được bố trí trong 65 tiểu phòng (Cơ sở Hà Nội có 33 tiểu phòng; Cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh có 32 tiểu phòng).

Các phòng làm việc của Học viện đều được trang bị đầy đủ máy tính cho cán bộ, giảng viên; máy photocopy, máy scan phục vụ cho công tác quản lý đào tạo; bàn ghế làm việc và các tủ tài liệu được trang bị đầy đủ theo quy chuẩn làm việc; các phòng làm việc được lắp đặt điều hoà, quạt trần, quạt treo tường đảm bảo nhiệt độ, độ ẩm cho sức khoẻ cán bộ GV. Phòng làm việc của các khoa được trang bị các tủ để chứa tài liệu, hồ sơ hoạt động của khoa với tủ đựng tư liệu, máy tính, bàn làm việc, dãy bàn dành cho hoạt động hội họp để phục vụ công tác quản lý hồ sơ, giải quyết vấn đề học vụ của khoa [H9.09.01.04].

Toàn bộ phòng học đều được trang bị thiết bị trình chiếu (máy chiếu, tivi , máy tính), các hệ thống âm thanh, bảng viết, bảng từ, bàn ghế, hệ thống đèn chiếu sáng (102 trang thiết bị) đáp ứng tiêu chuẩn thiết kế phòng học theo quy định của Nhà nước. 100% phòng học đều được trang bị điều hoà không khí và thông gió phù hợp cho các hoạt động đào tạo [H9.09.01.05]. Tuy nhiên, một số phòng học ở Cơ sở Học viện tại TP. HCM chưa được trang bị điều hoà không khí.

Căn cứ nhu cầu về trang bị CSVC, sửa chữa công cụ dụng cụ hằng năm; yêu cầu của CTĐT ngành Kế toán; kết quả rà soát, đánh giá chất lượng các trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ của Học viện, các đơn vị lập kế hoạch công việc, kinh phí, kế hoạch mua sắm công cụ dụng cụ, đầu tư trang thiết bị hàng năm, đề xuất thay thế các trang thiết bị cũ đáp ứng cho nhu cầu nghiên cứu và đào tạo gửi phòng Kế hoạch Đầu tư để tổng hợp, báo cáo giám đốc học viện giao kế hoạch kinh phí đầu tư cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, công cụ dụng cụ hàng năm [H9.09.01.06].

Trong giai đoạn 2017-2022, CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học của học viện đã được cải tiến như: cải tạo khu làm việc của ban giám đốc tại nhà A1; trang bị hệ thống trang âm cho phòng họp Hội đồng KHCN và phòng hội thảo tại tầng 2, nhà A1; cải tạo nâng cấp khu làm việc của các khoa, phòng, trung tâm; đầu tư một số phòng LAB hiện đại (Lab 4G, Lab AI, Lab Viễn thông FPT, ...); xây dựng cổng Học viện tại cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh ở khu vực Quận 1; ngầm hoá hệ thống dây điện ở cơ sở Hà Nội; mở rộng sân thể thao bóng chuyền, bóng rổ; nhà để xe sinh viên; sửa chưa nhà ăn tại Cơ

sở Hà Đông; … Học viện có 01 sân bóng chuyền, 01 sân bóng đá, có 01 sân bóng rổ. Ký túc xá SV của Học viện: tại cơ sở Hà Nội với 03 tòa nhà (B1, B2, B5) có tổng diện tích sàn xây dựng là 7.012m2, có 156 phòng ở; tại cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 3.516 m2 với 102 phòng ở và khu 5C với diện tích 1.404 m2 với 54 phòng ở chất lượng cao [H9.09.01.07].

Nhằm tăng cường trang thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH, Học viện làm việc với các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp để thu hút nguồn tài trợ từ phía các doanh nghiệp trong việc xây dựng các phòng Lab và tài trợ các phòng máy tính cho Học viện [H9.09.01.08]. Giai đoạn 2017-2022, Học viện đã nhận 775.000 USD từ nguồn tài trợ của các tập đoàn quốc tế (Motorola, Samsung, Asean-Ivo, Naver, Qualcom; 17.859 triệu đồng từ nguồn tài trợ của các tập đoàn, doanh nghiệp trong nước (Tập đoàn Công nghiệp viễn thông Viettel, Công ty Cổ phần Viễn thông FPT-Telecom, Công ty Cổ phần Lumi Viêt Nam, Công ty Cổ phần Công nghệ mạng LANCS Việt Nam).

2. Điểm mạnh

Học viện có mối quan hệ truyền thống, gắn bó chặt chẽ với các doanh nghiệp, tập đoàn lớn nên thường xuyên nhận được sự hỗ trợ trong việc tăng cường các nguồn lực về trang thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH.

3. Điểm tồn tại

Một số phòng học ở cơ sở phía Nam chưa được trang bị điều hoà không khí.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2023-2024, Phòng Kế hoạch đầu tư triển khai việc bổ sung đủ các trang thiết bị cho phòng học, đặc biệt là trang bị điều hòa không khí cho cơ sở phía Nam.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện có hai thư viện tại Cơ sở đào tạo Hà Đông và Cơ sở đào tạo Thành phố HCM tại Quận 9 - Tp. Hồ Chí Minh (gọi tắt là Thư viện Học viện cơ sở) phục vụ cán bộ, GV, SV trong toàn Học viện

- Thư viện Học viện tại cơ sở Hà Đông, Thành phố Hà Nội đặt tại tầng 1 nhà A3 có tổng diện tích 825m^2 gồm 04 phòng, bao gồm: 01 phòng đọc, 01 phòng mượn sách, 01 kho sách và 01 phòng làm việc của cán bộ. Thư viện có 03 cán bộ, trong đó có 02 cán

bộ có trình độ đại học chuyên ngành Thông tin -Thư viện và 01 cán bộ được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ về thư viện và có chứng chỉ cơ sở về Thư viện viên [H9.09.02.01]. Các khu vực của Thư viện được bố trí liên hoàn nhau; phòng đọc, kho sách tổ chức theo chuẩn thư viện và có phòng đọc, phòng mượn dành cho GV, SV riêng biệt và được phân chia cụ thể:

+ Khu vực sảnh với diện tích 66,5 m^2 có chứa 02 máy tra cứu và khu vực chờ, có các tủ gửi đồ để bạn đọc đến gửi đồ trước khi vào phòng đọc, mượn; có khu vực quầy thủ thư dành cho 2 phòng đọc và mượn có diện tích 21 m^2.

+ Kho sách Mở diện tích 56 m^2, là nơi bạn đọc vào tự chọn sách tại các giá sách; kho mượn diện tích 56,5 m^2 được tổ chức kho đóng, bạn đọc mượn sách về nhà qua thủ thư.

+ Khu vực học nhóm của bạn đọc có diện tích 22 m^2 được bố trí riêng để thuận tiện cho việc học nhóm.

+ Khu vực đọc sách có diện tích 189,5 m2 được bố trí các bàn, ghế ngồi và khu vực đa phương tiện với 24 máy tính để bàn dành cho bạn đọc tra cứu và sử dụng các tài liệu trên mạng. Tuy nhiên, so với qui mô đào tạo của Học viện thì diện tích Thư viện chưa được đầu tư đúng mức, phòng đọc chật, thiếu chỗ ngồi vào thời điểm trước các kỳ thi khi SV có nhu cầu mượn sách cao.

Thư viện Học viện cơ sở tại Tp. HCM có diện tích 893m2, gồm 04 phòng: 01 phòng đọc, 01 phòng mượn, 01 phòng kho và 01 phòng làm việc của cán bộ. Thư viện Học viện tại Tp. HCM hiện có 2 cán bộ đều có trình độ đại học, thạc sĩ và có chuyên môn nghiệp vụ về thư viện [H9.09.02.02].

- Thư viện được tổ chức đủ hai bộ phận riêng biệt là bộ phận nghiệp vụ và bộ phận phục vụ. Bộ phận phục vụ với hai hệ thống phòng: phòng đọc mở và phòng mượn. phòng đọc mở có sức chứa khoảng 150 SV trong cùng một thời điểm, phòng mượn mỗi ngày có thể phục vụ khoảng 200 SV, ngày cao điểm khoảng 300 SV cùng lúc. Ngoài ra, Thư viện còn có kho lưu và phòng xử lý nghiệp vụ với tổng diện tích 50m^2 để cán bộ thu nhận tài liệu, xử lý và lưu kho.

Diện tích của hai thư viện khá nhỏ so với qui mô đào tạo của Học viện, diện tích phòng đọc của thư viện chưa đủ rộng, còn thiếu chỗ ngồi đáp ứng cho nhu cầu của SV, đặc biệt vào thời điểm trước mỗi kỳ thi.

Hệ thống quản lý thư viện thực hiện bằng phần mềm, nguồn thông tin tư liệu được tổ chức phân loại theo chuẩn quốc tế, việc quản lý lưu hành (mượn, trả tài liệu), hồ sơ độc giả được cập nhật thường xuyên và quản lý bằng mã vạch. Thư viện Học viện tại cơ sở Hà Đông, Thành phố Hà Nội được đầu tư phần mềm quản trị thư viện tích hợp Libol 6.0 và Thư viện cơ sở Tp. HCM sử dụng phần mềm quản trị thư viện Hilib 6.0 để xử lý và quản lý tài liệu. Thư viện của cả 02 cơ sở dùng chung phần mềm mã nguồn mở Dspace và đượckết nối với nhau qua phần mềm Thư viện điện tử Libol 6.0 và phần mềm Thư viện số Dspace [H9.09.02.03]. Hiện nay, các CSDL của thư viện với 8.096 biểu ghi đã được đưa lên mạng Lan và mạng Internet để NH tra cứu và sử dụng tại địa chỉ https://portal.ptit.edu.vn/tttv/.

Học viện đã ban hành các văn bản, quy định hướng dẫn quản lý và sử dụng thư viện trong đó có:

- Nội quy thư viện qui định giờ phục vụ thư viện được treo tại sảnh lối vào thư viện [H9.09.02.04]: Thư viện mở cửa buổi sáng từ 8h00' -12h00' và buổi chiều từ 13h00' đến 17h00' các ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu; đóng cửa vào thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ, Tết. Riêng vào mùa thi thư viện mở cửa đến 21h00' và cả ngày thứ Bảy.

- Quy định về quản lý và cung cấp Học liệu có hướng dẫn về việc mượn và trả sách đối với SV [H9.09.02.05].

- Quy định về tổ chức kho tài liệu và qui định về qui trình xử lý tài liệu [H9.09.02.06].

Trang thiết bị phục vụ triển khai nghiệp vụ công tác thư viện (bàn ghế, máy tính, thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, pho tô coppy, ...) được Học viện đầu tư đồng bộ và chi tiết tại Bảng kiểm kê tài sản Học viện về trang thiết bị thư viện tại thời điểm 31/12/2021 **[H9.09.02.07]**.

Nguồn tài nguyên thông tin của thư viện bao gồm cả tài liệu in ấn, cơ sở dữ liệu điện tử, tài liệu điện tử (E-book) và các bộ sưu tập số, có nhiều tài liệu chuyên ngành đặc thù về thông tin và truyền thông, đặc biệt là các loại tài liệu sách, tạp chí ngoại văn chuyên ngành. Tổng số tài liệu về bản giấy là 11.406 nhan đề tài liệu với 93.725 bản, (Thư viện cơ sở Hà Nội có 6.882 nhan đề tài liệu, 57.901 bản sách; Thư viện cơ sở Tp. HCM có 4.524 nhan đề sách; 35.824 bản sách); Về tài liệu điện tử, hiện Thư viện có 2.119 E-book, 01 CSDL Ebrary Academic Complete với 130.000 đầu sách thuộc các chủ đề KHCN -

kỹ thuật - tự nhiên và xã hội. Về bộ sưu tập số, Thư viện đã xây dựng các bộ sưu tập nội sinh bao gồm 1.921 giáo trình, bài giảng, tóm tắt các luận văn, luận án, đề tài NCKH, ... [H9.09.02.08].

Tài liệu trong diện bổ sung của thư viện đều dựa trên danh mục các tài liệu được đề cập trong ĐCHP trong CTĐT ngành QTKD đã được ban hành và cập nhật thường xuyên [H9.09.02.09] và giáo trình, bài giảng do GV Học viện biên soạn đáp ứng các HP trong CTĐT ngành QTKD. Toàn bộ bài giảng, giáo trình của Học viện sau khi nghiệm thu được xuất bản dưới dạng bản giấy và học liệu điện tử để đưa lên Thư viện số, đảm bảo phục vụ đầy đủ cho các chuyên ngành đào tạo của Học viện, trong đó có học liệu điện tử ngành QTKD [H9.09.02.10].

Học viện đặc biệt chú trọng đến việc phát triển tài liệu nội sinh bao gồm các giáo trình, bài giảng, đề tài NCKH, luận văn, luận án, ... của các GV, cán bộ, học viên thạc sỹ, tiến sỹ học tập tại Học viện [H9.09.02.11]. Tính đến thời điểm 31/12/2022, nguồn tài liệu nội sinh của Học viện gồm có 120 luận án tiến sỹ, 2.776 luận văn thạc sỹ, 2.664 đồ án/khóa luận tốt nghiệp đại học đã được cập nhật, đồng thời tiếp nhận một số đề tài NCKH đã được tổ chức nghiệm thu.

Việc biên soạn, phát hành và bổ sung giáo trình, tài liệu học tập được thực hiện theo Quy định về việc biên soạn, phát hành và bổ sung giáo trình, tài liệu học của Học viện ban hành theo Quyết định 249/QĐ-HV ngày 30/3/2017 [H9.09.02.12].

Thư viện Học viện đã tham gia các tổ chức, liên hiệp trong và ngoài nước để thiết lập các chính sách trao đổi, nhận biếu tặng tài liệu [H9.09.02.13], cụ thể Học viện là thành viên chính thức của Quỹ Châu Á; thành viên CLB các trường đại học kỹ thuật; thư viện Học viện đã tham gia vào Consortium và được chia sẻ nguồn tài nguyên điện tử phục vụ cho đào tạo và NCKH. Hàng năm thư viện được nhận tài trợ là các sách ngoại văn phù hợp với các chuyên ngành đào tạo của Học viện. Hằng năm, Thư viện được nhận tài trợ là các sách ngoại văn phù hợp với các chuyên ngành đào tạo của Học viện và từ các cơ quan trong và ngoài nước, các tổ chức phi chính phủ [H9.09.02.14].

Kế hoạch đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến được Học viện triển khai hằng năm. Vào đầu năm, Phòng QLKHCN&HTQT phối hợp với các khoa lập kế hoạch và dự trù kinh phí bổ sung tài liệu cho thư viện; bổ sung trang thiết bị TN-TH để đáp ứng việc dạy - học các CTĐT và NCKH ngành QTKD. Phòng Kế hoạch - Đầu tư tập hợp đăng ký của

các đơn vị để trình Lãnh đạo Học viện ban hành Quyết định giao chỉ tiêu công việc, kinh phí chung cho toàn Học viện trong đó có nội dung bổ sung nguồn học liệu cho thư viện [H9.09.02.15]. Đồng thời, các phần mềm quản lý thư viện (phần mềm Thư viện điện tử Libol 6,0, phần mềm Quản lý tài nguyên số Dspace, ...) được bảo trì thường xuyên để đảm bảo hiệu quả khai thác nguồn tài nguyên thư viện của CBGV và NH [H9.09.02.16].

Trong chu kỳ KĐCLGD, Học viện đã đầu tư mới, bảo trì các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng với tổng số tiền là 1324 triệu đồng để mua bổ sung sách, cập nhật giáo trình, tài liệu tham khảo cho các CTĐT của Học viện (năm 2018: 125 triệu đồng; năm 2019: 214 triệu đồng; năm 2020: 164 triệu đồng; năm 2021: 456 triệu đồng; năm 2022: 452 triệu đồng). Tuy nhiên, số lượng kinh phí chi để mua bổ sung sách, cập nhật giáo trình, tài liệu tham khảo cho các CTĐT của Học viện chiếm tỷ lệ nhỏ (đã chi 1.006 triệu đồng, chiếm 0,07%, theo cơ cấu chi - Bảng cơ cấu thu, chi của Học viện từ năm 2017 đến năm 2022).

Giai đoạn 2017-2022, Thư viện đã được bổ sung 641 đầu giáo trình, tài liệu tham khảo với 3.647 bản (Các hợp đồng: số 52/HĐKT – 2018 - HVCNBCVT - CDIMEX - 1 ngày 15/8/2018; số 1161/HĐKT -2018 ngày 24/12/2018; số 51/HĐKT - 2019 - HVCNBCVT - CDIMEX - 1 ngày 24/9/2019; số 07/2019/HĐMBS, ...), trong đó, ngành Quản trị kinh doanh được bổ sung 118 đầu sách/208 bản. Đến thời điểm hiện tại Nguồn học liệu phục vụ cho ngành QTKD trong Thư viện Trường hiện có 122 đầu sách, bao gồm 49 đầu giáo trình; 73 đầu tài liệu tham khảo.

Thư viện có sổ theo dõi bạn đọc vào mượn, trả tài liệu [H9.09.02.17] và theo thống kê lượt bạn đọc hàng năm qua các kênh như phần mềm thư viện điện tử, thông báo của nhà cung cấp CSDL điện tử, sổ nhật ký theo dõi tại thư viện và cho thấy số lượng bạn đọc sử dụng thư viện trung bình là 2.481 lượt người/tháng. Trong giai đoạn 2018-2022 có 145.711 lượt bạn đọc sử dụng sử dụng thư viện điện tử, trong đó 3.986 lượt NH ngành QTKD [H9.09.02.18].

Hàng năm, Thư viện tổ chức ngày Sách và Văn hóa đọc để quảng bá Thư viện và nâng cao văn hóa đọc trong CB, GV, NH [H9.09.02.19].

Học viện quan tâm đến chất lượng phục vụ bạn đọc, định kỳ hàng năm, thư viện tổ chức lấy ý kiến của bạn đọc qua hộp thư góp ý, phiếu điều tra thăm dò ý kiến độc giả về nhu cầu đọc, mức độ đáp ứng về tài liệu, phong cách làm việc của cán bộ thư viện để từ

đó nâng cao chất lượng phục vụ của của thư viện. Đồng thời hằng năm, Học viện đã đã tiến hành khảo sát ý kiến SV về mức độ đáp ứng nhu cầu bạn đọc của Thư viện [H9.09.02.20]. Kết quả khảo sát cho thấy SV khá hài lòng về Thư viện của Học viện, Chẳng hạn như, năm 2020 khi thực hiện khảo sát CB, GV về điều kiện môi trường làm việc tại Học viện đã có nội dung khảo sát về Thư viện, theo đó với câu hỏi "Thư viện và các nguồn tài liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu" có 82 % CB, GV trả lời hài lòng và rất hài lòng; có 87,5 % SV trả lời hài lòng và rất hài lòng với câu hỏi "Thư viện có đủ tài liệu tham khảo cho các môn học" là kết quả khảo sát SV về công tác đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người học năm 2020.

Có thể khẳng định, hệ thống thư viện của Học viện từng bước được đầu tư hiện đại, tiếp cận với các tiêu chuẩn nghiệp vụ tiên tiến, phù hợp với lộ trình phát triển chung của hệ thống thư viện đại học trong nước và khu vực, đồng thời đáp ứng đầy đủ những yêu cầu cơ bản cho các chuyên ngành đào tạo của Học viện, nhu cầu của GV và NH.

2. Điểm mạnh

Tài liệu nội sinh của Học viện đã được xây dựng khá đầy đủ, đáp ứng tốt những yêu cầu cơ bản cho các chuyên ngành đào tạo của Học viện, nhu cầu của GV và NH.

3. Điểm tồn tại

So với qui mô đào tạo của Học viện thì diện tích phòng đọc của thư viện nhỏ, thiếu chỗ ngồi cho SV vào thời điểm trước mỗi kỳ thi.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Phòng Kế hoạch - Đầu tư lập kế hoạch phương án để mở rộng diện tích thư viện của cả hai cơ sở đào tạo.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trong giai đoạn 2017-2022, căn cứ chiến lược phát triển Học viện và yêu cầu công tác chuyển đổi số ngành Thông tin và Truyền thông, Học viện xây dựng và thực hiện kế hoạch đầu tư CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành (TN-TH) được đầu tư, trang bị đầy đủ các trang thiết bị với mục tiêu nâng cao chất lượng dạy và học, gắn liền giữa lý thuyết và thực hành:

- Học viện có 40 Phòng thí nghiệm/thực hành được bố trí trong 65 phòng với tổng diện tích là 4819 m^2, bao gồm 33 phòng ở Bắc (Phòng thực hành Naver; Phòng Thực hành Quay phim chụp ảnh; Phòng thực hành mạch điện tử số; Phòng thực hành thực hành xử lý tín hiệu; phòng thực hành mạch điện số; phòng thực hành mạch điện tử; phòng thực hành công nghệ điện tử phần mềm 2; phòng thử nghiệm thực hành an ninh mạng 1, 2; phòng thực hành hệ thống thông tin 1, 2; phòng thực hành đa phương tiện 1, 2; phòng thực hành công nghệ phần mềm 1, 2, 3; phòng thực hành an ninh mạng; phòng thực hành toán ứng dụng; phòng thực hành samsung; phòng thực hành vật lý 1-5; phòng thực hành thông tin di động; phòng thực hành truyền dẫn ghép kênh; phòng mô phỏng 1, 2, 3; phòng thực hành thông tin vo tuyến; phòng thực hành 4 G Viettel; phòng thực hành FPT) và 32 phòng ở miền Nam (Phòng thực hành vật lý 1-5; phòng thực hành an toàn thông tin; phòng thực hành đa phương tiện 2; phòng thực hành đồ họa; phòng studio; phòng thực hành máy vi tính 1, 2, 3; phòng thực hành mạng máy tính và truyền thông; phòng thực hành công nghệ phần mềm; phòng thực hành hệ thống thông tin; phòng thí nghiệm thực hành điện; phòng thí nghiệm thực hành điện tử tương tự; phòng thí nghiệm thực hành điện tử số; phòng thí nghiệm thông tin vô tuyến; phòng thí nghiệm thực hành mở…) [H9.09.03.01].

- Ngoài ra, với sự tài trợ của các doanh nghệp, Học viện đã đầu tư các phòng Lab bao gồm: Phòng LAB học máy và ứng dụng, phòng LAB Toán ứng dụng và tính toán, phòng LAB Hệ thống vô tuyến và ứng dụng, phòng LAB viễn thông, phòng LAB thông tin vô tyến, phòng LAB Samung, phòng LAB Block Chain, phòng LAB 4G Viettel, phòng LAB Naver, phòng LAB Viễn thông FPT và hệ thống các phòng LAB An toàn thông tin [H9.09.03.02]. SV ngành QTKD chủ yếu sử dụng các phòng TN-TH để học và thi các HP tiếng Anh, Tin học cơ cở trong CTĐT.

Ngoài việc sử dụng các phòng thí nghiệm thực hành để SV ngành Kế toán học các học phần về tin học trong CTĐT, GV Khoa TCKT còn sử dụng phòng Lab của học viện để phục vụ giảng dạy các môn học có liên quan đến ứng dụng phần mềm các chuyên ngành kế toán ACCA; sử dụng chung các phòng thực hành máy tính: 501, 503, 507, 511, 601, 603, 611 tại nhà A3 [H9.09.03.03].

Ngoài các phòng thực hành truyền thống, năm 2020, nền tảng thực hành thông minh PTIT- DLab được Học viện triển khai, áp dụng cho các môn học thực hành của CTĐT và hệ thống có thể đáp ứng lưu lượng cho 15.000 SV tham gia thực hành trong cùng thời điểm [H9.09.03.04].

Trong chu kỳ KĐCL, Học viện luôn quan tâm đến việc huy động các nguồn tài trợ từ các doanh nghiệp, tập đoàn lớn của ngành Thông tin và Truyền thông trong việc đầu tư các phòng Lab, các trang thiết bị phục vụ công tác TN-TH. Các phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị đầy đủ các trang thiết bị như máy tính, wifi, máy chiếu, máy in, màn chiếu, thiết bị điện tử, phần mềm mô phỏng, bàn ghế làm việc, ... phục vụ đào tạo và NCKH. Trang thiết bị của các phòng TN-TH được mô tả chi tiết tại Báo cáo các điều kiện ĐBCL của Học viện tại Đề án tuyển sinh hàng năm và được đăng tải trên website Học viện [H8.08.01.03], cụ thể:

- Phòng thí nghiệm vật lý được trang bị các thiết bị thí nghiệm vật lý về khảo sát điện trường biến thiên; hiện tượng giao thoa ánh sáng và máy tính; hiện tượng nhiễu xạ ánh sáng và máy tính; chuyển động của điện tử trong điện từ trường; hiện tượng phân cực ánh sáng và máy tính; ...

- Phòng thực hành An toàn thông tin được trang bị: Máy tính, wifi, Switch 24 port; Smart Tivi Samsung 55 inch UA55K5500; HT cáp mạng LAN, Thiết bị Web Application Firewall Fortinet FortiWeb 400C (USA); Thiết bị Firewall Fortinet Fortigate 500D; Phần mềm ảo hóa máy chủ VMware vSphere 6; Phần mềm InsightUBA (formerly UserInsight); Phần mềm NXEXPP256 - NEXPOSE EXPRESS PERPETUAL LICENSE (256 IPs); Phần mềm dò quét lỗ hổng bảo mật Website Acunetix Vulnerability Scanner phiên bản Enterprise Edition; McAfee Network Security IPS-VM100 Virtual Software; Phần mềm COSEINC Automated Malware Analysis Lab (CAMAL); Thiết bị máy chủ quản trị hệ thống: Fujitsu RX2540 M2; Hệ thống phòng chống tấn công AntiDDoS: Fortinet FortiGate 600D; Hệ thống quản lý Log và phân tích sự kiện an ninh (SIEM) - McAfee Enterprise Security, Enterprise Log Manager and Event Receiver 5700 Combination (ETM-5700-ELM); Hệ thống Sandbox phân tích và phát hiện các tấn công ATP; Hệ thống giả lập tấn công hệ thống mạng: Ixia PerfectStorm ONE.

- Phòng thực hành công nghệ phần mềm, hệ thống thông tin, trí tuệ nhân tạo được trang bị máy tính, các thiết bị nhúng, các phần mềm để GV xây dựng các bài TN-TH đào tạo công nghệ, an toàn thông tin.

Ngoài các trang thiết bị CNTT, các phòng LAB được trang bị đồng bộ về các hệ thống nguồn, PCCC, chiếu sáng, điều hoà, bàn ghế, ... để phục vụ các quy mô từ 20 đến 50 người sử dụng trong cùng thời điểm [H9.09.03.05]:

- Phòng LAB rà quét lỗ hổng ATBM - LAB An toàn thông tin: Máy tính, server, Phần mềm dò quét lỗ hổng bảo mật Website Acunetix Vulnerability Scanner phiên bản Enterprise Edition; Phần mềm InsightUBA (formerly UserInsight); Phần mềm NXEXPP256 - NEXPOSE EXPRESS PERPETUAL LICENSE (256 IPs); McAfee Network Security IPS-VM100 Virtual Software; Phần mềm COSEINC Automated Malware Analysis Lab (CAMAL).

- Phòng LAB giả lập tấn công ATBM - LAB An toàn thông tin: Máy tính, server , Thiết bị máy chủ quản trị hệ thống: Fujitsu RX2540 M2, Hệ thống phòng chống tấn công AntiDDoS: Fortinet FortiGate 600D, Hệ thống giả lập tấn công hệ thống mạng: Ixia PerfectStorm ONE, ….

- Phòng LAB phân tích mã độc - LAB An toàn thông tin: Máy tính, server, Hệ thống quản lý Log và phân tích sự kiện an ninh (SIEM) - McAfee Enterprise Security; Enterprise Log Manager and Event Receiver 5700 Combination (ETM-5700-ELM; Hệ thống Sandbox phân tích và phát hiện các tấn công ATP; …

Để nâng cao chất lượng hướng dẫn TN-TH, năm 2018 Học viện đã bổ sung các phòng LAB An toàn thông tin; năm 2020, dự án tài trợ của Tập đoàn Công nghiệp và Viễn thông Quân đội Viettel trang bị phòng LAB 4G với giá trị trên 5 tỷ; năm 2021, dự án tài trợ LAB AI của Tập đoàn NAVER trị giá 3 tỷ [H9.09.03.06].

Với hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành chuyên ngành và các phòng Lab được trang bị đủ các trang thiết bị, phần mềm đảm bảo đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH của GV, NH các CTĐT tại Học viện, trong đó có ngành QTKD.

Hàng năm, Trung tâm TNTH phối hợp với các khoa lập kế hoạch đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ TNTH gửi Phòng Kế hoạch - Đầu tư để tổng hợp trình giám đốc ban hành quyết định giao kế hoạch và kinh phí thực hiện việc bảo trì, nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng các máy móc, trang thiết bị hàng năm [H9.09.03.07]. Trong giai đoạn 2018-2022, Học viện chi cho sửa chữa máy móc trang thiết bị: 3140 triệu đồng (Năm 2021:167 triệu đồng; năm 2020: 2609 triệu đồng; năm 2019 : 203 triệu đồng; 2018: 161 triệu đồng) và chi cho mua sắm CCDC, tài sản, TTB mới: 23.478 triệu đồng (Năm 2022: 3149 triệu đồng; năm 2021: 4955 triệu đồng; năm 2020: 5223 triệu đồng; năm 2019: 6237 triệu đồng; 2018: 3865 triệu đồng).

Tình trạng của các trang thiết bị phục vụ TN-TH như: đang hoạt động/ đang sử dụng, đang hư hỏng hoặc không có nhu cầu sử dụng, … được ghi nhận, đánh dấu vào

biên bản kiểm kê tài sản hàng năm, làm cơ sở cho việc đề nghị thanh lý tài sản, hay lập kế hoạch mua sắm máy móc thiết bị, bổ sung dụng cụ, sửa chữa nhà cửa vật kiến trúc/hệ thống kỹ thuật, trong biên bản xác định cụ thể nguyên giá, giá trị còn lại của từng trang thiết bị tại phòng TN-TH [H9.09.03.08]. Tuy các trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành được duy tu, bảo dưỡng và nâng cấp hàng năm, nhưng vẫn còn 267 máy tính tại các phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị từ trước năm 2015, nên cấu hình không đáp ứng được việc sử dụng các chương trình phần mềm có dung lượng lớn.

Với mục tiêu nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác các trang thiết bị TN-TH, Học viện thành lập Trung tâm TN-TH tại cơ sở Hà Đông [H9.09.03.09], ban hành Quy định quản lý và hướng dẫn TN-TH theo Quyết định 233/QĐ-HV ngày 04/02/2018 của Giám đốc Học viện [H9.09.03.10] và Quy định tạm thời về hoạt động của phòng thí nghiệm chuyên sâu [H9.09.03.11]. Trung tâm TN-TH được bố trí 7 cán bộ, có 02 cán bộ là GV giảng dạy thực hành và 5 kỹ thuật viên có chuyên môn được đào tạo phù hợp để quản lý các máy móc, trang thiết bị của Trung tâm TN-TH [H9.09.03.12]. Đối với các phòng TN-TH tại cơ sở Thành phố HCM, Học viện giao cho các khoa 2 quản lý và trực tiếp đội ngũ cán bộ kỹ thuật, GV của khoa vận hành, nhưng vẫn phải tuân thủ theo quy định quản lý và hướng dẫn TN-TH học viện ban hành.

Tại các phòng TN-TH, các máy móc, thiết bị đều được dán mã quản lý; có bảng hướng dẫn sử dụng và các nguyên tắc an toàn, xử lý sự cố trong thực hành, thí nghiệm; có sổ sách mượn - trả, theo dõi, ghi nhận hiện trạng cũng như tần suất sử dụng; nhật ký ra vào phòng TN-TH [H9.09.03.13]. GV và SV phải tuân thủ các quy khi vào học tập hay NCKH, đồng thời phải ghi nhật ký sử dụng trước và sau khi sử dụng. Để đánh giá hiệu quả sử dụng, hằng năm Học viện có báo cáo công tác rà soát thực trạng CSVC của Học viện và qua nhật ký sử dụng phòng TN-TH cho thấy các phòng TN-TH được khai thác và sử dụng có hiệu quả.

2. Điểm mạnh

Học viện có hệ thống phòng Lab chuyên sâu được đầu tư với các trang thiết bị hiện đại như phòng Lab ATTT, Samsung, Naver và 4G-Viettel.

3. Điểm tồn tại

Một số máy tính trong phòng TN-TH được trang bị từ trước năm 2015, nên cấu hình không đáp ứng được việc sử dụng các chương trình phần mềm có tốc độ xử lý và dung lượng lớn.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2023, Trung tâm TN-TH lập kế hoạch bổ sung trang thiết bị mới để Học viện đầu tư, mua mới thay thế máy tính đã cũ trong các phòng thí nghiệm, thực hành.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện đã ban hành Chiến lược phát triển Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông giai đoạn 2021 - 2025 tầm nhìn 2030 [H1.01.01.10], trong đó có đề cập đến những nội dung về xây dựng hệ thống CNTT như: Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng máy tính và hệ thống an toàn thông tin đáp ứng yêu cầu các hoạt động trong giai đoạn chuyển đổi số; tăng cường phát triển hệ thống mạng Internet băng thông rộng đặc biệt là hệ thống Wifi phủ sóng toàn Học viện; Tập trung phát triển hạ tầng kết nối Internet vạn vật, xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng của Học viện; xây dựng CSDL tích hợp trên cơ sở liên thông và đồng bộ các hệ thống CSDL hiện có từ các ứng dụng CNTT trong Học viện; đầu tư nền tảng và triển khai hệ thống ERP trong Học viện; đầu tư nền tảng và triển khai xây dựng hệ thống kết nối SV, GV và các tổ chức trong Học viện theo mô hình mạng xã hội nội bộ.

Học viện xây dựng phương án ứng dụng CNTT để phát triển và hoàn thiện hệ thống thông tin phục vụ cho việc nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ. Trong đó:

(1) Về cơ sở hạ tầng: giải pháp đầu tư máy chủ để nâng cao khả năng quản lý nhiều dịch vụ khác nhau và lưu trữ CSDL; các thiết bị mạng, hệ thống máy tính, mạng Wifi, nâng cấp hệ thống sao lưu dữ liệu, đầu tư mới để nâng cao tính bảo mật của hệ thống và giúp phục hồi dữ liệu nhanh chóng;

(2) Về giải pháp phần mềm: xây dựng được hệ thống thông tin tích hợp với mô hình dữ liệu quản lý tập trung, hướng đến mô hình đại học số hóa; trang bị phần mềm QLĐT; phần mềm QTKD; phần mềm quản lý thư viện...; thống Email để quản lý và chia sẻ các thông tin đến các BLQ; sử dụng Google Drive làm kho lưu trữ, quản lý, chia sẻ thông tin, minh chứng trong các hoạt động của Học viện;

(3) Về giải pháp con người: Văn phòng và các đơn vị khác phối hợp để thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến công việc theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

Học viện có bộ phận quản trị Hệ thống và thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu , cụ thể:

(1) Văn phòng Học viện có chức năng phụ trách việc lập kế hoạch, bảo trì, nâng cấp các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng của các phòng ban, trung tâm chức năng và các khoa đào tạo tại Cơ sở phía Bắc; quản trị mạng, quản lý Data Center, hệ thống email nội bộ; đảm bảo hệ thống hạ tầng mạng nội bộ và internet cho toàn Học viện theo quy định chức năng, nhiệm vụ của văn phòng ban hành theo Quyết định 833/QĐ-HV ngày 18/11/2015 [H9.09.04.01];

(2) Trung tâm TN-TH có chức năng tham mưu và giúp giám đốc Học viện tổ chức quản lý, điều hành trong phạm vi toàn Học viện; trực tiếp triển khai công tác thực hành thí nghiệm tại cơ sở Đào tạo Hà Nội của Học viện; quản lý, vận hành và tổ chức khai thác có hiệu quả hệ thống trang thiết bị phòng thực hành thí nghiệm ban hành theo Quyết định 693/QĐ-HV ngày 01/8/2016 [H9.09.03.09];

(3) Viện CNTT và Truyền thông (CDIT) quản lý vận hành, duy trì, phát triển cổng thông tin portal.ptit.edu.vn theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện CNTT và Truyền thông và văn bản giao nhiệm vụ hàng năm [H9.09.04.02];

(4) Các khoa Công nghệ thông tin, khoa Viễn thông, khoa Kỹ thuật điện tử, khoa Cơ bản quản lý các phòng LAB chuyên sâu, phòng thực hành thông minh PTIT- DLab.

(5) HVCS tại Tp. HCM phụ trách việc quản trị mạng, đảm bảo hệ thống hạ tầng mạng nội bộ và internet cho toàn bộ HVCS; quản lý các phòng LAB, TN-TH và thực hiện sửa chữa, bảo trì, nâng cấp các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng tại Cơ sở Tp. HCM.

(6) Năm 2011, Học viện thành lập Trung tâm tích hợp dữ liệu Data Center theo Quyết định 90/QĐ-TTTV ngày 24/02/2011 [H9.09.04.03] để thống nhất quản lý toàn bộ CSDL về các lĩnh vực hoạt động của Học viện. Trung tâm thực hiện sao lưu dữ liệu tại server. Đồng thời, Học viện thành lập Tổ Ứng dụng CNTT thuộc Văn phòng Học viện nhằm thống nhất quản lý một có hiệu quả hệ thống CNTT hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH, quản lý và bảo trì các thiết bị máy chủ, thiết bị mạng và đường truyền kết nối liên thông mạng nội bộ đảm bảo hệ thống mạng của Học viện hoạt động thông suốt [H9.09.04.04].

Để quản lý hệ thống ứng dụng CNTT và đảm bảo an toàn thông tin người dùng trên hệ thống mạng, Học viện đã ban hành các văn bản, quy định như:

(1) Quy định về Nội quy diễn đàn SV ban hành theo Quyết định 264/QĐ-GV&CTSV ngày 29/4/2010 [H9.09.04.05].

(2) Quy định về hoạt động quản lý, vận hành và cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử của Học viện ban hành theo Quyết định 700/QĐ-HV, ngày 16/09/2013 [H9.09.04.06];

(3) Quy định quản lý và sử dụng mạng máy tính và truy cập Internet của Học viện công nghệ Bưu chính Viễn thông ban hành theo quyết định 720/QĐ-HV, ngày 19/09/2013 [H9.09.04.07];

(4) Quy định khai thác và sử dụng thư điện tử của cán bộ và SV trong Học viện ban hành theo Quyết định 231/QĐ ngày 12/4/2013 [H9.09.04.08];

(5) Quy định quản lý, vận hành và khai thác sử dụng Hệ thống Quản lý thông tin cán bộ Học viện ban hành theo quyết định 652/QĐ-TH ngày 30/9/2014 cùng với việc triển khai chuyển đổi hệ thống thư điện tử toàn Học viện [H9.09.04.09];

(6) Quy trình vận hành hệ thống máy chủ ảo ban hành theo quyết định 188/QĐ-HV ngày 24/3/2017 [H9.09.04.10];

(7) Quy định về cấp và sử dụng hộp thư điện tử (email) SV ban hành theo quyết định 1103/QĐ-HV ngày 06/12/2019 [H9.09.04.11];

(8) Quy định về quản lý và hướng dẫn thực hành trực tuyến các môn CNTT ban hành theo Quyết định 752/QĐ-HV ngày 21/9/2021) [H9.09.04.12];

(9) Quy định sử dụng chương trình quản lý văn bản và hồ sơ công việc tại Học viện hành theo Quyết định 410/QĐ-VPHV, ngày 11/06/2010 [H9.09.04.13].

Căn cứ văn bản nêu trên, Học viện tổ chức cung cấp các ứng dụng CNTT trên website của Học viện tại địa chỉ https://portal.ptit.edu.vn/ được cập nhật thông tin thường xuyên, là kênh thông tin để SV, CBGV Học viện cùng các BLQ tương tác với nhau, nhận, xử lý, ra quyết định liên quan đến công việc, cùng với hệ thống email nội bộ và các kênh online (Facebook và Zalo). Cổng thông tin điện tử của Học viện đã được nâng cấp 02 lần, phiên bản mới nhất đã được đưa vào sử dụng vào năm 2019.

Trong giai đoạn 2017-2022, Học viện đã đầu tư mới, bảo trì thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập… Cụ thể:

- Học viện có hệ thống CNTT hoạt động hiệu quả để cung cấp và chia sẻ các dữ liệu, thông tin gồm: 1865 máy tính phục vụ giảng dạy học tập (Cơ sở miền Bắc

1317; Cơ sở miền Nam 548), tỷ lệ bình quân tính theo NH hệ đại học chính quy là 0,09 máy tính/NH. Học viện đã đầu tư mua sắm 310 máy tính (25 tính máy xách tay), 23 máy in, 45 máy chiếu, 13 máy photo, 03 máy scan [H9.09.04.14] và tất cả các máy tính được kết nối mạng tới các đơn vị, được cài đặt với nhiều phần mềm có bản quyền và luôn cập nhật các phiên bản mới nhất. Tuy nhiên, Học viện hiện còn 860/1865 (chiếm tỉ lệ 46,11%) máy tính được trang bị từ trên 05 năm trở lên đã hết thời hạn khấu hao sử dụng, trong đó Khoa Tài chính Kế toán 1 có 4/9 máy tính (chiếm tỉ lệ 44,4%) được trang bị từ trên 05 năm trở lên, đã hết thời hạn khấu hao sử dụng.

- Hệ thống máy chủ Vmware Cluster bao gồm 12 máy chủ (Fujitsu Primergy RX2540 M1 và SAN Storage được ảo hóa với tổng tài nguyên (384 Core; 3072 Gb Memory; 16TB Storage, dùng cho toàn bộ Học viện cả miền Bắc và Nam; 202 điểm phát wifi phủ sóng các giảng đường, phòng làm việc (Cơ sở miền Bắc 103; Cơ sở miền Nam 99); 17 đường đường truyền tổng dung lượng đường truyền 5260 Mbps (Cơ sở miền Bắc 3200 Mbps; Cơ sở miền Nam 2060 Mbps). 142 mắt cam để đảm bảo an ninh bao quanh các khu vực trọng yếu của Học viện (Cơ sở miền Bắc 120; Cơ sở miền Nam 22) [H9.09.04.15].

- Học viện triển khai đồng bộ các ứng dụng CNTT vào công tác quản lý các hoạt động và hệ thống phần mềm quản lý tích hợp đã giúp Học viện tin học hóa hầu hết các hoạt động đào tạo, quản lý và NCKH [H9.09.04.16], đặc biệt là quản lý thống nhất dữ liệu về SV (tuyển sinh, KQHT,thôi học, tốt nghiệp, ...), dữ liệu về CTĐT, ĐCCT... đối với tất cả cơ sở đào tạo của Học viện tại các phần mềm: Phần mềm tuyển sinh, phần mềm xét tuyển, phần mềm tra cứu xác thực phát hiện văn bằng chứng chỉ giả do phòng Đào tạo quản lý; phần mềm quản lý học phí và phần mềm kế toán Misa do phòng Tài chính Kế toán quản lý; phần mềm thi trắc nghiệm do TTKT&ĐBCLGD quản lý; phần mềm quản lý SV edusoft, phần mềm QLĐT trực tuyến Trans do phòng Giáo vụ quản lý; Phần mềm Quản lý văn bản, phần mềm kết nối nội bộ và phần mềm quản lý quy cập internet do Văn phòng quản lý; phần mềm quản lý nhân sự do phòng TCCB-LĐ quản lý; phần mềm quản trị thư viện Libol 6.0 do Thư viện quản lý ; ... Cán bộ, GV, SV Học viện được cấp tài khoản email theo tên mềm (@ptit.edu.vn) và miễn phí khi sử dụng Internet thông qua hệ thống kết nối không dây wifi, hệ thống mạng nội bộ để truy cập vào hệ thống mạng để sử dụng các phần mềm ứng dụng, quản lý, điều hành của Học viện, để chia sẻ dữ liệu. SV Học viện được truy cập mạng wifi miễn phí tại các hội trường lớn, khu giảng đường. Một

số thời điểm, lượng SV đăng ký HP tập trung quá đông nên hệ thống đôi lúc bị quá tải, làm ảnh hưởng đến hoạt động truy cập của SV và GV.

Học viện có 03 phòng họp trực tuyến, 02 hội trường họp trực tuyến đều được trang bị hệ thống CNTT hiện đại, hệ thống máy chiếu, cầu truyền hình đảm bảo tổ chức được các hoạt động khoa học chất lượng [H9.09.04.17].

Triển khai chuyển đổi số theo mô hình "Quốc gia số thu nhỏ", Học viện đã nghiên cứu, tham khảo các định hướng, chính sách của quốc gia trong hoạt động chuyển đổi số và xây dựng phương án chuyển đổi số bám theo 3 trục của Chương trình chuyển đổi số quốc gia. Học viện cũng xây dựng các mục tiêu chuyển đổi số theo 3 trục là Quản trị số - Dịch vụ số - Xã hội số, Sau gần 1 năm từ khi quyết liệt triển khai nhiệm vụ do Bộ trưởng giao, các ứng dụng, nền tảng như PTIT-SLink; Hệ thống thực hành ảo D-Lab; Mô hình lớp học thông minh, Trung tâm điều hành số, mô hình dịch vụ công cấp 4, mạng xã hội cựu SV đã được phát triển, kết nối và dần trở thành hệ sinh thái ban đầu ở Học viện số [H9.09.04.18]. Năm 2021, Học viện đã triển khai cấp mã định danh cho SV ngay khi trúng tuyển và SV có thể truy cập vào phần mềm PTIT-Slink để phục vụ cho việc nhập học trực tuyến, tra cứu điểm, tình trạng học phí, xét duyệt học bổng, theo dõi thời khóa biểu, ... trên tất cả các thiết bị di động [H9.09.04.19].

Học viện có Kế hoạch xây dựng hệ thống CSDL tích hợp của Học viện ban hành theo Quyết định 1234/HV-KH ngày 31/12/2021 [H9.09.04.20] với mục tiêu xác lập, lưu trữ, cập nhật các số liệu về các lĩnh vực hoạt động của Học viện một cách khoa học, đồng bộ.

Từ năm 2020, trước tình hình dịch Covid bùng phát, Học viện đã triển khai hoạt động giảng dạy - học tập trực tuyến được thực hiện qua phần mềm TranS và hệ thống hỗ trợ học tập thông qua hệ thống quản lý học tập trực tuyến - LMS [H9.09.04.21]. Đồng thời, Học viện triển khai nền tảng thực hành thông minh PTIT-DLab giúp SV có thể thực hành trực tuyến qua mạng [H9.09.04.22]. Do mới đưa vào sử dụng nên trong một số thời điểm, lượng SV đăng ký HP tập trung quá đông nên hệ thống đôi lúc bị quá tải, làm ảnh hưởng đến hoạt động truy cập của SV và GV.

Học viện có các phòng Lab an toàn thông tin được trang bị các thiết bị đồng bộ, hiện đại phục vụ hoạt động đào tạo trực tuyến, thi trực tuyến, giảng dạy E-learning, tập huấn các ứng dụng CNTT cho GV và NH [H9.09.03.05].

Học viện triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật cho hệ thống CNTT như xây dựng quy trình bảo trì hệ thống mạng, máy tính, thiết bị CNTT, xây dựng kế hoạch rà soát đánh giá hạ tầng CNTT toàn Học viện và thực hiện rà soát đánh giá hạ tầng CNTT hàng năm, mạng LAN của Học viện được chia theo các phân khu theo chức năng để nâng cao tính bảo mật, mỗi tầng toà nhà được trang bị Wifi có bảo mật để CB, GV, NV và SV sử dụng; các phần mềm của Học viện có cơ chế xác thực và phân quyền cho mỗi CB, GV, NV và SV tài khoản để đăng nhập các phần mềm; Ban biên tập Website quản lý và bảo mật tài khoản và mật khẩu cổng thông tin điện tử. Các chính sách, thủ tục bảo mật và an toàn đối với hệ thống CNTT được quán triệt, phổ biến tới toàn thể CB, GV, NV và SV thông qua hệ thống email nội bộ của Học viện và trang thông tin điện tử và trong chu kỳ KĐCLGD không xảy ra hiện tượng mất dữ liệu trong hệ thống ứng dụng CNTT Học viện.

Các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập của Học viện được rà soát đánh giá hiệu quả đầu tư hằng năm. Vào cuối mỗi năm, phòng Tài chính Kế toán phối hợp cùng các đơn vị thực hiện công tác kiểm kê tài sản, trang thiết bị, công cụ dụng cụ trong toàn Học viện. Các đơn vị phải báo cáo và giải trình đối với các tài sản hư hỏng, mất mát. Hội đồng kiểm kê tài sản sẽ xác định tỉ lệ mới còn lại của các thiết bị. Sau khi hoàn thành kiểm kê, Tổ kiểm kê và đại diện lãnh đạo của đơn vị được kiểm kê cùng ký xác nhận vào biên bản kiểm kê. Biên bản sẽ được sử dụng để tổng hợp số liệu báo cáo Lãnh đạo Học viện và phục vụ công tác bảo trì, sửa chữa, mua sắm và đầu tư mới của năm tiếp theo [H9.09.04.23].

Hàng năm, các đơn vị có nhu cầu sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, đăng ký mua sắm các phương tiện dạy và học, trang thiết bị CNTT, phần mềm quản lý,... lập kế hoạch gửi về Học viện qua phòng Kế hoạch - Đầu tư. Theo đó, phòng Kế hoạch - Đầu tư lập kế hoạch đảm bảo CSVC tổng thể cho toàn Học viện để trình Giám đốc phê duyệt. Trên cơ sở kế hoạch được ban hành, phòng Kế hoạch - Đầu tư phối hợp với các phòng ban chức năng liên quan có trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu tư vấn, thi công xây lắp các hạng mục công trình theo đúng kế hoạch đề ra [H9.09.04.24]. Trong các hợp đồng mua sắm công cụ, dung cụ phục vụ đào tạo hằng năm đều có danh mục mua sắm trang thiết bị CNTT, ví dụ: Năm 2018, Học viện đã đầu tư 1433,6 triệu đồng mua 5 máy tính xách tay, 91 máy tính để bàn (HĐ số 30/HĐKT/PTIT-HNC ngày 11/12/2018); Năm 2019, Học viện đầu tư 1886,85 mua 110 máy tính Acer, 10 máy tính xách tay Del Vostrro3580 (HĐ số

34/HĐKT/PTIT-HNC ngày 25/10/2019); Năm 2020, Học viện đầu tư 675,55 triệu đồng mua 29 máy tính Acer Vertion ES 2735G và 10 Laptop Del Vostro 3590 (HĐ số 36/HĐKT/PTIT-TĐ ngày 26/11/2020); năm 2021, Học viện đầu tư 1886,4 triệu đồng mua 80 máy tính Acer Vertion X Core i7 (HĐ số 01/HĐKT/PTIT-TĐ ngày 01/10/2021); Năm 2022, Nhà trường đã đầu tư 1.038 triệu đồng mua 60 máy tính Acer Vertion X2690G (HĐ số 01/HĐKT/PTITHACOM ngày 06/12/2022), ...

Học viện đã lấy ý kiến hồi các bên liên quan các nội dung liên quan đến mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và NCKH của hệ thống CNTT. Với nội dung khảo sát: "Hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu" tỷ lệ CB, GV hài lòng đều đạt trên 80%; với nội dung: "Mạng máy tính, thiết bị tin học đáp ứng cơ bản nhu cầu người học", tỷ lệ NH trả lời hài lòng qua khảo sát các năm là: năm 2021 (82,49%), năm 2020 (81,0%), năm 2019 (76,4%), năm 2018 (81,58%) và năm 2017 (83,7%); với nội dung: "Website của HV có đủ thông tin, dễ dàng truy vấn và thông tin được cập nhật thường xuyên", tỷ lệ SV trả lời hài lòng qua khảo sát các năm là: năm 2021; 2020; 2019; 2018 2017 có giá trị tương ứng 87,07%, 83,5%, 80,6%), 86,5%; 84,3%; với nội dung "Thiết bị công nghệ thông tin phục vụ tốt cho hoạt động giảng dạy và học tập" tỷ lệ hài lòng của NH năm cuối của Khoa TCKT tại các năm khảo sát 2017, 2018, 2019, 2021, 2022 có giá trị tương ứng: 91,2%; 90,79%; 88,95%; 95,4%; 92,43% [H8.08.05.18].

2. Điểm mạnh

Học viện là trường đại học đầu tiên trong cả nước đi đầu trong công cuộc chuyển đổi số, đây là mô hình nền tảng số đầu tiên được công bố trong việc liên thông dữ liệu thông qua ứng dụng phần mềm PTIT-Slink, nhằm tạo ra một CSDL dùng chung, làm tiền đề phát triển hệ thống các ứng dụng hỗ trợ GV, SV trong quá trình đào tạo/học tập; tối ưu hoá hiệu suất lao động của cán bộ, nhân viên hỗ trợ.

3. Điểm tồn tại

Một số thời điểm, lượng SV đăng ký HP tập trung quá đông nên hệ thống đôi lúc bị quá tải, làm ảnh hưởng đến hoạt động truy cập của SV và GV.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2023, Phòng Giáo vụ sẽ đánh giá lại việc phân nhóm đăng ký HP, nhằm tránh tình trạng SV tập trung truy cập hệ thống quá đông trong cùng một thời điểm.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện triển khai thực hiện các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đối với CBGV và NH theo các văn bản, quy định của Nhà nước [H9.09.05.01], cụ thể gồm: Luật An toàn vệ sinh lao động (84/2015/QH13 ngày 25/6/2015); Luật Phòng cháy chữa cháy (40/2013/QH13 ngày 22/11/2013); Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy (79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014); Nghị định quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường (80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017); Quy chế công tác học sinh, SV nội trú tại các CSGD (27/2011/TT-BGDĐT ngày 27/6/2011); Quy định về tổ chức và hoạt động của Trạm Y tế trong các đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp (17/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/5/2007); Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế học đường (3946/BGDĐTGDTC ngày 31/8/2018); Quy định các tiêu chí về môi trường, sức khoẻ và an toàn (3946/BGDĐT-GDTC ngày 31/8/2018); Quy định về công tác Y tế trường học (13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT của Bộ Y tế và BGD&ĐT); Hướng dẫn khám sức khoẻ của Bộ Y tế (14/TT-BYT ngày 06/5/2013).

Năm 2020 Học viện đã ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp do chủng mới của vi rút Corona (nCoV) của Học viện theo Quyết định 26/QĐ-HV ngày 31/01/2020; Thông báo về việc thực hiện chỉ thị 17/CT-UBND của UBND Thành phố Hà Nội về việc thực hiện giãn cách xã hội trên địa bàn Thành phố theo Công văn số 646/TB-HV ngày 24/7/2021; ... tích cực nhất là khâu vệ sinh môi trường, cách ly trong giao tiếp, hạn chế tụ tập đông người và các buổi họp đông người đều được tổ chức trực tuyến.

Căn cứ hướng dẫn nêu trên, Học viện đã ban hành các văn bản quy định về các yêu cầu, tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn cho CBVC và NH tại Học viện như:

Học viện ban hành Nội quy lao động để CBGV thực hiện theo đúng quy định của ngành giáo dục [H7.07.05.01] và Quy chế làm việc của Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông theo Quyết định 1248/QĐ-HV ngày 31/12/2015 [H7.07.05.02]. Các văn bản này quy định việc chấp hành nội quy lao động và thời gian làm việc của CBVC-NLĐ,

trong đó quy định thực hiện giờ làm việc đối với cán bộ, viên chức khối hành chính, cụ thể thời gian làm việc từ 08h00-17h00 các ngày từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần và gửi tới toàn thể CBVC tại các đơn vị được biết và thực hiện.

Nội quy ra vào cổng Cơ sở Quận 9 - Tp. HCM theo Quyết định 76/QĐ-CSVC&DV ngày 26/4/2013 [H9.09.05.07].

Nội quy Giảng đường, lớp học được ban hành theo Quyết định 353/QĐ-T.Tr ngày 07/08/2009 [H9.09.05.08] được treo tại hành lang giảng đường để SV thực hiện giờ lên lớp và chấp hành nội quy học tập theo quy định. Đồng thời, để đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong khu vực giảng đường. Ngoài ra, Học viện đã bố trí SV thuộc đội cờ đỏ kiểm tra thẻ SV, kiểm soát ra vào khu vực giảng đường; lắp camera theo dõi ở các khu vực hành lang lớp học để tạo nên trật tự, kỷ cương trong môi trường học đường,.

KTX của SV (B5, B1, B2 và Quận 9, Tp.HCM) có bản nội quy KTX treo ở sảnh các tầng và tại các địa điểm thuận lợi để SV đều nhận biết thực hiện nội quy nhằm đảm bảo nếp sống văn minh, trật tự và an toàn trong KTX [H9.09.05.09].

Học viện ban hành Quy định về tổ chức, quản lý và sử dụng phòng TN-TH (233/QĐ-HV ngày 02/04/2018) [H9.09.03.10] và Hướng dẫn sử dụng máy chiếu, các thiết bị TN-TH để quy định trách nhiệm của GV và SV khi làm việc tại các phòng TN-TH.

Văn phòng là đơn vị được Học viện giao cho nhiệm vụ quản trị về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H9.09.05.10]. Văn phòng trực tiếp quản lý Trạm Y tế, Tổ bảo vệ, triển khai công tác PCCC, vệ sinh môi trường tại Học viện Học viện. Hàng năm, Văn phòng lập kế hoạch đảm bảo môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt gửi Phòng Kế hoạch Đầu tư để tổng hợp báo cáo Giám đốc Học viện phê duyệt Kế hoạch sửa chữa, mua sắm, đầu tư CSVC, trang thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ cho việc bảo vệ môi trường học đường, chăm sóc sức khoẻ, PCCN, phòng chống dịch bệnh, an ninh an toàn cho CBVC-NLĐ và NH tại Học viện, cụ thể:

Bộ phận Y tế có chức năng nhiệm vụ tổ chức công tác y tế học đường, chăm sóc sức khỏe cho CBVC-NLĐ và NH, tổ chức tuyên truyền công tác y tế học đường, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh [H9.09.05.11]. Cán bộ của bộ phận y tế ở cả 2 cơ sở đều có chuyên môn phù hợp (ở Hà Nội có 3 Y sỹ và cơ sở Tp. HCM có 1 Y sỹ Dược và 1 Y tá). Trạm y tế có giường bệnh để chăm sóc sức khỏe ban đầu cho NH và các dụng cụ y tế

phục vụ cho việc sơ cứu ban đầu, cũng như các loại thuốc thông thường được mua sắm thường kỳ, có đủ lượng thuốc dự phòng theo quy định. Hằng ngày cán bộ y tế của cả hai cơ sở có lịch trực tại Học viện để hỗ trợ, cấp thuốc và sơ cứu ban đầu cho CB, GV và SV trong thời gian làm việc, học tập và ở KTX. Học viện đã thực hiện nghiêm túc công tác chăm sức khỏe ban đầu đối với SV theo Thông tư liên tịch Số: 13/2016/TTLTBYT-BGDĐT của Bộ Y tế và BGD&ĐT quy định về công tác y tế trường học, hằng năm, bộ phận y tế thực hiện các nhiệm vụ như tổ chức khám sức khỏe cho 100% SV mới vào nhập học và phun thuốc phòng chống dịch bệnh theo mùa; ...

Trong giai đoạn 2020 - 2021, khi dịch bệnh Covid-19 diễn ra, Học viện đã nhanh chóng thực hiện các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, của BTT&TT, kịp thời ra các văn bản để phòng chống đại dịch, phân công cụ thể trách nhiệm cho từng đơn vị để cùng bảo vệ sức khỏe của CB, GV, NV và SV. Học viện có nhiều hoạt động phòng chống Covid-19 [H9.09.05.12]:

Hàng năm, Học viện thông qua các báo cáo định kỳ về công tác y tế trường học để đề xuất cải tiến, đầu tư và cải thiện môi trường, sức khỏe (Báo cáo ngày 04/5/2017; Báo cáo ngày 04/6/2018; Báo cáo ngày 20/5/2019 và ngày 16/6/2020) [H9.09.05.13].

Học viện có căng tin và căng tin của Học viện thường xuyên được kiểm tra, nâng cấp để bảo đảm sức khỏe, an toàn vệ sinh thực phẩm và được cấp giấy chứng nhận về sinh an toàn thực phẩm của cơ quan y tế địa phương [H9.09.05.14].

Học viện đầu tư sân bãi phục vụ các hoạt động thể dục thể thao, cụ thể có 02 sân bóng chuyền, 02 sân bóng đá, 02 sân bóng rổ tại các cơ sở đào tạo Hà Nội và Thành phố HCM [H9.09.05.15].

Học viện đầu tư hệ thống quản lý trông giữ xe cho khách, CB, GV, NV và được sắp xếp ngăn nắp, có camera giám sát, phần mềm quản lý thông minh đáp ứng yêu cầu về mỹ quan và an toàn cao [H9.09.05.16].

Học viện đã ký hợp đồng với công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Yên Việt để bảo đảm công tác an ninh trật tự trong khuôn viên Học viện, với Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ khu công nghệ cao Hòa Lạc và Cơ sở TP. HCM có nhân viên làm nhiệm vụ bảo vệ [H9.09.05.17]. Căn cứ theo hợp đồng, công tác bảo vệ an ninh trật tự của Học viện đã được triển khai thực hiện, lực lượng bảo vệ túc trực ở các địa điểm của Học viện 24//24 để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn về tính mạng và tài sản của Học viện, của CB, GV, NV và SV. Lực lượng bảo vệ của Học viện được đầu tư đầy đủ quần áo đồng phục, các

phương tiện làm việc. Đồng thời, Học viện đã lắp đặt hệ thống Camera giám sát tại cổng và các khu vực trọng yếu trong Học viện 24/24; phối hợp với chính quyền và lực lượng an ninh địa phương tăng cường công tác an ninh trật tự, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật, phòng chống các tệ nạn xảy ra trong khu vực Học viện.

Học viện có lực lượng tự vệ, việc thành lập kiện toàn bộ máy của Trung đội tự vệ được thực hiện thông qua các quyết định kiện toàn nhân sự hàng năm [H9.09.05.18].

Học viện đã ký các hợp đồng và phụ lục gia hạn hợp đồng về dịch vụ dọn dẹp vệ sinh CSVC của Học viện, theo đó bên cung ứng dịch vụ có trách nhiệm dọn dẹp vệ sinh các khu vực của Học viện [H9.09.05.19]. HVCS tại Tp. HCM có bố trí nhân viên làm nhiệm vụ dọn dẹp vệ sinh khuôn viên hàng ngày. Cơ sở đào tạo tại Hà Nội có Bộ phận chăm sóc cây cỏ, vệ sinh môi trường trực thuộc Trung tâm Dịch vụ gồm 20 người có nhiệm vụ quản lý, vệ sinh hệ thống phòng học, giảng đường, khu vệ sinh và các tài sản trang thiết bị đi kèm, đảm bảo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp trong toàn bộ khuôn viên Học viện. Cơ sở Tp. HCM ký hợp đồng với đơn vị bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và làm vệ sinh các khu vực của Học viện. Hệ thống thoát nước được thường xuyên được nạo vét đảm bảo luôn thông thoát không bị tràn ngập ứ đọng. Học viện ký hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải đảm bảo rác được thu gom xử lý hàng ngày. Hệ thống nước sạch được đầu tư nâng cấp và thường xuyên được kiểm tra và xét nghiệm. Toàn bộ các khu nhà đều có công trình vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn về trang bị và vệ sinh.

Học viện xây dựng các phương án cứu hộ để đảm bảo an toàn cho NH và và người lao động khi xảy ra các sự cố khẩn cấp, phương án PCCC được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cụ thể: Học viện thành lập Ban Chỉ huy phòng cháy và chữa cháy gồm 05 thành viên và Đội phòng cháy chữa gồm 25 thành viên; Học viện ban hành Quy chế phân cấp trách nhiệm về công tác PCCC (430/QĐHV, ngày 05/6/2019), theo văn bản này Học viện đã phân cấp trách nhiệm của Ban chỉ huy PCCC, trách nhiệm của Đội PCCC, trách nhiệm của trưởng các phòng, ban, khoa, trung tâm và các đơn vị trực thuộc cũng như trách nhiệm của cán bộ công nhân viên và SV về công tác PCCC;

Học viện có hệ thống PCCC được bố trí ở các toà nhà; Đội PCCC được tập huấn theo thông báo của Phòng cảnh sát PCCC địa phương; Học viện đã phối hợp với Cảnh sát PCCC Thành phố Hà Nội triển khai tập huấn cho CB, GV, NV và SV tại Học viện, diễn tập các phương án chữa cháy. Hàng năm, cơ quan PCCC địa phương đã tiến hành kiểm tra công tác PCCC tại Học viện, các biên bản về kiểm tra PCCC cho thấy Học viện đã

thực hiện đúng quy định về công tác PCCC [H9.09.05.20]. Trong chu kỳ KĐCLGD, không có hiện tượng mất an toàn, an ninh trật tự trong khuôn viên Học viện.

Khi thiết kế xây dựng khu giảng đường, Học viện đã có những ưu tiên nhất định dành cho người khuyết tật trong việc bố trí xếp phòng học ở tầng 1, đồng thời đã thiết kế lối đi, thang máy dành cho người khuyết tật thuộc dãy nhà A2. Học viện quan tâm tới môi trường học tập, làm việc, điều kiện đảm bảo sức khỏe và an toàn cho người khuyết tật, nhưng chưa thể hiện rõ tiêu chuẩn, quy định qua các văn bản hiện hành.

Thông qua các biên bản kiểm tra công tác PCCC, kiểm tra an toàn vệ sinh trong Nhà trường, Học viện đã thực hiện các quy định về an ninh trật tự, PCCC. Trong chu kỳ KĐCLGD không xảy ra hiện tượng cháy, nổ, mất an ninh trật tự trong khuôn viên Học viện. Ngoài ra, môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được rà soát, đánh giá thông qua các báo cáo tổng kết đánh giá công tác hàng năm của Học viện.

Trong giai đoạn 2017-2021, Học viện đã đầu tư kinh phí chi cho công tác y tế là 2.959.900.000 đồng; chi cho công tác an ninh trật tự là 6.545.845.932 đồng; chi cho dịch vụ vệ sinh môi trường, sân vườn ngoại cảnh là 23.592.467.340 đồng [H9.09.05.21].

Theo báo cáo khảo sát ý kiến của NH về CSVC của Trung tâm KT&ĐBCLGD [H8.08.05.18], kết quả khảo sát các năm cho thấy SV khá hài lòng với các vấn đề về môi trường, sức khỏe và an toàn và lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật. Ví dụ, với nội dung "Trạm y tế đáp ứng được yêu cầu khám chữa bệnh ban đầu của người học" mức độ hài lòng của NH qua các năm khảo sát 2017, 2018, 2019, 2020, 2021 có các giá trị tương ứng 84,3%; 90,25%; 84,0%; 86,2%; 88,12% và với nội dung "Công tác vệ sinh môi trường, giáo dục thể chất, nhà ăn, ký túc xá đáp ứng cơ bản yêu cầu của người học" mức độ hài lòng của NH qua các năm khảo sát 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, có các giá trị tương : 83,7%; 92,5%; 83,1%; 85,5%; 88,24%; với nội dung "Có đầy đủ nội quy, và quy định trong phòng thí nghiệm, thực hành, nhật ký sử dụng" tỷ lệ hài lòng của GV là 96,0% và với nội dung "Có đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động cần thiết" có 92,9% GV tham gia khảo sát hài lòng. (92,50%), năm 2017 (83,7%).

2. Điểm mạnh

Học viện đã triển khai thực hiện công tác đảm bảo về môi trường, an toàn, sức khỏe cho CBGV và NH trên nhiều phương diện, có kiểm tra, đánh giá thường xuyên.

3. Điểm tồn tại

Các chính sách đặc thù dành cho người khuyết tật đã được quan tâm nhưng chưa được thể hiện thành các văn bản cụ thể..

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Phòng CT&CTSV phối hợp với Văn phòng lập phương án, đề xuất các giải pháp hỗ trợ, đáp ứng nhu cầu đặc thù của người khuyết tật và thể hiện rõ trong các văn bản có liên quan.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Các điểm mạnh về tiêu chuẩn này bao gồm: 1) Diện tích khuôn viên và diện tích xây dựng phục vụ trực tiếp đào tạo của Học viện đáp ứng tốt yêu cầu về tỷ lệ diện tích trên NH. Phòng học cơ sở phía Bắc đều được trang bị điều hoà không khí đảm bảo nhiệt độ, độ ẩm và thông gió phù hợp cho các hoạt động đào tạo; 2) Tài liệu nội sinh của Học viện đã được xây dựng khá đầy đủ, đáp ứng tốt những yêu cầu cơ bản cho các chuyên ngành đào tạo của Học viện, nhu cầu của GV và NH; 3) Hệ thống phòng Lab chuyên sâu được đầu tư tốt, trang thiết bị hiện đại (phòng Lab ATTT, phòng Lab Samsung, Lab NAVER...); 4) Học viện liên tục đầu tư tập trung vào CSVC, hạ tầng cho CNTT; phòng máy chủ, hệ thống mạng, hệ thống máy tính cho các phòng Lab... được đảm bảo, hoạt động liên tục cho SV trong toàn trường nói chung và SV ngành CNTT nói riêng; 5) Học viện đã ban hành các quy định liên quan đến môi trường, sức khỏe và an toàn, như: Nội quy giảng đường; Nội quy KTX; Quy định về tổ chức, quản lý và sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành; Nội quy căng tin; nội quy PCCC; Quy định về phòng tránh dịch Covid-19...; thành lập Ban chỉ huy PCCC, Đội PCCC với nhân sự là đội ngũ CB, GV, NV. Học viện đã ban hành Quy chế phân cấp trách nhiệm về công tác PCCC.

Bên cạnh đó, vẫn còn những hạn chế như: CSVC chưa được đầu tư đồng bộ giữa 2 miền Nam và Bắc,; So với qui mô đào tạo của Học viện thì diện tích và trang thiết bị của 2 thư viện đều chưa được đầu tư, phòng đọc chật, thiếu chỗ ngồi; nội dung các câu hỏi trong phiếu khảo sát các đối tượng liên quan chưa bao phủ được hết nội dung khảo sát về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT đối với hoạt động đào tạo và NCKH; các chính sách đặc thù dành cho người khuyết tật đã được quan tâm nhưng chưa được thể hiện thành các văn bản cụ thể.

Tiêu chuẩn 9 có 05 tiêu chí: 4,80 /7.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Nâng cao chất lượng trong GDĐH gắn liền với việc cải tiến các yếu tố bao gồm: Kiến thức, kỹ năng và thái độ hoặc năng lực của NH; Môi trường và các cơ hội học tập; Chất lượng đào tạo của Học viện hoặc đơn vị thực hiện CTĐT ngành QTKD. Nâng cao chất lượng đào tạo là việc triển khai các sáng kiến một cách có kế hoạch nhằm mục tiêu đảm bảo và cải tiến chất lượng. Đây là quá trình liên tục nỗ lực cải tiến và áp dụng các kinh nghiệm tốt.

Sự tin tưởng của NH cũng như các BLQ khác đối với Học viện được xây dựng và duy trì thông qua các hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng. Các hoạt động này giúp đảm bảo chương trình được thiết kế tốt, được theo dõi thường xuyên và định kỳ rà soát, qua đó đảm bảo tính cập nhật và phù hợp.

Hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng chương trình bao gồm các nội dung sau: Xây dựng các CĐR; quy trình thiết kế và phát triển CTĐT; cách tiếp cận trong giảng dạy, học tập và đánh giá NH; các nguồn lực, CSVC và trang thiết bị, dịch vụ hỗ trợ; việc ứng dụng các thành quả nghiên cứu; cơ chế thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ.

Học viện và Khoa QTKD luôn xác định nâng cao chất lượng trong GDĐH là yêu cầu bắt buộc trong quá trình đào tạo. Khoa QTKD luôn cải tiến các yêu cầu cơ bản về kiến thức, kỹ năng và thái độ, năng lực của NH; môi trường và các cơ hội học tập cũng như chất lượng của CTĐT. Đây là một quá trình liên tục nỗ lực cải tiến và áp dụng các kinh nghiệm tốt từ các CTĐT tiên tiến trong và ngoài nước. Để đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo, tạo sự tin tưởng của NH cũng như các BLQ, CTĐT ngành QTKD được thường xuyên định kỳ rà soát, qua đó đảm bảo tính cập nhật và phù hợp. Hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng chương trình luôn chú trọng đến các vấn đề sau: xây dựng CĐR, quy trình thiết kế và phát triển CTĐT, cách tiếp cận trong giảng dạy, học tập và đánh giá NH, các nguồn lực, CSVC và trang thiết bị, dịch vụ hỗ trợ, việc ứng dụng các thành quả nghiên cứu, xây dựng cơ chế thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ một cách hiệu quả.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ [H10.10.01.01] và hướng dẫn về CTDH theo hệ thống tín chỉ của BGD&ĐT (04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016)) [H10.10.01.02], Học viện hướng dẫn Khoa QTKD triển khai việc thiết kế, xây dựng và phát triển CTDH; rà soát, cập nhật định kì CTDH cho phù hợp với tình hình thực tế và sự phát triển của ngành QTKD trong nước và thế giới theo Kế hoạch số 111/KH-HV ngày 05/3/2018 [H1.01.03.01] và Kế hoạch số 10/KH-HV ngày 09/01/2020 [H1.01.03.02].

Nhiệm vụ thu thập thông tin phản hồi về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các BLQ được thực hiện theo các văn bản:

- Quy định lấy ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy của GV tại Học viện ban hành theo Quyết định 861/QĐ-HV ngày 23/11/2015 [H10.10.01.03].

- Quy định về việc lấy ý kiến về tình trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp tại Học viện ban hành theo Quyết định 642/QĐ-HV ngày 09/08/2018 [H10.10.01.04].

- Quy định về công tác khảo sát ý kiến của NH về công tác đảm bảo điều kiện CSVC phục vụ NH tại Học viện ban hành theo Quyết định 755/QĐ-HV ngày 25/9/2018 [H10.10.01.05].

- Quy định về công tác khảo sát điều kiện CSVC phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và NCKH tại Học viện ban hành theo Quyết định 1059/QĐ-HV ngày 30/11/2019 [H10.10.01.06].

- Quy định tạm thời về công tác lấy ý kiến phản hồi của các BLQ ban hành theo Quyết định 519/QĐ-HV ngày 22/6/2021 [H10.10.01.07] với các đối tượng bao gồm cán bộ GV, SV, SV tốt nghiệp, cựu SV, học viên cao học của Học viện.

- Quy định xây dựng, cải tiến và phát triển CTĐT ban hành theo Quyết định 393/QĐ-HV ngày 23/3/2022 [H10.10.01.08], trong đó quy định việc thiết kế các phiếu điều tra, khảo sát về CĐR, CTĐT.

Để chỉ đạo triển khai công tác khảo sát thu thập thông tin phản hồi của các BLQ, Học viện ban hành Quy định về hoạt động ĐBCL theo Quyết định 351/QĐ-HV ngày 21/3/2022 [H10.10.01.09], trong đó nêu rõ nguyên tắc của hoạt động ĐBCL, cấu trúc hệ thống ĐBCL của Học viện, phương thức, công cụ đánh giá chất lượng, tổ chức KĐCL, xây dựng CSDL ĐBCL và điều kiện thực hiện hoạt động ĐBCL, cam kết ĐBCLGD tại Học viện. Hệ thống ĐBCL bên trong được đặt dưới sự chỉ đạo của Hội đồng, Ban Giám

đốc Học viện và giao đơn vị đầu mối là TTKT&ĐBCLGD, các đơn vị phối hợp gồm Văn phòng, Phòng Đào tạo, Phòng Giáo vụ, Phòng CT&CTSV, thư viện, Trung tâm TN-TH và Khoa QTKD. Hội đồng ĐBCL của Học viện do Giám đốc Học viện thành lập theo Quyết định 389/QĐ-HV ngày 07/05/2021. Hội đồng có 71 thành viên, gồm Lãnh đạo Học viện, lãnh đạo các phòng, khoa, ban Học viện và các cán bộ làm công tác đảm bảo CLGD tại các đơn vị [H10.10.01.10].

Học viện có 04 cán bộ đã hoàn thành CTĐT kiểm định viên KĐCL GDĐH và trung cấp chuyên nghiệp và có 45 CBGV được cấp chứng giấy chứng nhận tham gia tập huấn nghiệp vụ ĐBCL về tự đánh giá CTĐT.

Học viện giao nhiệm vụ cho các đơn vị trong việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ, cụ thể: TTKT&ĐBCLGD chủ trì triển khai công tác khảo sát ý kiến trong phạm vi toàn Học viện và trực tiếp khảo sát ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy của GV và công tác đảm bảo điều kiện CSVC phục vụ NH tại Học viện; Phòng Đào tạo lấy ý kiến khảo sát liên quan đến xây dựng, thiết kế CĐR và CTĐT tại Phụ lục 4, Quy định xây dựng, cải tiến và phát triển CTĐT; Phòng CT&CTSV khảo sát ý kiến về tình trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp tại Học viện; Văn phòng khảo sát ý kiến CBVC-NLĐ về CSVC, trang thiết bị, hệ thống CNTT, phòng TN-TH, ... phục vụ công tác đào tạo và NCKH; các khoa khảo sát GV, SV năm cuối, cựu SV, doanh nghiệp, chuyên gia, nhà khoa học về CĐR, mục tiêu CTĐT, CTDH các ngành đào tạo; HVCS tại Tp. HCM chỉ đạo các đơn vị khảo sát ý kiến theo các quy định Học viện đã ban hành.

Học viện ban hành các mẫu phiếu đối với từng đối tượng được khảo sát bao gồm mẫu phiếu khảo sát SV về điều kiện CSVC và đánh giá hoạt động giảng dạy của GV; phiếu khảo sát doanh nghiệp, chuyên gia, các nhà khoa học, GV, SV tốt nghiệp về CĐR, CTĐT và CTDH; phiếu khảo sát SV năm cuối về chất lượng đào tạo; phiếu khảo sát SV tốt nghiệp về tình trạng việc làm; ... [H10.10.01.11]. Việc thu thập thông tin phản hồi thực hiện bằng các hình thức khác nhau, tùy thuộc vào đối tượng khảo sát trong từng thời điểm như khảo sát trực tiếp, trực tuyến, phỏng vấn hoặc thông qua hội nghị/hội thảo với doanh nghiệp, chuyên gia do Học viện [H10.10.01.12], Khoa QTKD tổ chức hàng năm, [H10.10.01.13]. Trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19, Học viện tổ chức khảo sát trực tuyến thông qua phần mềm PTIT-Slink [H10.10.01.14].

Trong các đợt rà soát điều chỉnh CTĐT, Học viện đều xây dựng kế hoạch, tổ chức lấy ý kiến của các BLQ để xây dựng, triển khai, rà soát, điều chỉnh CTĐT và CĐR và thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH.

Giai đoạn 2017-2022, để điều chỉnh, cải tiến CTDH ngành QTKD, các đơn vị thuộc Học viện đã tổ chức thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ với nội dung:

(1) Khoa QTKD:

- Tổ chức khảo sát SV năm cuối về CTĐT (nội dung, mục tiêu CĐR CTĐT, CTDH); hoạt động giảng dạy, kiểm tra; Nguồn lực học tập và các hoạt động hỗ trợ; đánh giá chung về kết quả đào tạo; các hoạt động hỗ trợ đào tạo trong thời gian SV học tập tại Học viện. Sau khi khảo sát, Khoa QTKD tổng hợp kết quả khảo sát hàng năm [H10.10.01.15]. Phiếu khảo sát và bảng tổng hợp ý kiến về CTDH ngành QTKD năm 2019 và 2021, với khoảng 80 phiếu của hơn 20 doanh nghiệp và kết quả phản hồi cho thấy: Hầu hết các nhà tuyển dụng nhất trí với mục tiêu, thời gian đào tạo, nội dung chương trình phù hợp với thị trường lao động.

- Tổ chức khảo sát lấy ý kiến khảo sát các BLQ (doanh nghiệp, chuyên gia, các nhà khoa học, GV, SV tốt nghiệp) về dự thảo mục tiêu, nội dung, CĐR và khung CTĐT, CTDH ngành QTKD năm 2019 và năm 2021 [H10.10.01.16]

(2) TTKT&ĐBCLGD: Tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV sau khi kết thúc HP của từng học kỳ, năm học trong giai đoạn 2017-2021 [H10.10.01.17]. Mỗi một GV đều được lấy ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy học phần trong kỳ học đó. SV vừa đánh giá chất lượng giảng dạy của GV vừa được tham gia nhận xét học phần, chương trình dạy học. Các ý kiến phản hồi là một kênh thông tin quan trọng cho việc thiết kế và phát triển CTDH ngành QTKD. Đa số sinh viên cho ý kiến phản hồi tích cực. Điều này phần nào phản ánh CTDH ngành QTKD đang được xây dựng và phát triển đúng mục tiêu phát triển của Học viện.

(3) Phòng CT&CTSV

- Tổ chức khảo sát tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp hàng năm [H10.10.01.18] theo mẫu phiếu khảo sát của Bộ GD&DT và hình thức khảo sát gồm hỏi trực tuyến trên Google, gửi phiếu khảo sát qua email, facebook phỏng vấn trực tiếp qua điện thoại. Các đợt khảo sát thu thập thông tin phản hồi của đơn vị sử dụng lao động tập trung đánh giá hai khía cạnh: (i) Sự hài lòng của nhà tuyển dụng về chất lượng cử nhân tốt nghiệp (đánh giá mức độ đáp ứng về kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp, mức độ tự chủ và trách

nhiệm cá nhân); (ii) Đánh giá về mức độ cần thiết và sự phù hợp của kiến thức CĐR và CTDH, nhằm cung cấp các thông tin hữu ích phục vụ cho việc điều chỉnh các hoạt động của chương trình dạy học.

- Tổ chức khảo sát ý kiến của SV về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm năm 2019, 2020 và 2021 [H10.10.01.19].

(4) HVCS tại TP. HCM

- Tổ chức khảo sát tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp hàng năm [H10.10.01.20] theo mẫu phiếu khảo sát của Bộ GD&DT

- Tổ chức khảo sát chất lượng SV đã tốt nghiệp và nhu cầu tuyển dụng năm 2021 và 2022 [H10.10.01.21] để đánh giá tình hình việc làm của SVTN từ Học viện và xu hướng tuyển dụng của các doanh nghiệp thời gian tới về kiến thức, năng lực của SV tốt nghiệp các CTĐT tại Học viện.

Thực hiện kế hoạch xây dựng, triển khai, rà soát, điều chỉnh CTĐT và CĐR của Học viện và căn cứ những thông tin thu được thông qua các hoạt động khảo sát ý kiến nêu trên, Khoa QTKD tiến hành phân tích thông tin, nghiên cứu nhu cầu của các BLQ để triển khai kế hoạch bổ sung, hiệu chỉnh CTDH ngành QTKD trong chu kỳ KĐCL, với quy trình như sau:

(1) Hội đồng Khoa tổ chức họp về kế hoạch điều chỉnh CTDH ngành QTKD [H10.10.01.22].

(2) Khoa tiến hành tổng hợp, phân tích ý kiến của các BLQ, làm căn cứ để xây dựng, hiệu chỉnh và phát triển CTDH và tổ chức họp đóng góp ý kiến cho CTDH ngành QTKD năm 2019 và 2021 [H10.10.01.13]; rà soát, đánh giá các nội dung trong CTDH trước khi cải tiến [H10.10.01.23] và sau khi cải tiến [H10.10.01.24].

(3) Hội đồng nghiệm thu CTĐT Học viện họp và thông qua CTDH [H1.01.01.06].

Khi tiến hành điều chỉnh CTDH ngành QTKD năm 2019 và năm 2021, Khoa đều dựa trên ý kiến cụ thể của các nhà tuyển dụng như: Ý kiến phản hồi của đơn vị sử dụng lao động về SV sau khi tốt nghiệp được khoa khai thác nhằm điều chỉnh nội dung CTDH ngành QTKD cho phù hợp với yêu cầu thực tế của thị trường lao động; các kết quả khảo sát lấy ý kiến của SV về CTDH tại Học viện cũng được khoa sử dụng như là một kênh thông tin quan trọng giúp khoa có bức tranh chung về chất lượng sản phẩm đầu ra và hiệu quả của CTDH ngành QTKD; kết quả khảo sát cũng được khoa sử dụng làm cơ sở điều chỉnh các hoạt động hỗ trợ dạy học phù hợp, giúp khoa có lộ trình điều chỉnh và phát

triển CTDH ngành QTKD. Ngoài ra, tại cuộc họp khoa, hội thảo, tổng kết, hội trợ việc làm, kỷ niệm thành lập Học viện, khoa cũng đã có nhiều trao đổi để lấy ý kiến của các BLQ về SV tốt nghiệp và những thay đổi cần thiết trong CTDH ngành QTKD.

Theo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của GV, khoa đã tổ chức xây dựng đề cương các học phần theo quy trình hướng dẫn tại các văn bản của Học viện ban hành. Mục tiêu của CTDH ngành QTKD được cụ thể hóa ở mục tiêu học phần và được thể hiện ở các đề cương của tất cả các học phần có trong CTDH. Đề cương chi tiết học phần là bản mô tả các nội dung giảng dạy, sự phân phối kiến thức cho từng tiết học cùng với CĐR của học phần, đồng thời cũng là cơ sở để GV và người học thực hiện đúng trách nhiệm của mình. Mỗi CĐR chi tiết của từng học phần luôn được gắn liền với từng hoạt động dạy và học cũng như hoạt động đánh giá tương ứng. Khoa đã bám sát các quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và kế hoạch sửa đổi và cập nhật CTDH ngành QTKD của Học viện.

Căn cứ ý kiến phản hồi từ các BLQ (gồm chuyên gia, nhà khoa học, CBQL, GV, NCV, NV, NH, người sử dụng lao động và NH đã tốt nghiệp) thông qua hội nghị/hội thảo, các buổi họp của khoa và gửi công văn đến các NTD, xin ý kiến qua email và sử dụng kết quả khảo sát của các BLQ về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT ngành QTKD trong vòng 5 năm của Việt Nam, trong chu kỳ KĐCLGD, Khoa QTKD đã thực hiện điều chỉnh CTDH ngành QTKD và Giám đốc Học viện ký các Quyết định ban hành Chương trình GDĐH ngành QTKD năm 2019 [H1.01.01.02], năm 2021 [H1.01.02.03] và bản mô tả CTĐT hệ ĐHCQ ngành QTKD năm 2019 [H2.02.01.01] và năm 2021 [H2.02.01.02]

Các nội dung điều chỉnh đều căn cứ trên dữ liệu khảo sát, dựa trên quy định của BGD&ĐT và mục tiêu giáo dục của Học viện, đồng thời có so sánh với CTDH của các trường tiên tiến trên thế giới và trong khu vực. Những thay đổi cụ thể trong CTĐT năm 2021: So với đề cương chi tiết học phần công bố năm 2016, 2019 có điểm mới về nội dung đó là đã nâng mức độ đáp ứng CĐR từ mức độ 3 lên mức độ 3,5-4. Các nội dung cập nhật trong các học phần và CĐR từ truyền thụ kiến thức sang dạy học phát triển năng lực, bao gồm sự điều chỉnh tên học phần, thay đổi cấu trúc chương, bài học, thay đổi sự tương quan giữa lý thuyết và thực hành, điều chỉnh nội dung kiến thức, áp dụng các phương pháp dạy học hiện đại. Trong các đợt rà soát, cập nhật CTĐT năm học 2018-2019 và năm học 2020-2021 theo yêu cầu các bên liên quan Khoa Quản trị kinh doanh đã điều chỉnh CTĐT theo hướng tăng thêm số chuyên ngành, thay đổi thời lượng của CTĐT

từ 129 tín chỉ (trước năm 2019) lên 130 tín chỉ (năm 2019). Những thay đổi này chủ yếu gắn với đổi mới thời lượng của kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: từ 73 tín chỉ (trước năm 2019) tăng lên 75 tín chỉ (năm 2019), đặc biệt với kiến thức chuyên ngành: tăng từ 14 tín chỉ (trước năm 2019) lên 17 tín chỉ (năm 2019), bổ sung thêm 4 học phần tự chọn.

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi đã có, nhưng còn phân tán ở nhiều văn bản khác nhau để hướng dẫn các đơn vị thực hiện và Học viện chưa có văn bản của quy định về quy trình khảo sát, thu thập ý kiến NTD và NH về CTDH.

2. Điểm mạnh

Học viện có quy định thu thập thông tin phản hồi các BLQ bằng nhiều hình thức khác nhau, trên nhiều kênh phản hồi khác nhau và là cơ sở quan trọng để khoa sử dụng hiệu chỉnh mục tiêu, CĐR, CTDH của CTĐT ngành QTKD.

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa ban hành văn bản quy định về quy trình khảo sát, thu thập ý kiến NTD và NH về CTDH.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, TTKT&ĐBCLGD chủ trì, phối hợp với các khoa, phòng và trung tâm nghiên cứu, đề xuất Học viện ban hành quy định/quy trình khảo sát, thu thập ý kiến NTD và NH về CTDH.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng BGD&ĐT [H10.10.01.01], Học viện đã tiến hành xây dựng các kế hoạch và tiến hành rà soát, phát triển CĐR, CTĐT và ban hành văn bản hướng dẫn qui trình xây dựng, cập nhật, bổ sung CTĐT theo chu kỳ sau 2 năm, Hội đồng KH&ĐT Học viện có trách nhiệm đánh giá CTĐT hiện có của Khoa, điều chỉnh bổ sung CTĐT nhằm mở rộng qui mô hoặc nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của xã hội [H1.01.03.01], [H1.01.03.02].

Các quyết định, văn bản hướng dẫn nêu trên quy định việc rà soát, cập nhật CĐR và CTĐT trình độ đại học hệ chính quy thực hiện theo quy trình gồm các bước:

Bước 1: Các Khoa rà soát, khảo sát, đánh giá nội dung CĐR CTĐT hiện tại.

Bước 2: Trên cơ sở kết quả khảo sát, rà soát đánh giá hiện trạng, Khoa đề xuất việc hiệu chỉnh (nội dung CĐR, cấu trúc CTĐT, nội dung CTĐT), dự kiến các nội dung cần điều chỉnh và báo cáo Ban Giám đốc Học viện phê duyệt.

Bước 3: Khoa tổ chức triển khai hiệu chỉnh, sửa đổi CĐR, CTĐT; tổ chức hội thảo nội bộ Khoa; xin ý kiến của Hội đồng KHĐT của Khoa để thống nhất.

Bước 4: Tổ chức xin ý kiến chuyên gia, tổ chức hội thảo chung trong Học viện về nội dung CĐR và CTĐT mới.

Bước 5: Hoàn thiện CĐR, CTĐT để xin ý kiến Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện và trình Giám đốc Học viện phê duyệt ban hành.

Trong quá trình tổ chức thiết kế và phát triển CTĐT, Học viện đã tiến hành rà soát, đánh giá và xem xét lại quy trình thực hiện các công việc và ban hành văn bản hướng dẫn về xây dựng ĐCCT HP [H10.10.02.01], căn cứ hướng dẫn Học viện, Khoa QTKD đề xuất quy trình thiết kế và phát triển CTDH, sau đó gửi bản đề xuất quy trình thiết kế và phát triển CTDH để lấy ý kiến đến các BLQ, gồm các chuyên gia, nhà khoa học, GV thuộc các cơ sở giáo dục đại học có ngành QTKD, các NTD, cựu SV ... [H10.10.02.02]. Việc lấy ý kiến còn được thực hiện thông qua cuộc họp khoa và thảo luận với chuyên gia về quy trình thiết kế và phát triển CTDH trước khi cải tiến [H10.10.01.23] và sau khi cải tiến [H10.10.01.24].

Căn cứ vào hướng dẫn của Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng BGD&ĐT quy định về chuẩn CTĐT [H10.10.02.03], Học viện dự thảo Quy định xây dựng, cải tiến và phát triển CTĐT, tổ chức hội thảo xin ý kiến của đại diện các BLQ trong Học viện (Biên bản hội thảo ngày 24/02/2022 và ngày 16/3/2022) [H10.10.02.04].

Học viện ban hành Quy định xây dựng, cải tiến và phát triển CTĐT theo Quyết định 393/QĐ-HV ngày 23/3/2022 [H10.10.01.08], trong đó quy định về quy trình các bước xây dựng CĐR gồm 9 bước (Điều 11); Quy trình rà soát, phát triển CTĐT gồm 9 bước (Điều 12) và Quy trình thẩm định và ban hành CTĐT gồm 3 bước (Điều 13). Ngoài ra, trong quy trình thiết kế và phát triển CTDH hiện hành có điểm mới so với quy trình trước đây đó là bắt buộc phải lấy ý kiến phản hồi và quy định cụ thể về các bên liên quan cần xin ý kiến.

Phòng đào tạo là đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì và phối hợp với Khoa QTKD rà soát, cải tiến qui trình thiết kế CTDH trong quá trình xây dựng và phát triển CTĐT. Để điều chỉnh CTDH, Khoa QTKD đã triển khai kế hoạch điều chỉnh CTDH ngành QTKD

trong giai đoạn 2017-2021 [H10.10.01.22] với việc định kỳ tiến hành 2 năm/ lần: Lần 1 năm 2018; lần 2 năm 2020. Nội dung rà soát là toàn bộ các bước trong quy trình thiết kế CTDH ngành QTKD năm 2019 và năm 2021 như: mục tiêu, CĐR, nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng. Từ bước thành lập xây dựng CTDH; thiết kế phiếu khảo sát; khảo sát lấy ý kiến về CTDH; tổng hợp ý kiến; Hội thảo và nghiệm thu CTDH. Đồng thời trong quá trình giảng dạy, khi các GV thấy có sự bất cập về nội dung dạy học, thời lượng hay phương pháp đánh giá trong CTDH sẽ đưa ra thảo luận thông qua các cuộc họp Bộ môn, bằng cách này các GV đều được tham gia vào việc thiết kế và phát triển CTDH. Thông qua kế hoạch đã giúp khoa thực hiện theo đúng nội dung và qui định của các thông tư hướng dẫn của BGD&ĐT.

Hoạt động rà soát, đánh giá và cải tiến CTDH được thực hiện bằng nhiều hình thức thông qua khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về quy trình thiết kế, phát triển CTDH và thông tin phản hồi của các đối tượng khảo sát đã được sử dụng trong đợt hiệu chỉnh bao gồm: Phiếu khảo sát và bảng tổng hợp ý kiến các BLQ về CTDH ngành QTKD năm 2019 [H3.03.02.01] và 2021 [H3.03.02.02]; ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV sau khi kết thúc HP [H10.10.01.16]. Tuy nhiên, ý kiến của nhà tuyển dụng, tổ chức nghề nghiệp, các chuyên gia và cựu người học thu thập chưa được nhiều qua các lần khảo sát nên ít thông tin hữu ích giúp cho việc điều chỉnh CTDH.

2. Điểm mạnh

CTDH được cập nhật, điều chỉnh một cách chủ động, tích cực hàng năm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ngành QTKD.

3. Điểm tồn tại

Ý kiến của nhà tuyển dụng, tổ chức nghề nghiệp, các chuyên gia và cựu người học còn thu thập chưa được nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Quý IV năm 2023, Khoa QTKD phối hợp với Phòng CT&CTSV tạo lập CSDL danh sách đầy đủ các cựu sinh viên, nhà tuyển dụng lao động, tổ chức nghề nghiệp và các chuyên gia sau đó gửi phiếu khảo sát đến các đối tượng này để khảo sát về CTDH..

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện đã ban hành hệ thống các văn bản quy định việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá KQHT của NH để đảm bảo sự gắn kết giữa CĐR của các HP với CĐR của CTĐT, cụ thể:

- Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện (897/QĐ-HV ngày 11/12/2012 [H5.05.01.01]; 474/QĐ-HV ngày 19/6/2018 [H5.05.01.02]; 838/QĐ-HV ngày 11/10/2021 [H5.05.01.03]). Bản quy định đào tạo năm 2021 được điều chỉnh, bổ sung đầy đủ các nội dung về quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của NH, trong đó các nội dung về đánh giá KQHT của NH được quy định: Điều 23 quy định tiêu chí đánh giá KQHT; Điều 24 quy định việc đánh giá kết quả HP (các hình thức đánh giá và hình thức thi kết thúc HP); Điều 25 quy định thang điểm đánh giá (theo thang điểm 10, điểm quy đổi sang điểm chữ và thang điểm 4); Điều 29 quy định việc tổ chức kỳ thi kết thúc HP.

- Quy trình về xây dựng và quản lý kế hoạch giảng dạy - học tập (03/GV ngày 02/01/2015 và Hướng dẫn việc thay đổi giờ giảng của GV [H10.10.03.01].

- Quy trình đăng ký tín chỉ, tổ chức lớp HP tại Học viện (QT.HV-GV.02) [H10.10.03.02].

- Quy định về tổ chức thi kết thúc HP ĐH, CĐ theo học chế tín chỉ (797/QĐ-KT&ĐBCLGD ngày 05/11/2012; 691/QĐ-KT ngày 13/9/2013 [H5.05.01.04]; 1277/QĐ-HV ngày 31/12/2018 [H5.05.01.05] và 1037/QĐ-HV ngày 12/11/2021 [H5.05.01.06]). Trong đó quy định hướng dẫn về việc đánh giá KQHT của NH với các nội dung gồm các hình thức đánh giá và tổ chức kỳ thi kết thúc HP.

- Quy trình về tổ chức thực tập tốt nghiệp và hướng dẫn việc đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp của SV (05/QĐ-KT&ĐBCLGD ngày 10/01/2011) [H5.05.01.09];

- Quy định về tổ chức tốt nghiệp, thi tốt nghiệp đại học và cao đẳng chính quy tại Học viện CNBCVT (924/QĐ-HV ngày 15/11/2011) [H5.05.01.10]. Hàng năm tính đến cuối học kì thứ 8, Khoa căn cứ vào thông báo của Học viện để tổ chức cho SV thực tập tốt nghiệp và đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp. Sau đó, căn cứ mức điểm Học viện

đưa ra, khoa tổ chức cho SV làm ĐATN. Mức điểm cụ thể căn cứ theo từng năm học trên cơ sở kết luận của Hội đồng xét thi, giao ĐATN.

- Trong thời gian diễn ra dịch bệnh, Học viện đã ban hành các văn bản hướng dẫn công tác đánh giá KQHT của NH:

+ Quy định về việc Tổ chức thi trực tuyến trong thời gian phòng, chống đại dịch Covid19 (470/QĐ-HV ngày 06/9/2021; Hướng dẫn tạm thời quy trình tổ chức thi kết thúc HP và đánh giá bảo vệ đồ án, khóa luận theo hình thức trực tuyến (291/QĐ-HVCS ngày 15/6/2021) [H5.05.01.07]; 654/QĐ-HV ngày 08/4/2021 [H5.05.01.08]);

+ Quy định tổ chức đánh giá đồ án, khóa luận, luận văn tốt nghiệp theo hình thức trực tuyến trong thời gian dịch Covid 19 tại Học viện CNBCVT (594/QĐ-HV ngày 15/7/2021) [H5.05.01.11].

+ Quy định về việc xây dựng quản lý và sử dụng NHCHT KTHP ĐHCQ (685/QĐ-HV ngày18/9/2018) [H5.05.01.12]

- Quy định về quản lý và hướng dẫn thực hành trực tuyến (752/QĐ-HV ngày 21/9/2021) [H10.10.03.03];

- Quy định lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV sau khi kết thúc HP [H10.10.01.03]. Phiếu đánh giá chất lượng giảng dạy để khảo sát SV gồm 10 nội dung, trong đó có tiêu chí liên quan đến giảng dạy và KTĐG.

Các quy định/quy trình nêu trên đã hướng dẫn cụ thể việc đánh giá quá trình giảng dạy và KQHT của NH; việc lựa chọn phương pháp giảng dạy, phương pháp KTĐG để đạt được CĐR của từng bài học, từng HP và CĐR của CTĐT; phương pháp thu thập thông tin phản hồi các BLQ để rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của NH. Nội dung kiểm tra, đánh giá KQHT của NH còn được quy định rõ trong các ĐCCT HP năm 2016 [H2.02.02.04], năm 2019 [H2.02.02.05] năm 2021 [H2.02.02.06] và được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Học viện. Theo đó, việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định rõ trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá; các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần cũng được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của giảng viên và đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm.

Trong các văn bản trên có quy định rõ ràng về việc đánh giá thường xuyên quá trình dạy học, việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CĐR của HP và CTĐT. Cụ thể:

- Việc tổ chức kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ được giao cho GV giảng dạy HP; việc thi kết thúc HP giao cho TTKT&ĐBCLGD; việc đánh giá rèn luyện của NH được giao cho CVHT và Phòng CT&CTSV; việc lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV sau khi kết thúc HP giao cho TTKT&ĐBCLGD; việc giám sát quá trình thực hành, thực tập của NH tại Trung tâm TN-TH được giao cho các Bộ môn thuộc Khoa.

- Việc tổ chức thực tập tốt nghiệp được giao cho Phòng Giáo vụ và khoa.

- Việc hướng dẫn đánh giá và chấm điểm TTTN được giao cho các Hội đồng do Giám đốc Học viện thành lập trên cơ sở đề nghị của Khoa, Bộ môn. Trong đó việc rà soát, kiểm tra các điều kiện bảo vệ luận văn tốt nghiệp do Bộ môn đảm nhận.

- Quá trình SV học tập trên giảng đường, GV giảng dạy HP có trách nhiệm điểm danh SV và ghi chép vào sổ theo dõi học tập cho từng HP thuộc CTĐT ngành QTKD và đánh giá điểm thành phần môn học, xác định điều kiện dự thi cho SV sau khi kết thúc HP [H10.10.03.04].

Định kỳ, Học viện và khoa đã triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT của ngành QTKD để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Đầu mỗi kỳ học, Khoa có tổ chức góp ý, rà soát về công tác đảm bảo chất lượng với nội dung bàn về quy trình dạy và quá trình học tập, quy trình kiểm tra đánh giá, phương pháp kiểm tra đánh giá và tự đánh giá của SV thông qua các Biên bản họp khoa về việc rà soát, đánh giá các nội dung trong CTDH trước [H10.10.01.23] và sau khi cải tiến CTĐT [H10.10.01.24].

Hàng năm, TTKT&ĐBCLGD phối hợp với khoa thực hiện lấy ý kiến NH (mỗi năm 2 lần) về hoạt động giảng dạy của GV với nội dung về bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các phương pháp giảng dạy, cách thức tiến hành kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên [H10.10.01.17]. Năm 2022, Học viện đã khảo sát ý kiến phản hồi của 400 SV ngành QTKD về việc giảng dạy của GV được triển khai trong năm. Kết quả khảo sát cho thấy: có 75,8% ý kiến hài lòng và rất hài lòng với các tiêu chí "Hoạt động giảng dạy luôn gắn với định hướng nghề nghiệp"; có 80,2% ý kiến hài lòng và rất hài lòng với tiêu

chí "GV cập nhật phương pháp giảng dạy mới, phù hợp"; có 80,8% ý kiến hài lòng và rất hài lòng với tiêu chí " GV có phương pháp giảng dạy rõ ràng, dễ hiểu". Kết quả khảo sát đã giúp Khoa, GV điều chỉnh quá trình, phương pháp dạy-học và kiểm tra đánh giá ở từng học phần nhằm đảm bảo đạt CĐR của ngành học. Ngoài ra, Học viện thực hiện khảo sát các BLQ: SV năm cuối và cựu SV về chất lượng khóa học. Khoa dùng thông tin này như là một căn cứ đánh giá lại hoạt động dạy học của GV, hoạt động học tập của sinh viên, từ đó có những điều chỉnh kịp thời trong công tác giảng dạy.

Vào đầu năm học, Văn phòng xây dựng và thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm, trong đó có kế hoạch thanh tra các kỳ thi được tổ chức trong từng học kỳ, năm học [H10.10.03.05].

Căn cứ quy định dự giờ giảng của Học viện [H10.10.03.06], Khoa QTKD lập kế hoạch dự giờ đánh giá chất lượng giảng dạy của GV vào đầu mỗi năm học và tổ chức thực hiện, trong đó quan tâm tới các GV trẻ hoặc GV được phân công giảng dạy HP mới trong CTĐT. Sau mỗi buổi dự giảng, thành viên tham gia đều có ý kiến góp ý với GV về: Phương pháp sư phạm (công tác chuẩn bị; phương pháp sư phạm; sử dụng phương tiện dạy học; năng lực làm chủ nội dung bài giảng); nội dung công tác chuyên môn (Nội dung bài giảng phù hợp với đề cương, chương trình; nội dung bài giảng có tính liên kết, logic chặt chẽ; nội dung kiến thức chuẩn xác và gắn thực tế; nội dung kiến thức được mở rộng...). Kết quả dự giờ được thông báo tới GV nhằm giúp cho các GV rà soát, điều chỉnh phương pháp giảng dạy, nội dung bài giảng nhằm giúp NH đạt được CĐR của CTĐT [H10.10.03.07]. Tuy nhiên, việc tổ chức các hội nghị, hội thảo, các lớp tập huấn về đổi mới phương pháp dạy và học, KTĐG chưa được thực hiện đều đặn hàng năm cả ở cấp Học viện và cấp khoa.

Trong các đợt rà soát, điều chỉnh, bổ sung CTĐT và ĐCHP theo định kỳ (năm 2018 và năm 2020), bên cạnh rà soát về nội dung, cấu trúc các HP, khoa đã tiến hành rà soát, đánh giá các phương pháp giảng dạy và KTĐG được sử dụng. Khi rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần năm 2016, năm 2019 đã bổ sung thêm phương pháp đánh giá các học phần với các hình thức kiểm tra, cơ cấu và tỷ trọng điểm thành phần, điểm kết thúc các học phần phù hợp với quy định về kiểm tra đánh giá học phần. So với ĐCCT HP ban hành năm 2019 [H2.02.02.05] với ĐCCT HP ban hành năm 2021 [H2.02.02.06], khoa đã bổ sung các nội dung giúp cho việc tổ chức các hoạt động dạy học và KTĐG tương thích và phù hợp với CĐR của HP: (i) Mục 3 (Mục tiêu môn học và CĐR) bổ sung

các mục 3.2 (CĐR môn học) và 3.3 (Ma trận CĐR của môn học và HP); (ii) Bổ sung Mục 9 (Phương pháp dạy và học).

Theo kết quả khảo sát ý kiến về CTDH ngành QTKD năm 2019 và 2001 đối với người học, cựu người học, nhà tuyển dụng, GV thì kết quả học tập của SV được GV đánh giá chính xác, khách quan, công bằng [H10.10.01.16].

2. Điểm mạnh

Phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá HP được hiệu chỉnh thường xuyên sau các lần điều chỉnh ĐCCT các HP hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Việc tổ chức các hội nghị, hội thảo, các lớp tập huấn về đổi mới PPDH và KTĐG chưa được thực hiện đều đặn hàng năm cả ở cấp Học viện và cấp khoa.

4. Kế hoạch hành động

Định kỳ hàng năm Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa tổ chức các hội nghị, hội thảo hoặc mở các lớp tập huấn về đổi mới phương pháp dạy - học và KTĐG.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả hiện trạng

Trong Chiến lược phát triển KHCN giai đoạn 2017-2022 (QĐ số 691/QĐ-HV ngày 11/8/2017), Nhà trường đã đặt ra mục tiêu: "Đến năm 2022 hoạt động KHCN đóng vai trò nòng cốt trong sự phát triển của Học viện và hỗ trợ cho việc đổi mới CTĐT để đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạnh công nghiệp 4.0". Điều này đã được thể hiện trong Quy định về hoạt động KHCN của Học viện năm 2020 (QĐ số 316/QĐ-HV ngày 18/5/2020), ... Theo từng năm học, Phòng Quản lý KHCN&HTQT đã xây dựng và triển khai kế hoạch KHCN hằng năm của Học viện (QĐ số 1228/QĐ-HV, ngày 31/12/2021; số 115/QĐ-HV ngày 17/2/2020). Theo đó, Khoa Quản trị kinh doanh đã triển khai nhiệm vụ NCKH của đội ngũ CBGV và SV trong Khoa.

Trong chu kỳ KĐCLGD, Khoa QTKD đã thực hiện 133 đề tài NCKH cấp Học viện; đã công bố 103 bài đăng trên tạp chí khoa học cấp ngành trong nước và 33 bài đăng trên tạp chí khoa học quốc tế, trong đó có bài thuộc nhóm ISI/Scopus; xuất bản 08 cuốn sách và được thể hiện thông qua danh mục các đề tài các cấp do GV Khoa QTKD thực hiện hàng năm [H10.10.04.01] và danh mục các bài báo quốc tế do GV Khoa QTKD thực hiện

[H10.10.04.02]; SV thuộc CTĐT ngành Quản trị kinh doanh đã thực hiện được 99 đề tài NCKH với sự tham gia của 176 lượt SV (có 7 đề tài đạt giải thưởng NCKH sáng tạo). Nội dung của các đề tài nghiên cứu của SV đều gắn liền với chuyên ngành đào tạo QTKD và chất lượng các đề tài đều được đánh giá từ mức đạt trở lên, thể hiện qua danh mục các đề tài cấp Học viện do SV ngành QTKD thực hiện giai đoạn 2017-2022 [H10.10.04.03].

Kết quả nghiên cứu là những kiến thức, kinh nghiệm thuộc các lĩnh vực QTKD, là cơ sở để nâng cao chất lượng dạy và học ngành QTKD. Kết quả nghiên cứu được chuyển tải vào nội dung giảng dạy, vừa nâng cao năng lực NCKH của GV, vừa giúp SV có thêm những bài học, kiến thức chuyên sâu và góp phần cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV.

Trong số các đề tài NCKH mà GV của khoa chủ trì thực hiện có 18 đề tài được chuyển thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong CTDH ngành QTKD [H10.10.04.04], cụ thể:

Năm 2017 (2 đề tài): Phân tích dịch vụ logistics của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (PGD. TS Nguyễn Thị Minh An); Xu hướng phát triển các loại hình giao dịch TMĐT trên thế giới và một số khuyến nghị cho Việt Nam(TS. Trần Thị Thập);

Năm 2018 (3 đề tài): Nghiên cứu sự tham gia của các nhà quản trị trong ứng dụng thẻ điểm cân bàng tại Tổng công ty dịch vụ viễn thông (ThS. Lê Thị Ngọc Diệp); Nghiên cứu mô hình bán hàng đa kênh ứng dụng vào các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh đồ uống tại Việt Nam (ThS. Lê Thị Bích Ngọc); Giải pháp ứng dụng lý thuyết tâm lý trong đàm phán kinh doanh trên địa bàn Tp. HCM (ThS. Phạm Mỹ Hạnh);

Năm 2019 (6 đề tài): Nghiên cứu chiến lược phát triển dịch vụ giá trị gia tăng di động của Tổng công ty VNPT-Vinaphone (ThS. Lê Thị Bích Ngọc); Nghiên cứu sự tham gia của các CSĐT đại học vào hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Start-up) tại Việt Nam (TS. Trần Thị Thập); Cách mạng công nghiệp 4.0 và đề xuất đối với hoạt động giáo dục đại học của Học viện CN BC VT (PGS. TS Nguyễn Thị Minh An);Các nhân tố tác động đến ý nghĩa khởi sự doanh nghiệp của SV tại Tp. HCM – SV khối ngành kỹ thuật (TS. Hồ Thị Sáng); Tổng quan về công tác quản trị chuỗi cung ứng Công ty sản xuất tại khu vực Tp, HCM (TS. Nguyễn Văn Phước)

Năm 2020 (3 đề tài): Nghiên cứu sự cân bằng trong tổ chức và động lực làm việc của giảng viên Học viện CN BCVT (TS. Lê thị Ngọc Diệp); Chiến lược kinh doanh quốc

tế cho các doanh nghiệp kinh doanh đồ uống Việt Nam (ThS. Trần Thị Tuấn Anh); Đánh giá hệ thống quản lý chất lượng ISO 140000, những lợi ích và tồn tại cho các doanh nghiệp tại Tp. HCM (ThS. Đỗ Như Lực)

Năm 2021 (2 đề tài):Nghiên cứu xây dựng hệ thống bài tập tình huống phục vụ cho môn học " Đàm phán kinh doanh tại Học viện CN BCVT" ((ThS. Lê Thị Bích Ngọc); Tác động của quảng cáo lên ý định sử dụng dịch vụ Internet của khách hàng cá nhân tại Tp. HCM (TS. Trương Đức Nga)

Năm 2022 (2 đề tài): Nghiên cứu hoạt động đào tạo nhân lực tại Bưu điện Thành phố Hà Nội (PGS.TS Nguyễn Thị Minh An); Nghiên cứu dịch vụ Internet băng rộng di động của VNPT (TS. Vũ Trọng Phong)

Hàng năm, để nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH, Học viện tổ chức các hội nghị chuyên đề với sự tham gia của các giảng viên, NCV có trình độ và kinh nghiệm công tác lâu năm tại Học viện để xin ý kiến đóng góp cho hoạt động đổi mới hoạt động đào tạo, NCKH và xây dựng chiến lược phát triển của Học viện trong từng giai đoạn [H10.10.04.05]. Hội nghị đã đóng góp những ý kiến hữu ích cho sự phát triển của Học viện, tuy nhiên, nội dung của hội nghị chưa dành nhiều thời gian cho nội dung phổ biến, áp dụng kết quả NCKH vào hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của NH và kinh phí cho các đề tài NCKH cấp cơ sở còn rất hạn chế, nên có khó khăn trong việc tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu để chuyển tải các nội dung đã nghiên cứu lý thuyết vào thực tiễn công tác đào tạo của học viện.

2. Điểm mạnh

Nhiều đề tài NCKH cấp Học viện đều có các kết quả được áp dụng vào việc giảng dạy các HP lý thuyết cũng như HP thực tập, thực tế của SV, góp phần trực tiếp nâng cao trình độ của các giảng viên thông qua cập nhật kiến thức thực tiễn.

3. Điểm tồn tại

Nội dung của các hội nghị, hội thảo của Học viện chưa có chuyên đề chuyên sâu và chưa dành nhiều thời gian cho nội dung phổ biến, áp dụng kết quả NCKH vào hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của NH.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2023-2024, Phòng Quản lý KHCN và HTQT phối hợp với các khoa đề xuất để học viện tổ chức hội nghị chuyên đề dành cho GV về việc định hướng công

tác NCKH của GV và phổ biến, áp dụng kết quả NCKH vào hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của NH.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện đã ban hành các văn bản hướng dẫn về việc đánh giá chất lượng các BLQ, bao gồm các nội dung liên quan đến các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác, cụ thể:

- Quy định về công tác khảo sát ý kiến của NH về công tác đảm bảo điều kiện CSVC phục vụ NH tại Học viện ban hành theo Quyết định 755/QĐ-HV ngày 25/9/2018 [H10.10.01.05].

- Quy định về công tác khảo sát điều kiện CSVC phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và NCKH tại Học viện ban hành theo Quyết định 1059/QĐ-HV ngày 30/11/2019 [H10.10.01.06].

- Quy định tạm thời về công tác lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về điều kiện CSVC phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, NCKH ban hành theo Quyết định 519/QĐ-HV ngày 22/6/2021 [H10.10.01.07] với các đối tượng bao gồm cán bộ GV, SV, SV tốt nghiệp, cựu SV, học viên cao học của Học viện.

Các quy định nêu trên phân công trách nhiệm các đơn vị thực hiện việc khảo sát ý kiến các BLQ, cụ thể:

- TTKT&ĐBCLGD chịu trách nhiệm lấy ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV, về công tác đảm bảo điều kiện CSVC phục vụ NH tại Học viện;

- Phòng CTSV HVCS tại Tp. HCM có nhiệm vụ khảo sát SV về chất lượng phục vụ của Học viện;

- Văn phòng Học viện (Phòng Tổ chức hành chính tại HVCS) có nhiệm vụ khảo sát GV về môi trường làm việc; Khoa Sau Đại học (Phòng ĐT&KHCN tại HVCS) khảo sát học viên cao học về chất lượng giảng dạy và phục vụ của Học viện;

- Phòng Đào tạo khảo sát các BLQ về thiết kế và phát triển CTĐT;

- Phòng QLKHCN&HTQT khảo sát các BLQ về chất lượng thư viện và công tác NCKH của GV, SV;

- Trung tâm Dịch vụ khảo sát công tác phục vụ tại KTX;

- Trung tâm TN-TH khảo sát các BLQ về công tác TN-TH.

Quy định cũng nêu rõ quy trình thực hiện việc khảo sát ý kiến phản hồi được thực hiện theo các bước: (1) Xây dựng kế hoạch, hiệu chỉnh mẫu khảo sát, trình lãnh đạo Học viện phê duyệt; (2) Thu thập và xử lý thông tin các BLQ (Gửi phiếu khảo sát; thu thập thông tin từ đối tượng khảo sát; xử lý và phân tích số liệu; báo cáo kết quả..); (3) Chuyển báo cáo kết quả khảo sát đến lãnh đạo Học viện; TTKT&ĐBCLGD và các đơn vị liên quan; (4) Đề xuất, triển khai và phê duyệt các biện pháp cải tiến (Các đơn vị liên quan phân tích nguyên nhân và đề xuất biện pháp cải tiến; Ban Giám đốc xem xét, phê duyệt các biện pháp cải tiến và chỉ đạo thực hiện; các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện biên pháp cải tiến và báo cáo kết quả theo yêu cầu của lãnh đạo Học viện).

Trên cơ sở các quy trình nêu trên, hàng năm, Học viện đã lập kế hoạch lấy ý kiến CBGV, NH và giao cho TTKT&ĐBCGD chủ trì, phối hợp với Phòng CT&CTSV, Phòng CTSV, Văn phòng, các khoa và các đơn vị chịu trách nhiệm cung cấp các dịch vụ hỗ trợ tổ chức lấy ý kiến phản hồi của CB, GV, nhân viên, SV và các BLQ khác về chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ. Cụ thể:

(1) Khảo sát điều kiện CSVC phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và NCKH tại Học viện:

Thực hiện kế hoạch hàng năm, TTKT&ĐBCLGD xây dựng kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của NH về CSVC, triển khai thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV về CSVC phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và NCKH tại Học viện các năm từ 2017-2021 [H10.10.05.01].

Thực hiện kế hoạch năm học 2017-2018, TTKT&ĐBCLGD đã tiến hành lấy ý kiến của 1.200 SV về các tiêu chí (i) Mức độ đáp ứng của thư viện (3 tiêu chí); (ii) Mức độ đáp ứng yêu cầu của thiết bị dạy và học (3 tiêu chí); (iii) Về phương tiện và công cụ tin học; (iv) Mức độ hướng dẫn các SV về quy chế, quy định, quy trình và thời gian giải quyết các công việc liên quan đến NH được quy định rõ ràng; (v) Trạm y tế đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh; (vi) Công tác vệ sinh môi trường, giáo dục thể chất, nhà ăn, KTX đáp ứng yêu cầu của NH. Kết quả khảo sát cho thấy: 90,67% SV đồng ý "Thư viện có đủ tài liệu tham khảo"; 93,42% SV hài lòng về "Thái độ phục vụ của CB, NV thư viện"; 92,50% SV hài lòng về "CSVC của thư viện, phòng đọc"; 82,24% SV hài lòng về "Giảng đường, phòng học"; 87,75% SV hài lòng về "Trang thiết bị các phòng thực hành, thí

nghiệm"; 90,25% SV hài lòng về "Trình độ chuyên môn, thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên"; 86,50% SV hài lòng về "Website của Học viện có đủ thông tin, cập nhật và sẵn sàng truy cập"; 81,58% SV hài lòng về mức độ đáp ứng của mạng máy tính, thiết bị tin học; 91,92% SV hài lòng về "Người học được cung cấp, hướng dẫn đầy đủ về quy chế, quy định"; 90,25% SV hài lòng về "Trạm Y tế đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh ban đầu"; 92,50% SV hài lòng về "Công tác vệ sinh môi trường, giáo dục thể chất, nhà ăn, KTX".

Kết quả khảo sát ý kiến NH về công tác đảm bảo CSVC phục vụ NH tại cơ sở đào tạo Hà Nội các năm cho thấy SV khá hài lòng với nội dung về công tác vệ sinh môi trường, giáo dục thể chất, KTX, căng tin. Tỷ lệ SV trả lời hài lòng với câu hỏi "Công tác vệ sinh môi trường, giáo dục thể chất, nhà ăn, KTX đáp ứng cơ bản yêu cầu của NH" lần lượt theo các năm là: năm 2021 (88,24%), năm 2020 (85,5%), năm 2019 (83,1%), năm 2018 (92,50%), năm 2017 (83,7%). SV khá hài lòng với hệ thống CNTT, thiết bị dạy - học và điều kiện CSVC của Học viện. Chẳng hạn như với câu hỏi "Mạng máy tính, thiết bị tin học đáp ứng cơ bản nhu cầu NH", tỷ lệ SV trả lời hài lòng qua khảo sát các năm là: năm 2021 (82,49%), năm 2020 (81,0%), năm 2019 (76,4%), năm 2018 (81,58%) và năm 2017 (83,7%).

Kết quả khảo sát được báo cáo ban giám đốc để chỉ đạo, điều hành hoạt động của Học viện và công bố công khai để lãnh đạo các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ nắm rõ tình hình chung về các điều kiện CSVC Học viện và nghiên cứu, đề xuất kịp thời các phương án sửa chữa, bảo dưỡng kịp thời CSVC và trang thiết bị.

(2) Khảo sát CBGVNV về điều kiện môi trường làm việc tại Học viện:

Hàng năm, Văn phòng/Phòng Tổ chức - Hành chính tổ chức khảo sát CBGV về điều kiện môi trường làm việc, trong đó có nội dung về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Nội dung báo cáo kết quả khảo sát các năm từ 2017-2021 [H10.10.05.02], cụ thể năm 2018 ,Văn phòng đã khảo sát 372 CB, GV (có 320 CBGV phản hồi). Kết quả 81% CB, GV hài lòng về "Hệ thống CNTT (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu"; 84% CBGV hài lòng về "Thư viện và các nguồn tài liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu"; 82% CBGV hài lòng về "Thư viện điện tử và các phần mềm quản lý sách, tài liệu, học liệu đáp ứng nhu cầu của người sử dụng"; 78% CBGV hài lòng về

"Chất lượng các trang thiết bị tại các phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu"; 80% CBGV hài lòng về "Các trang thiết bị, máy móc, nội quy, quy định và trang thiết bị bảo hộ an toàn lao động của các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành được trang bị đầy đủ và được cập nhật"; 76% CBGV hài lòng về "Trang thiết bị giảng dạy, nghiên cứu được hỗ trợ sửa chữa hoặc thay thế kịp thời".

(3) Khảo sát SV năm cuối

- Khoa QTKD tổ chức lấy ý kiến của SV ngành QTKD chuẩn bị tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Học viện [H10.10.05.03], trong đó có nội dung về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm/thực hành, hệ thống CNTT, hoạt động tư vấn học tập/việc làm, các hoạt động ngoại khóa, hoạt động đoàn thể. Ví dụ: Kết quả khảo sát SV ngành QTKD khóa SV tốt nghiệp năm 2021 về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác năm học cho thấy: 78,29% SV hài lòng về "Thư viện đảm bảo đủ số lượng, chất lượng sách báo, không gian và chỗ ngồi"; 78,43% SV hài lòng về "Thiết bị công nghệ thông tin phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập"; 61,87% SV hài lòng về "CSVC của học viện (Giảng đường, phòng TN-TH, bàn ghế, các phương tiện nghe nhìn, chỗ gửi xe, vệ sinh...) đáp ứng nhu cầu đào tạo, học tập và nghiên cứu"; 84,05% SV hài lòng về "Hoạt động tư vấn học tập, nghề nghiệp cung cấp đầy đủ thông tin đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, chọn lựa và học tập của SV"; 79,71% SV hài lòng về "Các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ thiết thực cho học tập và nghiên cứu". Đồng thời, cuối mỗi năm học, Khoa sẽ tổ chức cuộc họp tổng kết để đánh giá toàn diện các hoạt động của Khoa trong đó có đánh giá về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích [H10.10.05.04].

- HVCS tổ chức lấy ý kiến SV tốt nghiệp về chất lượng đào tạo (52/KH-HVCS ngày 21/02/2022); Lấy ý kiến cán bộ, GV về ĐBCL các lĩnh vực của Học viện (46/KHKS-TCHC ngày 18/02/2022). Sau các đợt khảo sát, Học viện tiến hành tổng hợp số liệu, viết báo cáo kết quả khảo sát: Ý kiến phản hồi của SV (96/BC-CTSV ngày 27/09/2019; Báo cáo ngày 10/12/2019; 13/BC-CT&CTSV ngày 26/03/2021). Kết quả khảo sát 185 SV năm 2020 về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm có 83,5% ý kiến đánh giá "hài lòng".

- Phòng CT&CTSV đã thực hiện lấy ý kiến phản hồi của NH cuối khóa về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ tìm kiếm việc làm của Học viện sau

mỗi năm học, nội dung khảo sát bao gồm: Hoạt động tư vấn hỗ trợ SV trong quá trình học tập; Các hoạt động tư vấn tìm kiếm các nguồn học bổng để hỗ trợ SV; Thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ SV; Hoạt động hỗ trợ, hướng nghiệp tư vấn việc làm cho SV; Những thông tin thu được từ các hoạt động hỗ trợ, hướng nghiệp; đánh giá chung về những hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ hài lòng của NH cuối khóa về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ tìm kiếm việc làm của Học viện khá cao [H10.10.05.05]. Kết quả khảo sát của 100 SV cuối khóa năm học 2018-2019 cho thấy: có 77% SV cuối khóa của Học viện hài lòng về "Hoạt động tư vấn hỗ trợ SV trong quá trình học tập"; có 75% SV cuối khóa đánh giá hài lòng về "Thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ SV"; có 77% SV cuối khóa đánh giá hài lòng về "Đánh giá chung về những hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm" ... Đây là cơ sở để các đơn vị cải tiến các hoạt động tư vấn, hỗ trợ SV thời gian tới. Kết quả khảo sát chung cho thấy NH về cơ bản hài lòng với hoạt động phục vụ và hỗ trợ của nhà trường. Đánh giá chung về mức độ hài lòng của SV đối với dịch vụ giáo dục công của Học viện đạt trên 80% như: có 82,7% và 97,2% SV được khảo sát trong năm 2019, 2021 hài lòng với các hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm của Học viện; 82,1% SV đánh giá mức độ hài lòng ở mức 3/5 trở lên về sự dễ dàng, thuận tiện tìm hiểu thông tin thủ tục tại văn phòng Giao dịch một cửa trong năm 2020.

(4) Khảo sát chất lượng dịch vụ tại Văn phòng Giao dịch một cửa: Phòng CT&CTSV thực hiện khảo sát chất lượng dịch vụ tại Văn phòng Giao dịch một cửa qua hệ thống khảo sát trực tuyến để SV đánh giá về chất lượng dịch vụ tại văn phòng một cửa, tác phong, thái độ của từng cán bộ tiếp nhận hồ sơ và tư vấn cho SV [H10.10.05.06]. Kết quả khảo sát cho thấy có 96,7% ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý về các nội dung; về thư viện đáp ứng nhu cầu về CSVC, phòng đọc và các trang thiết bị phục vụ cho việc tra cứu tài liệu; về điều kiện an ninh của KTX đảm bảo anh toàn có 93%; Số thuốc được cung cấp sau khi khám/sơ khám đáp ứng điều trị bệnh có 76,6%; Về điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm của nhà ăn, căng-tin Học viện sạch sẽ có 93,3%; Về phòng TN-TH được trang bị đầy đủ đáp ứng nhu cầu thực hành các HP trong CTĐT có 89,7%.

(5) Khảo sát thư viện: Để thu thập được đầy đủ thông tin và có kế hoạch cải tiến hoạt động phục vụ bạn đọc kịp thời, Phòng QLKHCN&HTQT đã xây dựng và triển khai kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của bạn đọc về chất lượng phục vụ của Thư viện và tổng hợp báo cáo kết quả khảo sat [H10.10.05.07]. Kết quả khảo sát cho thấy SV khá hài lòng

về thư viện của Học viện, chẳng hạn như tỷ lệ SV trả lời hài lòng về thư viện ở cơ sở đào tạo Hà Nội đều đạt trên 80% tuỳ theo từng năm, cụ thể: năm 2017 là 83,04%, năm 2018 là 92,19%; năm 2019 là 86,3%, năm 2020 là 88,1% và năm 2021 là 89,6%.

(6) Trung tâm TN-TH cũng tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV về CSVC trang thiết bị các phòng TN-TH trong học kỳ II năm học 2020-2021, Kết quả khảo sát cho thấy có 53,6% GV và 72,5% SV hài lòng về trang thiết bị các phòng TN-TH [H10.10.05.08].

Trên cơ sở khảo sát ý kiến phản hồi của SV, cựu SV và CBGV, các dịch vụ hỗ trợ đã được cải tiến và nâng cao chất lượng phục vụ như:

- Sử dụng hệ thống đào tạo trực tuyến PTIT-Slink để cung cấp các dịch vụ học tập, nghiên cứu cho NH 24/7 [H10.10.05.09]. Học viện là cơ sở GDĐH tiên phong trong công tác chuyển đổi số, PTIT-SLink là mô hình nền tảng số đầu tiên được công bố trong việc liên thông dữ liệu đối trong Học viện với mục đích phát triển hệ thống các ứng dụng hỗ trợ GV/SV trong quá trình đào tạo/học tập; tối ưu hoá hiệu suất lao động của cán bộ, hỗ trợ. Với quá trình chuyển đổi số, hầu hết các dịch vụ hỗ trợ cho NH được cung cấp thông qua môi trường số, trong khi Học viện chưa quan tâm đến việc tập huấn để nâng cao kỹ năng sử dụng các dịch vụ trong môi trường chuyển đổi số cho NH nên hiệu quả sử dụng chưa cao.

- Thiết lập quan hệ với các đối tác bổ sung thêm trang thiết bị cho các phòng TN-TH, phòng Lab phục vụ nghiên cứu chuyên sâu về CNTT như Phòng Thí nghiệm trí tuệ nhân tạo; Phòng Lab 4G Viettel; Phòng Lab Samsung, có máy tính và phần mềm chuyên dụng được mô tả cụ thể tại Đề án tuyển sinh Học viện năm 2022 [H10.10.05.10]. Giai đoạn 2017-2022, Học viện đầu tư 2.545 triệu đồng mua sắm trang thiết bị mới phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH.

- Đầu tư, nâng cấp hệ phần mềm quản lý thư viện và đầu tư mua sắm các tài liệu tham khảo phục vụ công tác giảng dạy/học tập [H10.10.05.11], trong đó có việc số hóa các học liệu cung cấp cho thư viện điện tử để SV có thể truy cập sử dụng mọi lúc, mọi nơi; giai đoạn 2017 - 2022, thư viện được bổ sung 502 đầu sách/2878 bản, trong đó CTĐT ngành QTKD được bổ sung 20 đầu sách/42 bản; thư viện tăng thời gian mở cửa phục vụ bạn đọc từ 8 lên 12 giờ/ngày trong thời gian diễn ra các kỳ thi kết thúc HP.

- Hoạt động của tổ chức đoàn thể và ngoại khoá giúp SV nâng cao kỹ năng mềm và tham gia hoạt động cộng đồng được tổng kết đánh giá hằng năm và có những cải tiến về hình thức, nội dung hoạt động ... [H10.10.05.12].

Kết quả nghiên cứu các báo cáo tổng kết năm học hằng năm của Học viện giai đoạn 2017-2021 và của các đơn vị tổ chức thực hiện các dịch vụ hỗ trợ cho thấy việc đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đã được triển khai hằng năm [H10.10.05.13].

2. Điểm mạnh

Công tác chuyển đổi số tại Học viện đã đạt được những kết quả nhất định, hỗ trợ có hiệu quả cho Học viện thông qua môi trường mạng.

3. Điểm tồn tại

Với quá trình chuyển đổi số, hầu hết các dịch vụ hỗ trợ cho NH được cung cấp thông qua môi trường số, trong khi học viện chưa quan tâm đến việc tập huấn để nâng cao kỹ năng sử dụng các dịch vụ trong môi trường chuyển đổi số cho NH nên hiệu quả sử dụng chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2023-2024, Phòng CT&CTSV phối hợp với các khoa tổ chức tập huấn cho sinh viên về việc sử dụng các ứng dụng, tiện ích phục vụ hoạt động học tập, rèn luyện của sinh viên trong môi trường chuyển đổi số.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện đã ban hành các văn bản quy định về hoạt động thu thập ý kiến phản hồi các BLQ như: Quy định khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, GV về điều kiện CSVC phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, NCKH (519/QĐ-HV ngày 22/6/2021) [H7.07.03.04]; Quy định lấy ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy của GV tại Học viện CNBCVT ban hành theo Quyết định 861/QĐ-HV ngày 23/11/2015 [H10.10.01.03]; Quy định về việc lấy ý kiến về tình trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp tại Học viện ban hành theo Quyết định 642/QĐ-HV ngày 09/08/2018 [H10.10.01.04]; Quy định về công tác khảo sát CSVC phục vụ cho công tác quản lý, giảng dạy, NCKH tại Học viện (1059/QĐ-HV ngày 30/11/2018) [H7.07.01.03].

Các văn bản trên quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong thực hiện cơ chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ: (i) TTKT&ĐBCLGD là đơn vị chủ trì khảo sát có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện việc khảo sát; thiết kế, hiệu chỉnh nội dung phiếu khảo sát được phân công; quản lý, bảo quản, lưu trữ hồ sơ gốc liên quan đến nhiệm vụ khảo sát được phân công; lập báo cáo kết quả khảo sát gửi lãnh đạo Học viện (ii) TTKT&ĐBCLGD có nhiệm vụ phối hợp với đơn vị chủ trì khảo sát để thiết kế, điều chỉnh, bổ sung định kỳ nội dung các phiếu khảo sát phù hợp với tình hình hoạt động của Học viện về yêu cầu thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ; làm đầu mối hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp các kết quả khảo sát tại các đơn vị để báo cáo ban giám đốc Học viện; (iii) Trưởng đơn vị thuộc Học viện có trách nhiệm nhắc nhở cán bộ, viên chức thuộc đơn vị tham gia khảo sát đầy đủ và nghiêm túc theo thông báo của Học viện; lập kế hoạch cải tiến các hoạt động thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao qua kết quả, số liệu khảo sát có tỷ lệ hài lòng thấp.

Các văn bản trên cũng quy định các đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện khảo sát, trong đó: (i) TTKT&ĐBCLGD chịu trách nhiệm chủ trì, lấy ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV; mức độ đáp ứng của CSVC, trang thiết bị, hệ thống CNTT, phòng thực hành/thí nghiệm; (ii) Phòng Đào tạo lấy ý kiến khảo sát liên quan để thiết kế phát triển CTDH, CĐR, CTĐT, ... Phòng CT&CTSV/CTSV lấy ý kiến khảo sát cựu SV, NTD về việc làm SV; (iii) Văn phòng/Phòng Tổ chức - Hành chính lấy ý CB, GV về điều kiện CSVC, môi trường làm việc; (iv) Khoa Sau ĐH/Phòng ĐT&KHCN khảo sát học viên cao học về chất lượng giảng dạy và phục vụ của Học viện; (v) Phòng Đào tạo khảo sát các BLQ khi điều chỉnh mục tiêu, CĐR CTĐT và xây dựng, phát triển CTDH; (vi) Phòng QLKHCN&HTQT khảo sát các BLQ về chất lượng phục vụ của thư viện; Trung tâm Dịch vụ khảo sát công tác phục vụ tại KTX; (vii) Trung tâm TN-TH lấy ý kiến các BLQ về chất lượng phòng TN-TH.

Hàng năm, Học viện đã tiến hành các hoạt động khảo sát để thu thập thông tin phản hồi của các BLQ: (i) Khảo sát SV về hoạt động giảng dạy của GV theo từng học kỳ [H10.10.01.17]; (ii) Khảo sát SV, HV về chất lượng phục vụ của Học viện [H10.10.05.01]; (iii) Khảo sát SV trước tốt nghiệp về chất lượng khóa học [H10.10.05.03]; (iv) Khảo sát SVTN về tình hình việc làm và chất lượng khóa học [H10.10.05.05]; (v) Khảo sát CB, GV về môi trường làm việc [H10.10.05.06]; (vi) Khảo sát doanh nghiệp về tình hình sử dụng lao động SV tốt nghiệp [H10.10.06.01],

[H10.10.06.02]; (vii) Khảo sát các BLQ khi rà soát thiết kế CTĐT [H10.10.06.03]; (viii) Các khảo sát khác (Khảo sát các BLQ trong công tác xây dựng, bổ sung, hiệu chỉnh CTDH [H10.10.01.16]; Khảo sát SV về chất lượng phục vụ thư viện [H10.10.05.07]; Báo cáo kết quả khảo sát về chất lượng dịch vụ tại Văn phòng giao dịch một cửa 3 năm (2017, 2019 và 2021) [H10.10.05.06]; ...

Hệ thống mẫu phiếu khảo sát của từng khảo sát được thiết kế theo mục tiêu của từng loại khảo sát và được điều chỉnh phù hợp với từng đối tượng [H10.10.06.04]. Tùy từng trường hợp cụ thể, Học viện đã sử dụng phương pháp khảo sát phù hợp để đảm bảo sự tiện ích và tính khách quan trong thu thập các thông tin phản hồi. Việc thu thập ý kiến phản hồi có thể thực hiện bằng các phương pháp khác nhau: phát phiếu hỏi trực tiếp hoặc online hoặc qua điện thoại; tổ chức hội thảo, hội nghị, trao đổi, đối thoại; thông qua các cuộc họp của bộ môn, tổng kết hàng năm của khoa và Học viện ...

Việc thu thập, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi từ các BLQ được thực hiện theo quy trình 4 bước: (i) Lập kế hoạch trình lãnh đạo Học viện phê duyệt; (ii) Phổ biến, tổ chức triển khai khảo sát theo kế hoạch; (iii) Tổng hợp, xử lý số liệu, gửi báo cáo Lãnh đạo Học viện và các BLQ theo yêu cầu của giám đốc Học viện; (iv) Các đơn vị/cá nhân có liên quan triển khai hoạt động cải tiến chất lượng [H10.10.01.03].

Năm 2017, các khảo sát của Học viện chủ yếu dừng lại ở tờ trình xin chủ trương và tổ chức khảo sát, mà chưa có quy định để thống nhất thực hiện. Năm 2018, Học viện, đã cải tiến các nội dung, tiêu chí, mẫu phiếu khảo sát SV tốt nghiệp và ban hành quy định khảo sát SV tốt nghiệp [H10.10.01.04]. Năm 2021, Học viện ban hành quy định về khảo sát các BLQ để thống nhất thực hiện trong toàn Học viện [H10.10.01.03]. Phương pháp khảo sát chuyển dần từ khảo sát phát phiếu trực tiếp sang hình thức khảo sát trực tuyến qua hệ thống webstie tới các đơn vị và phần mềm khảo sát PTIT-Slink [H10.10.05.11]. Đồng thời, chức năng, nhiệm vụ thực hiện hoạt động khảo sát cũng được điều chỉnh phù hợp với cơ cấu tổ chức của Học viện. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, Học viện đã phân công cho văn phòng tổ chức khảo sát các điều kiện về CSVC, đồng thời, khuyến khích các đơn vị chủ động đề xuất và tổ chức khảo sát ý kiến các BLQ.

Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Học viện đang thực hiện một số giải pháp cải tiến có hiệu quả như: Điều chỉnh CTĐT để nâng cao chất lượng giảng dạy; tăng cường CSVC cho công tác đào tạo, cải tạo giảng đường lớp học, hệ thống CNTT...; bổ sung giáo trình, tài liệu cho thư viện điện tử trên cơ sở số hóa các học liệu của thư viện.

Đối với Khoa QTKD, sau khi nhận được báo cáo kết quả khảo sát từ các đơn vị chủ trì khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát chuyên sâu do Khoa thực hiện, Khoa đã tiến hành họp với các bộ môn/ GV liên quan phân tích nguyên nhân, dẫn đến các tiêu chí có kết quả đánh giá sự hài lòng thấp, từ đó xây dựng kế hoạch để khắc phục, cải tiến chất lượng: Bổ sung thêm đối tượng NTD, cựu SV vào đối tượng lấy ý kiến khảo sát; bổ sung hình thức lấy ý kiến phản hồi trực tuyến trên nhiều kênh: email, mạng xã hội, PTIT-SLink; bổ sung thêm các câu hỏi về CSVC, hoạt động tư vấn, hỗ trợ SV, kỹ năng mềm trong phiếu khảo sát.

Trong việc khảo sát các BLQ, việc khảo sát cựu SV vẫn còn hạn chế do dữ liệu về mạng lưới cựu SV đang được triển khai và hoạt động thu thập thông tin phản hồi do nhiều đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện.

2. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành các quy định/quy trình công tác lấy ý kiến phản hồi của đầy đủ các BLQ và hàng năm chủ động triển khai hoạt động khảo sát.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động thu thập thông tin phản hồi tại Học viện vẫn do nhiều đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Trung tâm KT&ĐBCLGD phối hợp với Phòng CT&CTSV và các đơn vị xây dựng quy định lấy ý kiến phản hồi của các BLQ một cách thống nhất, rõ ràng với hướng dẫn cụ thể, chặt chẽ, đảm bảo tính hệ thống cho thu thập và sử dụng ý kiến phản hồi của các BLQ và thống nhất nhiệm vụ khảo sát ý kiến các BLQ vào một đầu mối để điều hành và tổ chức thống nhất.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Học viện đã ban hành các văn bản quy định việc thu thập thông tin phản hồi các BLQ trong các lần rà soát điều chỉnh CĐR và CTĐT, xây dựng kế hoạch và triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ; các văn bản quy định việc rà soát, đánh giá quá trình dạy học và KQHT của NH để đảm bảo sự gắn kết giữa CĐR của các HP với CĐR của CTĐT; các văn bản quy định cụ thể về nội dung, quy trình và chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong thực hiện cơ chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ; Học viện đã có quy định và định kỳ tổ chức việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục

vụ NH thông qua các phương thức khác nhau để tạo lập cơ sở cho đề xuất cải tiến các dịch vụ này.

Công tác rà soát, đánh giá quá trình dạy học và KTĐG được thực hiện thông qua việc cập nhật, điều chỉnh về CTDH và ĐCCT HP; hoạt động dự giảng; hoạt động lấy ý kiến phản hồi của NH về chất lượng dạy học; kết quả nghiên cứu của 34 đề tài được chuyển thành nội dung giảng dạy và áp dụng để cải tiến hoạt động dạy học các HP của CTDH ngành QTKD trình độ đại học.

Khi tiến hành rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH của ngành QTKD, số lượng các nhóm đối tượng bên ngoài Học viện (Người sử dụng lao động, cựu SV, các chuyên gia, nhà khoa học, ...) được khảo sát ý kiến còn hạn chế; việc tổ chức các hội nghị, hội thảo, các lớp tập huấn về đổi mới PPDH và KTĐG chưa được thực hiện hằng năm cả ở cấp Học viện và cấp khoa.

Mặc dù có nhiều BLQ tham gia khảo sát, nhưng trong nhiều trường hợp chất lượng khảo sát chưa tốt. Quá trình lấy ý kiến khảo sát SV, GV còn thiếu đồng bộ giữa Văn phòng, Thư viện, Trung tâm TN-TH và Trung tâm KT&ĐBCLGD do các đơn vị thực hiện theo kế hoạch riêng, chưa thống nhất.

Tiêu chuẩn 10 có 06 tiêu chí: 4,83/7.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

Khi đánh giá hệ thống ĐBCL, Học viện không chỉ đánh giá chất lượng của quá trình đào tạo, mà còn cần đánh giá chất lượng đầu ra và NH tốt nghiệp. Để đánh giá chất lượng NH tốt nghiệp, cần thiết phải giám sát việc đạt được các CĐR, tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ có việc làm của NH sau khi tốt nghiệp. NCKH cũng là một CĐR quan trọng của quá trình đào tạo và các thể loại NCKH của NH phải đáp ứng yêu cầu của các BLQ.

Kết quả đầu ra của CTĐT nhằm phản ánh chất lượng NH. Kết quả CĐR của ngành QTKD được xác lập qua tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp, số lượng và loại hình nghiên cứu của NH và mức độ hài lòng của các BLQ. Với chất lượng đầu vào tương đối cao và quá trình đào tạo chất lượng đào tạo của ngành QTKD, Học viện đảm bảo CĐR. Các tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp, số lượng và loại hình nghiên cứu của NH và mức độ hài lòng của các BLQ được đối sánh với các CTĐT khối

ngành khác trong Học viện và một số trường khác để có những biện pháp khả thi nhằm nâng cao chất lượng đầu ra của NH.

Sau khi phân tích đầu vào, quá trình và đầu ra, Học viện cần phân tích sự hài lòng của các BLQ và thiết lập một hệ thống thu thập và đo lường sự hài lòng của các BLQ. Các thông tin thu thập cần được phân tích và đối sánh, từ đó xây dựng và triển khai các hoạt động cải tiến CTĐT thông qua hoạt động của hệ thống ĐBCL bên trong Học viện.

Tiêu chí 11.1: Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện có hệ thống theo dõi, giám sát tỷ lệ thôi học, tỷ lệ học lại, tỷ lệ tốt nghiệp. Trong đó, Phòng Giáo vụ làm đầu mối triển khai, các đơn vị phối hợp gồm Phòng Đào tạo, Phòng CT&CTSV và các khoa. Tại các khoa GVCN, CVHT theo dõi, giám sát tỷ lệ và danh sách SV thôi học của ngành QTKD.

Học viện giao Phòng Giáo vụ có nhiệm vụ theo dõi, cập nhật danh sách, tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp đối với SV hệ ĐHCQ đang học tập tại Học viện theo Điều 2, Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Giáo vụ ban hành kèm theo Quyết định 621/QĐ-HV ngày 08/8/2018 [H11.11.01.01] và bản mô tả các vị trí công việc của chuyên viên Phòng Giáo vụ được Giám đốc Học viện phê duyệt [H11.11.01.02]. Phòng Giáo vụ đã thực hiện việc giám sát thông qua nhiều hình thức như: Sổ theo dõi hàng ngày, sổ lên lớp, báo cáo hàng tháng, hàng năm, lịch dạy và học hàng tuần, từng học kỳ; kiểm tra định kỳ, bài thi kết thúc HP.

Hệ thống giám sát quá trình học tập, đánh giá KQHT, quy định về thôi học, tốt nghiệp, cảnh báo học vụ được thực hiện theo Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Học viện ban hành năm 2012 [H5.05.01.01], năm 2018 [H5.05.01.02] và năm 2021 [H5.05.01.03], trong đó quy định về việc đăng ký HP, hủy/rút đăng ký HP (Điều 12, 13), đăng ký lại, học cải thiện điểm (Điều 14), nghỉ học tạm thời (Điều 15), cảnh báo KQHT (Điều 33), buộc thôi học (Điều 32).

Học viện ban hành Quy trình quản lý và cập nhật CSDL SV (01/GV ngày 02/01/2015) [H11.11.01.03].

Học viện có phần mềm Edusoft trợ giúp giám sát tỷ lệ thôi học, tỷ lệ học lại và tỷ lệ tốt nghiệp. Thông qua phần mềm, Phòng Giáo vụ phối hợp với TTKT&ĐBCLGD theo dõi, tổng hợp bảng điểm học tập của SV các học kỳ được thiết lập trên phần mềm để báo

cáo đề xuất lãnh đạo Học viện xem xét, phê duyệt KQHT và dữ liệu KQHT của SV; SV ngừng học, thôi học, tốt nghiệp được xử lý trực tiếp trên phần mềm QLĐT Edusoft và được phân quyền theo nhiệm vụ của các đơn vị/cá nhân để có thể theo dõi và lập danh sách SV thôi học, tốt nghiệp theo học kỳ, năm học [H11.11.01.04].

Khi SV trúng tuyển đến nhập học, Phòng Giáo vụ lập và cung cấp cho mỗi SV một tài khoản cá nhân, sau khi đã hoàn thành việc cập nhật đầy đủ thông tin vào CSDL, SV có thể đăng nhập vào vào phần mềm QLĐT để theo dõi thông tin học tập, thời khóa biểu các môn học, học phí và các khoản lệ phí phải nộp trong từng học kỳ [H11.11.01.05]. Dữ liệu về kết quả học tập của SV lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo là cơ sở để Học viện xác lập kết quả học tập, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp trong tiến trình đào tạo toàn khóa học của SV ngành Kế toán và kết quả học tập của SV được cập nhật thường xuyên và kịp thời trên hệ thống cũng như qua tài khoản cá nhân để giúp SV theo dõi và có kế hoạch cải thiện kết quả học tập theo từng thời điểm cụ thể. Danh sách SV bị cảnh báo học vụ và thôi học [H11.11.01.06] được cập nhật theo năm học và được lưu tại Phòng Giáo vụ trên phần mềm quản lý đào tạo [H11.11.01.07].

Hàng năm, Học viện tiến hành 4 đợt xét tốt nghiệp và ban hành các quyết định công nhận tốt nghiệp cho SV. danh sách SV tốt nghiệp được cập nhật hằng năm trên phần mềm quản lý đào tạo [H11.11.01.08].

Học viện thống kê, giám sát chặt chẽ tiến độ và KQHT, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV thông qua hệ thống CVHT, trợ lý khoa và CSDL về SV được quản lý tại Phòng Đào tạo, Phòng Giáo vụ. Theo kết quả thống kê SV các khóa học từ khóa 2013 đến khóa 2017, thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của 5 khóa gần đây được thể hiện qua bảng 11.1 và 11.2, *Phụ lục 02*.

Số liệu ở Bảng 11.1 cho thấy: Tỷ lệ SV ngành QTKD thôi học trung bình các khóa khoảng 2,66% và tỷ lệ thôi học hàng năm nhìn chung thấp, có xu hướng giảm. Số liệu thống kê ở Bảng 11.2 cho thấy tỉ lệ SV ngành QTKD tốt nghiệp trung bình so với số tuyển đầu vào của Học viện giữ mức ổn định, dao động từ 81,72%, đến 84% và tỷ lệ SV ngành QTKD tốt nghiệp đúng hạn dao động từ 80% đến 90% và có xu hướng tăng dần. Sau mỗi học kỳ và mỗi năm học, với sự trợ giúp của phần mềm quản lý đào tạo, các phòng chức năng và Khoa dễ dàng có được số liệu thống kê về danh sách SV bảo lưu, thôi học, danh sách SV tốt nghiệp của năm học. Theo Kế hoạch học tập của CTĐT trình độ ĐH ngành Quản trị kinh doanh là 4 năm, Học viện và Khoa đã tiến hành thống kê tỷ lệ

sinh viên tốt nghiệp đúng hạn hàng năm như sau: năm 2018 là 79,0%; năm 2019 là 67,0%; năm 2020 là 47,0%; năm 2021 là 40,0% và tỷ lệ thôi học theo từng năm học

Phòng Giáo vụ đã thống kê nguyên nhân thôi học, nghỉ học của SV và thông qua số liệu thống kê cho thấy, các nguyên nhân thôi học bao gồm: (i) SV thôi học vì lý do cá nhân (đi học ở nước ngoài, thi lại vào trường khác, do sức khỏe, điều kiện kinh tế..); (ii) Bị buộc thôi học do KQHT [H11.11.01.09].

Theo báo cáo tổng kết các khóa đào tạo ĐHCQ khối ngành kinh tế tại lễ phát bằng tốt nghiệp [H11.11.01.10] và báo cáo tổng kết năm học của Học viện [H11.11.01.11] cho thấy số SV tốt nghiệp chậm hơn thời gian quy định phần lớn là do SV thiếu các điều kiện như chưa tích lũy đủ khối kiến thức theo quy định hoặc không đạt yêu cầu CĐR về ngoại ngữ. Hàng năm, tỷ lệ SV ngành QTKD tốt nghiệp và thôi học được xác lập, giám sát chặt chẽ.

Để giảm tỷ lệ thôi học của SV, Học viện đã giao cho đội ngũ CVHT giám sát chặt chẽ tình hình học tập, tư tưởng SV [H4.04.02.12] và liên hệ với đội ngũ cán bộ lớp, Đoàn thanh niên thường xuyên nắm bắt tình hình học tập và rèn luyện của SV để tư vấn, cảnh báo các SV có nguy cơ thôi học; gặp gỡ, trao đổi trực tiếp tháo gỡ những khó khăn trong học tập, đời sống của SV; kết hợp liên lạc với gia đình quan tâm động viên để giúp SV cải thiện KQHT, rèn luyện.

Kết quả đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học giai đoạn 2017-2021 của SV ngành QTKD với các CTĐT khác của Học viện được trình bày ở các bảng 11.3, *Phụ lục 02*. Kết quả đối sánh cho thấy: Tỷ lệ thôi học của SV ngành QTKD các khóa dao động từ 2,05% đến 2,6% cao hơn khối ngành kỹ thuật và tương đương với các ngành kinh tế tại Học viện.

Kết quả đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp và thôi học ngành QTKD với cùng ngành QTKD của các trường đại học khác được trình bày ở bảng 11.4, *Phụ lục 02*. Việc đối sánh các tỷ lệ này với cùng ngành QTKD của các Trường ĐH khác cũng được Khoa thực hiện, như đối sánh với Trường ĐH Công đoàn, ĐH Cần Thơ. Cụ thể, năm 2018, 2019, 2020, 2021 tỷ lệ thôi học của ngành QTKD của Học viện là 79,0%; 67,0%; 47,0% và 40,0% thì con số tương ứng của ngành QTKD Trường ĐH Công đoàn lần lượt là: 98,65%; 84,53%; 84,68%; 83,5% và các con số của ĐH Cần Thơ là: 76,95%; 93,8%; 97,8%; 88,54%.

Kết quả tổng hợp, đối sánh, phân tích về tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được Phòng Đào tạo, Phòng Giáo vụ, Khoa QTKD, CVHT và Đoàn Thanh niên phối hợp thực hiện các biện pháp hỗ trợ đối với từng trường hợp cụ thể: (i) Đoàn Thanh niên tổ chức các hoạt động ngoại khóa để định hướng nghề nghiệp cho NH [H8.08.04.07] (ii) Xét, trao học bổng cho các SV nghèo vượt khó, SV có hoàn cảnh đặc biệt [H8.08.04.01-02]; (iii) Làm tốt công tác quán triệt các quy chế, quy định giúp NH xác định đúng đắn động cơ học tập, mục đích học tập thông qua Tuần sinh hoạt công dân đầu năm học [H4.04.01.08]; (iv) CVHT hỗ trợ SV về phương pháp học tập, giúp SV trong việc lập kế hoạch, xây dựng lộ trình học tập hợp lý...) [H4.04.02.12].

Học viện là trường tiên phong trong việc triển khai chuyển đổi số, với việc triển khai các ứng dụng CNTT: Mỗi SV đều được cấp tài khoản phần mềm QLĐT, trên ứng dụng PTIT-Slink của Học viện dễ dàng theo dõi các thông báo từ Học viện/Khoa QTKD /Phòng Giáo vụ để có những thay đổi, điều chỉnh kịp thời nhằm đáp ứng tiến độ học tập [H5.05.02.08].

2. Điểm mạnh

Danh sách SV tốt nghiệp và thôi học được cập nhật trên phần mềm hệ thống QLĐT của Học viện, điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình, KQHT của SV trong quá trình đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Trong năm 2020 và 2021, tỷ lệ SV ngừng học/gián đoạn học tăng cao hơn các năm trước do tình hình dịch Covid-19, nguyên nhân do SV học trực tuyến, nên sự giám sát đối với SV trong quá trình học tập môn tiếng Anh thiếu chặt chẽ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024-2025, Phòng Giáo vụ phối hợp với bộ môn ngoại ngữ, Khoa Cơ bản lập triển khai giải pháp hỗ trợ NH trong việc lập kế hoạch và chọn phương pháp học tập phù hợp để đạt CĐR tiếng Anh theo tiến độ đào tạo của khóa học, tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng kế hoạch và có SV tốt nghiệp đúng thời hạn.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm học 2012 - 2013, Học viện đã chính thức chuyển sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho tất cả các CTĐT trình độ của Học viện. Theo Mục 2, Chương trình GDĐH ngành QTKD năm 2016 (591/QĐ-HV, ngày 24/06/2016) [H1.01.01.01], Chương trình GDĐH ngành QTKD năm 2019 (1278/QĐ-HV, ngày 31/12/2019) [H1.01.01.02] và Chương trình GDĐH ngành QTKD năm 2021 (644/QĐ-HV, ngày 30/07/2021) [H1.01.01.03], CTĐT ngành QTKD trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Học viện có thời gian học chuẩn là 4 năm và tối đa là 8 năm. CTĐT ngành QTKD có sự linh hoạt rút ngắn thời gian đào tạo đối với những SV có khả năng và nguyện vọng (tốt nghiệp sớm trước thời hạn). Tuy nhiên qua quá trình Học viện triển khai tổ chức đào tạo theo tín chỉ, chưa có SVTN sớm. Học viện áp dụng CĐR tiếng Anh đối với sinh viên kể từ khóa tuyển sinh năm 2014 [H11.11.02.01].

Theo Điều 2 tại Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Giáo vụ ban hành kèm theo Quyết định 621/QĐ-HV ngày 08/8/2018 [H11.11.01.01], Phòng Giáo vụ phối hợp cùng Phòng Đào tạo có nhiệm vụ theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình. Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành QTKD được trình bày Bảng 11.5, *Phụ lục 02*. Số liệu đối sánh cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành QTKD là 4,5 năm, so với số năm thiết kế trong CTĐT là 4 năm. Như vậy thời gian tốt nghiệp trung bình vượt so với thời gian thiết kế trong CTĐT [H1.01.01.03].

Học viện có hệ thống theo dõi, giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp của NH. Phòng Giáo vụ làm đầu mối triển khai và phối hợp cùng Phòng Đào tạo theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp của NH, đánh giá tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT. Đồng thời, Học viện có phần mềm Edusoft trợ giúp giám sát tỷ lệ thôi học, tỷ lệ học lại và tỷ lệ tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp trung bình của SV từng ngành học, khóa học. Cụ thể, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành QTKD khóa tốt nghiệp năm 2017 là 4,3 năm; 2018 là 4,4 năm, 2019 là 4,8 năm; 2020 là 5,6 năm; năm 2021 là 5,1 năm.

Học viện tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành QTKD với thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các ngành thuộc khối kinh tế trong Học viện và với ngành QTKD của các trường đại học khác, cụ thể tại Bảng 11.6 và 11.7, *Phụ lục 02*.

Bảng 11.6 cho thấy kết quả đối sánh cho thấy thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành QTKD của Học viện thấp hơn so với các ngành khác thuộc khối kinh tế của

Học viện và thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành QTKD các khóa dao động từ 4,3 đến 4,5 năm và thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành QTKD ở HVCS tại Tp. HCM có xu hướng dài hơn cơ sở đào tạo tại Hà Nội.

Học viện đã đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp trung bình của SV ngành QTKD ở Học viện với ngành tương ứng của các trường đại học khác và tại Bảng 11.7 cho thấy kết quả đối sánh không có khác biệt nhiều.

Phòng Giáo vụ có bảng tổng hợp nguyên nhân chậm tốt nghiệp của SV thông qua bảng thống kê các môn học có nhiều SV không đạt trong CTĐT ngành QTKD và các nguyên nhân khác như không đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh, không có chứng chỉ GDQP, GDTC, nợ học phí [H11.11.01.09] để thông báo kịp thời giúp SV điều chỉnh kế hoạch học tập, đảm bảo tốt nghiệp đúng thời hạn.

Học viện tổ chức họp giữa các đơn vị để phân tích nguyên nhân SV chậm tốt nghiệp để từ đó đánh giá, đề xuất biện pháp hỗ trợ NH giảm thời gian học tập [H11.11.02.02]. Năm 2022, Học viện đã tổ chức hội nghị đánh giá chất lượng đào tạo các khóa nhập học từ năm 2012 đến năm 2017. Nguyên nhân SV tốt nghiệp muộn chủ yếu là: SV còn chưa trả nợ xong các môn học; nợ học phí, nợ chứng chỉ GDQP, GDTC, nợ CĐR tiếng Anh (theo báo cáo của Phòng Giáo vụ tỷ lệ SV nợ tiếng Anh tại Học viện là 29,2% (Cơ sở Hà Nội là 36,8%, Cơ sở Tp. HCM là 14,7%), trong đó ngành QTKD là 8,8% (Cơ sở Hà Nội là 3,5%, Cơ sở Tp. HCM là 5,3%).

Để giúp SV tốt nghiệp đúng thời hạn và rút ngắn thời gian học tập, Học viện đã triển khai các biện pháp cụ thể như sau:

- Học viện đã cảnh báo tới từng SV bị chậm tiến độ, SV còn nợ môn học để nắm thông tin và hoàn thành chương trình đúng thời hạn [H11.11.02.03].

- Học viện mở lớp học lại, học cải thiện điểm vào học kỳ chính và học kỳ phụ (Học kỳ hè) để SV có thể đăng ký học lại những môn chưa đạt, học cải thiện điểm hoặc đăng ký học vượt rút ngắn thời gian học tập. Ngoài 02 học kỳ chính, tùy thuộc vào điều kiện thực tế của Học viện và nhu cầu của SV mà Học viện tổ chức thêm học kỳ hè (còn gọi là học kỳ phụ), thời gian học tập là 02 tháng hè hoàn toàn tự nguyện, không bắt buộc nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu học tập, tăng tiến độ hoặc cải thiện điểm cho SV [H11.11.02.04]. Hoạt động này nhận được sự ủng hộ và tham gia học tập nhiệt tình của hầu khắp SV các khoa, các ngành đào tạo trong Học viện. Đồng thời, Học viện yêu cầu các CVHT, GVCN tư vấn sát sao đăng ký học lại, học cải thiện của SV.

- Học viện tổ chức 2 kỳ xét tốt nghiệp chính cho SV (kỳ 1 vào tháng 12), kỳ 2 vào tháng 8 hàng năm và 02 kỳ tốt nghiệp phụ theo từng năm học [H11.11.02.05]. Việc tổ chức các đợt xét tốt nghiệp nhằm đáp ứng kịp thời, nhanh chóng nhu cầu của SV, tăng thêm tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn của CTĐT.

- Trong các buổi lễ tổng kết các khóa đào tạo và phát bằng tốt nghiệp SV các khóa [H11.11.01.10], Phòng Giáo vụ tiến hành thống kê, phân tích tỷ lệ SV tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp của NH ngành QTKD. Báo cáo đã phân tích, đánh giá tỷ lệ SVTN, tốt nghiệp đúng kế hoạch, thảo luận, phân tích nguyên nhân SV chậm tốt nghiệp, đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ NH và các kiến nghị, đề xuất.

- Trong các hội nghị tổ chức hằng năm, thông qua báo cáo tổng kết năm học [H11.11.01.11]; thông qua hồ sơ đại hội chi đoàn lớp SV; báo cáo tổng kết, phương hướng hoạt động Đoàn Thanh niên theo năm học, các ý kiến tham luận, các CVHT, GVCN đưa ra những định hướng để hỗ trợ SV trong học tập và NCKH [H8.08.04.07]. Đồng thời, tại báo cáo tổng kết năm học của Khoa QTKD hàng năm, các GV cũng đề xuất các biện pháp hỗ trợ SV trong học tập giúp SV tốt nghiệp đúng thời hạn [H11.11.02.06].

- Căn cứ quy định CĐR tiếng Anh cho SV được áp dụng từ khoá 2014, Học viện phối hợp với Công ty IIG tổ chức các CTĐT tiếng Anh theo chuẩn TOEIC quốc tế cho SV CTĐT ngành QTKD để hỗ trợ CĐR tiếng Anh cho SV, giúp SV tốt nghiệp đúng thời hạn [H11.11.02.07].

Mặc dù Học viện có nhiều biện pháp hỗ trợ để giúp cho SV tốt nghiệp đúng thời hạn, nhưng một số SV chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, mặc dù đã hoàn thành các HP trong CTĐT nhưng chưa hoàn thành các điều kiện CĐR, đặc biệt Khoa QTKD vẫn chưa có SV tốt nghiệp sớm so với thời gian thiết kế của CTĐT.

2. Điểm mạnh

Học viện và khoa QTKD có quy định rõ ràng, có cơ chế giám sát chặt chẽ tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp, tạo mọi điều kiện thuận lợi, kịp thời để SV tốt nghiệp đúng tiến độ.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù đã triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ từ năm 2012, song cho đến nay Khoa QTKD vẫn chưa có SV tốt nghiệp sớm so với thời gian thiết kế của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2023-2024, Khoa QTKD chỉ đạo đội ngũ CVHT tích cực hỗ trợ SV chủ động trong xây dựng kế hoạch học tập, đăng ký HP để hạn chế số lượng SV tốt nghiệp muộn và có được SV tốt nghiệp sớm so với kế hoạch, phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 11.3: Tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Theo Quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, cơ cấu tổ chức Phòng CT&CTSV ban hành theo Quyết định 622/QĐ-HV ngày 08/8/2018) [H11.11.03.01] và Quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức Phòng CTSV thuộc HVCS tại Tp. HCM ban hành theo Quyết định 326/QĐ-HV ngày 31/3/2016 [H11.11.03.02], Phòng CT&CTSV/Phòng CTSV (sau đây gọi chung là Phòng CT&CTSV) có chức năng, nhiệm vụ thực hiện khảo sát tình trạng việc làm SV Học viện sau khi tốt nghiệp tại các cơ sở đào tạo của Học viện.

Quy định lấy ý kiến về tình trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp tại Học viện ban hành theo Quyết định 642/QĐ-HV ngày 09/8/2018 [H10.10.01.04] đã quy định cụ thể về Quy trình, biểu mẫu khảo sát; đối tượng khảo sát; phương pháp khảo sát và các tiêu chí khảo sát. Theo đó, quy trình khảo sát việc làm của cựu SV gồm các bước sau: (i) Xây dựng kế hoạch khảo sát; (ii) Trình Giám đốc phê duyệt; (iii) Thực hiện khảo sát; (iv) Xử lý, thống kê số liệu; (v) Viết báo cáo; (vi) Trình BGH phê duyệt; (vii) Công bố kết quả khảo sát; (viii) Các đơn vị lập kế hoạch cải tiến; (ix) Lưu hồ sơ. Đối tượng khảo sát là SV hệ ĐHCQ đã tốt nghiệp tại Học viện và có 2 phương pháp khảo sát là khảo sát trực tiếp bằng Phiếu khảo sát và gián tiếp qua mã QR Code.

Mẫu phiếu khảo sát SVTN của Học viện bao gồm các tiêu chí khảo sát về tình trạng việc làm, mức thu nhập, lĩnh vực công tác, loại hình làm việc của SV sau khi tốt nghiệp ra trường, vấn đề SV ra trường làm "đúng nghề" (liên quan tới ngành được đào tạo) hoặc "trái nghề" (những công việc ít hoặc không liên quan tới kiến thức được đào tạo), thu nhập bình quân/tháng của SV tốt nghiệp, mức độ ứng dụng kiến thức được đào tạo vào công việc, ... [H11.11.03.03].

Từ năm 2017, Phòng CT&CTSV định kỳ 2 lần trong một năm, tổ chức khảo sát việc làm của SV sau khi tốt nghiệp tại Lễ phát bằng vào khoảng tháng 4 và tháng 11 hàng

năm. Đối với những SV không dự lễ phát bằng mà nhận bằng trực tiếp tại Phòng Đào tạo, Học viện cũng tổ chức phát phiếu khảo sát khi SV tốt nghiệp đến nhận bằng để đảm bảo SV cung cấp dữ liệu về tình trạng việc làm khi đến nhận bằng. Qua đó nắm bắt được tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp ra trường từ 6 đến 12 tháng, đặc biệt lưu ý đến các thông tin về sự phù hợp công việc với CTĐT, những kỹ năng còn thiếu cần bổ sung trong quá trình làm việc, những góp ý liên quan đến CTĐT ngành QTKD và các ngành khác tại Học viện qua báo cáo kết quả khảo sát SVTN [H11.11.03.04].

Các số liệu thống kê khảo sát được tổng hợp, lưu trữ trên hệ thống phần mềm quản lý dữ liệu khảo sát SV tốt nghiệp và có thể xuất file dữ liệu dưới định dạng excel thành danh sách SV tốt nghiệp tại Học viện có việc làm giai đoạn 2017 - 2021 khi thực hiện các báo cáo theo yêu cầu [H11.11.03.05].

Báo cáo kết quả khảo sát SVTN tại Học viện trong các năm từ 2017-2022 của Phòng CT&CTVS cho thấy: tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành QTKD tham gia trả lời phiếu hỏi ở các đợt khảo sát dao động từ 90% - 92% so với số SV tốt nghiệp được khảo sát; tỷ lệ SV ngành QTKD có việc làm dao động từ 85,4% - 93,8% và Tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp 1 năm của ngành QTKD được trình bày ở Bảng 11.8, *Phụ lục 02*.

Định kỳ vào cuối tháng 12 hàng năm, Học viện đã tổng hợp báo cáo khảo sát việc làm của SV sau khi tốt nghiệp từ các số liệu khảo sát được thực hiện trong năm và gửi cho BGD&ĐT [H11.11.03.06] và công khai danh sách việc làm SV sau tốt nghiệp trên Website của Học viện tại địa chỉ: https://portal.ptit.edu.vn/bao-caotinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-tot-nghiep-2020-cua-hoc-vien-cong-nghe-buuchinh-vien-thong/.

Tỷ lệ thu nhập bình quân của SV ngành QTKD tốt nghiệp giai đoạn 2017-2022 tại Học viện được thể hiện ở Bảng 11.9, *Phụ lục 02* và thu nhập trung bình tập trung chủ yếu trong khoảng 5-15 triệu đồng/tháng.

Học viện đã tiến hành đối sánh tỷ lệ SV có việc làm giữa ngành QTKD trình độ đại học với tỷ lệ SV có việc làm các CTĐT trình độ đại học khác tại Học viện, cụ thể tại Bảng 11.10, *Phụ lục 02*. Qua bảng thống kê cho thấy tỷ lệ SV có việc làm ngành QTKD luôn tương đương với các CTĐT thuộc khối ngành kinh tế và thấp hơn khối ngành kỹ thuật trong Học viện. Tuy tỷ lệ có việc làm của SV ngành QTKD khá cao, nhưng vẫn còn tỷ lệ nhỏ SVTN sau 1 năm chưa tìm được việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

Học viện cũng tiến hành đối sánh tỷ lệ SVTN có việc làm CTĐT ngành QTKD với cùng ngành đào tạo của các trường đại học khác như trường đại học Công đoàn, trường đại

học Thương mại, trường đại học Giao thông vận tải, trường đại học Lâm nghiệp, trường đại học An Giang và Đại học Cần Thơ, cụ thể tại Bảng 11.11, *Phụ lục 02*. Học viện còn đối sánh các thông số về việc làm, thu nhập của SV tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh với ngành Quản trị kinh doanh của các cơ sở giáo dục ĐH khác như ĐH Cần Thơ, Học viện Hàng không Việt Nam (Tỷ lệ có việc làm trung bình của người học tốt nghiệp ngành QTKD của Học viện giai đoạn 2017-2021 là 93,37%; của ĐH Cần Thơ là 96,49%; của Học viện Hàng không Việt Nam là 92,40%). Kết quả đối sánh cho thấy tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm ở các ngành tương ứng của các CSGD là tương đương.

Học viện đã ban hành quy định lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về chất lượng đào tạo ban hành theo Quyết định số 519/QĐ-HV ngày 22/6/2021 [H10.10.01.07] và triển khai thực hiện các khảo sát chất lượng về NH sau khi tốt nghiệp với đối tượng khảo sát là cựu sinh viên, người sử dụng lao động chuyên gia như: Báo cáo kết quả khảo sát SV năm cuối về CTĐT, CTDH [H10.10.01.15] và bảng tổng hợp ý kiến khảo sát các BLQ về chương trình dạy học ngành QTKD năm 2019, 2021 của Khoa QTKD [H10.10.01.16]; Báo cáo khảo sát chất lượng SVTN và nhu cầu tuyển dụng năm 2021 và 2022 của HVCS [H10.10.01.21]. Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng của NTD đối với cựu SV (%) trung bình 3 năm 2019-2021 với các tiêu chí: Kiến thức, kỹ năng chuyên môn đạt 82,32%; ý thức tổ chức kỷ luật đạt 85,79%; năng lực tổ chức và điều hành công việc đạt 81,89%; khả năng tiếp cận nhanh công việc đạt 78,01%; tính năng động, sáng tạo trong công việc đạt 81,93%; tinh thần học tập, cầu tiến đạt 79,93%; ý thức tập thể cộng đồng đạt 87,01% và trình độ ngoại ngữ, tin học đạt 67,82%. Kết quả khảo sát khẳng định Khoa QTKD và Học viện có cơ chế giám sát và sử dụng thông tin phản hồi từ các BLQ.

Để hỗ trợ SV tốt nghiệp có việc làm, hàng năm, Học viện và khoa QTKD tổ chức các hội nghị, hội thảo với các doanh nghiệp ngành QTKD có tiếp nhận SV tốt nghiệp để thảo luận về tình hình việc làm của SV ngành QTKD và thông qua các ngày hội việc làm [H11.11.03.08]. Năm 2020, Học viện tổ chức Hội nghị bàn tròn với các doanh nghiệp tuyển dụng lao động được tổ chức ngày 18/11/2020 với sự tham gia của đại diện của 21 doanh nghiệp trên địa bàn các tỉnh phía Bắc [H11.11.03.09] với nội dung phân tích nguyên nhân, biện pháp để hỗ trợ hiệu quả SV trong tìm kiếm việc làm và cần bổ sung cho SVTN các kỹ năng mềm (viết email, làm việc theo deadline, giao tiếp, kỹ năng tiếng Anh,..), cũng như hỗ trợ SV trong bồi dưỡng kỹ năng mềm và phối hợp tham gia giảng dạy các chuyên đề trong CTĐT ngành QTKD..

Trong giai đoạn 2017-2022, Học viện và Khoa QTKD thực hiện các giải pháp hỗ trợ SV tìm việc làm qua các hoạt động cụ thể như: (i) Tổ chức các khóa học tăng cường kỹ năng thực hành, kiến thức thực tế, kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp trong phỏng vấn xin việc, kỹ năng viết hồ sơ xin việc, kỹ năng quản lý bản thân; (ii) Tổ chức mời đại diện cơ quan tuyển dụng lao động đến giao lưu giới thiệu nhu cầu tuyển dụng cũng như yêu cầu năng lực và kỹ năng nghề nghiệp của ứng viên; (iii) Định kỳ hàng năm tổ chức "Chương trình hội thảo tuyển dụng" với sự tham gia của các doanh nghiệp (iv) Hợp tác với doanh nghiệp tiếp nhận SV đến thực tập cuối khóa (Biên bản thỏa thuận với Công ty Cổ phần Viễn thông FPT; Công ty Cổ phần tập đoàn công nghệ CMC; Công ty TNHH HINORI TECHNO; ...). Thông qua các hoạt động này, Phòng CT&CTSV và khoa QTKD thường xuyên trao đổi với các doanh nghiệp nhằm nắm bắt thông tin về chất lượng đào tạo của Học viện, đánh giá năng lực, phẩm chất của SV tốt nghiệp của Học viện từ đó tiếp thu và có biện pháp cải tiến, khắc phục các bất cập nếu có nhằm mục tiêu nâng cao tỷ lệ SV có việc làm và có năng lực, kỹ năng đáp ứng nhu cầu công việc của doanh nghiệp.

2. Điểm mạnh

Công tác khảo sát, báo cáo, phân tích về tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp đã được thực hiện thường xuyên và có hệ thống CNTT hỗ trợ đảm bảo số liệu khách quan, trung thực và khoa học. Tỷ lệ có việc làm cao và tăng dần hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn tỷ lệ nhỏ SVTN sau 1 năm chưa tìm được việc làm phù hợp với ngành đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2023-2024, Phòng CT&CTSV phối hợp với các khoa và Đoàn Thanh niên Học viện tiếp tục triển khai các giải pháp cụ thể phù hợp với sự phát triển của thị trường lao động để hỗ trợ SVTN tìm được việc làm và làm việc đúng với ngành nghề đào tạo.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Loại hình và số lượng hoạt động NCKH của SV được quy định tại Điều 4, quy định về hoạt động NCKH của SV ban hành theo các Quyết định 630/QĐ-HV ngày 21/8/2008

[H11.11.04.01] và Quyết định 521/QĐ-HV ngày 17/7/2020 [H11.11.04.02]. Theo đó, hàng năm NH thực hiện các loại hình NCKH: (i) Tham gia thực hiện đề tài NCKH dành cho SV; (ii) Tham gia các hội thảo khoa học dành cho SV ở các cấp; (iii) Công bố các kết quả NCKH trên các tạp chí khoa học;; (iv) Tham gia các cuộc thi về KHCN; (v) Tham gia nhóm nghiên cứu do GV làm chủ nhiệm; (vi) Tham dự các buổi báo cáo, hội thảo được tổ chức ở các cấp Học viện (Bộ môn, Khoa, Học viện).

Quy định về hoạt động NCKH của SV đã quy định trình tự thủ tục, quy trình triển khai thực hiện hoạt động NCKH của SV. Việc triển khai NCKH thực hiện theo Quy trình gồm các bước: (i) Khoa thông báo cho GV và SV đăng ký thực hiện đề tài NCKH; (i) Đề xuất đề tài, xác định danh mục đề tài; (ii) Hội đồng khoa học của Khoa sẽ duyệt danh mục đề tài, đề xuất kinh phí, phân công GV hướng dẫn; (iii) Khoa đăng ký kế hoạch với Học viện; (iv) Phòng QLKHCN&HTQT là đơn vị đầu mối tổng hợp, trình Lãnh đạo Học viện; (v) Lãnh đạo Học viện phê duyệt kế hoạch thực hiện đề tài NCKH của SV từng đơn vị. SV tham gia các hoạt động KHCN dưới sự định hướng, hỗ trợ, hướng dẫn của GV, điều này được quy định cụ thể trong quy định của Học viện.

Căn cứ Thông tư 19/2012/TT-BGDĐT ngày 01/6/2012 của Bộ trưởng BGD&ĐT về việc ban hành Quy định về hoạt động NCKH của SV trong các CSGD [H11.11.04.03] và để định hướng cho các hoạt động KHCN của GV, NCV, NH, Học viện ban hành Chiến lược phát triển KHCN giai đoạn 2017-2022 [H11.11.04.04]. Hội đồng Học viện đã ban hành Nghị quyết về Chiến lược phát triển của Học viện giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn 2030 [H1.01.01.10], trong đó xác định cụ thể các hoạt động KHCN với loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV, NCV và NH tại Học viện phải thực hiện.

Học viện giao nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị trong việc tổ chức quản lý các hoạt động NCKH của NH, cụ thể: Khoa QTKD được giao nhiệm vụ tổ chức cho SV của Khoa đăng ký các hoạt động KHCN hàng năm, báo cáo Học viện phê duyệt và tổ chức thực hiện và nội dung này được quy định cụ thể tại Quy định chức năng nhiệm vụ của Khoa QTKD [H11.11.04.05] và Phòng QLKHCN&HTQT là đơn vị chức năng được giao nhiệm vụ quản lý, các hoạt động NCKH của NH, có nhiệm vụ xây dựng các văn bản quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động KHCN đối với NH trong toàn Học viện [H11.11.04.06].

Phòng QLKHCN&HTQT, Khoa và GV hướng dẫn có trách nhiệm quản lý, giám sát các hoạt động nghiên cứu của SV, nội dung giám sát được thực hiện theo quy định tại

Quy chế quản lý đề tài KHCN được Học viện ban hành năm 2020 [H11.11.04.07]. Theo đó việc tổ chức thực hiện các đề tài NCKH của SV từ khi đăng ký, xét duyệt, đến nghiệm thu, công nhận kết quả được hướng dẫn và tổ chức triển khai đầy đủ, chi tiết theo đúng quy trình, quy định, thể hiện tại Hồ sơ quản lý đề tài NCKH của SV hàng năm được lưu tại Phòng QLKHCN&HTQT. Sau khi được giao nhiệm vụ nghiên cứu, chủ trì đề tài và GV hướng dẫn triển khai thực hiện đề tài theo quy trình: xây dựng và bảo vệ đề cương; sau khi đề cương được thông qua, GV hướng dẫn SV thực hiện đề tài; sau đó phối hợp Phòng QLKHCN&HTQT kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài NCKH của SV, theo dõi tiến độ NCKH của SV. Sau khi hoàn thành nghiên cứu, chủ trì đề tài tổ chức hội thảo báo cáo hướng thực hiện/kết quả đạt được; GV hướng dẫn góp ý hoàn thiện đề tài; Khoa tổ chức nghiệm thu đề tài với sự tham gia của Phòng QLKHCN&HTQT; Khoa gửi hồ sơ xác nhận hoàn thành đề tài cho Phòng QLKHCN&HTQT và thanh quyết toán đề tài theo quy định. Nội dung này được thể hiện qua quyết định giao kế hoạch kinh phí đề tài NCKH của SV các năm từ 2017 đến năm 2022 cho Khoa QTKD [H11.11.04.08] và Hồ sơ quản lý đề tài NCKH của SV hàng năm lưu tại Khoa, Phòng QLKHCN&HTQT (bộ phận thư viện) [H11.11.04.09].

Đối với các đề tài đạt kết quả loại xuất sắc, Học viện in ấn trong các tài liệu báo cáo tại Hội nghị NCKH SV hàng năm [H11.11.04.10], trao thưởng cho SV đạt giải xuất sắc [H11.11.04.11] và đăng ký dự thi NCKH SV hàng năm với BGD&ĐT [H11.11.04.12].

Để đảm bảo nguyên tắc trong việc tham gia hoạt động KHCN của GV, NH, Học viện ban hành Quy định về tiêu chuẩn và ứng xử đạo đức trong hoạt động KH&CN của Học viện theo Quyết định 1023/QĐ-HV ngày 22/11/2018 [H11.11.04.13] và thường xuyên, kiểm tra nhắc nhở GV hướng dẫn và SV thực hiện đề tài hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo hiệu quả, chất lượng, nên SV của Khoa QTKD không có tình trạng thực hiện chậm tiến độ hay nghiệm thu không đạt.

Trong giai đoạn từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022, SV thuộc CTĐT ngành Quản trị kinh doanh đã thực hiện được 99 đề tài NCKH với sự tham gia của 176 lượt SV (có 7 đề tài đạt giải thưởng NCKH sáng tạo) [H11.11.04.14], [H11.11.04.15]. Nội dung của các đề tài nghiên cứu của SV đều gắn liền với chuyên ngành đào tạo QTKD và chất lượng các đề tài đều được đánh giá từ mức đạt trở lên.

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ Học viện của Học viện ban hành theo Quyết định 1233/QĐ-HV ngày 31/12/2019 [H11.11.04.16], kinh phí dành cho NCKH nâng cao chất

lượng đào tạo của Học viện được huy động từ nhiều nguồn như khác nhau: kinh phí sự nghiệp của nhà nước; kinh phí hợp tác với các địa phương, doanh nghiệp; kinh phí hợp tác quốc tế về NCKH và kinh phí từ hoạt động chuyển giao các sản phẩm khoa học và công nghệ.

Trong 5 năm, Học viện đã đầu tư trên 1,365 tỷ VNĐ để thực hiện đề tài, tham gia hội nghị hội thảo, đăng bài báo trên tạp chí khoa học, mua trang thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ hoạt động NCKH của SV, trong đó đầu tư cho SV ngành QTKD khoảng 385 triệu VNĐ.

Để hỗ trợ hoạt động KHCN của SV, năm 2019 và 2020 Học viện xúc tiến tham gia 03 chương trình Khởi nghiệp theo Đề án 844 của Nhà nước với kinh phí tương đương 3 tỷ VNĐ [H11.11.04.17] và thành lập Trung tâm Khởi nghiệp đối với SV Học viện vào tháng 06 năm 2021 để qua đó phát động phong trào sáng tạo và khởi nghiệp của SV Học viện [H11.11.04.18].

Khoa QTKD đã thực hiện đối sánh kết quả NCKH hàng năm của NH CTĐT ngành QTKD với kết quả NCKH của NH các CTĐT khác của Học viện, cụ thể tại Bảng 11.12, *Phụ lục 02*. Kết quả đối sánh cho thấy hàng năm, SV ngành QTKD của Học viện thực hiện được từ 8-20 đề tài NCKH; số lượng đề tài và NH ở cơ sở Tp. HCM tham gia nghiên cứu nhiều hơn so với cơ sở tại Hà Nội; số lượng sản phẩm NCKH của NH và số lượng SV tham gia NCKH hàng năm chưa thật đồng đều giữa các khoa, giữa cơ sở Hà Nội và cơ sở Tp. HCM.

Khoa QTKD đã thực hiện đối sánh tỷ lệ SV NCKH ngành QTKD của Học viện với ngành QTKD của các trường đại học khác, cụ thể tại Bảng 11.13, *Phụ lục 02*. Kết quả đối sánh cho thấy, tỷ lệ SV ngành QTKD của Học viện tham gia đề tài NCKH chỉ ở mức trung bình khá so với các trường đại học khác và chỉ tập trung ở các SV khá, giỏi, mà phong trào NCKH chưa lan tỏa đến mọi đối tượng SV của ngành QTKD. Việc đối sánh kết quả NCKH của NH với các chương trình tương ứng quốc tế chưa được thực hiện.

Học viện đã thực hiện kế hoạch cải tiến để tăng số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của NH thông qua việc tăng cường kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu của NH, ưu tiên những đề tài có tính ứng dụng cao hoặc có bài báo khoa học đăng trên tạp chí uy tín, có thể được hỗ trợ kinh phí lên đến 5.000.000 đồng. Đồng thời, Học viện đã thành lập CLB các nhà khoa học trẻ Học viện trực thuộc Đoàn Thanh niên Học viện

để thúc đẩy hoạt động NCKH của NH theo Quyết định 26/QĐ-ĐTN ngày 28/10/2019 [H11.11.04.19].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, SV ngành QTKD tích cực tham gia NCKH và các cuộc thi về lĩnh vực QTKD dành cho SV.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động NCKH của SV ngành QTKD chỉ tập trung ở một số SV khá, giỏi, chưa lan toả phong trào NCKH đến mọi đối tượng SV ngành QTKD.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2023-2024, Khoa QTKD lập kế hoạch, đưa các giải pháp để thúc đẩy tăng tỷ lệ SV ngành QTKD tham gia NCKH hàng năm.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Việc khảo sát, thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ về hoạt động NCKH, đào tạo, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, CSVC được thực hiện theo các văn bản: Quy định lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV ban hành theo Quyết định 861/QĐ-HV ngày 23/11/2015 [H10.10.01.03]; Quy định lấy ý kiến về tình trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp tại Học viện ban hành theo Quyết định 642/QĐ-HV ngày 09/08/2018 [H10.10.06.04]; Quy định về công tác khảo sát ý kiến của NH về công tác đảm bảo điều kiện CSVC phục vụ NH tại Học viện ban hành theo Quyết định 755/QĐ-HV ngày 25/09/2018 [H10.10.06.05]; Quy định khảo sát CSVC phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và NCKH tại Học viện ban hành theo Quyết định 1059/QĐ-HV ngày 30/11/2019 [H10.10.05.06]; Quy định tạm thời lấy ý kiến phản hồi các BLQ ban hành theo Quyết định 519/QĐ-HV ngày 22/6/2021 [H10.10.05.07] và Quy định xây dựng, cải tiến và phát triển CTĐT ban hành theo Quyết định 393/QĐ-HV ngày 23/03/2022 [H10.10.01.08].

Căn cứ theo mục đích và đối tượng cần thu thập thông tin phản hồi, việc khảo sát được tiến hành theo các hình thức khảo sát trực tuyến hoặc phát phiếu khảo sát trực tiếp với công cụ sử dụng lấy ý kiến phản hồi là phiếu khảo sát, được thiết kế ở dạng câu hỏi về mức hài lòng/mức đồng ý của người được hỏi được thể hiện qua giá trị thang đo 4

hoặc 5 bậc về các nội dung: Mức độ hài lòng đối với CSVC, mức độ hài lòng đối với công tác phục vụ học tập SV, mức độ hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV, mức độ hài lòng về hoạt động khoa học công nghệ; mức độ hài lòng về môi trường làm việc, ... [H10.10.01.11].

Sau mỗi đợt khảo sát, các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì hoạt động khảo sát đều tiến hành xử lý thông tin phản hồi thu thập được, viết báo cáo kết quả, gửi về Ban Giám đốc Học viện [H10.10.01.15-21]: Các báo cáo 82/BC-CTSV ngày 21/12/2021; 259/BC-HVCS ngày 27/12/2021; 06/BC- CTSV ngày 30/11/2018; 260/BC-HVCS ngày 27/12/2021; 96/BC-CTSV ngày 27/9/2019; 93/BC-CTSV ngày 29/12/2020; 82/BC-CTSV ngày 21/12/2021.

GV tham gia giảng dạy chương trình ngành QTKD được Văn phòng thực hiện khảo sát ý kiến về điều kiện, môi trường làm việc. Kết quả khảo sát khá khả quan. Tiêu chí nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ là 87,5% cho thấy Học viện đã có những chính sách về đào tạo, bồi dưỡng phù hợp, giúp cho người lao động nâng cao được chuyên môn, nghiệp vụ trong quá trình làm việc. Đối với hoạt động NCKH là 84,38%. Các tiêu chí còn lại về hệ thống phòng làm việc, phòng học phòng chức năng; các trang thiết bị hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu và PVCĐ; công tác thư viện, tài liệu dạy và học, phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu; hệ thống CNTT hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu và PVCĐ; công tác tổ chức kiểm tra, thi kết thúc HP, công tác hành chính giáo vụ khoa và chế độ, chính sách cho người lao động đạt từ 68,75% đến 97,5%.

Định kỳ hàng năm, Học viện thực hiện khảo sát chất lượng dịch vụ tại Văn phòng Giao dịch một cửa qua hệ thống khảo sát trực tuyến để SV đánh giá về chất lượng dịch vụ tại văn phòng một cửa, tác phong, thái độ của từng cán bộ tiếp nhận hồ sơ và tư vấn cho SV. Kết quả khảo sát cho thấy các ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý với nhận định: có 96,7% đồng ý nội dung thư viện đáp ứng nhu cầu về CSVC, phòng đọc và các trang thiết bị phục vụ cho việc tra cứu tài liệu, có 93% đồng ý về điều kiện an ninh của KTX đảm bảo an toàn: 76,6% đồng ý về số thuốc được cung cấp sau khi khám/sơ khám đáp ứng điều trị bệnh, 93,3% đồng ý về điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm của nhà ăn, căng-tin Học viện sạch sẽ, có 89,7% ý kiến đồng về phòng TN-TH được trang bị đầy đủ đáp ứng nhu cầu thực hành các HP trong CTĐT. Qua số liệu thống kê cho thấy, mức độ hài lòng trung bình về các BLQ đến CSVC, chất lượng dịch vụ và môi trường tâm lý, xã

hội và cảnh quan của Học viện cho thấy khoảng 90% các ý kiến được khảo sát hài lòng. Tuy nhiên vẫn còn một số ý kiến của SV phản hồi chưa tích cực về công tác giao tiếp với SV tại Văn phòng giao dịch một cửa.

Các ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động có ý nghĩa rất quan trọng trong việc điều chỉnh CTĐT ngành QTKD cho phù hợp với nhu cầu xã hội. Các nhà sử dụng lao động đánh giá cao kiến thức chuyên ngành và vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn của SV ngành QTKD, khoảng 85% nhà sử dụng lao động hài lòng, đánh giá cao năng lực chuyên môn và vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn công việc.

Trong các lần điều chỉnh CĐR CTĐT các năm 2019, 2021, khoa sử dụng ý kiến phản hồi của các BLQ như ý kiến GV, SV, người sử dụng lao động, cựu SV, các nhà khoa học... để điều chỉnh, cải tiến CTĐT và CĐR, ĐCHP, cập nhật tài liệu học tập.

Ngoài ra, việc thu thập thông tin phản hồi còn được thực hiện thông qua các hội nghị, hội thảo giữa Học viện/ Khoa với các tổ chức, doanh nghiệp ,... [H11.11.05.01].

Để ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo và khả năng tiếp ứng công việc khi ra trường, Học viện cũng đã triển khai một số đợt khảo sát ý kiến của các doanh nghiệp về khả năng chuyên môn, kỹ năng mềm, ý thức trách nhiệm với vị trí công việc được giao trong đơn vị, doanh nghiệp. Kết quả đa số các doanh nghiệp đều đánh giá tốt về khả năng chuyên môn của SV ngành QTKD tốt nghiệp tại Học viện. Tuy nhiên, Học viện chưa đưa vào nội dung khảo sát doanh nghiệp về các nội dung liên quan đến hoạt động NCKH của trường và phân tích tác động của nó đến NH hoặc doanh nghiệp.

Học viện tham gia dự án tăng cường cơ hội tiếp cận thị trường lao động cho SV Việt Nam" VOYAGE" [H8.08.04.19], theo báo cáo dự án, hầu hết những người được hỏi cũng thể hiện sự chấp nhận của họ đối với cơ sở hạ tầng, phòng học, thiết bị, cơ sở CNTT mà Học viện cung cấp. Tuy nhiên, vẫn còn một số lượng đáng kể các câu trả lời chỉ ra rằng cơ sở hạ tầng được trang bị chưa được đầy đủ (dao động từ 9,2% đến 12,8% câu trả lời). Điều này dẫn đến thực tế là Học viện cần hoạch định tổng thể đảm bảo đầy đủ cơ sở hạ tầng để đầu tư tốt hơn cho SV. Tiếp thu những ý kiến này, trong những năm từ 2019 đến nay, Học viện không ngừng cải thiện điều kiện CSVC để đáp ứng nhu cầu học tập, sinh hoạt của NH.

Báo cáo tổng kết hàng năm của Học viện [H11.11.05.02] và Khoa QTKD [H11.11.05.03] cũng như qua các hội nghị CBVC tạo điều kiện CBGV đóng góp ý kiến về các hoạt động của Học viện,.

Từ việc xác lập, giám sát kết quả điều tra mức độ hài lòng của các BLQ, Học viện và Khoa QTKD đã tiến hành đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT. CSVC của Học viện được chú trọng đầu tư. Hệ thống CNTT cũng đáp ứng nhu cầu của NH. Hiện nay, tất cả hệ thống máy tính được kết nối mạng Internet và mạng lưới Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn Học viện để phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH của GV và SV. Kết quả đánh giá của SV về việc điều kiện CSVC phục vụ cho việc học tập cho thấy, hầu hết SV hài lòng về hệ thống CNTT và các trang thiết bị của Học viện đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ đào tạo và NCKH. Như vậy, có thể thấy việc xác lập, giám sát kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ có ý nghĩa khoa học thực tiễn, giúp Học viện và Khoa QTKD có giải pháp cải tiến chất lượng CTĐT ngành QTKD.

2. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành hệ thống các văn bản để khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, CSVC,…

3. Điểm tồn tại

Nội dung phiếu khảo sát chưa thật sự bao phủ toàn diện các thông tin cần thu thập liên quan về mức độ hài lòng của các BLQ về "Hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, CSVC.." để làm cơ sở để cải tiến nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của các đơn vị trong Học viện.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2023-2024, TTKT&ĐBCLGD phối hợp với các đơn vị liên quan tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các mẫu phiếu khảo sát để có thể thu thập được đầy đủ các thông tin hữu ích từ các BLQ phục vụ cho hoạt động cải tiến chất lượng các hoạt động của Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp, số năm tốt nghiệp trung bình của NH thuộc CTĐT ngành QTKD đã được Học viện xác lập, giám sát theo Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Học viện và Quy trình quản lý số liệu, danh sách học viên, SV tại Học viện.

Hàng năm, Học viện đã thực hiện đối sánh tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV tốt nghiệp và tình hình việc làm của NH tốt nghiệp của CTĐT ngành QTKD với các CTĐT trình độ đại học khác của Học viện và với các CTĐT ngành QTKD của các CSGD khác trong nước;

tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành QTKD có việc làm/có việc làm phù hợp với ngành đào tạo đạt mức khá cao.

Quy định về hoạt động NCKH của SV đã ghi rõ các loại hình NCKH đối với SV và trình tự thủ tục, quy trình triển khai, giám sát việc thực hiện đề tài NCKH của SV.

Định kỳ hàng năm, Học viện đã tổ chức khảo sát, thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, CSVC.

Mặc dù đã triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ được nhiều năm, song cho đến nay vẫn chưa có SV ngành QTKD tốt nghiệp sớm, trong khi tỷ lệ SV tốt nghiệp muộn vẫn còn khá cao.

Nội dung phiếu khảo sát phiếu khảo sát chưa thật sự bao phủ toàn diện các thông tin cần thu thập để có đầy đủ các thông tin liên quan về mức độ hài lòng của các BLQ về "Hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH và CSVC" để làm cơ sở để cải tiến nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ trong Học viện.

Tiêu chuẩn 11 có 05 tiêu chí: 4,80 /7.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Sau khi tiến hành tự đánh giá lần thứ nhất CTĐT hệ ĐHCQ ngành QTKD, Học viện đã rút ra các kết luận sau:

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của Chương trình đào tạo

1.1. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và CĐR của chương trình đào tạo

Mục tiêu CTĐT ngành QTKD được trình bày rõ ràng đầy đủ kiến thức, kĩ năng, thái độ, hành vi đạo đức, vị trí việc làm và được thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT vào các năm 2019 và năm 2021. Các mục tiêu của CTĐT ngành QTKD phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Học viện qua các giai đoạn khác nhau. Các mục tiêu của CTĐT ngành QTKD phù hợp với mục tiêu của GDĐH.

CĐR của CTĐT ngành QTKD Học viện đã được xác định và được thể hiện cụ thể trong CTĐT ngành QTKD các năm 2019 và năm 2021. Học viện đã có 2 lần ban hành CĐR của CTĐT theo các quyết định ban hành CĐR trình độ ĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ngành QTKD năm 2019 và năm 2021. CĐR của CTĐT ngành QTKD đã nêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học (NH) tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai.

Khoa QTKD đã lên kế hoạch khảo sát ý kiến các BLQ (bao gồm các NTD; CBQL, GV; cựu SV và SV năm cuối) về CĐR của CTĐT ngành QTKD. Trong quy trình rà soát điều chỉnh CĐR năm 2019, 2021, Khoa QTKD đã khảo sát ý kiến của các BLQ, bao gồm cơ quan, doanh nghiệp, các chuyên gia, nhà khoa học, GV và cựu SV về bản Dự thảo CĐR đã được Ban Lãnh đạo Khoa đề xuất.

1.2. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT ngành QTKD của Học viện ban hành năm 2021 có đầy đủ các mục nội dung theo quy định. Có những thay đổi về nội dung các mục, đặc biệt là thay đổi trong CĐR và cấu trúc CTĐT.

CTĐT ngành QTKD có 91 HP với các ĐCCT HP có đủ các thông tin theo quy định. Tất cả các ĐCCT HP trong CTĐT ngành QTKD được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật theo kế hoạch của Học viện. Việc cập nhật các ĐCHP được triển khai theo hai hướng là cập nhật số mục trong mỗi đề cương và cập nhật nội dung đề cương.

Bản mô tả CTĐT được lấy ý kiến các BLQ như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, NH, cựu NH v.v... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT ngành QTKD trên website của Học viện.

1.3. Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH ngành QTKD của Học viện được thiết kế và đưa vào sử dụng dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp.

Phiên bản CTDH năm 2021 được thiết kế với 91 HP/130 tín chỉ, bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm giáo dục thể chất và quốc phòng an ninh), khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khối thực tập và tốt nghiệp. Tất cả các HP trong CTDH đều có sự tương thích về nội dung và đáp ứng cụ thể cho từng CĐR của CTĐT ngành QTKD được thể hiện qua ma trận kỹ năng về sự đóng góp của mỗi HP cho CĐR của CTĐT, được mô tả trong bản mô tả CTĐT ban hành năm 2021.

1.4. Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Học viện đã ban hành Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục, với nội dung: "Tri thức - Sáng tạo - Đạo đức - Trách nhiệm". Nội dung Triết lý giáo dục, phù hợp với mục tiêu của Học viện: "Phát triển Học viện CNBCVT trở thành trung tâm giáo dục của đất nước và khu vực, định hướng ứng dụng vào năm 2030".

Tổ hợp các phương pháp giảng dạy được thiết kế và thực hiện trong các ĐCCT HP/môn học của CTĐT ngành QTKD tương đối đa dạng và phù hợp để đạt được CĐR.

Các hình thức dạy học được mô tả trong CTDH bao gồm thuyết giảng, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề, tổ chức thảo luận nhóm, giao bài tập, giao chủ đề môn học hoặc tiểu luận môn học để SV làm báo cáo thuyết trình, tăng tương tác giữa GV với SV, xây dựng bài giảng điện tử, bài giảng online có mô phỏng.

CTĐT ngành QTKD năm 2021 có 91/91 ĐCCT HP mô tả rõ việc sử dụng các hoạt động dạy và học được đa dạng hóa nhằm thúc đẩy SV rèn luyện các kỹ năng làm việc nhóm, tư duy độc lập, kỹ năng thuyết trình, phản biện giải quyết vấn đề, giải quyết các bài toán thực tế. Mỗi bài giảng trong các ĐCCT HP ngành QTKD đều nêu cụ thể hình thức tự học, tự nghiên cứu và trong đó chỉ rõ nội dung chính, những yêu cầu đối với NH. Học viện và Khoa thực hiện khảo sát ý kiến của các doanh nghiệp, cựu SV, để cải tiến chương trình và chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng các yêu cầu của các doanh nghiệp.

1.5. Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Học viện đã ban hành Quy định đào tạo hệ ĐHCQ theo hệ thống tín chỉ; ban hành Quy định tổ chức thi kết thúc HP (trong đó quy định về việc ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc HP) áp dụng cho thi kết thúc HP với các hình thức trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, bảo vệ chuyên đề, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Dựa vào các quy định này, TTKT&ĐBCLGD tổ chức đánh giá và quản lý KQHT của SV. Quy trình này nêu rõ về việc cho điểm quá trình, xếp lịch thi, ra đề, tổ chức thi, chấm thi, nhập điểm, phúc tra, lưu trữ bài thi và công bố điểm.

Học viện đã ban hành Quy định tổ chức thi kết thúc HP, thi các HP thay thế tốt nghiệp, Quy định đào tạo hệ ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ và cuốn Sổ tay SV hằng năm. Hình thức, phương pháp, tiêu chí và trọng số đánh giá kết quả NH được trình bày tại ĐCCT của mỗi HP, được GV phổ biến cho SV ngay trong tuần giảng dạy đầu tiên của HP.

Khoa QTKD cũng đưa ra phương pháp đánh giá phù hợp đối với CĐR của CTĐT và đối với CĐR mỗi HP. Hình thức kiểm tra phong phú, đa dạng gồm: tự luận, trắc nghiệm, viết tiểu luận, thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng HP. Các phương pháp KTĐG đã được Khoa QTKD sử dụng có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng. ĐCCT HP cũng chỉ rõ nội dung phương thức đánh giá SV với CĐR HP.

Đầu mỗi năm học, trong tuần sinh hoạt công dân, GV và NH được phổ biến về quy định đào tạo có đề cập đến nội dung phản hồi KQHT. Ngoài ra, các quy định này được công khai trên website của Học viện và trong Sổ tay SV.

Toàn bộ quy trình khiếu nại về KQHT của NH được chi tiết và cụ thể trong Quy định tổ chức thi kết thúc HP, thi các HP thay thế tốt nghiệp, Quy định đào tạo hệ ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ. Tất cả các văn bản này đều được phổ biến tới SV qua "Tuần sinh hoạt công dân đầu năm học". Báo cáo kết quả chấm thi phúc tra trong 5 năm gần đây (từ năm học 2017-2021) cho thấy tỷ lệ khiếu nại về KQHT của NH toàn Học viện nhỏ hơn 1% tính trên quy mô đào tạo của các ngành học. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 90% SV được hỏi hài lòng với KQHT.

1.6. Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, NCV

Công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ GV (GV) của Học viện nói chung và Khoa QTKD nói riêng được thực hiện theo đúng quy trình và phù hợp với cơ cấu đào tạo ngành QTKD. Khoa đủ đội ngũ GV để thực hiện CTĐT ngành QTKD. Tỷ lệ GV/SV đảm bảo đúng theo quy định của BGD&ĐT. Khối lượng công việc của GV được đo lường, giám sát để làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Các tiêu chí tuyển chọn GV tuân thủ theo đúng quy trình, tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển dụng, bố trí, bổ nhiệm, chấm dứt hợp đồng của Nhà nước và của Học viện. Năng lực của đội ngũ GV được xác định rõ trong các văn bản quy định của Học viện. Việc đánh giá năng lực GV khá đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV được xây dựng theo kế hoạch và định kỳ được rà soát, điều chỉnh, bổ sung hằng năm.

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được quy định và triển khai theo đúng quy định. Tất cả GV ngành QTKD đều hoàn thành các nhiệm vụ trong từng năm học. Hoạt động NCKH của GV được triển khai và giám sát chặt chẽ; kết quả NCKH được ghi nhận và làm căn cứ để cải tiến chất lượng. Số lượng và loại hình NCKH do đội ngũ GV thực hiện được xác lập rõ ràng và được thực hiện hằng năm, được đối sánh và đóng góp đáng kể vào công tác đào tạo, phát triển cộng đồng.

1.7. Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Quy hoạch phát triển đội ngũ nhân viên (NV) của Học viện được xây dựng dựa trên quan điểm chỉ đạo từ Nghị quyết của Đảng ủy và Đề án vị trí việc làm đã được Giám đốc

Học viện phê duyệt năm 2014 và năm 2020. Đội ngũ NV tại các bộ phận hỗ trợ đủ về số lượng, có năng lực đáp ứng các yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Việc tuyển dụng, điều chuyển NV đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ. Các ứng viên sau khi được điều chuyển hay tuyển dụng đều đảm bảo được các yêu cầu của vị trí việc làm. Nhân viên được đánh giá theo qui trình và được thông báo công khai. Học viện có văn bản hướng dẫn cụ thể để đội ngũ nhân viên hỗ trợ CTĐT, xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ để tự đánh giá và được đánh giá qua các cấp, từ đó biết được năng lực, trình độ và thái độ phục vụ của NV. Học viện đã kịp thời ban hành những quyết định cử CBVC-NLĐ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về học tập và chế độ tài chính theo Quy chế chi tiêu nội bộ. Công tác thi đua khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên được quy định rõ ràng và công khai, Học viện đã chi thu nhập tăng thêm góp phần tạo động lực cho CBVC-NLĐ. Các cán bộ chuyên viên và nhân viên có trình độ chuyên môn và năng lực phù hợp với vị trí đảm nhiệm theo quy định hiện hành.

1.8. Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách, tiêu chí tuyển sinh, phương pháp tuyển chọn NH rõ ràng, đầy đủ, chi tiết trong Đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện. Chính sách, tiêu chí tuyển sinh, phương pháp tuyển chọn được cập nhật trên cơ sở các quy định của BGD&ĐT và thực tế của Học viện.

Ngoài các chính sách ưu tiên trong tuyển sinh như của BGD&ĐT, Học viện có thêm chính sách ưu tiên trong tuyển sinh thông qua việc cấp các suất học bổng toàn phần (miễn 100% học phí trong năm học thứ nhất) và học bổng bán phần (miễn 50% học phí trong năm học thứ nhất) cho các thí sinh có kết quả thi THPT hoặc có thành tích cá nhân, thành tích học tập cao. Các chính sách và quy định tuyển sinh được Học viện công bố công khai thông qua các hình thức như: công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Học viện https://ptit.edu.vn; cổng thông tin tuyển sinh https://tuyensinh.ptit.edu.vn; các trang mạng xã hội chính thức của Học viện: facebook.com/ptittuyensinh, facebook.cpm/ptitwebsite; quảng bá trên các Brochure tuyển sinh; trên cổng thông tin tuyển sinh của BGD&ĐT (https://thituyensinh.vn).

Học viện có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ đối với NH, bao gồm: Phòng Giáo vụ, Phòng Đào tạo, Phòng CT&CTSV/Công tác SV, TTKT&ĐBCLGD và CVHT. Học viện sử dụng

phần mềm QLĐT Edusolf để hỗ trợ quá trình giám sát tiến trình học tập và rèn luyện của SV trong suốt khóa học.

Học viện có phân công các đơn vị, bộ phận tham gia tư vấn học tập, tổ chức hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH, theo đó hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH đã được Học viện triển khai thực hiện.

Học viện đã chú trọng xây dựng môi trường sư phạm, tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động tình nguyện, tạo sân chơi lành mạnh, nhân văn trong Học viện; môi trường tâm lý, xã hội, làm việc thân thiện, tạo điều kiện thoải mái để thực hiện các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu của CB, GV, NV và NH.

1.9. Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Học viện có trụ sở chính tại số 122 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, có cơ sở đào tạo tại Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội và HVCS tại Tp. HCM với tổng diện tích là 127.694,90 m^2 (trong đó miền Bắc là 63.464,70 m^2, miền Nam là 64.230,20 m^2) phục vụ công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ. Tổng diện tích sàn phục vụ đào tạo, NCKH là 79.376 m^2, diện tích sàn phục vụ đào tạo đạt bình quân 6,337 m^2/SV, đáp ứng Khoản 2 Điều 6 Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018.

Học viện có hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành/Lab đáp ứng yêu cầu cho việc giảng dạy, học tập và NCKH. Các phòng làm việc của Học viện được trang bị máy tính, máy in, máy photocopy, bàn ghế làm việc và các tủ đựng tài liệu; các phòng làm việc được lắp đặt điều hoà, quạt treo tường. Các phòng học đều được trang bị thiết bị trình chiếu (máy chiếu, tivi, máy tính), hệ thống âm thanh, bảng viết, bảng từ, bàn ghế, hệ thống đèn chiếu sáng. Trong các phòng thí nghiệm, thực hành/LAB được trang bị các thiết bị cần thiết phục vụ cho các giờ học thực hành và phù hợp với CTĐT ngành QTKD.

Hệ thống CNTT của Học viện đáp ứng yêu cầu của việc giảng dạy, học tập và NCKH. Học viện đã triển khai hoạt động giảng dạy - học tập trực tuyến thông qua phần mềm TranS và hỗ trợ học tập thông qua hệ thống quản lý học tập trực tuyến - LMS, đặc biệt là trong giai đoạn dịch Covid 19.

Năm 2021, Học viện đã triển khai cấp mã định danh cho SV ngay khi trúng tuyển để SV có thể truy cập vào phần mềm PTIT- Slink để phục vụ cho việc nhập học trực tuyến, tra cứu điểm, tình trạng học phí, xét duyệt học bổng, theo dõi thời khóa biểu... trên tất cả các thiết bị di động. Trong giai đoạn 2017-2021, không xảy ra hiện tượng mất dữ liệu, mất an toàn hệ thống CNTT, mất an ninh trật tự, không xảy ra dịch bệnh trong khuôn viên của Học viện.

Học viện đã ban hành các quy định liên quan đến môi trường, sức khỏe và an toàn, như: Nội quy giảng đường; Nội quy KTX; Quy định về tổ chức, quản lý và sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành; Nội quy căng tin; nội quy PCCC; Quy định về phòng tránh dịch Covid-19...; thành lập Ban chỉ huy PCCC, Đội PCCC với nhân sự là đội ngũ CB, GV, NV. Học viện đã ban hành Quy chế phân cấp trách nhiệm về công tác PCCC.

1.10. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Học viện đã ban hành các văn bản quy định việc thu thập thông tin phản hồi các BLQ. Trong các lần rà soát điều chỉnh CĐR và CTĐT, Học viện/Khoa QTKD đã xây dựng kế hoạch và triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ.

Học viện đã ban hành các văn bản quy định việc rà soát, đánh giá quá trình dạy học và KQHT của NH để đảm bảo sự gắn kết giữa CĐR của các HP với CĐR của CTĐT. Công tác rà soát, đánh giá quá trình dạy học và KTĐG được thực hiện thông qua việc cập nhật, điều chỉnh về CTDH và ĐCCT HP; hoạt động dự giảng; hoạt động lấy ý kiến phản hồi của NH về chất lượng dạy học.

Kết quả nghiên cứu của 70 đề tài được chuyển thành nội dung giảng dạy và áp dụng để cải tiến hoạt động dạy học các HP của CTDH ngành QTKD.

Học viện đã có quy định và định kỳ tổ chức việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ NH thông qua các phương thức khác nhau để tạo lập cơ sở cho đề xuất cải tiến các dịch vụ này. Học viện đã ban hành các văn bản quy định cụ thể về nội dung, quy trình và chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong thực hiện cơ chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ.

1.11. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp, số năm tốt nghiệp trung bình của NH thuộc CTĐT ngành QTKD đã được Học viện xác lập, giám sát theo Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Học viện và Quy trình quản lý số liệu, danh sách học viên, SV tại Học viện.

Hàng năm, Học viện đã thực hiện đối sánh tỷ lệ SV thôi học, SV tốt nghiệp và tình hình việc làm của NH tốt nghiệp của CTĐT ngành QTKD với các CTĐT trình độ đại học khác của Học viện và với các CTĐT cùng ngành QTKD của các CSGD khác trong nước; tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành QTKD có việc làm/có việc làm phù hợp với ngành đào tạo ở mức khá cao.

Quy định về hoạt động NCKH của SV đã ghi rõ các loại hình NCKH đối với SV và trình tự thủ tục, quy trình triển khai, giám sát việc thực hiện đề tài NCKH của SV.

Định kỳ hằng năm, Học viện đã tổ chức khảo sát, thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, CSVC.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của Chương trình đào tạo.

2.1. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu CTĐT ban hành năm 2021 cần cụ thể thang đo mức độ thành thạo kỹ năng số cho phù hợp với xu hướng số hóa hiện nay.

Nội dung CĐR của CTĐT ngành QTKD ban hành năm 2021, các CĐR về kĩ năng chuyên sâu chưa được xây dựng chi tiết cho 4 chuyên ngành " Quản trị doanh nghiệp", "Thương mại điện tử", "Quản trị Logistics" và "Quản trị Marketing".

Các BLQ còn chưa được tiếp cận CĐR dễ dàng và thuận lợi. Phương thức truyền thông về CĐR của ngành QTKD chưa đa dạng nên chưa thu hút được sự quan tâm của đông đảo các đối tượng bên ngoài Học viện.

2.2. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Các ý kiến đóng góp cho Bản mô tả CTĐT mới nhất năm 2021 của các BLQ ở ngoài Học viện chưa thật sự sâu để có thể khai thác được các thông tin hữu ích phục vụ cho việc điều chỉnh Bản mô tả CTĐT ngành QTKD.

Một số câu hỏi trong phiếu khảo sát không được đối tượng được khảo sát trả lời hoặc trả lời với cùng một mức cho các câu hỏi khác nhau; điều này dẫn đến độ tin cậy của kết quả khảo sát không cao.

Học viện đã công bố công khai bản mô tả CTĐT và các ĐCCT các HP, nhưng vẫn còn có BLQ chưa quan tâm đến bản mô tả CTĐT và các ĐCCT các HP.

2.3. Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Kết quả khảo sát SV đánh giá GV chưa được xử lý một cách khoa học để có thể đúc kết ra được những khuyến nghị hữu ích phục vụ cho việc GV cải tiến hoạt động giảng dạy và KTĐG KQHT.

Khi đối sánh và tham khảo các CTĐT của các CSGD đại học khác, Khoa chỉ đối sánh về số lượng tín chỉ và số lượng các HP, tên gọi của các HP, chưa đối sánh sâu về các kiến thức và kỹ năng được truyền tải trong từng HP, phương pháp dạy-học và phương pháp KTĐG được sử dụng trong từng HP.

2.4. Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Khoa QTKD chưa thực hiện việc khảo sát, đánh giá thường xuyên về việc cán bộ, GV và NH hiểu mục tiêu giáo dục của Học viện và CTĐT ngành QTKD. Phiếu khảo sát SV về hoạt động giảng dạy của GV được thiết kế chưa khoa học, nên chưa thu thập được nhiều thông tin hữu ích phục vụ cho việc đổi mới/cải tiến các phương pháp giảng dạy đáp ứng nhu cầu của SV.

Số SV tham gia NCKH chưa nhiều và các hoạt động NCKH, tham gia các cuộc thi SV, các CLB mới chỉ tập trung ở nhóm các SV khá giỏi hoặc tích cực chủ động trong học tập, chưa lan tỏa đến toàn thể SV ngành QTKD.

Trong một số ĐCHP, các mục tiêu đặt ra cho SV đối với hoạt động tự học, tự nghiên cứu còn chưa cụ thể và chưa phản ánh rõ nét sự liên kết, bổ sung cho nhau giữa hoạt động tự học với hoạt động học tập khác của HP. Trong một một vài ĐCHP, việc hướng dẫn việc tự học, tự nghiên cứu cho SV còn khá chung chung.

2.5. Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Học viện chưa tham khảo đầy đủ ý kiến các BLQ để đánh giá sự phù hợp của các văn bản đã ban hành trong lĩnh vực khảo thí.

Các tài liệu phổ biến cho SV còn nằm ở nhiều văn bản và trong các năm ban hành khác nhau, cần tích hợp để đưa thông tin lên Website.

Trong quá trình đánh giá KQHT, Học viện chưa xác định được độ tin cậy, giá trị qua việc thống kê tỷ lệ % SV thi đạt, không đạt của từng HP để có phương án điều chỉnh NHCHT các HP. Học viện chưa phân tích phổ điểm, đánh giá độ giá trị, độ tin cậy và mức độ khó/dễ của các câu hỏi thi/đề thi để điều chỉnh các đề thi phù hợp với yêu cầu đánh giá được CĐR của HP.

2.6. Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ GV, NCV

Hoạt động PVCĐ của GV chưa được lượng hóa cụ thể nên công tác đánh giá hoạt động PVCĐ chưa thuận lợi.

Học viện chưa có chính sách và cơ chế đặc thù để thu hút GV có trình độ học vị và học hàm cao PGS, GS về làm GV cơ hữu của Học viện.

Bản mô tả vị trí việc làm chưa có yêu cầu về năng lực chuyên sâu về thiết kế chương trình và chưa phân biệt rõ các hạng GV I, II, III trong bản mô tả công việc.

Học viện chưa cử được GV đi đào tạo tiến sĩ tại nước ngoài do nguyên nhân chưa tìm được nguồn kinh phí để cấp học bổng cho GV có nhu cầu.

Vẫn còn 4,9% GV cơ sở phía Bắc chưa hài lòng với chế độ phụ cấp, tiền lương, khen thưởng, phúc lợi, BHXH, bảo hiểm y tế, khám sức khỏe định kỳ và an sinh của Học viện và 2,7 % GV cơ sở Học viện chưa hài lòng với chế độ phụ cấp, khen thưởng, phúc lợi phù hợp với năng lực và sự đóng góp trong hoàn thành công việc.

Các quy định về hoạt động KHCN của GV, NCV được quy định ở nhiều văn bản khác nhau, chưa tổng hợp trong một văn bản cụ thể để thuận tiện trong công tác tổ chức thực hiện.

2.7. Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Học viện chưa quan tâm nhiều đến việc xây dựng chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa thực sự chú ý đến tính đặc thù của từng chuyên ngành đào tạo, trong đó có ngành QTKD.

Học viện chưa tổ chức khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các cựu SVTN từ Học viện để nâng cao chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ.

Hoạt động lấy ý kiến về sự hài lòng của NH, GV đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ còn chưa thường xuyên do tình hình dịch bệnh trong năm 2019 và năm 2020.

Các khóa học, tập huấn và hội thảo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giai đoạn 2017-2022 chủ yếu dành cho cán bộ lãnh đạo và một số cán bộ, nhân viên thuộc các phòng chuyên môn nghiệp vụ, chưa có nhiều các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho các chuyên viên giáo vụ và công tác GVCN, CVHT.

Vẫn còn 16,2% nhân viên phân vân về việc quản trị theo kết quả công việc được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

2.8. Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Việc tham khảo góp ý của các BLQ để xây dựng chính sách tuyển sinh chỉ dừng lại ở các đơn vị trong ngành, mà chưa có sự tham gia của các doanh nghiệp ngoài ngành và quốc tế.

Mặc dù Học viện đã sử dụng phương thức tuyển thẳng, tuy nhiên trong giai đoạn 2017-2022 ngành QTKD vẫn chưa có thí sinh được tuyển thẳng.

Sau quá trình triển khai, phần mềm quản lý đào tạo chưa tính năng cảnh báo học vụ tự động khi NH thuộc trường hợp bị cảnh báo học vụ, việc nhắc nhở vẫn do CVHT và Khoa QTKD tư vấn trực tiếp cho từng SV.

Kết quả khảo sát SV cho thấy vẫn còn tỷ lệ 5,3 % SV chưa thật sự hài lòng với hoạt động hỗ trợ của Học viện.

Vẫn còn 5,3% ý kiến của SV phản hồi chưa tích cực về công tác giao tiếp với SV tại Văn phòng một cửa.

2.9. Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Một số phòng học tại khu giảng đường ở cơ sở Tp. HCM chưa lắp máy điều hoà không khí. Một số phòng học/giảng đường của Học viện đã cũ và bắt đầu xuống cấp.

Diện tích phòng đọc của Thư viện cơ sở Hà Nội còn hẹp, số chỗ ngồi trong phòng đọc còn ít nếu so với quy mô SV của Học viện. Kinh phí chi mua bổ sung giáo trình, tài liệu của Thư viện trong giai đoạn KĐCLGD chỉ chiếm 0,07% tổng kinh phí chi của Học viện.

Học viện hiện còn 267 máy tính được trang bị từ trên 05 năm trở lên (chiếm tỉ lệ 20,27%) đã hết thời hạn khấu hao sử dụng.

Nội dung các câu hỏi trong phiếu khảo sát các đối tượng liên quan chưa bao phủ được hết nội dung khảo sát về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT đối với hoạt động đào tạo và NCKH.

Các chính sách đặc thù dành cho người khuyết tật đã được quan tâm, nhưng chưa được thể hiện thành các văn bản cụ thể.

2.10. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Học viện chưa ban hành văn bản quy định về quy trình khảo sát, thu thập ý kiến NTD và NH về CTDH.

Ý kiến của nhà tuyển dụng, tổ chức nghề nghiệp, các chuyên gia và cựu người học còn thu thập chưa được nhiều.

Việc tổ chức các hội nghị, hội thảo, các lớp tập huấn về đổi mới PPDH và KTĐG chưa được thực hiện đều đặn hàng năm cả ở cấp Học viện và cấp khoa.

Nội dung của các hội nghị, hội thảo của Học viện chưa có chuyên đề chuyên sâu và chưa dành nhiều thời gian cho nội dung phổ biến, áp dụng kết quả NCKH vào hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của NH.

Với quá trình chuyển đổi số, hầu hết các dịch vụ hỗ trợ cho NH được cung cấp thông qua môi trường số, trong khi học viện chưa quan tâm đến việc tập huấn để nâng cao kỹ năng sử dụng các dịch vụ trong môi trường chuyển đổi số cho NH nên hiệu quả sử dụng chưa cao.

Hoạt động thu thập thông tin phản hồi tại Học viện vẫn do nhiều đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện.

2.11. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn thấp phần lớn là do SV chưa đạt CĐR tiếng Anh theo quy định của CTĐT.

Mặc dù đã triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ được nhiều năm, song cho đến nay Khoa vẫn chưa có SV tốt nghiệp sớm, trong khi tỷ lệ SV tốt nghiệp muộn vẫn còn khá cao.

Tuy tỷ lệ có việc làm của SV CTĐT ngành QTKD khá cao, nhưng vẫn còn tỷ lệ nhỏ SVTN sau 1 năm chưa tìm được việc làm phù hợp với ngành đào tạo; hoạt động NCKH của SV ngành QTKD tập trung chủ yếu ở các SV có học lực khá, giỏi, mà chưa lan rộng đến mọi đối tượng SV ngành QTKD

Nội dung phiếu khảo sát chưa thật sự bao phủ toàn diện các thông tin cần thu thập để có thể thu thập đầy đủ các thông tin liên quan về mức độ hài lòng của các BLQ về "Hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, CSVC." để làm cơ sở để cải tiến nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của các đơn vị/bộ phận trong Học viện. Trong một số báo cáo kết quả khảo sát chưa có nội dung đề xuất, kiến nghị.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo

3.1. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Phòng CT&CTSV phối hợp với Khoa định kỳ hằng năm huy động cựu SV tham gia vào việc thu hút đông đảo các nhà tuyển dụng cho ý kiến về mục tiêu giáo dục của Học viện và mục tiêu của riêng ngành QTKD, cũng như mức độ mục tiêu giáo dục phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Học viện.

Khoa QTKD phối hợp với Phòng CT&CTSV định kỳ hằng năm huy động các cựu SV tham gia truyền thông về CĐR của CTĐT ngành QTKD và động viên đông đảo và đa dạng về thành phần các nhà tuyển dụng (doanh nghiệp tư nhân, nhà nước, nước ngoài, cơ quan ...) tham gia các đợt khảo sát ý kiến của Học viện để có thể thu thập được nhiều ý kiến đa chiều mang tính đại diện cao về CĐR của CTĐT ngành QTKD.

3.2. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Trong lần rà soát và điều chỉnh bản mô tả CTĐT ngành QTKD năm 2024, Phòng Đào tạo phối hợp với Khoa QTKD nghiên cứu đề xuất những giải pháp hữu hiệu hơn thông qua các mối liên kết với các cựu SV để kết nối được đông đảo các nhà tuyển dụng, hiệp hội nghề nghiệp tham gia đóng góp nhiều ý kiến thiết thực nhằm cải tiến và cập nhật nhất bản mô tả CTĐT ngành QTKD của Học viện.

TTKT&ĐBCLGD phối hợp với các đơn vị rà soát lại các câu hỏi trong các loại phiếu khảo sát và bổ sung/hoàn thiện các câu hỏi theo sát mục tiêu khảo sát và phù hợp với từng nhóm đối tượng để đảm bảo người được khảo sát không hiểu nhầm ngữ nghĩa của câu hỏi hoặc bỏ trống không trả lời. Đồng thời, Khoa cần có giải pháp thu hút và động viên các nhóm đối tượng được khảo sát nhiệt tình trả lời tất cả các câu hỏi trong phiếu khảo sát; cần có quy định cụ thể về những vấn đề Báo cáo kết quả khảo sát cần chỉ rõ để có được các thông tin cần thiết cùng với những đề xuất để cập nhật các đề cương chi tiết học phần và các biện pháp cải tiến các hoạt động liên quan.

Phòng CT&CTSV phối hợp với Khoa nghiên cứu về phương thức truyền thông về bản mô tả CTĐT và các đề cương chi tiết học phần để các bên liên quan đều được biết về bản mô tả CTĐT ngành QTKD và các học phần của CTĐT để có thể có những đóng góp ý kiến cho việc rà soát và hoàn thiện hơn bản mô tả CTĐT và các đề cương chi tiết học phần trong lần rà soát và cập nhật tiếp theo.

3.3. Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

TTKT&ĐBCLGD xây dựng quy định hướng dẫn chung về từng loại công cụ khảo sát, việc chọn mẫu khảo sát, định lượng thống kê, phân tích các kết quả khảo sát, biểu mẫu báo cáo kết quả khảo sát, trong đó nhất thiết cần có việc đánh giá được các thông tin và số liệu đã được phân tích và đưa ra các khuyến nghị hữu ích để các đối tượng liên quan có thể sử dụng phục vụ việc điều chỉnh và cải tiến hoạt động giảng dạy và kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

Khoa QTKD và các Bộ môn cần thảo luận và lấy ý kiến các bên liên quan để xem xét một cách khoa học, chính xác sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được của CĐR của CTĐT ngành QTKD.

Khi tham khảo và đối sánh CTĐT ngành QTKD của Học viện với các CTĐT ngành QTKD của các trường đại học khác, Khoa nghiên cứu sâu các nội dung về kiến thức và kỹ năng được truyền tải trong mỗi học phần, CĐR của từng học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá của từng học phần để tạo lập cơ sở điều chỉnh và hoàn thiện các học phần thuộc CTĐT ngành QTKD của Học viện.

3.4. Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Khoa QTKD cần thường xuyên với các hình thức đa dạng hơn trong việc phổ biến và giải thích rõ và sâu rộng hơn về Triết lý giáo dục của Học viện để các bên liên quan đặc biệt là cán bộ, giảng viên và sinh viên của khoa hiểu rõ ý nghĩa của Triết lý giáo dục của Học viện.

TTKT&ĐBCLGD rà soát và hoàn thiện lại các câu hỏi trong phiếu khảo sát để đảm bảo các câu hỏi bám sát các mục tiêu khảo sát nhằm thu thập được nhiều thông tin hữu ích giúp cho việc cải tiến, đổi mới phương pháp giảng dạy của GV.

Khoa đề xuất có cơ chế đi kèm các chính sách hỗ trợ để khuyến khích sinh viên tham gia NCKH; rà soát lại các đề cương học phần để bổ sung và hoàn thiện hơn với những hướng dẫn chi tiết cho SV về việc tự học, tự nghiên cứu các vấn đề trong từng chương mục của học phần và rèn luyện cho SV khả năng tự học tự nghiên cứu và học tập suốt đời.

3.5. Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

TTKT&ĐBCLGD phối hợp với các Khoa đề xuất việc sử dụng các phần mềm chuyên dụng để đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu, sự phù hợp của từng hoạt động/phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đã được thiết kế đối với việc đo lường được mức độ đạt CĐR; ban hành hệ thống văn bản hướng dẫn việc xây dựng ngân hàng câu hỏi thi để thống nhất sử dụng chung cho tất cả các CTĐT hiện hành của Học viện về kết cấu số lượng câu hỏi thi cũng như mức độ đánh giá với từng chương mục phù hợp với CĐR của học phần thông qua ma trận tương quan giữa CĐR của học phần và chương mục của học phần.

TTKT&ĐBCLGD rà soát và bổ sung vào văn bản quản lý liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập của người học nội dung quy định về việc định kỳ đánh giá độ tin cậy và độ giá trị của câu hỏi thi (đề thi) bằng các phần mềm chuyên dụng để đảm bảo các đề thi đo lường được chính xác mức độ SV đạt CĐR của học phần.

TTKT&ĐBCLGD xây dựng kế hoạch rà soát các văn bản hướng dẫn chi tiết về việc xây dựng đề thi, đáp án thi, tổ chức thi, chấm thi hết học phần và hướng dẫn về quy trình giám sát việc chấm thi, hậu kiểm sau mỗi kỳ thi để hạn chế tối đa những sai sót có thể có

trong quá trình tổ chức đánh giá kết quả học tập từng học phần và đảm bảo việc người chấm thi tuân thủ các quy định về chấm thi hết học phần.

Phòng Giáo vụ đề xuất với Học viện nên nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo, bổ sung thêm một số tác vụ, như chức năng xin/cho phép phúc khảo bài thi để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên khi muốn đăng ký phúc khảo bài thi.

3.6. Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Phòng TCCB-LĐ chi tiết hóa quy hoạch cho từng ngành đào tạo của Học viện và đề xuất các chính sách để thu hút GV có trình độ cao về làm việc tại Học viện.

Phòng QL KHCN&HTQT nghiên cứu để định mức khối lượng NCKH cho GV theo hạng bậc và chức danh GV; cần có quy định cụ thể về số lượng đề tài NCKH các cấp và số bài báo công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước cho từng hạng bậc và chức danh giảng viên, ví dụ đối với GV là giáo sư, GV là phó giáo sư yêu cầu thực hiện đề tài NCKH cấp nào, số lượng bài báo được công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín trong và ngoài nước ...; định lượng các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV để thuận lợi cho việc đo lường và đánh giá mức độ hoàn thành của từng giảng viên.

Khoa phối hợp với các đơn vị đề xuất việc khai thác các nguồn thu hợp pháp bổ sung thêm cho quỹ NCKH của Học viện để có thể tăng định mức chi cho hoạt động NCKH của giảng viên trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện nhằm đạt được mức hấp dẫn cao đối với giảng viên khiến các GV ngày càng đam mê nghiên cứu và tạo ra thêm nhiều hơn nữa những sản phẩm khoa học có hàm lượng chất xám cao hơn.

3.7. Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Phòng TCCB-LĐ chú ý đến tính đặc thù của từng chuyên ngành đào tạo, trong đó có ngành QTKD khi quy hoạch đội ngũ nhân viên của các Khoa, các phòng chức năng để cân đối điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên toàn Học viện.

Phòng TCCB-LĐ nghiên cứu để có các phương thức thông báo tuyển dụng phong phú và đa dạng để thu hút được rộng rãi nhiều ứng viên tiềm năng từ ngoài xã hội về công tác tại Học viện; mức thu nhập của từng vị trí việc làm cần thực sự tạo sự hấp dẫn đối với ứng viên và được xác định trong Quy chế chi tiêu nội bộ.

Phòng TCCB-LĐ nghiên cứu tách các tiêu chí đánh giá năng lực thành những bộ tiêu chuẩn riêng biệt để đánh giá cụ thể năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên theo từng nhóm đối tượng nhân viên, như: nhân viên thư viện; nhân viên CNTT; nhân viên các phòng thí nghiệm, nhân viên văn phòng, trung tâm dịch vụ, ...

Phòng TCCB-LĐ thiết kế một lộ trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ NV hỗ trợ CTĐT theo từng vị trí việc làm để đảm bảo số lượng các đợt đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ NV giữa các đơn vị phục vụ CTĐT được phân bổ đồng đều hơn; cần có cơ chế

để nhân viên các phòng thực hành chủ động tìm các khóa tập huấn giúp nâng cao chất lượng công tác phục vụ giảng dạy; cần quan tâm hơn tới số cán bộ, nhân viên thuộc các phòng chuyên môn nghiệp vụ và các chuyên viên làm công tác giáo vụ, giáo viên chủ nhiệm và cố vấn học tập.

3.8. Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Phòng CT&CTSV nghiên cứu đề xuất các hình thức quảng bá truyền thông về phương thức tuyển thẳng với các ưu đãi đặc biệt về học bổng để có thể thu hút được nhiều thí sinh đăng ký tuyển thẳng vào học CTĐT ngành QTKD của Học viện.

Phòng TCCB-LĐ đề xuất việc định kỳ bồi dưỡng những kỹ năng tư vấn/hỗ trợ cho người học đặc biệt là kỹ năng tư vấn trong học tập để nâng cao hiệu quả của hoạt động tư vấn/hỗ trợ người học trong thời gian tới.

TTKT&ĐBCLGD rà soát lại mẫu phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của người học về công tác đảm bảo điều hiện cơ sở vật chất phục vụ người học, trong đó cần bổ sung thêm các câu hỏi để có thể bao quát được trên phổ rộng các nội dung liên quan đến môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan để đảm bảo có thể thu thập được nhiều thông tin phục vụ cho việc cải tiến chất lượng; đảm bảo mỗi câu hỏi trong phiếu khảo sát đơn nghĩa và sát với nội dung cần khảo sát.

3.9. Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Phòng Kế hoạch Đầu tư lập kế hoạch ngân sách để phân bổ kinh phí cho việc lắp đặt máy điều hoà không khí ở các phòng học chưa có máy điều hoà, cũng như để duy tu và nâng cấp các phòng học đã xuống cấp.

Phòng QLKHCN&HTQT đề xuất kinh phí đầu tư để nâng cấp phần mềm quản lý Thư viện nhằm hỗ trợ cho công tác quản lý cũng như phục vụ bạn đọc; giải pháp để mở rộng diện tích và tăng số chỗ ngồi trong phòng đọc của thư viện để có nhiều SV hơn nữa có thể đến học tập tại thư viện, đặc biệt là vào những thời điểm chuẩn bị có các kỳ thi; phân bổ thêm kinh phí hằng năm để mua bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo để đảm bảo thư viện có đủ giáo trình, tài liệu phục vụ cho các CTĐT của Học viện.

Phòng CT&CTSV cụ thể các chính sách đặc thù dành cho người khuyết tật của Học viện bằng các văn bản để thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện.

3.10. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Khoa mở rộng quy mô khảo sát đối với đối tượng là các nhà tuyển dụng lao động, các tổ chức xã hội nghề nghiệp để thu thập được nhiều ý kiến đa chiều phục vụ cho việc điều chỉnh, cập nhật CTDH ngành QTKD của Học viện, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động rộng lớn.

Khi rà soát, đánh giá quy trình thiết kế, phát triển CTDH, Khoa nghiên cứu đề xuất các giải pháp để có thể huy động được đông đảo và rộng rãi các bên liên quan, như: các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên tham gia trả lời các phiếu khảo sát để có thể thu thập được các ý kiến hữu ích phục vụ cho việc cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH của ngành QTKD.

Định kỳ hàng năm, TTKT&ĐBCLGD đề xuất tổ chức các hội nghị, hội thảo hoặc mở các lớp tập huấn về đổi mới phương pháp dạy - học và kiểm tra đánh giá, để thúc đẩy các bộ môn, GV thường xuyên xem xét lại và cải tiến công tác giảng dạy và kiểm tra đánh giá của bộ môn và của từng cá nhân.

TTKT&ĐBCLGD phối hợp với các đơn vị định kỳ tổ chức các hội nghị/hội thảo/họp bàn để rà soát, đổi mới cơ chế phản hồi với sự tham gia của đầy đủ các bên liên quan (CB, GV, người học, cựu người học, nhà tuyển dụng .) để thu được nhiều ý kiến hữu ích phục vụ cho việc cải tiến cơ chế phản hồi.

3.11. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Phòng Giáo vụ phối hợp với các đơn vị tiếp tục nghiên cứu, phân tích, đánh giá kỹ nguyên nhân tỷ lệ SV thôi học các khóa vẫn đang ở mức khá cao để đưa ra các giải pháp hiệu quả hơn nhằm giảm thiểu tỷ lệ SV thôi học và chậm tốt nghiệp.

Phòng CT&CTSV phối hợp với Khoa Cơ bản tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ CVHT để có các biện pháp hỗ trợ người học trong việc lập kế hoạch và chọn phương pháp học tập phù hợp để đạt CĐR tiếng Anh theo tiến độ đào tạo của khóa học, tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng kế hoạch và có sinh viên tốt nghiệp sớm.

TTKT&ĐBCLGD phối hợp với các đơn vị liên quan tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các mẫu phiếu khảo sát để có thể thu thập được đầy đủ các thông tin hữu ích từ các bên liên quan phục vụ cho hoạt động cải tiến chất lượng các hoạt động của Học viện. Trong kết cấu các báo cáo kết quả khảo sát nên bổ sung thêm nội dung đề xuất, kiến nghị để tham mưu cho Giám đốc Học viện các chủ trương, giải pháp để cải tiến chất lượng các hoạt động của Học viện.

4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh

(Theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016, Phụ lục 6.a)

Tên cơ sở giáo dục: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông
Mã: BVH (BVS)
Tên CTĐT: Quản trị kinh doanh
Mã CTĐT: 7340101

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	○	○	○	○	○	○	○			
Tiêu chuẩn 1								4,67	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2				4						
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2								5,00	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3								4,67	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4								5,00	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5								4,60	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5				4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	O	O	O	O	O	O	O			
Tiêu chuẩn 6								5,00	7	100
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
Tiêu chuẩn 7								5,00	5	100
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
Tiêu chuẩn 8								4,80	5	100
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5				4						
Tiêu chuẩn 9								4,80	5	100
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	○	○	○	○	○	○	○			
Tiêu chuẩn 10								4,83	6	100
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6				4						
Tiêu chuẩn 11								4,80	5	100
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								**4,84**	**50**	**100**

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2023

GIÁM ĐỐC

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Đặng Hoài Bắc

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2022

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập):

Tiếng Việt: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Tiếng Anh: Posts & Telecommunications Institute of Technology

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục:

Tiếng Việt: HV CN BCVT

Tiếng Anh: PTIT

3. Tên trước đây (nếu có): Không

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Thông tin và Truyền thông

5. Địa chỉ: Số 122 Đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: +84.24.3756.2186 Số fax: +84.24.3756.2036

E-mail: vanphonghv@ptit.edu.vn Website: http://www.ptit.edu.vn

7. Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập): Năm 1997

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: Năm 1997

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: Năm 2002

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ): Không

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa Quản trị kinh doanh

Tiếng Anh: Business Administration

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: QTKD

Tiếng Anh: BSA

14. Tên trước đây (nếu có)

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

15. Mã CTĐT: 7340101

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Khoa QTKD 1: Tầng 9, nhà A2, Km10 Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội.

Khoa QTKD 2: Số 11 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. HCM

18. Số điện thoại liên hệ:

Khoa QTKD 1: Điện thoại: 024.38548333

Email: .....@ptit.edu.vn; Website: https://.

Khoa QTKD 2: Điện thoại: 02.837305314; 02.838229372;

E-mail: qtkd2@ptithcm.edu.vn ; Website: https://fba.ptithcm.edu.vn/

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập):

Khoa QTKD 1: 1997

Khoa QTKD 2: 1999

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (ngành QTKD): 1997 đối với K. QTKD1 và 1999 đối với K. QTKD2

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (ngành QTKD): 2002 đối với K. QTKD 1 và 2004 đối với K. QTKD 2

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật

Các Khoa QTKD 1&2 là đơn vị trực thuộc Học viện, thực hiện sự chỉ đạo thống nhất của Học viện về mọi mặt hoạt động trong công tác tổ chức thực hiện CTĐT và có chức năng đào tạo và NCKH thuộc lĩnh vực QTKD Sau đây gọi chung là Khoa QTKD trong các nội dung tiếp theo của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành QTKD.

Khoa QTKD 1 được thành lập năm 1997, Khoa QTKD 2 được thành lập năm 1999. Khoa tổ chức đào tạo tất cả các trình độ từ đại học, thạc sỹ đến tiến sĩ với các hình thức chính quy, vừa làm vừa học và từ xa. Trong đó, trình độ *cử nhân* có 4 chuyên ngành đào tạo.

Sứ mệnh của Khoa QTKD: Xây dựng Khoa QTKD trở thành đơn vị đào tạo nguồn nhân lực kinh doanh và quản lý có chất lượng toàn diện, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội trong các lĩnh vực QTKD, đáp ứng nhu cầu quản lý kinh tế xã hội; Một môi

trường học tập, nghiên cứu chất lượng, năng động và chuyên nghiệp giúp SV phát triển tối đa năng lực sáng tạo của bản thân; Một trung tâm NCKH, CGCN và tri thức nằm trong tốp đầu quốc gia, khu vực và trên thế giới; Một địa chỉ tin cậy trong hợp tác nghiên cứu và đào tạo với các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Tầm nhìn của Khoa QTKD: Đến năm 2030, Khoa QTKD trở thành một cơ sở đào tạo và NCKH uy tín trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý góp phần đưa Học viện thuộc nhóm 300 Học viện hàng đầu châu Á theo bảng xếp hạng QS Asia, trở thành đơn vị đầu ngành trong đào tạo, nghiên cứu và CGCN trong lĩnh vực kinh doanh, quản lý kinh tế của Việt Nam.

***NCKH:** Giai đoạn 2017-2022*

Khoa QTKD đã thực hiện 133 đề tài NCKH cấp Học viện; đã công bố 103 bài đăng trên tạp chí khoa học cấp ngành trong nước và 33 bài đăng trên tạp chí khoa học quốc tế, trong đó có bài thuộc nhóm ISI/Scopus; xuất bản 08 cuốn sách.

SV thuộc CTĐT ngành Quản trị kinh doanh đã thực hiện được 99 đề tài NCKH với sự tham gia của 176 lượt SV (có 7 đề tài đạt giải thưởng NCKH sáng tạo). Nội dung của các đề tài nghiên cứu của SV đều gắn liền với chuyên ngành đào tạo QTKD và chất lượng các đề tài đều được đánh giá từ mức đạt trở lên.

Các hoạt động hợp tác đào tạo và NCKH

Khoa QTKD 1&2 có các hoạt động hợp tác đào tạo và NCKH với nhiều đối tác trong và ngoài nước, cụ thể:

1- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)
2- Công ty Cổ phần Công nghệ An Vui
3- Công ty Cổ phần Công nghệ Sapo
4- Công ty Cổ phần Fado Việt Nam
5- Công ty Cổ phần iCheck
6- Công ty cổ phần MISA
7- Công ty TNHH MTV TMDT Viettel
8- Công ty cổ phần Ecom Group
9- Công ty CP Phát triển TMĐT Việt Long
10- VNPT Fintech
11- Công ty cổ phần sản xuất thương mại và dịch vụ BBT Việt Nam.
12- Công ty TNHH Thang máy Hitachi Việt Nam

13- Trung tâm Kinh doanh VNPT _Hà Nội

14- Công ty Cổ phần Giải pháp và Công nghệ HBS

15- Công ty Cổ phần Công nghệ Maxbuy

16- Công Ty Hồng hạc Đại lải

17- Công ty TNHH Bảo hiểm Chubb Việt Nam

18- Công ty TNHH Công nghệ sạch Nông nghiệp

19- Công ty Cổ phần Tin học Quang Minh

20- Công ty TNHH bê tông đúc sẵn Sông Đáy

21- Công ty Cổ phần Nhanh.vn

22- Trung tâm Kinh Doanh VNPT TP.Hồ Chí Minh

23- Bưu điện TP. Hồ Chí Minh

24- Công ty cổ phần quảng cáo Cổng Việt Nam

25- Công ty Truyền thông Click Media&SEO

26- Công ty cổ phần Truyền thông quảng cáo Song Hành

27- Công ty TNHH CNTT Khuê Tú

28- Agility

29- Công ty TNHH công nghệ DiGi

30- Ngân hàng NN và PTNT - Chi nhánh Miền Đông - TP. Hồ Chí Minh

31- Công ty cổ phần Misa

32- Công ty TNHH MeadJohnson Nutrition (VN)

33- Công ty DP EXPRESS

34- Bưu điện Tỉnh Vĩnh Long

35- Công ty Cổ phần dịch vụ Di Động Trực Tuyến (M-Service)

Danh sách các trường đại học và Học viện hợp tác với Khoa QTKD :

1- Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội

2- Trường Đại học Giao thông vận tải Hà Nội

3- Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội

4- Học viện Phụ nữ

f) Tổ chức phong trào SV

- 367 SV ngành Quản trị kinh doanh được đơn vị trao học bổng tài năng hàng năm (từ năm 2016-2022): Năm 2016: 56 SV; Năm 2017: 88 SV; Năm 2018: 54 SV; Năm 2019: 38 SV; Năm 2020: 59 SV; Năm 2021: 52 SV; Năm 2022: 20 SV.

Tổ chức phong trào SV: SV của Khoa tham dự và đạt các nhiều thành tích cao trong các cuộc thi như:

- Trong năm 2017 Khoa đã tổ chức thành công cuộc thi:

+ " Kiến thức và kỹ năng chuyên môn về Thương mại điện tử (E-Commecer Race)". Đây là cuộc thi đầu tiên về Thương mại Điện tử do Học viện chủ trì, Khoa triển khai tổ chức với sự tham dự của các đội thi đến các trường Đại học tại Hà Nội.

+ Phối hợp tổ chức cuộc thi "P-STARTUP" ý tưởng khởi nghiệp SV Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. Nhóm SV của Khoa đã được ban tổ chức trao giải Nhì (không có giải nhất) cho ý tưởng Farm Mall - phân phối nông sản sạch do SV Tống Hương Giang, lớp D15QT3 làm trưởng nhóm và 03 giải Ba thuộc về các ý tưởng: "AZHome - Ứng dụng tìm phòng trọ" do SV Đinh Văn Kinh, lớp D15CQQT2 làm trưởng nhóm.

+ Chương trình Giao lưu với Tân SV khóa 2017

- Trong năm 2018 Khoa đã tổ chức thành công cuộc thi "King & Queen" dành cho SV, Chương trình Giao lưu với Tân SV khóa 2018.

- Trong năm 2019 Khoa thành công trong việc đồng chủ trì tổ chức cuộc thi "Ý tưởng Sáng tạo khởi nghiệp SV – Startup 2019" kết quả SV của khoa đạt được là một đội đạt giải nhất và một đội đạt giải nhì cấp Học viện. Đặc biệt, đội thi đạt giải nhất với chủ đề "Ứng dụng học tập và ôn luyện kiến thức Memo" do SV Tống Hương Giang làm trưởng nhóm đã vinh dự được chọn là đại diện của Học viện tham dự cuộc thi cấp Quốc gia và đã vào vòng chung kết 50 đội thi đến từ các trường đại học trên toàn quốc. Ngoài ra một đội SV của Khoa cũng đã đạt giải nhất cuộc thi statup dành cho nữ sinh tại vòng chung kết toàn quốc do Học viện Phụ nữ tổ chức.

Khoa tổ chức thành công "Chương trình Giao lưu với Tân SV khóa 2019"

- Trong năm 2020 Khoa tổ chức thành công

+ "Chương trình Giao lưu với Tân SV khóa 2020".

+ Tham gia: cuộc thi "Tài năng trẻ logictic Việt Nam năm 2020" kết quả đạt giải Khuyến khích, cuộc thi "Khởi nghiệp sáng tạo dành cho nữ SV 2020" kết quả đạt giải Tăng trưởng, Khoa đồng chủ trì tổ chức cuộc thi "Ý tưởng Sáng tạo khởi nghiệp SV – Startup 2020" kết quả một đội đạt giải nhì và một đội đạt giải ba cấp Học viện.

+ Khoa tổ chức thành công cuộc thi "PTIT-YES" chuyên môn QTKD và Thương mại điện tử.

+ Thành công trong việc đồng chủ trì tổ chức cuộc thi "Ý tưởng Sáng tạo khởi nghiệp SV - Startup 2020" kết quả một đội đạt giải nhì và một đội đạt giải ba.

- Trong năm 2021 Khoa đã thành công trong việc tổ chức và hướng dẫn các nhóm SV của khoa tham gia các cuộc thi cấp Quốc gia như "Tài năng trẻ logistics Việt Nam năm 2021". Cuộc thi Tài năng trẻ Logistics Việt Nam năm 2021, trở lại từ ngày 1/8/2021 và đã thu hút được sự quan tâm của rất nhiều SV với 495 đội thi đến từ 48 trường đại học, cao đẳng trên toàn quốc. Điều đó chứng tỏ được quy mô cũng như những lợi ích thiết thực mà cuộc thi mang lại cho các ngành logistics tại Việt Nam. Trải qua hai phần thi Thắp lửa và Khát vọng. Đội thi tới từ Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông đã vào vòng 2 của cuộc thi.

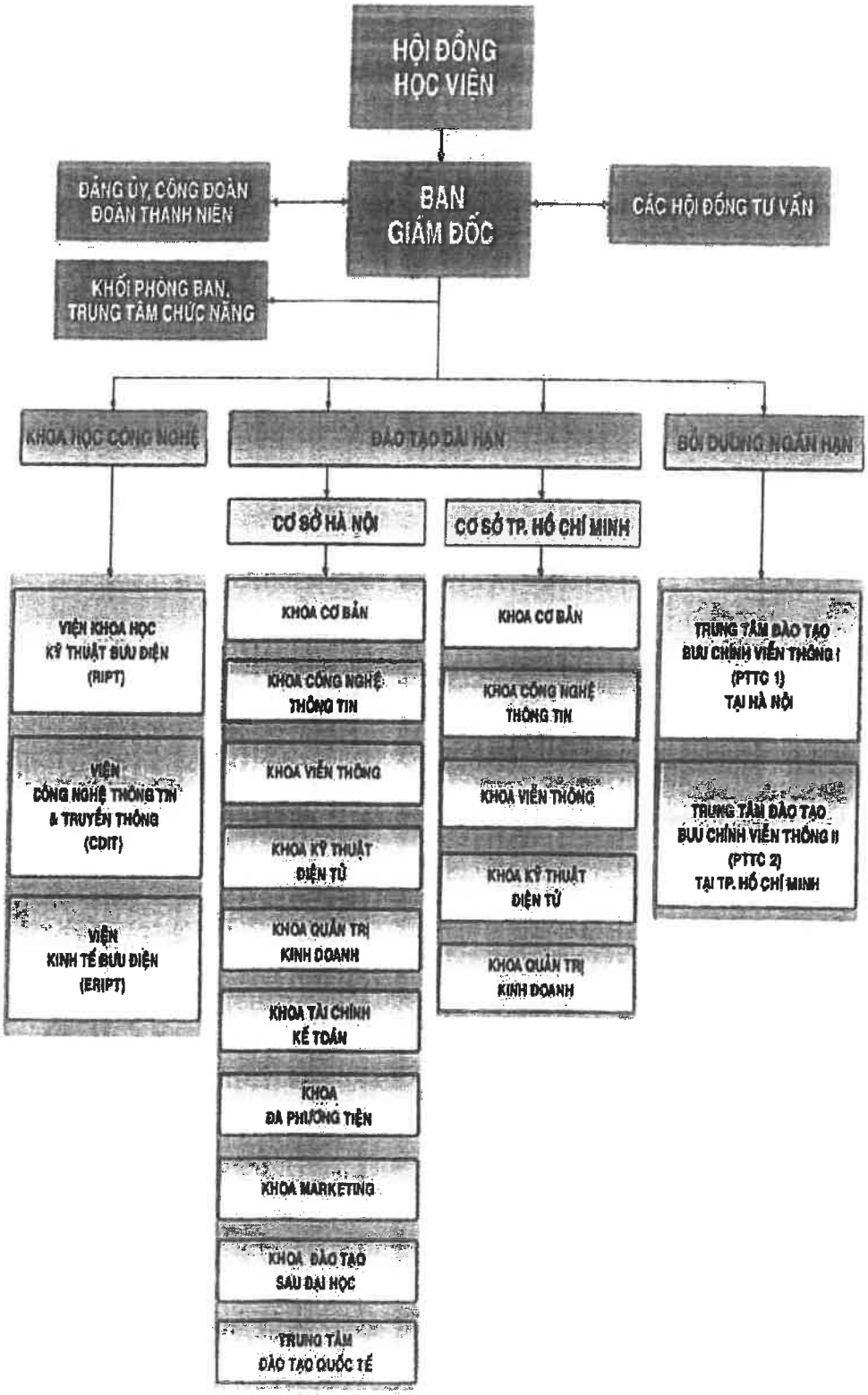
**Tổ chức phong trào SV QTKD 2*

1. Tổ chức ngày Phụ nữ Việt Nam cho các bạn nữ của LCĐ (20/10/2018)
2. Tổ chức ngày Gặp mặt đầu xuân (08/03/2019)
3. Tổ chức Hội trại Disconnect to Connect cùng LCĐ khoa Viễn Thông (06/04 - 07/04/2019)
4. Giao lưu cùng SV khóa D19 (01/09/2019)
5. Tổ chức chương trình Chuyến xe trao trăng cùng LCĐ Công nghệ Đa phương tiện xuống Long An (07/09/2019)
6. Tổ chức chương trình gặp mặt LCĐ nhằm chúc mừng ngày Phụ nữ Việt Nam (20/10/2019)
7. Tổ chức chương trình "Sinh hoạt hè" cùng LCĐ Công nghệ Đa phương tiện (07/2020)
8. Tuyển CTV cho LCĐ (26/08 - 06/09/2020)
9. Cuộc thi thiết kế logo chào mừng D20 trên fanpage LCĐ (06/09 - 26/09/2020)
10. Cùng LCĐ Công nghệ Đa phương tiện tổ chức chương trình "Chuyến xe trao trăng" về Trung tâm dạy nghề người khuyết tật và mồ côi TP.HCM ấp 6, xã Xuân Thời Thượng, huyện Hóc Môn, TP.HCM (04/10/2020)
11. Tổ chức buổi gặp mặt tân SV D20
12. Tổ chức chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/2020)
13. Tổ chức minigame "Phụ nữ là để yêu thương" (08/03/2021)
14. Tổ chức chương trình "Thay đổi nhỏ tạo hành trình lớn" (05/06 - 20/6/2021)
15. Tổ chức chương trình "Minigame trung thu - Minigame liên hoàn" (21-

22/09/2021)

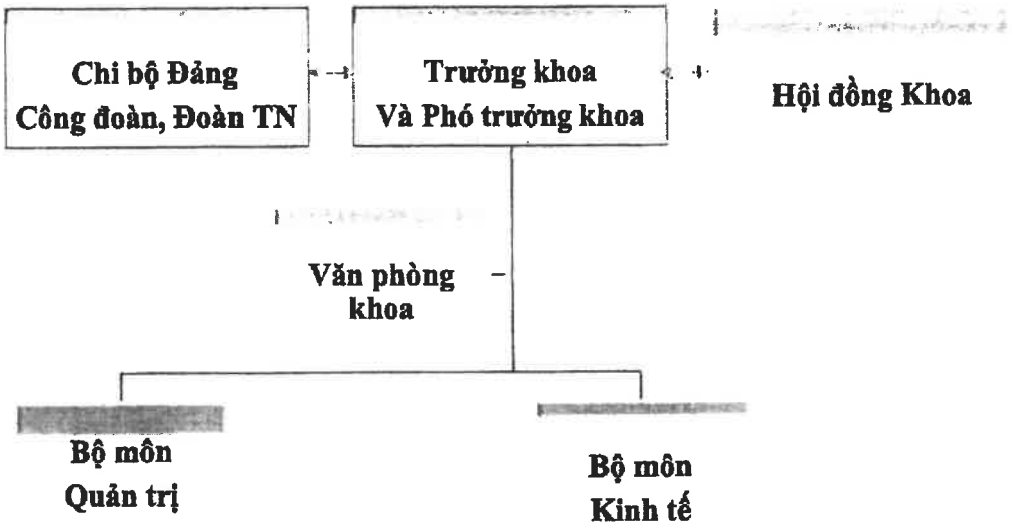
16. Tổ chức giao lưu Tân SV khóa D21
17. Tổ chức chương trình "Khoảnh khắc yêu thương" (17/10 - 19/10/2021)
18. Tổ chức Minigame "Giải đố liền ngay - Phúc Long liền tay" (09/12/2021)
19. Tổ chức Minigame Năm cũ diệu kì - Lì xì năm mới (01/01/2022)
20. Tổ chức Workshop "Học Quản trị ra làm Giám đốc?" (13/03/2022)
21. Tổ chức chương trình 8/3 dành cho các bạn nữ trong LCĐ (08/03/2022)
22. Tổ chức chương trình "Hoa nở muộn" (04/08 - 11/08/2022)
23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

23.1 Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục

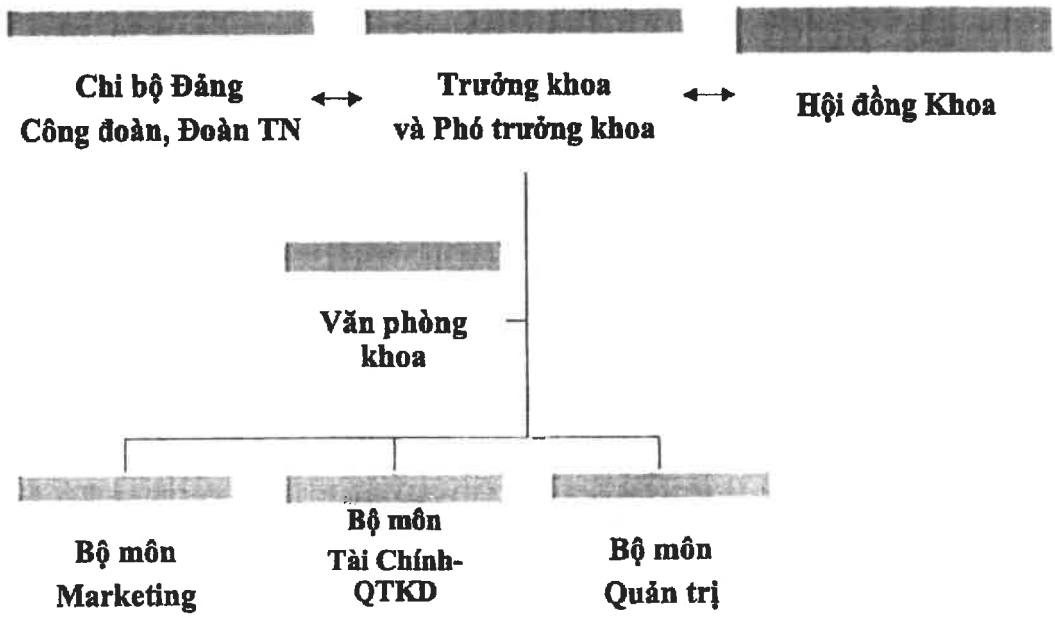

HỘI ĐỒNG HỌC VIỆN
ĐẢNG ỦY, CÔNG ĐOÀN ĐOÀN THANH NIÊN
BAN GIÁM ĐỐC
CÁC HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
KHỐI PHÒNG BAN, TRUNG TÂM CHỨC NĂNG
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
ĐÀO TẠO DÀI HẠN
BỒI DƯỠNG NGẮN HẠN
CƠ SỞ HÀ NỘI
CƠ SỞ TP. HỒ CHÍ MINH
VIỆN KHOA HỌC KỸ THUẬT BƯU ĐIỆN (RIPT)
VIỆN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN & TRUYỀN THÔNG (CDIT)
VIỆN KINH TẾ BƯU ĐIỆN (ERIPT)
KHOA CƠ BẢN
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
KHOA VIỄN THÔNG
KHOA KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ
KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH
KHOA TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
KHOA ĐA PHƯƠNG TIỆN
KHOA MARKETING
KHOA ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO QUỐC TẾ
KHOA CƠ BẢN
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
KHOA VIỄN THÔNG
KHOA KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ
KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG I (PTTC 1) TẠI HÀ NỘI
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG II (PTTC 2) TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

23.2 Cơ cấu tổ chức hành chính của đơn vị thực hiện CTĐT

23.2.1 Cơ cấu tổ chức hành chính của Khoa QTKD 1



Sơ đồ tổ chức Khoa QTKD 1



Sơ đồ tổ chức Khoa QTKD 2

24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
I	**Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục**					
1	**Hội đồng Học viện**	Từ Minh Phương	1971	GS.TS. Chủ tịch Hội đồng	0913507508	phuongtm@ptit.edu.vn
2	**Ban Giám đốc**	Đặng Hoài Bắc	1976	PGS.TS. Giám đốc	0903284728	bacdh@ptit.edu.vn
		Vũ Tuấn Lâm	1962	TS. Phó giám đốc	0903426232	lamViễn thông@ptit.edu.vn
		Trần Quang Anh	1974	PGS.TS. Phó giám đốc	0911762222	tqanh@ptit.edu.vn
		Tân Hạnh	1964	TS. Phó giám đốc	0907106251	tanhanh@ptit.edu.vn
II	**Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT**					
	Khoa QTKD 1					
1	**Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị**					
1.1	Trưởng khoa	Vũ Trọng Phong	1972	TS, Trưởng Khoa	0912099811	phongvt@ptit.edu.vn
1.2	Phó trưởng khoa	Trần Thị Thập	1973		0912212929	thaptt@ptit.edu.vn
2	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội SV					
2.1	Bí thư Chi bộ	Vũ Trọng Phong	1972	TS, Trưởng Khoa	0912099811	phongvt@ptit.edu.vn
2.2	Chủ tịch Công đoàn	Trần Đoàn Hạnh	1977	TS, Phó trưởng Khoa	0913083399	hanhtd@ptit.edu.vn
2.3	Đoàn Thanh niên	ThS. Dương Thúy Hằng	1994		0936963388	hang_dt@ptit.edu.vn
3	Các bộ môn					
3.1	BM Kinh tế	Vũ Trọng Phong	1972	TS. Trưởng Bộ môn	0912099811	phongvt@ptit.edu.vn
3.2	BM Quản trị	Trần Thị Thập	1973	TS. Trưởng Bộ môn	0912212929	thaptt@ptit.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Khoa QTKD 2					
1	**Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị**					
1.1		TS. Trương Đức Nga	1967	TS, Trưởng Khoa	0902.354.069	tdnga@ptithcm.edu.vn
2	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội SV					
2.1	Bí thư Chi bộ	ThS. Trần Thanh Trà	1992	Bí thư chi bộ, Giảng viên	0906.715.356	tranthanhtra@ptithcm.edu.vn
2.2	Chủ tịch Công đoàn	ThS. Đỗ Như Lực	1969	Giảng viên	0918.444.123	dnluc@ptithcm.edu.vn
2.3.	Bí thư Đoàn TN	Huỳnh Ngọc Thanh Thảo	2002	SV	0962.569.104	n20dcqt039@student.ptithcm.edu.vn
3	Các bộ môn					
1.	Quản trị	TS. Hồ Thị Sáng	1967	TS. Trưởng Bộ Môn Quản trị	0938050839	htsang@ptithcm.edu.vn
2.	Tài chính – QTKD	ThS. Dương Nguyễn Uyên Minh	1971	Ths. Trưởng Bộ Môn	0918.444.123	dnuminh@ptithcm.edu.vn
3.	Marketing	TS. Nguyễn Văn Phước	1985	TS. Trưởng Bộ Môn	0935.061.439	nguyenvanphuoc@ptithcm.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

+ Với Khoa QTKD 1 Ngành QTKD gồm có 2 chuyên ngành: Quản trị doanh nghiệp và TMĐT

+ Với Khoa QTKD 2 Ngành QTKD gồm có 2 chuyên ngành: Quản trị doanh nghiệp và Quản trị Marketing

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 01

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 01

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐
Từ xa	☒	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☒	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): Không.

32. Tổng số các ngành đào tạo: 01

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT QTKD

33. Thống kê số lượng CBQL, giảng viên và nhân viên của Khoa QTKD thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	**Đội ngũ cơ hữu** *Trong đó:*	11	17	**28**
I.1	Đội ngũ trong biên chế			
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	11	17	**28**
II	**Các đối tượng khác** Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)			
	Tổng số	**11**	**17**	**28**

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có CSDL về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ CSDL lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0		0			
2	Phó Giáo sư	1		1			
3	Tiến sĩ khoa học	0		0			
4	Tiến sĩ	7		7			
5	Thạc sĩ	22		20			
6	Đại học	0		0			
7	Cao đẳng	0		0			
8	Trình độ khác	0		0			
	Tổng số	**28**		**28**			

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 28 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 28/28 = 100%

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của BGD&ĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở GDĐH, học viện: áp dụng Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng BGD&ĐT).

	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	GS, VS	5,0							0
2	PGS	3,0	1		1				3
3	TSKH	3,0							0
4	Tiến sĩ	2,0	6		6				12
5	Thạc sĩ	1,0	21		21				21
6	Đại học	0,3							0
	Tổng		**28**		**28**				**36**

Cách tính: Cột 10 = cột 3(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)*

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	GS, VS	0	0.00%	0	0	0	0	0	0	0
2	PGS	1	3,57%	0	1	0	0	0	1	0
3	TSKH				0					
4	Tiến sĩ	7	25,00%	2	4	0	1	3	2	0
5	Thạc sĩ	20	71,43%	8	13	1	6	8	4	2
6	Đại học	0	0,00%	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	**28**	**100%**	**10**	**18**	**1**	**7**	**11**	**7**	**2**

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 46 tuổi.

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 7/28 = 25%

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 20/28 = 71,43%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	*Tin học*
1	Luôn sử dụng (trên 80 % thời gian của công việc)	5%	100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80 % thời gian của công việc)	8%	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60 % thời gian của công việc)	85%	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40 % thời gian của công việc)	0%	
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20 % thời gian	2%	

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	*Tin học*
	của công việc)		
	Tổng	**100**	**100**

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của CTĐT)

38. Người học bao gồm học sinh, SV, học viên cao học và NCS: Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số NH trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh (%)	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2017-2018	703	217	323,96	203	BVH: 21,25 BVS: 19,25	21,19	0
2018-2019	1532	246	6,23	238	BVH: 21,50 BVS: 19,75	22,10	0
2019-2020	1740	285	6,11	271	BVH: 19,65 BVS: 17,70	19,47	0
2020-2021	3033	287	10,57	281	BVH: 21,35 BVS: 18,00	21,04	0
2021-2022	2031	296	6,86	293	BVH: 24,35 BVS: 21,70	24,43	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2020-2022
1. Nghiên cứu sinh	**5**	**9**	**11**	**9**	**10**
2. Học viên cao học	**129**	**148**	**130**	**135**	**151**
3. SV đại học	**1682**	**1587**	**1691**	**1259**	**1192**
Trong đó:					
Hệ chính quy	939	882	874	851	876
Hệ không chính quy	743	705	817	408	316
4. SV cao đẳng	**151**	**72**	**0**	**0**	**0**

Các tiêu chí	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2020-2022
Trong đó:					
Hệ chính quy	151	72	0	0	0
Hệ không chính quy					

40. Số SV quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2020-2022
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong KTX/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Tổng diện tích phòng ở (m^2)	5.727	5.727	5.727	5.727	5.727
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài KTX) (người)	520	570	639	573	599
3. Người học được ở trong KTX (người)	120	150	140	140	130
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong KTX (m^2/người)	4,3	3,8	4,6	4,1	4,6

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Số lượng (người)	91	73	64	79	72
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV	10,04%	8,06%	7,06%	8,72%	7,95%

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp					
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp					
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	1	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	112	23	72	54	31	44
3. SV tốt nghiệp đại học Trong đó:	477	238	413	458	186	192
Hệ chính quy	477	238	186	372	122	111
Hệ không chính quy			227	86	64	81
4. SV tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:	83	41	0	0	0	0
Hệ chính quy	83	41	0	0	0	0
Hệ không chính quy						
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:						
Hệ chính quy						
Hệ không chính quy						
6. Khác…						

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của SV hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016-2017 (TN năm 2017)	2017-2018 (TN năm 2018)	2018-2019 (TN năm 2019)	2019-2020 (TN năm 2020)	2020-2021 (TN năm 2021)
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	414	463	476	467	355
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	42,5	42,98	39,44	57,42	47,43
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học	Không	Không	Không	86,89	91,36

được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	khảo sát	khảo sát	khảo sát		
3.2. Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	Không khảo sát	Không khảo sát	Không khảo sát	11,11	9,57
3.3. Tỷ lệ người học trả lời không học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	Không khảo sát	Không khảo sát	Không khảo sát	0	0
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).	100	88,00	91,49	94,02	93,30
1 - Sau 6 tháng tốt nghiệp.	7,14	20,00	19,3	15,66	5,68
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.	5-10tr (48.29%)	5-10tr (84%)	5-15tr (84.34%)	5-15tr (69.33%)	6-15tr (89.4%)
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	100	88,00	91,49	94,02	93,30
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	7,14	20,00	19,3	15,66	5,68
5. Đánh giá của NTD về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	Ứng dụng cao và phù hợp: 54,8	Ứng dụng cao và phù hợp: 67,3	Ứng dụng cao và phù hợp: 68,35	Ứng dụng cao và phù hợp: 75	Ứng dụng cao và phù hợp: 75

5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	Ứng dụng không cao: 21	Ứng dụng không cao: 31,7	Ứng dụng không cao: 30,75	Ứng dụng không cao: 15,2	Ứng dụng không cao: 15,2
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	Không ứng dụng:7,5	Không ứng dụng: 0	Không ứng dụng: 0	Không ứng dụng: 9,8	Không ứng dụng: 9,8

- Người học tốt nghiệp là NH có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những NH chưa nhận được bằng tốt nghiệp.

- Người học có việc làm là NH tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. NCKH và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây: (Đã cập nhật từ Khoa QTKD)

TT	Phân loại đề tài	Hệ số	Số lượng					
			2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	Tổng (đã quy đổi)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
1	Đề tài cấp NN	2,0						
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0						
3	Đề tài cấp Học viện-Khoa QTKD1	0,5	11	12	9	14	12	**29**
	Đề tài cấp Học viện-Khoa QTKD2	0,5	14	16	13	17	15	**37,5**
	Tổng		**25**	**28**	**22**	**31**	**27**	**66,5**

Cách tính: Cột 9 = cột 3(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)*

** Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.*

***Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).*

Tổng số đề tài quy đổi: 66,5 đề tài

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 66,5/28 = 2,38.

46. Doanh thu từ NCKH và CGCN của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và CGCN (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và CGCN so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và CGCN trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2018	128	0,12	0,12
2	2019	230	0,2	0,18
3	2020	380	0,6	0,34
4	2021	215	0,2	0,19
5	2022	412	0,4	0,57

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	5	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	25	
Trên 6 đề tài	0	0		
Tổng số cán bộ tham gia	**0**	**0**	**30**	

** Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước*

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					
			2018	2019	2020	2021	2022	Tổng (đã quy đổi)
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	1	1	4
2	Sách giáo trình	1,5	0	1	0	0	0	1,5
3	Sách tham khảo	1,0	1	1	0	2	0	4
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	1	0,5
	Tổng		1	2	0	3	2	10

***Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà*

nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 10

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 10/28 = 0,36

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	2	1	2	1
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	2	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	**2**	**1**	**4**	**1**

50. Số lượng bài báo của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					
			2018	2019	2020	2021	2022	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	5	8	7	9	4	49,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	25	25	20	18	17	105
3	Tạp chí/ tập san của cấp trường	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		**20**	**33**	**27**	**27**	**21**	**154,5**

***Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).*

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 154,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 154,5/28 = 5,52.

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo		59	
Từ 6 đến 10 bài báo		3	
Từ 11 đến 15 bài báo		0	

Trên 15 bài báo		0	
Tổng số cán bộ tham gia		**59**	

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					
			2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0	1	1	1	2	1	6
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	5	1	2	3	5,5
3	Hội thảo cấp trường (BCCĐ)	0,25	3	2	1	4	1	2,8
	Tổng		**4**	**8**	**3**	**8**	**5**	**14,3**

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

***Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.*

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 14,3 bài

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 14,3/28 = 0,51.

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở Học viện
Từ 1 đến 5 báo cáo	9	0	65
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	**9**	**0**	**65**

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2017-2018	0
2018-2019	0

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2019-2020	0
2020-2021	0
2021-2022	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	176	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	**0**	**0**	**176**	

** Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước*

55.2. Thành tích NCKH của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích NCKH	Số lượng				
		2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo	2	2	1	0	2
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m^2): 127.694,90 m^2

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m^2): 79.376 m^2

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m^2):

Nơi làm việc: 26.402,0 m^2 Nơi học: 46.640,0 m^2 Nơi vui chơi giải trí: 4.335 m^2

59. Diện tích phòng học (tính bằng m^2)

- Tổng diện tích phòng học: 11.991 m^2
- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 11.991/13.795 = 0.81 m2/SV.

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Thư viện: 122 đầu sách, bao gồm 49 đầu giáo trình; 73 đầu tài liệu tham khảo

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 0

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 477

- Dùng cho người học học tập: 840

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 840/13.795= 0,06

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 28

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 28/28 = 100%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 7/28 = 25%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 20/28 = 71,43%

2. Người học:

Tổng số NH chính quy (người): 906 SV

Tỷ số NH chính quy trên giảng viên: 20,4

Tỷ lệ NH tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 79,21%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ NH trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 90,36%.

Tỷ lệ NH trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 9,64%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ NH có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 65,67 (TB cộng của các năm)

Tỷ lệ NH có việc làm trái ngành đào tạo (%): 15,52 (TB cộng của các năm)

Thu nhập bình quân/tháng của NH có việc làm (triệu VNĐ): 81,76 % thu nhập bình quân từ 5-15 triệu đồng/tháng (TB cộng của các năm)

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về NH tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ NH đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 76,15

Tỷ lệ NH cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 14,12

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 66,5/28 = 2,38.

Tỷ số doanh thu từ NCKH và CGCN trên cán bộ cơ hữu: 0,38

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 10/28 = 0,36

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 154,5/28 = 5,52.

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 14,3/28 = 0,51.

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 926/13.795 = 0,07.

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 11.991/13.795 = 0.87 m2/SV.

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 24.834/13.795 = 1,80.

Phụ lục 2: Các tư liệu, tài liệu liên quan

1. Quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành QTKD (gồm Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách)
2. Kế hoạch Tự đánh gá CTĐT trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Số: 921 /QĐ-HV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐHV ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng học viện Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ - Lao động và Trưởng trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh gồm các Ông/Bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo có Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách gồm các Ông/ Bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh theo Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 và Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Hội đồng, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách do Chủ tịch Hội đồng phân công.

Điều 3. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ - Lao động, Trưởng Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trưởng khoa Quản trị kinh doanh 1&2, Trưởng các đơn vị có liên quan và và các Ông/Bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch HĐHV để (b/c);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu VT, KT&ĐBCLGD.

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

PGS.TS. Đặng Hoài Bắc

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

(Kèm theo Quyết định số 921/ QĐ-HV ngày 15/ 7 /2022 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1.	PGS.TS. Đặng Hoài Bắc	Giám đốc Học viện	Chủ tịch
2.	PGS.TS. Trần Quang Anh	Phó Giám đốc Học viện	Phó chủ tịch
3.	TS. Tân Hạnh	Phó Giám đốc Học viện Chủ tịch Công đoàn Học viện	Phó chủ tịch
4.	TS. Vũ Trọng Phong	Trưởng khoa QTKD1	Phó chủ tịch thường trực
5.	CN. Nguyễn Xuân Trường	Phó giám đốc Trung tâm ĐTBCVT1	Ủy viên thường trực
6.	TS. Trần Thị Thập	Phó trưởng khoa QTKD1	Ủy viên
7.	TS. Trương Đức Nga	Phụ trách Khoa QTKD2	Ủy viên
8.	TS. Hồ Thị Sáng	Giảng viên Khoa QTKD2	Ủy viên
9.	TS. Trần Thị Hòa	Giảng viên Khoa QTKD1	Ủy viên
10.	ThS. Trần Thị Khánh Ly	Giảng viên Khoa QTKD2	Ủy viên
11.	ThS. Trần Thị Mỹ Hạnh	Trưởng trung tâm KT&ĐBCLGD	Ủy viên
12.	ThS. Đặng Văn Tùng	Quyền trưởng phòng Đào tạo Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Ủy viên
13.	ThS. Nguyễn Chí Thành	Trưởng phòng Giáo vụ Thư ký Hội đồng Học viện	Ủy viên
14.	ThS. Nguyễn Thị Bích Liên	Kế toán trưởng, Trưởng phòng TCKT	Ủy viên
15.	TS. Ngô Đức Thiện	Trưởng phòng QLKHCN&HTQT	Ủy viên
16.	ThS. Đặng Thu Hà	Trưởng phòng TCCB-LĐ	Ủy viên
17.	ThS. Đỗ Hải Yến	Trưởng phòng Chính trị & CTSV	Ủy viên
18.	ThS. Trần Vũ Hải	Phó chánh văn phòng, Phụ trách VPHV	Ủy viên
19.	ThS. Nguyễn Hoàng Thanh	Trưởng Trung tâm KT&ĐBCLGD - Cơ sở Học viện tại Tp.HCM	Ủy viên
20.	ThS. Lê Quang Phú	Trưởng phòng ĐT&KHCN - Cơ sở Học viện tại Tp.HCM	Ủy viên
21.	ThS. Chung Hải Bằng	Bí thư Đoàn thanh niên HV	Ủy viên
22.	Bùi Việt Hà	Sinh viên Lớp D20CQQT3	Ủy viên
23.	KS. Nguyễn Hải Ngọc	CV Trung tâm KT&ĐBCLGD	Thư ký

(Danh sách gồm có 23 người)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ
HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

(Kèm theo Quyết định số 921/QĐ-HV ngày 15 / 7/2022 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	CN. Nguyễn Xuân Trường	Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông I	Trưởng Ban
2	ThS. Phạm Lê Huy	Phó trưởng phòng TCCB-LĐ	Thành viên
3	ThS. Phạm Hồng Minh	CV Trung tâm KT&ĐBCLGD	Thành viên
4	ThS. Nguyễn Hải Yến	CV Phòng QLKHCN&HTQT	Thành viên
5	ThS. Nguyễn Hồng Huệ	Phó trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
6	CN. Nguyễn Hồng Minh	CV Phòng Giáo vụ	Thành viên
7	ThS. Lê Thị Cẩm Thuần	Phó chánh Văn phòng HV	Thành viên
8	ThS. Lê Thị Hội An	CV Phòng CT&CTSV	Thành viên
9	CN. Hà Hương Giang	Văn thư Học viện	Thành viên
10	CN. Võ Thị Diễm	Văn thư Cơ sở Học viện	Thành viên
11	CN. Ngô Thị Lê Vân	Trợ lý Khoa QTKD1	Thành viên
12	CN. Đỗ Kim Tân	Trợ lý Khoa QTKD2	Thành viên
12	TS. Nguyễn Thùy Dung	Giảng viên chính Khoa QTKD1	Thành viên
13	ThS. Nguyễn Hoàng Thanh	Trưởng TT KT&ĐBCLGD Cơ sở Học viện tại Tp.HCM	Thành viên
15	KS. Nguyễn Hải Ngọc	CV Trung tâm KT&ĐBCLGD	Thư ký

(Danh sách gồm có 15 người)

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 921 / QĐ-HV ngày 15 / 7 /2022 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

Nhóm 1: Viết báo cáo Tiêu chuẩn 1, 2 và 3

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	TS. Vũ Trọng Phong	Trưởng khoa QTKD1	Trưởng nhóm
2	TS. Trương Đức Nga	Phụ trách Khoa QTKD2	Thành viên
3	ThS. Đặng Văn Tùng	Q. trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
4	TS Trần Thị Hòa	Giảng viên Khoa QTKD1	Thành viên
5	CN. Ngô Thị Lê Vân	Trợ lý Khoa QTKD1	Thư ký

Nhóm 2: Viết báo cáo Tiêu chuẩn 4 và Tiêu chí 10.1, 10.2 và 10.3

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	TS. Nguyễn Thị Thập	Phó trưởng khoa QTKD1	Trưởng nhóm
2	TS. Hồ Thị Sáng	Giảng viên khoa CNTT2	Thành viên
3	ThS. Đỗ Hải Yến	Trưởng phòng CT&CTSV	Thành viên
4	ThS. Nguyễn Chí Thành	Trưởng phòng Giáo vụ	Thành viên
5	Nguyễn Thị Thanh Huyền	GVC khoa QTKD 1	Thư ký

Nhóm 3: Viết báo cáo Tiêu chuẩn 5 và các tiêu chí 10.6 và 11.5

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	ThS. Trần Thị Mỹ Hạnh	Trưởng TT. KT&ĐBCLGD	Trưởng nhóm
2	ThS. Lê Thị Hội An	CV Phòng CT&CTSV	Thành viên
3	ThS. Lê Thị Cẩm Thuần	Phó chánh Văn phòng Học viện	Thành viên
4	KS. Nguyễn Hải Ngọc	CV Trung tâm KT&ĐBCLGD	Thành viên
5	ThS. Phạm Hồng Minh	CV Trung tâm KT&ĐBCLGD	Thư ký

Nhóm 4: Viết báo cáo Tiêu chuẩn 6 và 7 (trừ tiêu chí 6.7).

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	ThS. Đặng Thu Hà	Trưởng phòng TCCB-LĐ	Trưởng nhóm
2	KS. Phan Văn Soát	Trưởng phòng TCHC Cơ sở Học viện tại Tp.HCM	Thành viên
3	ThS. Vũ Tuấn Anh	CV Phòng TCCB-LĐ	Thành viên
4	CN. Cao Hải Yến	CV Phòng TCCB-LĐ	Thành viên
5	ThS. Phạm Lê Huy	Phó Trưởng phòng TCCB-LĐ	Thư ký

Nhóm 5: Viết báo cáo Tiêu chí 6.7, 9.2, 10.4 và 11.4

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	TS. Ngô Đức Thiện	Trưởng P. QL KHCN&HTQT	Trưởng nhóm
2	ThS. Phạm Lê Huy	Phó Trưởng phòng TCCB-LĐ	Thành viên
3	ThS. Lê Quang Phú	Trưởng phòng ĐT&KHCN Cơ sở Học viện tại Tp.HCM	Thành viên

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
4	CN. Bùi Minh Huệ	CV Phòng QLKHCN&HTQT	Thành viên
5	ThS. Nguyễn Hải Yến	CV Phòng QLKHCN&HTQT	Thư ký

Nhóm 6: Viết báo cáo Tiêu chí 8.1 và 8.2

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	ThS. Đặng Văn Tùng	Quyền Trưởng phòng Đào tạo	Trưởng nhóm
2	ThS. Đinh Thị Bích Hạnh	CV Phòng Đào tạo	Thành viên
3	ThS. Chung Hải Bằng	Bí thư Đoàn thanh niên HV	Thành viên
4	ThS. Lê Quang Phú	Trưởng phòng ĐT&KHCN Cơ sở Học viện tại Tp.HCM	Thành viên
5	ThS. Nguyễn Hồng Huệ	Phó trưởng phòng Đào tạo	Thư ký

Nhóm 7: Viết báo cáo Tiêu chí 8.3, 11.1 và 11.2

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	ThS. Nguyễn Chí Thành	Trưởng phòng Giáo vụ Thư ký Hội đồng Học viện	Trưởng nhóm
2	ThS Lưu Nguyễn Kỳ Thư	Phó trưởng khoa CNTT2	Thành viên
3	ThS. Đỗ Hải Yến	Trưởng phòng CT&CTSV	Thành viên
4	ThS. Nguyễn Trung Hiếu	CV Phòng Giáo vụ	Thành viên
5	CN. Nguyễn Hồng Minh	CV Phòng Giáo vụ	Thư ký

Nhóm 8: Viết báo cáo Tiêu chí 8.4, 8.5, 9.5 và 11.3

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	ThS. Đỗ Hải Yến	Trưởng phòng CT&CTSV	Trưởng nhóm
2	ThS. Trần Quang Thuận	Phó trưởng phòng, Phụ trách phòng Công tác Sinh viên CSHV	Thành viên
3	CN Vương Đình Bách	CVC Văn phòng HV	Thành viên
4	ThS. Chung Hải Bằng	Bí thư Đoàn thanh niên HV	Thành viên
5	ThS. Lê Thị Hội An	CV Phòng CT&CTSV	Thư ký

Nhóm 9: Viết báo cáo Tiêu chí 9.1, 9.3, 9.4 và 10.5

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	ThS. Trần Vũ Hải	Phó chánh văn phòng, Phụ trách Văn phòng Học viện	Trưởng nhóm
2	ThS. Nguyễn Thanh Vân	Trưởng phòng CSVC CSHV	Thành viên
3	TS. Nguyễn Quý Sỹ	Trưởng TT Thí nghiệm TH	Thành viên
4	ThS. Trần Quang Hưng	Phòng Kế hoạch Đầu tư	Thành viên
5	KS. Cao Xuân Hiển	Giám đốc Trung tâm Dịch vụ	Thành viên
6	CN. Vũ Thị Huyền	Phòng Tài chính - Kế toán	Thành viên
7	ThS. Lê Thị Cẩm Thuần	Phó chánh Văn phòng Học viện	Thư ký

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Số: 693 /KH-HV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2022

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

I. Mục đích tự đánh giá

Hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Quản trị kinh doanh sẽ giúp Học viện và Khoa Quản trị kinh doanh đạt được các mục đích sau:

- Đo lường mức độ đáp ứng chất lượng đào tạo cử nhân quản trị kinh doanh (QTKD) so với Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT, từ đó có giải pháp phù hợp nhằm đảm bảo, nâng cao chất lượng và hiệu quả các lĩnh vực hoạt động của Học viện; tự xem xét, đánh giá CTĐT của Học viện để báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT ngành Quản trị kinh doanh để điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng được các mục tiêu đề ra và hoàn thành sứ mạng của Học viện đối với xã hội và cộng đồng.

- Thực hiện việc giải trình với cơ quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của chương trình đào tạo, làm cơ sở cho người học lựa chọn chương trình và nhà tuyển dụng lao động lựa chọn nhân lực được đào tạo từ Học viện.

- Là cơ sở để Học viện cải tiến chất lượng của CTĐT, đồng thời thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của Học viện trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội. Tự đánh giá (TĐG) CTĐT đồng thời tạo cơ sở dữ liệu cơ bản, đảm bảo tính khoa học cho việc điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo, lập kế hoạch nâng cao chất lượng và triển khai thực hiện kế hoạch. Giúp các bên liên quan biết rõ các điểm mạnh cũng như các vấn đề còn tồn tại của CTĐT ngành QTKD theo hệ thống, qua đó đề xuất và thực hiện các biện pháp cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT ngành QTKD hiệu quả hơn.

- Là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành QTKD.

II. Phạm vi tự đánh giá

Khoa Quản trị kinh doanh tiến hành đánh giá các hoạt động thực hiện CTĐT ngành QTKD theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Học viện, Ban Giám đốc Học viện và sự cung cấp thông tin, minh chứng của các đơn vị chức năng Học viện, qua các thông tin và minh chứng trong 5 năm, giai đoạn 2018-2022 (Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2022).

III. Công cụ tự đánh giá

Quá trình tự đánh giá CTĐT ngành Quản trị kinh doanh của Khoa Quản trị kinh doanh và Học viện được dựa theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của bộ tiêu chuẩn KĐCL CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016 của BGD&ĐT và các tài liệu hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành QTKD được thành lập theo Quyết định số 921/QĐ-HV ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (Học viện), Hội đồng gồm có 23 thành viên (danh sách kèm theo).

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo)

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

a) Ban thư ký:

- Phối hợp với các nhóm công tác chuyên trách tổ chức thu thập thông tin minh chứng cho các tiêu chí, tiêu chuẩn theo tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học (GDĐH) tại công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tổ chức biên soạn phần I. Tổng quan và phần IV. Cơ sở dữ liệu kiểm định của Báo cáo TĐG CTĐT ngành Quản trị kinh doanh.

b) Các nhóm công tác chuyên trách, cá nhân

TT	Tiêu chuẩn Tiêu chí	Cơ sở dữ liệu kiểm định	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1, 2 và 3	Mục 13 đến 21 Mục 25 đến 32	Nhóm 1	15/7/2022 - 15/8/2022	
2	- Tiêu chuẩn 4 - Tiêu chí 10.1, 10.2 và 10.3		Nhóm 2	15/7/2022 - 15/8/2022	
3	- Tiêu chuẩn 5 - Tiêu chí 10.6 và 11.5		Nhóm 3	15/7/2022 - 15/8/2022	
4	- Tiêu chuẩn 6 (trừ tiêu chí 6.7). - Tiêu chuẩn 7	Mục 22, 23, 24 Mục 33 đến 37	Nhóm 4	15/7/2022 - 15/8/2022	
5	Tiêu chí 6.7, 9.2, 10.4 và 11.4	Mục 42, 60 Mục 45 đến 55	Nhóm 5	15/7/2022 - 15/8/2022	

6	Tiêu chí 8.1 và 8.2	Mục 38, 39, 40	Nhóm 6	15/7/2022 - 15/8/2022	
TT	**Tiêu chuẩn Tiêu chí**	**Cơ sở dữ liệu kiểm định**	**Nhóm chịu trách nhiệm**	**Thời gian thu thập thông tin và minh chứng**	**Ghi chú**
7	Tiêu chí 8.3, 11.1 và 11.2	Mục 43	Nhóm 7	15/7/2022 - 15/8/2022	
8	Tiêu chí 8.4, 8.5, 9.5 và 11.3	Mục 44	Nhóm 8	15/7/2022 - 15/8/2022	
9	Tiêu chí 9.1, 9.3, 9.4 và 10.5	Mục 41, 56, 57, 58, 59, 61	Nhóm 9	15/7/2022 - 15/8/2022	

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

1. Thời gian: 05 ngày, dự kiến trong tháng 8/2022

2. Thành phần: Lãnh đạo Học viện; cán bộ giảng viên làm công tác đảm bảo CLGD; thành viên hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách của các chương trình đào tạo đăng ký tự đánh giá năm 2022.

3. Nội dung, chương trình tập huấn:

Tập huấn về kỹ năng viết báo cáo tự đánh giá để kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ban hành ngày 14/3/2016. Các nội dung chính của khóa tập huấn gồm:

- Hướng dẫn xác định minh chứng và thực hành viết các tiêu chí theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT theo từng nhóm.

VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính, ...) và thời điểm cần huy động/cung cấp

Giao Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng giáo dục xây dựng kế hoạch huy động các nguồn lực phục vụ cho công tác TĐG CTĐT ngành Quản trị kinh doanh (Nhân sự, tài chính, CSVC, trang thiết bị, ...) báo cáo Lãnh đạo Học viện phê duyệt và tổ chức thực hiện.

VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

Các thông tin cần thu thập từ bên ngoài do các nhóm chuyên trách đề nghị (cụ thể về nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có).

VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai TĐG

Thuê chuyên gia hướng dẫn tìm minh chứng và thực hành viết các tiêu chí theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT cho Hội đồng TĐG, Ban Thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách.

Khảo sát ý kiến của các chuyên gia, doanh nghiệp, cựu sinh viên tốt nghiệp ngành Kế toán tại Học viện

Đối sánh tỷ lệ sinh viên NCKH, tốt nghiệp, thôi học với cùng chuyên ngành của các trường đại học khác trong và ngoài nước.

....

IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bảng theo chiều ngang của khổ A4 (có thể để riêng và để ở phần Phụ lục của báo cáo TĐG).

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 1 (18/7/2022÷ 24/7/2022)	1. Họp Ban giám đốc Học viện và lãnh đạo Khoa Quản trị kinh doanh để thảo luận mục đích, yêu cầu, thời gian và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT. 2. Giám đốc Học viện ký quyết định thành lập Hội đồng TĐT. 3. Họp Hội đồng TĐG CTĐT để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG. - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách. - Trao đổi, thống nhất Kế hoạch TĐG CTĐT. - Thông nhất dự thảo Đề cương báo cáo TĐG.
Tuần 2-3 (25/7/2022÷ 07/8/2022)	1. Báo cáo Giám đốc Học viện phê duyệt và công bố kế hoạch TĐG. 2. Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện TĐG CTĐT. 3. Tổ chức hội thảo về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai TĐG cho đội ngũ cán bộ tham gia Hội đồng TĐG và cán bộ chủ chốt các đơn vị có liên quan. 4. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng; phân tích và mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 4-5 (08/8/2022÷ 21/8/2022)	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 6 (22/8/2022÷ 28/8/2022)	Hội đồng TĐG CTĐT: - Xem xét các báo cáo tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Thư ký HĐ tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.
Tuần 7	1. Hội đồng TĐG CTĐT xem xét dự thảo báo cáo TĐG và đề xuất những chỉnh

Thời gian	Nội dung hoạt động
(29/8/2022÷ 04/9/2022)	sửa (nếu cần). 2. Hội đồng TĐG CTĐT họp với các khoa, phòng, ban, … để thảo luận về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.
Tuần 8 (05/9/2022÷ 11/9/2022)	1. Công bố bản báo cáo TĐG (đã chỉnh sửa sau góp ý của các khoa, bộ môn, phòng, ban, …) trong nội bộ Học viện và Khoa Quản trị kinh doanh. 2. Các khoa, bộ môn, phòng ban, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, người học, …. đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo TĐG.
Tuần 9 (12/9/2022÷ 18/9/2022)	1. Hội đồng TĐG CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện. 2. Hội đồng TĐG CTĐT thông qua báo cáo TĐG, hoàn thiện báo cáo TĐG và trình Giám đốc Học viện phê duyệt.
Tuần 10 (19/9/2022÷ 25/9/2022)	1. Học viện gửi báo cáo TĐG và công văn cho Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT để đăng ký đánh giá ngoài. 2. Học viện bảo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo TĐG.

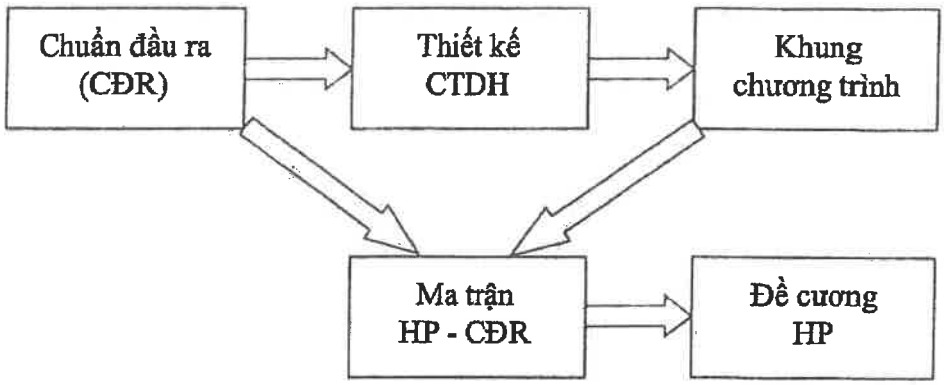
***Nơi nhận*:**
- Bộ TT&TT (để b/c);
- Hội đồng TĐG (để t/h);
- Các đơn vị thuộc Học viện (để t/h);
- Lưu VT, KT&ĐBCLGD

GIÁM ĐỐC

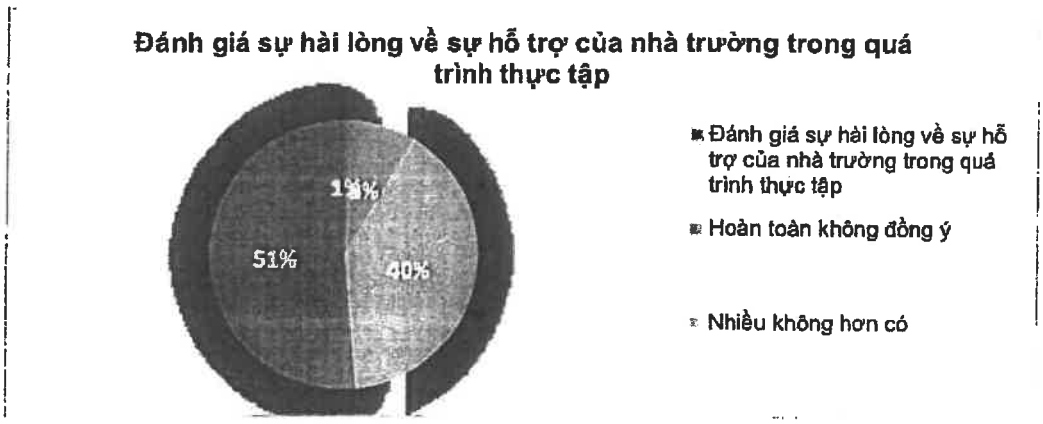
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Đặng Hoài Bắc

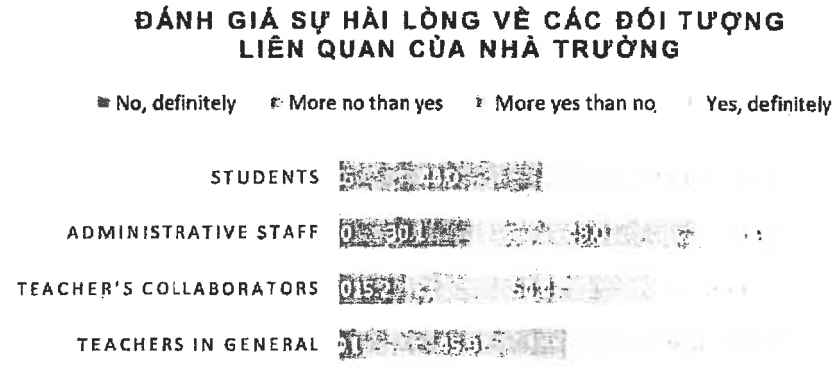
3. Các bảng biểu tổng hợp, thống kê,....phục vụ tự đánh giá CTĐT



(1) Hình 3. 1: Quy trình thiết kế, xây dựng CTDH



Hình 8.1: Đánh giá sự hài lòng của SV đối với hoạt động thực tập



Hình 8.2: Đánh giá mức độ hài lòng của SV về sự hỗ trợ của các đối tượng liên quan

Bảng 3. 1: Cấu trúc các khối kiến thức của khung CTDH ngành QTKD năm 2021.

TT	Khối kiến thức	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)
1	**Kiến thức giáo dục đại cương**	**45**	**34,6**
2	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp** *Trong đó:* - Kiến thức cơ sở khối ngành và ngành - Kiến thức chuyên ngành	**75** 58 17	**57,7** 44,6 13,1
3	**Thực tập và Tốt nghiệp**	**10**	**7,6**
	Cộng	**130**	**100**

Bảng 3. 2: Khối kiến thức chung

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp *(tiết)*		Thí nghiệm /Thực hành *(tiết)*	Tự học *(tiết)*	Mã số HP tiên quyết
				Lý thuyết	*Chữa bài tập /Thảo luận*			
1	Triết học Mác-Lênin	BAS1150	3	34	10		1	
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	BAS1151	2	24	6			
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	BAS1152	2	24	6			
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	BAS1153	2	24	6			
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BAS1122	2	24	6			
6	Tiếng Anh (Course 1)(*)	BAS1157	4					
7	Tiếng Anh (Course 2)	BAS1158	4					
8	Tiếng Anh (Course 3)	BAS1159	4					
9	Tiếng Anh (Course 3 Plus)	BAS1160	2					
10	Tin học cơ sở 1	INT1154	2	20	4	4	2	
11	Tin học cơ sở 3	INT1156	2	20	4	4	2	
12	Phương pháp luận NCKH	SKD1108	2	18	6		6	
	Tổng:		**31**					
Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng								
1	Giáo dục thể chất 1	BAS1106	2	2		26	2	
2	Giáo dục thể chất 2	BAS1107	2	2		26	2	
3	Giáo dục quốc phòng	BAS1105	7,5					
Kiến thức các môn kỹ năng (chọn 3/7)								
1	Kỹ năng thuyết trình	SKD1101	1	6	8		1	
2	Kỹ năng làm việc nhóm	SKD1102	1	6	8		1	
3	Kỹ năng tạo lập văn bản	SKD1103	1	6	8		1	
4	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc	SKD1104	1	6	8		1	
5	Kỹ năng giao tiếp	SKD1105	1	6	8		1	
6	Kỹ năng giải quyết vấn đề	SKD1106	1	6	8		1	

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số HP tiên quyết
				Lý thuyết	Chữa bài tập /Thảo luận			
7	Kỹ năng tư duy sáng tạo	SKD1107	1	6	8		1	

(*): *Điều kiện để đăng ký học HP tiếng Anh Course 1 trong chương trình là SV phải đạt trình độ tiếng Anh từ 150 điểm theo bài thi TOEIC Placement test trở lên; các thí sinh chưa đạt mức điểm trên sẽ phải hoàn thành HP tiếng Anh bổ trợ Course 0 (mã BAS1156).*

Bảng 3. 3: Khối kiến thức cơ bản nhóm ngành

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số HP tiên quyết
				Lý thuyết	Chữa bài tập /Thảo luận			
13	Toán cao cấp 1	BAS1219	2	24	6			
14	Toán cao cấp 2	BAS1220	2	24	6			
15	Lý thuyết xác suất và thống kê	BAS1210	3	36	8		1	
16	Toán kinh tế	BSA1241	3	36	8		1	
17	Pháp luật đại cương	BSA1221	2	24	6			
18	Tâm lý quản lý	BSA1236	2	24	6			
	Tổng:		14					

Bảng 3. 4: Kiến thức cơ sở khối ngành và ngành

TT	Tên môn học	Mã số Môn hocn	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số HP tiên quyết
				Lý thuyết	Chữa bài tập /Thảo luận			
19	Kinh tế vi mô 1	BSA1310	3	36	8		1	
20	Kinh tế vĩ mô 1	BSA1311	3	36	8		1	
21	Marketing căn bản	MAR1322	3	36	8		1	
22	Nguyên lý QTKD	FIA1321	3	36	8		1	
23	Kinh tế lượng	BSA1309	3	36	8		1	
24	Quản trị học	BSA1328	3	36	8		1	
25	Quản trị chiến lược	BSA1325	3	36	8		1	BSA1328
26	Quản trị nhân lực	BSA1331	3	36	8		1	BSA1328
27	Quản trị tài chính doanh nghiệp	FIA1324	3	36	8		1	BSA1328
28	Quản trị sản xuất	BSA1333	3	36	8		1	BSA1328

TT	Tên môn học	Mã số Môn hocn	Số tín chỉ	Lên lớp *(tiết)*		Thí nghiệm /Thực hành *(tiết)*	Tự học *(tiết)*	Mã số HP tiên quyết
				Lý thuyết	*Chữa bài tập /Thảo luận*			
29	Quản trị bán hàng và phân phối sản phẩm	BSA1354	2	24	6			BSA1328
30	Phân tích hoạt động kinh doanh	BSA1320	2	24	6			
31	Logistics căn bản	BSA1351	2	24	6			
32	Luật kinh doanh	BSA1314	2	24	6			
33	Hệ thống thông tin quản lý	BSA1307	2	24	6			
34	Giao tiếp trong kinh doanh	BSA 1448	2	24	6			
35	Thương mại điện tử căn bản	BSA1365	3	36	8		1	
36	Tài chính tiền tệ	FIA1326	3	36	8		1	
37	Thống kê doanh nghiệp	BSA1338	3	36	8		1	
38	QTKD quản trị	FIA1332	3	36	8		1	
Các HP tự chọn (chọn 2/7)								
39	Quản trị dự án	BSA 1364	2	24	6			
40	Đàm phán kinh doanh	BSA1304	2	24	6			
41	Quản trị công nghệ	BSA1326	2	24	6			
42	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	BSA1305	2	24	6			
43	Quản trị văn phòng	BSA1335	2	24	6			
44	Quản trị quan hệ khách hàng	BSA1336	2	24	6			
45	Hành vi tổ chức	BSA1337	2	24	6			
	Tổng:		**58**					

Kiến thức chuyên ngành

Bảng 3. 5: Chuyên ngành Quản trị Doanh nghiệp

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp *(tiết)*		Thí nghiệm /Thực hành *(tiết)*	Tự học *(tiết)*	Mã số HP tiên quyết
				Lý thuyết	*Chữa bài tập /Thảo luận*			
46	Quản trị doanh nghiệp	BSA1427	3	36	8		1	BSA1328
47	Quản trị đổi mới sáng tạo	BSA1468	2	24	6			
48	Quản trị marketing	MAR1424	2	24	6			MAR1322
49	Khởi sự kinh doanh	BSA1412	2	18	12			BSA1328
50	Kinh doanh quốc tế	BSA1353	2	24	6			BSA1328
51	Chuyên đề QTDN	BSA1402	2	6	24			

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp *(tiết)*		Thí nghiệm /Thực hành *(tiết)*	Tự học *(tiết)*	Mã số HP tiên quyết
				Lý thuyết	*Chữa bài tập /Thảo luận*			
Các HP tự chọn (chọn 2/7)								
52	Quản trị chất lượng	BSA1324	2	24	6			
53	Quản trị rủi ro	BSA1469	2	24	6			
54	Chính phủ điện tử	BSA1463	2	24	6			
55	Thương mại di động	BSA1461	2	24	6			
56	Quản trị quan hệ đối tác	BSA1470	2	24	6			
57	Truyền thông thương hiệu trong môi trường trực tuyến	BSA1462	2	24	6			
58	Quản trị Logistics	BSA1471	2	24	6			
	Tổng:		17					

Bảng 3. 6 Chuyên ngành Thương mại điện tử

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp *(tiết)*		Thí nghiệm /Thực hành *(tiết)*	Tự học *(tiết)*	Mã số HP tiên quyết
				Lý thuyết	*Chữa bài tập /Thảo luận*			
46	Quản trị doanh nghiệp	BSA1427	3	36	8		1	BSA1328
47	Pháp luật thương mại điện tử và ATTT	BSA1355	2	24	6			BSA1365
48	Xây dựng website thương mại điện tử	BSA1408	2	24	6			BSA1365
49	Bán lẻ trực tuyến	BSA1457	2	24	6			BSA1365
50	Thanh toán điện tử	BSA1437	2	24	6			BSA1365
51	Chuyên đề TMĐT	BSA1403	2	6	24			
Các HP tự chọn (chọn 2/7)								
52	E-Marketing	MAR1427	2	24	6			
53	Chính phủ điện tử	BSA1463	2	24	6			
54	Truyền thông thương hiệu trong môi trường trực tuyến	BSA1462	2	24	6			
55	Thương mại di động	BSA1461	2	24	6			
56	Quản trị rủi ro	BSA1469	2	24	6			
57	Quản trị chất lượng	BSA1324	2	24	6			
58	Quản trị đổi mới sáng tạo	BSA1468	2	24	6			
	Tổng:		17					

Bảng 3. 7: Chuyên ngành Quản trị Logistics

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp *(tiết)*		Thí nghiệm /Thực hành *(tiết)*	Tự học *(tiết)*	Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	*Chữa bài tập /Thảo luận*			
46	Quản trị doanh nghiệp	BSA1427	3	36	8		1	BSA1328
47	Quản trị Logistics	BSA1471	2	24	6			BSA1351
48	Quản trị vận chuyển và giao nhận	BSA1472	2	24	6			BSA1351
49	Quản trị dự trữ	BSA1473	2	24	6			BSA1351
50	Quản trị mua và nguồn cung ứng	BSA1474	2	24	6			BSA1351
51	Chuyên đề Quản trị Logistics	BSA1475	2	6	24			
Các HP tự chọn (chọn 2/7)								
52	Quản trị hệ thống thông tin Logistics	BSA1476	2	24	6			
53	Nghiệp vụ hải quan	BSA1477	2	24	6			
54	Chính phủ điện tử	BSA1463	2	24	6			
55	Quản trị chất lượng	BSA1324	2	24	6			
56	Quản trị rủi ro	BSA1469	2	24	6			
57	Quản trị đổi mới sáng tạo	BSA1468	2	24	6			
58	Truyền thông thương hiệu trong môi trường trực tuyến	BSA1462	2	24	6			
	Tổng:		**17**					

Bảng 3. 8: Chuyên ngành Quản trị Marketing

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp *(tiết)*		Thí nghiệm /Thực hành *(tiết)*	Tự học *(tiết)*	Mã số HP tiên quyết
				Lý thuyết	*Chữa bài tập /Thảo luận*			
46	Quản trị marketing	MAR1424	2	24	6			MAR1322
47	Marketing công nghiệp	MAR1426	2	24	6			MAR1322
48	Nghiên cứu marketing	MAR1430	2	24	6			MAR1322
49	Truyền thông marketing tích hợp	MAR1314	3	36	8		1	MAR1322
50	E- Marketing	MAR1427	2	24	6			MAR1322
51	Chuyên đề Quản trị Marketing	MAR1432	2	6	24			
Các HP tự chọn (chọn 2/7)								
52	Ứng dụng đa phương tiện trong kinh doanh	MAR1318	2	24	6			
53	Quản trị CSDL kinh doanh	MAR1312	2	24	6			

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp *(tiết)*		Thí nghiệm /Thực hành *(tiết)*	Tự học *(tiết)*	Mã số HP tiên quyết
				Lý thuyết	*Chữa bài tập /Thảo luận*			
54	Truyền thông thương hiệu trong môi trường trực tuyến	BSA1462	2	24	6			
55	Quản trị chất lượng	BSA1324	2	24	6			
56	Quản trị rủi ro	BSA1469	2	24	6			
57	Marketing dịch vụ	MAR1425	2	24	6			
58	Quản trị đổi mới sáng tạo	BSA1468	2	24	6			
	Tổng:		17					

Bảng 3. 9: Mô tả mối quan hệ giữa các HP trong các khối kiến thức và CĐR của CTĐT

HP và mã HP		Chuẩn đầu ra PLOs																										
		Kiến thức									Kỹ năng										Tự chủ tự chịu TN				Hành vi đạo đức			Trình độ NN		
											Kỹ năng chuyên môn						Kỹ năm mềm													
		1	2	3	4	5	6a	6b	6c	6d	7	8	9a	9b	9c	9d	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
HP	**Mã HP**																													
Khối kiến thức chung																														
Triết học Mác-Lênin	BAS1150	x	x	x	x	x					x										x	x	x	x	x	x	x			
Kinh tế chính trị Mác-Lênin	BAS1151	x	x	x	x						x	x									x	x	x	x	x	x	x			
Chủ nghĩa xã hội khoa học	BAS1152	x	x	x	x						x										x	x	x	x	x	x	x			
Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	BAS1153	x	x	x	x						x										x	x	x	x	x	x	x			
Tư tưởng Hồ Chí Minh	BAS1122	x	x	x	x						x										x	x	x	x	x	x	x			
Tiếng Anh (Course 1)(*)	BAS1157																											x	x	x
Tiếng Anh (Course 2)	BAS1158																											x	x	x
Tiếng Anh (Course 3)	BAS1159																											x	x	x
Tiếng Anh (Course 3 Plus)	BAS1160																											x	x	x
Tin học cơ sở 1	INT1154	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x																	
Tin học cơ sở 3	INT1156						x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x										
Phương pháp luận NCKH	SKD1108	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng																														
Giáo dục thể chất 1	BAS1106																				x	x	x	x	x	x	x			
Giáo dục thể chất 2	BAS1107																				x	x	x	x	x	x	x			
Giáo dục Quốc phòng	BAS1105																				x	x	x	x	x	x	x			
Kiến thức các môn kỹ năng (chọn 3/7)																														
Kỹ năng thuyết trình	SKD1101										x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x								
Kỹ năng làm việc nhóm	SKD1102										x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x								
Kỹ năng tạo lập Văn bản	SKD1103										x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x								

HP và mã HP		Chuẩn đầu ra PLOs																										
		Kiến thức									Kỹ năng										Tự chủ tự chịu TN				Hành vi đạo đức			Trình độ NN		
											Kỹ năng chuyên môn						Kỹ năm mềm													
		1	2	3	4	5	6a	6b	6c	6d	7	8	9a	9b	9c	9d	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc	SKD1104										x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x								
Kỹ năng giao tiếp	SKD1105										x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x								
Kỹ năng giải quyết vấn đề	SKD1106										x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x								
Kỹ năng tư duy sáng tạo	SKD1107										x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x								
Kiến thức cơ bản nhóm ngành																														
Toán cao cấp 1	BAS1219	x	x	x	x	x																								
Toán cao cấp 2	BAS1220	x	x	x	x	x																								
Lý thuyết xác suất và thống kê	BAS1210				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x													
Toán kinh tế	BSA1241				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x													
Pháp luật đại cương	BSA1221	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x										x	x	x	x	x	x	x			
Tâm lý quản lý	BSA1236	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x											
Kiến thức cơ sở khối ngành và ngành																														
Kinh tế vi mô 1	BSA1310	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x					x	x	x	x	x	x			
Kinh tế vĩ mô 1	BSA1311	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x					x	x	x	x	x	x			
Marketing căn bản	MAR1322				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x					x	x	x	x	x	x			
Nguyên lý QTKD	FIA1321					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x					x	x	x	x	x	x			
Kinh tế lượng	BSA1309				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x					x	x	x	x	x	x			
Quản trị học	BSA1328			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x					x	x	x	x	x				
Quản trị chiến lược	BSA1325				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x					x	x	x	x	x	x			
Quản trị nhân lực	BSA1331				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x					x	x	x	x	x	x			
Quản trị tài chính doanh nghiệp	FIA1324				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x						x	x	x	x	x	x			
Quản trị sản xuất	BSA1333				x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x					x	x	x	x	x	x			
Quản trị bán hàng và phân phối sản phẩm	BSA1354					x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
Phân tích hoạt động kinh doanh	BSA1320		x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x					x	x	x	x	x	x	x			
Logistics căn bản	BSA1351		x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x	x			
Luật kinh doanh	BSA1314				x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x	x			
Hệ thống thông tin quản lý	BSA1307				x	x	x	x	x		x	x	x	x	x						x	x	x	x	x	x	x			
Giao tiếp trong kinh doanh	BSA 1448						x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
Thương mại điện tử căn bản	BSA1365						x	x	x		x	x	x	x	x						x	x	x	x	x	x	x			
Tài chính tiền tệ	FIA1326						x	x	x		x	x	x	x	x						x	x	x	x	x	x	x			
Thống kê doanh nghiệp	BSA1338				x	x	x	x	x		x	x	x	x	x						x	x	x	x	x	x	x			
QTKD quản trị	FIA1332					x	x	x	x		x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x	x	x				
Các HP tự chọn (chọn 2/7)																														
Quản trị dự án	BSA 1364					x	x	x	x		x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x	x	x				
Đàm phán kinh doanh	BSA1304						x	x	x		x	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			

HP và mã HP		Chuẩn đầu ra PLOs																										
		Kiến thức									Kỹ năng									Tự chủ tự chịu TN				Hành vi đạo đức			Trình độ NN		
											Kỹ năng chuyên môn						Kỹ năm mềm												
		1	2	3	4	5	6a	6b	6c	6d	7	8	9a	9b	9c	9d	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
Quản trị công nghệ	BSA1326					x	x	x	x		x	x	x	x	x					x	x	x	x	x	x	x			
Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	BSA1305				x	x	x	x	x		x	x	x	x					x	x	x	x	x	x	x	x			
Quản trị văn phòng	BSA1335						x	x	x		x	x	x	x	x		x			x	x	x	x						
Quản trị quan hệ khách hàng	BSA1336					x	x	x	x		x	x	x	x	x					x	x	x	x	x	x	x			
Hành vi tổ chức	BSA1337			x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
Kiến thức chuyên ngành																														
Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp																														
Quản trị doanh nghiệp	BSA1427				x	x	x				x		x	x								x	x	x	x	x				
Quản trị đổi mới sáng tạo	BSA1468				x	x	x				x		x	x								x	x	x	x	x				
Quản trị marketing	MAR1424				x	x	x				x		x	x								x	x	x	x	x				
Khởi sự kinh doanh	BSA1412				x	x	x				x		x	x								x	x	x	x	x				
Kinh doanh quốc tế	BSA1353				x	x	x				x		x	x								x	x	x	x	x				
Chuyên đề QTDN	BSA1402				x	x	x				x		x	x								x	x	x	x	x				
Các HP tự chọn (chọn 2/7)																														
Quản trị chất lượng	BSA1324				x	x	x				x	x	x	x	x		x	x				x	x	x	x	x				
Quản trị rủi ro	BSA1469				x	x	x				x		x	x	x		x	x				x	x	x	x	x				
Chính phủ điện tử	BSA1463				x	x	x				x		x	x	x		x	x				x	x	x	x	x				
Thương mại di động	BSA1461				x	x	x				x		x	x	x		x	x				x	x	x	x	x				
Quản trị quan hệ đối tác	BSA1470				x	x	x				x		x	x								x	x	x	x	x				
Truyền thông thương hiệu trong môi trường trực tuyến	BSA1462				x	x	x				x		x	x								x	x	x	x	x				
Quản trị Logistics	BSA1471				x	x	x				x		x	x								x	x	x	x	x				
Chuyên ngành Thương mại điện tử																														
Quản trị doanh nghiệp	BSA1427				x	x		x						x		x	x								x		x			
Pháp luật thương mại điện tử và ATTT	BSA1355				x	x		x						x		x	x								x		x			
Xây dựng website thương mại điện tử	BSA1408				x	x		x						x		x	x								x		x			
Bán lẻ trực tuyến	BSA1457				x	x		x						x		x	x								x		x			
Thanh toán điện tử	BSA1437				x	x		x						x		x	x								x		x			
Chuyên đề TMĐT	BSA1403				x	x	x	x						x		x	x								x		x			
Các HP tự chọn (chọn 2/7)																														
E-Marketing	MAR1427				x	x		x						x		x	x								x		x			
Chính phủ điện tử	BSA1463				x	x		x						x		x	x								x		x			
Truyền thông thương hiệu trong môi trường trực tuyến	BSA1462				x	x		x						x		x	x								x		x			
Thương mại di động	BSA1461				x	x		x						x		x	x								x		x			
Quản trị rủi ro	BSA1469				x	x		x						x		x	x								x		x			
Quản trị chất lượng	BSA1324				x	x		x						x		x	x								x		x			
Quản trị đổi mới sáng tạo	BSA1468				x	x		x						x		x	x								x		x			

HP và mã HP		Chuẩn đầu ra PLOs																											
		Kiến thức									Kỹ năng										Tự chủ tự chịu TN				Hành vi đạo đức			Trình độ NN		
											Kỹ năng chuyên môn						Kỹ năm mềm													
		1	2	3	4	5	6a	6b	6c	6d	7	8	9a	9b	9c	9d	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
Chuyên ngành Quản trị Logistics																													
Quản trị doanh nghiệp	BSA1427				x	x			x		x	x			x							x	x	x	x	x				
Quản trị Logistics	BSA1471				x	x			x		x	x			x							x	x	x	x	x				
Quản trị vận chuyển và giao nhận	BSA1472				x	x			x		x	x			x							x	x	x	x	x				
Quản trị dự trữ	BSA1473				x	x			x		x	x			x							x	x	x	x	x				
Quản trị mua và nguồn cung ứng	BSA1474				x	x			x		x	x			x							x	x	x	x	x				
Chuyên đề Quản trị Logistics	BSA1475				x	x			x		x	x			x							x	x	x	x	x				
Các HP tự chọn (chọn 2/7)																													
Quản trị hệ thống thông tin Logistics	BSA1476				x	x			x		x	x			x							x	x	x	x	x				
Nghiệp vụ hải quan	BSA1477				x	x			x		x	x			x							x	x	x	x	x				
Chính phủ điện tử	BSA1463				x	x			x		x	x			x							x	x	x	x	x				
Quản trị chất lượng	BSA1324				x	x			x		x	x			x							x	x	x	x	x				
Quản trị rủi ro	BSA1469				x	x			x		x	x			x							x	x	x	x	x				
Quản trị đổi mới sáng tạo	BSA1468				x	x			x		x	x			x							x	x	x	x	x				
Truyền thông thương hiệu trong môi trường trực tuyến	BSA1462																												
Chuyên ngành Quản trị Marketing																													
Quản trị marketing	MAR1424				x	x			x	x	x	x				x						x	x	x	x	x				
Marketing dịch vụ	MAR1425				x	x			x	x	x	x				x						x	x	x	x	x				
Marketing công nghiệp	MAR1426				x	x			x	x	x	x				x						x	x	x	x	x				
Nghiên cứu marketing	MAR1430				x	x			x	x	x	x				x						x	x	x	x	x				
Truyền thông marketing	MAR1431				x	x			x	x	x	x				x						x	x	x	x	x				
E- Marketing	MAR1427				x	x			x	x	x	x				x						x	x	x	x	x				
Chuyên đề	MAR1432																												
Các HP tự chọn (chọn 2/7)																													
Ứng dụng đa phương tiện trong kinh doanh	MAR1318				x	x			x	x	x	x				x						x	x	x	x	x				
Quản trị CSDL kinh doanh	MAR1312				x	x			x	x	x	x				x						x	x	x	x	x				
Truyền thông thương hiệu trong môi trường trực tuyến	BSA1462				x	x			x	x	x	x				x						x	x	x	x	x				
Quản trị chất lượng	BSA1324				x	x			x	x	x	x				x						x	x	x	x	x				
Quản trị rủi ro	BSA1469				x	x			x	x	x	x				x						x	x	x	x	x				
Marketing dịch vụ	MAR1425				x	x			x	x	x	x				x						x	x	x	x	x				
Quản trị đổi mới sáng tạo	BSA1468				x	x			x	x	x	x				x						x	x	x	x	x				
Thực tập và Tốt nghiệp		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Bảng 3. 10: Tổng hợp kết quả khảo sát các BLQ (Giảng viên, cựu SV, chuyên gia/nhà khoa học và doanh nghiệp) về CTDH ngành QTKD năm 2019 và năm 2021

TT	Nội dung khảo sát	Năm	Rất đồng ý	Đồng ý	Không ý kiến	Không đồng ý	Rất không đồng ý
1	CTDH đã được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm	2019	28 (85%)	5 (15%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
		2021	30 (86%)	4 (11%)	1 (3%)	0 (0%)	0 (0%)
2	Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy học tập, phương pháp KTĐG KQHT của người học của 100% các HP trong CTDH đã phù hợp và đã góp phần đạt CĐR	2019	27 (82%)	6 (18%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
		2021	29 (83%)	5 (14%)	1 (3%)	0 (0%)	0 (0%)
3	CTDH có 100% các HP trong đã tương thích về nội dung và đã thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi HP nhằm đạt được CĐR	2019	27 (82%)	5 (15%)	1 (3%)	0 (0%)	0 (0%)
		2021	30 (86%)	3 (8%)	2 (6%)	0 (0%)	0 (0%)
4	CTDH có 100% các HP đã được xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, đã có phương pháp KTĐG phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt CĐR và được bố trí hợp lý	2019	28 (85%)	5 (15%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
		2021	29 (83%)	5 (14%)	1 (3%)	0 (0%)	0 (0%)
5	Nội dung các HP trong CTDH đã thể hiện được việc đạt được CĐR và định kỳ đã được lấy ý kiến phản hồi của các BLQ	2019	25 (76%)	8 (24%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
		2021	30 (86%)	4 (11%)	1 (3%)	0 (0%)	0 (0%)
6	CTDH có các HP được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các HP đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đã đảm bảo CTDH trở thành một khối thống nhất	2019	27 (82%)	5 (15%)	1 (3%)	0 (0%)	0 (0%)
		2021	30 (86%)	3 (8%)	2 (6%)	0 (0%)	0 (0%)
7	CTDH đã được rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật; khi điều chỉnh, có tham khảo CTĐT tiên tiến trong nước hoặc quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp	2019	27 (82%)	5 (15%)	1 (3%)	0 (0%)	0 (0%)
		2021	30 (86%)	3 (8%)	2 (6%)	0 (0%)	0 (0%)
8	Khoa/bộ môn, giảng viên xây dựng hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR; giảng viên hướng dẫn người học sử dụng các	2019	28 (85%)	5 (15%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)

TT	Nội dung khảo sát	Năm	Rất đồng ý	Đồng ý	Không ý kiến	Không đồng ý	Rất không đồng ý
	hoạt động học tập phù hợp để chủ động tiếp thu kiến thức nhằm đạt được CĐR; giảng viên/người học hài lòng với các hoạt động dạy và học/các phương pháp dạy và học được sử dụng	2021	30 (86%)	4 (11%)	1 (3%)	0 (0%)	0 (0%)
9	CTDH có 100% ĐCCT các HP đã mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm; nhấn mạnh đến hoạt động tự học/tự nghiên cứu nhằm hướng tới việc nâng cao khả năng học tập suốt đời.	2019	28 (85%)	5 (15%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
		2021	30 (86%)	4 (11%)	1 (3%)	0 (0%)	0 (0%)
10	Các hoạt động/phương pháp KTĐG KQHT của người học được thiết kế phù hợp để đo lường mức độ đạt CĐR, đảm bảo độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng	2019	25 (76%)	8 (24%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
		2021	29 (83%)	5 (14%)	1 (3%)	0 (0%)	0 (0%)

Nguồn tổng hợp từ Báo cáo khảo sát các BLQ của Khoa QTKD về CTDH

Bảng 6. 1: Thành tích thi đua và khen thưởng của GV Khoa QTKD.

Năm	Giấy khen của GĐHV	Giấy khen của BTT&TT	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Chiến sĩ thi đua cấp bộ
2018	2	0	5	1
2019	1	1	2	0
2020	1	0	2	0
2021	1	1	2	0
2022	1	1	2	0
Tổng	**6**	**3**	**13**	**1**

Bảng 6. 2: Bảng thống kê số lượng đề tài nghiên cứu các cấp giai đoạn 2017 - 2022 do Giảng viên Khoa QTKD thực hiện

TT	Phân loại đề tài	Năm học					Tổng
		2018	*2019*	*2020*	*2021*	*2022*	
1	Đề tài cấp NN	0	0	0	0	0	**0**
2	Đề tài cấp Bộ và tương đương	0	0	0	0	0	**0**
3	Đề tài cấp Học viện	**25**	**28**	**22**	**31**	**27**	**133**

Bảng 6. 3: Bảng thống kê số lượng bài báo được công bố giai đoạn 2017 - 2022 do giảng viên Khoa QTKD thực hiện

TT	Phân loại	Năm học					Tổng
		2018	*2019*	*2020*	*2021*	*2022*	
1	Bài báo trong nước	25	25	20	18	17	**105**
2	Bài báo quốc tế	5	8	7	9	4	**33**
	Bài ISI/Scorpus				*4*	*4*	***8***
Tổng		**30**	**33**	**27**	**27**	**21**	**138**

Bảng 6. 4: Bảng thống kê số lượng bài báo được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus 2017 - 2022 do GV Khoa QTKD thực hiện.

STT	Năm học	ISI/Scopus	Q2	Ghi chú
1	2018	0	0	
2	2019	0	0	
3	2020	0	0	
4	2021	4	4	
5	2022	4	4	
Tổng		**8**	**8**	

Bảng 7. 1: Danh sách nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác

Nhân viên	Trình độ cao nhất đạt được				Tổng số
	Trung cấp	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	
Nhân viên Thư viện	0	6	0	0	**6**
Nhân viên phòng TNTH	2	3	0	0	**5**
Trợ lý Khoa TCKT	0	1	1	0	**2**
Nhân viên CNTT	0	4	0	0	**4**
Nhân viên hành chính	23	18	1	0	**42**
Nhân viên hỗ trợ người học (Trung tâm 1 cửa, Trạm y tế, TTDV, các đơn vị chức năng có liên quan đến việc hỗ trợ SV, ...)	7	4	2	0	**13**

Nhân viên	Trình độ cao nhất đạt được				Tổng số
	Trung cấp	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	
Tổng số	32	36	4	0	72

** Ghi chú: Trình độ trung cấp là lái xe, trực KTX, giảng đường.*

Bảng 8. 1: Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT các ngành, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy)

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển
2016-2017	584	206	2,83	197	BVH: 21,00 BVS: 19,75	21,18
2017-2018	2.210	233	9,48	221	BVH: 21,50 TTNV ≤ 3 BVS: 20,50 TTNV ≤ 3	22,12
2018-2019		255	0,00	246	BVH: 19,65 TTNV ≤ 2 BVS: 18,20 TTNV ≤ 9	19,73
2019-2020	4.644	279	16,65	268	BVH: 21,65 TTNV = 1 BVS: 19,70 TTNV ≤ 3	21,55
2020-2021	3.357	218	15,40	214	BVH: 24,60 TTNV ≤ 2 BVS: 23,50 TTNV ≤ 6	24,78
2021-2022	6.897	239	28,86	234	BVH: 25,90 TTNV ≤ 4 BVS: 25,00 TTNV ≤ 11	25,94

Bảng 8. 2: Mức kinh phí cấp bù hàng năm

TT	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Số tiền cấp bù (VNĐ)	338.582.000	348.364.000	373.216.350	360.087.780	307.757.320

Bảng 8. 3: Kết quả khen thưởng SV ngành QTKD giai đoạn 2017-2022

TT	Ngành QTKD	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
1	Số SV được khen thưởng	31	22	25	41	51
2	Số tiền khen thưởng (đồng)	4.116.273	3.460.093	5.369.897	9.073.512	10.792.147

Bảng 8. 4: Tỷ lệ có việc làm sau 6-12 tháng của SV ngành QTKD

Năm	2017	2018	2019	2020	2021
Tỷ lệ %	91,20	91,18	90,0	92,68	92,72

Bảng 10. 1: Các đề tài NCKH ứng dụng vào hoạt động giảng dạy CTĐT ngành QTKD .

STT	Tên đề tài	Năm	Chủ trì	Triển khai đào tạo
	Khoa QTKD 1			
1.	Phát triển dịch vụ logistics của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	2017	PGS.TS Nguyễn Thị Minh An	Hệ thống thông tin quản lý
2.	Xu hướng phát triển các loại hình giao dịch thương mại điện tử trên thế giới và một số khuyến nghị cho Việt Nam.	2017	TS. Trần Thị Thập	TMĐT
3.	Ứng dụng Thẻ điểm cân bằng tại Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông VNPT – Vinaphone.	2017	Th.S Lê Thị Ngọc Diệp	QT Doanh nghiệp. QT Chiến lược, QT học
4.	Phân tích chiến lược cạnh tranh của tổng công ty Bưu điện Việt Nam.	2017	Th.S Lê Thị Bích Ngọc	Quản trị Chiến lược, Quản trị học
5.	Nghiên cứu phát triển các gói dịch vụ cho tổng công ty Bưu điện Việt Nam	2017	TS. Trần Thị Hòa	Quản trị DN, TCSX trong DN
6.	Nghiên cứu thực trạng và xu hướng phát triển thị trường Viễn Thông Việt Nam	2017	TS. Vũ Trọng Phong	QT chiến lược
7.	Phát triển thương mại điện tử tại Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	2018	PGS.TS Nguyễn Thị Minh An	TMĐT
8.	Phát triển thương mại điện tử trong các doanh nghiệp kinh doanh bán lẻ tại Việt Nam	2018	TS. Trần Thị Thập	TMĐT

STT	Tên đề tài	Năm	Chủ trì	Triển khai đào tạo
9.	Nghiên cứu sự tham gia của các nhà quản trị trong ứng dụng Thẻ điểm cân bằng tại Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông.	2018	Th.S Lê Thị Ngọc Diệp	QT Doanh nghiệp. QT Chiến lược, QT học
10.	Nghiên cứu mô hình bán hàng đa kênh ứng dụng vào các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh đồ uống tại Việt Nam	2018	Th.S Lê Thị Bích Ngọc	QT bán hàng
11.	CMCN 4.0 và đề xuất đối với hoạt động GDĐH của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	2019	PGS.TS Nguyễn Thị Minh An	PPL NCKH
12.	Nghiên cứu sự tham gia của các cơ sở đào tạo đại học vào hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Start-up) tại Việt Nam.	2019	TS. Trần Thị Thập	Khởi sự kinh doanh
13.	Nghiên cứu phát triển nguồn nhân lực logistics cho Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	2019	TS. Trần Thị Hòa	QT Nhân lực
	Khoa QTKD 2			
14.	Giải pháp ứng dụng lý thuyết Tâm lý trong Đàm phán Kinh doanh trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh	2018	Th.S. Phạm Mỹ Hạnh	Làm tài liệu trong môn Đàm phán kinh doanh
15.	Các nhân tố tác động đến ý định khởi sự doanh nghiệp của sinh viên tại TP. HCM - Sinh viên Khối ngành Kỹ thuật	2019	TS. Hồ Thị Sáng	Làm tài liệu giảng dạy môn Khởi sự kinh doanh
16.	Tổng quan về công tác quản trị chuỗi cung ứng Công ty sản xuất tại khu vực Tp. Hồ Chí Minh	2019	TS. Nguyễn Văn Phước	Làm tài liệu giảng dạy các môn chuyên ngành Quản trị liên quan tới chuỗi cung ứng như môn Tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp, Quản trị doanh nghiệp , Quản trị kinh doanh quốc tế
17.	Đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng ISO 14000, những lợi ích và tồn tại cho các doanh nghiệp tại TP Hồ Chí Minh	2020	ThS. Đỗ Như Lực	Sử dụng làm tài liệu giảng dạy môn Quản trị Chất lượng, và các môn chuyên ngành Quản trị khác

STT	Tên đề tài	Năm	Chủ trì	Triển khai đào tạo
18.	Tác động của quảng cáo lên ý định sử dụng dịch vụ internet của khách hàng cá nhân tại TP Hồ Chí Minh	2021	TS. Trương Đức Nga	Sử dụng làm tài liệu giảng dạy các môn Marketing căn bản, Quản trị Marketing và các môn liên quan đến Marketing

Bảng 11. 1: Tỷ lệ SV các ngành QTKD thôi học, nghỉ học theo năm học

Năm học	Tổng số SV	Số SV thôi học	Tỉ lệ (%)
2017 - 2018	197	39	3,44
2018 - 2019	221	28	3,12
2019 - 2020	246	33	3,42
2020 - 2021	268	28	2,54
2021 - 2022	214	22	3,27

Bảng 11. 2: Tỷ lệ tốt nghiệp của SV ngành QTKD giai đoạn 2017 - 2021

Năm tốt nghiệp	2017	2018	2019	2020	2021
Tỷ lệ (%)	88,0	79, 0	67,0	47,0	40,0

(Nguồn báo cáo tình hình tốt nghiệp của SV hệ ĐHCQ ngày 07/09/2022)

Bảng 11. 3: Đối sánh tỉ lệ SV thôi học giữa ngành QTKD với các ngành đào tạo khác của Học viện

Ngành	Tỉ lệ thôi học theo năm học (%)						
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	Trung bình
QTKD	4,08	2,67	3,79	2,54	2,99	1,30	2,66
Kế toán	2,54	0,94	0,88	1,38	1,24	2,20	1,33
Marketing	3,35	1,71	2,51	1,47	0,76	2,97	1,88
Thương mại điện tử	-	-	0,00	0,00	0,00	0,81	0,16
Truyền thông ĐPT	5,11	2,18	1,75	0,75	1,78	2,66	1,82
Công nghệ ĐPT	2,91	1,83	2,31	2,60	1,42	2,74	2,18

Ngành	Tỉ lệ thôi học theo năm học (%)						
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	Trung bình
An toàn thông tin	2,75	1,75	2,76	2,06	0,93	3,33	2,17
Công nghệ thông tin	3,71	0,59	2,97	1,69	0,93	2,38	1,71
Kỹ thuật ĐTVT	3,47	1,43	2,88	1,73	1,32	3,05	2,08
CNKT Điện, Điện tử	2,30	2,45	3,02	2,71	1,51	4,14	2,77

Bảng 11. 4: Đối sánh tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn của các ngành trong Học viện

Cơ sở Giáo dục	2017		2018		2018		2020		2021		TB	
	TN	*TH*	*TN*	*TH*	*TN*	*TH*	*TN*	*TH*	*TN*	*TH*	*TN*	*TH*
Học viện CNBCVT	91,25	3,95	86,24	3,45	86,9	3,56	90,87	3,46	92,3	2,18	89,51	3,32
ĐH Công đoàn	90,54	8,9	98,65	10,2	84,53	12,6	84,68	18,42	83,5	16,64	88,38	13,35
Học viện Hàng không VN	82,25	7,35	78,85	6,58	74,35	15,85	76,36	17,65	75,12	15,92	77,39	12,67
ĐH Cần Thơ	90,05	3,8	76,95	8,15	93,8	1,96	97,8	10,68	88,54	8,78	89,43	6,67

Bảng 11. 5: Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành QTKD theo khóa học giai đoạn 2027-2021

Năm học	2013-2017	2014-2018	2015-2019	2016-2020	2017-2021	Trung bình
Tỷ lệ (%)	4,20	4,03	4,13	4,24	4,06	**4,13**

Bảng 11. 6: Đối sánh tỉ lệ SV thôi học giữa ngành QTKD với các ngành đào tạo khác của Học viện

Ngành	Tỉ lệ thôi học theo năm học (%)						
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	Trung bình
QTKD	4,08	2,67	3,79	2,54	2,99	1,30	2,66
Kế toán	2,54	0,94	0,88	1,38	1,24	2,20	1,33
Marketing	3,35	1,71	2,51	1,47	0,76	2,97	1,88
Thương mại điện tử	-	-	0,00	0,00	0,00	0,81	0,16
Truyền thông ĐPT	5,11	2,18	1,75	0,75	1,78	2,66	1,82

Ngành	Tỉ lệ thôi học theo năm học (%)						
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	Trung bình
Công nghệ ĐPT	2,91	1,83	2,31	2,60	1,42	2,74	2,18
An toàn thông tin	2,75	1,75	2,76	2,06	0,93	3,33	2,17
Công nghệ thông tin	3,71	0,59	2,97	1,69	0,93	2,38	1,71
Kỹ thuật ĐTVT	3,47	1,43	2,88	1,73	1,32	3,05	2,08
CNKT Điện, Điện tử	2,30	2,45	3,02	2,71	1,51	4,14	2,77

(Nguồn: Tổng hợp của phòng Giáo vụ)

Bảng 11. 7: Đối sánh tỉ lệ SV tốt nghiệp (TN) và thôi học (TH) giữa ngành QTKD của Học viện với ngành QTKD của các trường đại học khác (đơn vị tính %).

Cơ sở Giáo dục	2017		2018		2018		2020		2021		TB	
	TN	*TH*	*TN*	*TH*	*TN*	*TH*	*TN*	*TH*	*TN*	*TH*	*TN*	*TH*
Học viện CNBCVT	91,25	3,95	86,24	3,45	86,9	3,56	90,87	3,46	92,3	2,18	89,51	3,32
ĐH Công đoàn	90,54	8,9	98,65	10,2	84,53	12,6	84,68	18,42	83,5	16,64	88,38	13,35
Học viện Hàng không VN	82,25	7,35	78,85	6,58	74,35	15,85	76,36	17,65	75,12	15,92	77,39	12,67
ĐH Cần Thơ	90,05	3,8	76,95	8,15	93,8	1,96	97,8	10,68	88,54	8,78	89,43	6,67

Bảng 11. 8: Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình giữa ngành QTKD của Học viện với một số ngành đào tạo khác trong Học viện

TT	Năm nhập học	Năm tốt nghiệp	Khóa nhập học	Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm) các ngành						
				CNTT	KTĐTVT	ATTT	Kế toán	CNKT Đ-ĐT	QTKD	Marketing
1	2012	2017	2012	5,09	5,20	4,7	4,2	4,7	4,3	
2	2013	2018	2013	5,02	5,03	4,65	4,2	4,6	4,4	4,3

TT	Năm nhập học	Năm tốt nghiệp	Khóa nhập học	Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm) các ngành						
				CNTT	KTĐTVT	ATTT	Kế toán	CNKT Đ-ĐT	QTKD	Marketing
3	2014	2019	2014	4,92	4,93	4,69	4,5	5,1	4,8	4,4
4	2015	2020	2015	4,94	4,93	4,62	5,5	5,1	5,6	5,1
5	2016	2021	2016	4,86	4,94	4,54	4,4	5,0	5,1	4,9
6	2017	2022	2017				4,4	4,5	4,6	4,3

(Nguồn: Tổng hợp của phòng Giáo vụ)

Bảng 11. 9: Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình giữa ngành QTKD của Học viện với với ngành QTKD của các trường đại học khác

Trường	*Khóa học*					*Trung bình*
	2014-2018	2015-2019	2016-2020	2017-2021	2018-2022	
Học viện CNBCVT	*4,20*	*4,03*	*4,13*	*4,24*	*4,06*	*4,13*
Đại học Cần Thơ	4,10	4,70	4,40	4,20	4,10	**4,30**
Đại học Sao Đỏ	4,04	4,03	4,06	4,04	4,00	**4,03**
Học viện Hàng không Việt Nam	4,19	4,20	4,32	4,00	4,23	**4,19**

Bảng 11. 10: Tỉ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp 1 năm của ngành QTKD

Năm tốt nghiệp	Tỷ lệ phản hồi (%)	Tỷ lệ có việc làm (%)	Đúng ngành (%)	Liên quan ngành (%)	Không đúng ngành, %	Khu vực làm việc (Tỷ lệ %)			
						Cơ sở nhà nước	Cơ sở Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài
Năm 2017	88,17	96,28	86,16	0,59	13,25	21,26	62,03	3,32	13,39
Năm 2018	92,24	95,25	87,12	0,94	11,94	14,07	53,27	5,27	27,39
Năm 2019	76,50	93,58	83,74	1,79	16,47	14,66	65,45	4,14	15,75
Năm 2020	90,22	93,54	78,45	9,53	12,02	11,25	68,04	3,32	17,39

Năm tốt nghiệp	Tỷ lệ phản hồi (%)	Tỷ lệ có việc làm (%)	Đúng ngành (%)	Liên quan ngành (%)	Không đúng ngành, %	Khu vực làm việc (Tỷ lệ %)			
						Cơ sở nhà nước	Cơ sở Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài
Năm 2021	96,12	100	84,43	6,82	8,75	16,94	67,74	1,21	14,11

Bảng 11. 11: Tỷ lệ thu nhập bình quân trong tháng của SV ngành QTKD

Năm	Thu nhập bình quân dưới 5 triệu	Thu nhập bình quân từ 5-15 triệu	Trên 15 triệu
2017	4,40%	86%	9,60%
2018	7,76%	87,52%	5%
2019	7,60%	87%	5,20%
2020	6,32%	81,28%	12,40%
2021	5,50%	79,50%	15%

Bảng 11. 12: Đối sánh tỷ lệ SV có việc làm ngành QTKD với các ngành đào tạo khác tại Học viện.

Ngành đào tạo	Tỷ lệ SV có việc làm (%)				
	2017	2018	2019	2020	2021
QTKD	94,50	90,58	92,35	95,15	94,29
Kế toán	95,17	93,54	93,58	96,28	95,23
Marketing	88,78	96,37	94,16	91,74	92,34
Công nghệ thông tin	98,67	93,54	93,58	96,28	95,25
Kỹ thuật Điện tử viễn thông	88,14	87,62	91,49	94,02	93,33
Công nghệ Kỹ thuật Điện điện tử	85,66	89,72	88,24	92,66	93,29

Bảng 11. 13: Đối sánh tỷ lệ SVTN có việc làm CTĐT ngành QTKD với cùng ngành QTKD của các trường đại học khác

Cơ sở giáo dục	Tỷ lệ SV có việc làm (%)					
	2018	2019	2020	2021	2022	Trung bình
Học viện Công nghệ BCVT	94,50	90,58	92,35	95,15	94,29	93,37

Cơ sở giáo dục	Tỷ lệ SV có việc làm (%)					
	2018	2019	2020	2021	2022	Trung bình
Đại học Cần Thơ	95,29	94,52	96,68	98,21	97,75	96,49
Học viện Hàng không Việt Nam	97,26	93,35	87,00	90,58	93,85	92,40

Bảng 11. 14: Đối sánh số lượng đề tài, số SV tham gia NCKH của SV CTĐT ngành QTKD với các ngành đào tạo khác của Học viện

Năm	Ngành đào tạo					
	Kế toán		Quản trị kinh doanh		Marketing	
	Đề tài	*SV tham gia*	*Đề tài*	*SV tham gia*	*Đề tài*	*SV tham gia*
2018	24	46	17	40	16	26
2019	20	24	10	35	9	15
2020	8	77	10	22	8	35
2021	24	34	13	31	25	65
2022	10	32	23	48	35	59
Tổng	**86**	**213**	**73**	**176**	**93**	**200**

Bảng 11. 15: Đối sánh tỷ lệ % số lượng SV ngành QTKD của Học viện tham gia NCKH với ngành QTKD của các trường đại học khác (tỷ lệ SV/ĐT)

TT	Cơ sở giáo dục	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	Trung bình
1	Học viện CN BCVT	1,52	1,26	1,1	1,9	2,26	1,60
2	Đại học Cần Thơ	1,48	1,30	1,1	1,8	2,45	1,62
3	Học viện Hàng không Việt Nam	0,23	2,99	2,29	1,75	2,23	2,23

Nguồn dữ liệu báo cáo TĐG CTĐT được công bố trên website của các trường đại học.

Phụ lục 3: Danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình Tự đánh giá và viết Báo cáo Tự đánh giá *(Kèm theo quyển Danh mục minh chứng)*